

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN HẠNH

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG
PHÁT TRIỂN MỘT SỐ KỸ NĂNG CHO TRẺ MẦM NON
4-5 TUỔI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN VĂN HẠNH

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG
PHÁT TRIỂN MỘT SỐ KỸ NĂNG CHO TRẺ MẦM NON
4-5 TUỔI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngành: Giáo dục học

Mã số: 9140101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ GIÁO DỤC HỌC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS Lưu Thiên Sương

2. PGS. TS Trịnh Hữu Lộc

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực, khách quan và chưa có ai công bố trong bất kì một công trình nghiên cứu nào khác.

Tác giả luận án

Trần Văn Hạnh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

Danh mục từ, thuật ngữ viết tắt và kí tự đo lường

Danh mục các bảng

Danh mục các biểu đồ

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	7
1.1. Cơ sở lý luận trò chơi vận động của trẻ 4 – 5 tuổi	7
1.1.1. Khái niệm trò chơi vận động	7
1.1.2. Đặc điểm trò chơi vận động.....	7
1.1.3. Phân loại trò chơi vận động	9
1.1.4. Cấu trúc trò chơi vận động	10
1.1.5. Cách thức tổ chức trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi.....	11
1.1.6. Khái niệm trò chơi vận động phát triển kĩ năng	17
1.1.7. Vai trò của trò chơi vận động đối với việc phát triển kĩ năng cho trẻ 4 – 5 tuổi	19
1.2. Cơ sở lý luận về kĩ năng	22
1.2.1. Khái niệm kĩ năng.....	22
1.2.2. Cấu trúc của kĩ năng	24
1.2.3. Kĩ năng vận động cơ bản	25
1.2.4. Kĩ năng xã hội.....	33
1.3. Đặc điểm tâm, sinh lý và phát triển vận động của trẻ 4 - 5 tuổi.....	42
1.3.1. Đặc điểm tâm lý của trẻ 4 – 5 tuổi.....	42
1.3.2. Đặc điểm sinh lý của trẻ 4 - 5 tuổi.....	43
1.3.3. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ 4 – 5 tuổi.....	46
1.4. Đặc điểm giáo dục mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh	47
1.5. Các công trình nghiên cứu liên quan.....	48
1.5.1. Những nghiên cứu về trò chơi và trò chơi vận động cho trẻ	48
1.5.2. Những nghiên cứu về kĩ năng cho trẻ.....	54

Chương 2: ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU.....	58
2.1. Đối tượng nghiên cứu.....	58
2.1.1. Đối tượng nghiên cứu	58
2.1.2. Khách thể nghiên cứu:	58
2.2. Phương pháp nghiên cứu	58
2.2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu	58
2.2.2. Phương pháp chọn mẫu	59
2.2.3. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi	61
2.2.4. Phương pháp chuyên gia	63
2.2.6. Phương pháp thực nghiệm sư phạm	63
2.2.7. Phương pháp kiểm tra sư phạm	65
2.2.8. Phương pháp toán thống kê	69
2.3. Tổ chức nghiên cứu	72
2.4. Địa điểm nghiên cứu.....	72
Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.....	74
3.1. Đánh giá thực trạng việc ứng dụng trò chơi vận động và một số kĩ năng của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	74
3.1.1. Lựa chọn các tiêu chí đánh giá một số kĩ năng của trẻ 4 - 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	74
3.1.2. Thực trạng ứng dụng các trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	89
3.1.3. Các điều kiện cần thiết để ứng dụng trò chơi vận động có hiệu quả trong việc phát triển kĩ năng vận động cơ bản và kĩ năng xã hội cho trẻ 4 – 5 tuổi.....	94
3.1.4. Thực trạng các điều kiện đảm bảo công tác giảng dạy về chương trình, phương pháp giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy	95
3.1.5. Thực trạng thể lực trẻ 4-5 tuổi tại các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	100
3.1.6. Bàn luận về thực trạng việc ứng dụng trò chơi vận động và một số kĩ năng của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	106
3.2. Lựa chọn trò chơi vận động phát triển một số kĩ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố	

Hồ Chí Minh.....	109
3.2.1. Lựa chọn trò chơi vận động phù hợp nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	109
3.2.2. Đánh giá, kiểm nghiệm và điều chỉnh trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	113
3.2.3. Chuẩn hóa và mô tả các trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	114
3.2.4. Thiết kế chương trình, tiến trình, giáo án thực nghiệm các trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	117
3.2.5. Bàn luận về lựa chọn trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	122
3.3. Đánh giá hiệu quả ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	124
3.3.1. Lựa chọn và mô tả mẫu thực nghiệm	124
3.3.2. Kiểm định, đánh giá trước thực nghiệm	125
3.3.3. Tổ chức và giám sát quá trình thực nghiệm.....	127
3.3.4. Kiểm định, đánh giá sau thực nghiệm	128
3.3.5. So sánh và phân tích kết quả và rút ra kết luận	141
3.3.6. Bàn luận về hiệu quả các trò chơi vận động nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.....	146
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	149
A. KẾT LUẬN.....	149
B. KIẾN NGHỊ	150
Danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả đã công bố có liên quan đến luận án	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ, THUẬT NGỮ VIẾT TẮT VÀ KÍ TỰ ĐO LƯỜNG

Cán bộ quản lý	:	CBQL
Điểm trung bình	:	ĐTB
Đối chứng	:	ĐC
Giáo dục	:	GD
Giáo dục thể chất	:	GDTC
Giáo viên	:	GV
Giáo viên mầm non	:	GVMN
Giáo dục mầm non	:	GDMN
Kĩ năng	:	KN
Kĩ năng xã hội	:	KNXH
Kĩ năng vận động cơ bản	:	KNVĐCB
Mầm non	:	MN
Thành phố	:	TP
Thể dục Thể thao	:	TDTT
Thể dục	:	TD
Thực nghiệm	:	TN
Trung bình	:	TB
Trò chơi vận động	:	TCVD
Trước thực nghiệm	:	TTN
Tổ chất thể lực	:	TCTL
Sau thực nghiệm	:	STN
Xã hội	:	XH
Centimét	:	cm
Mét	:	m

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số bảng	Tên bảng	Trang
1.1	Kĩ năng vận động của trẻ phát triển theo độ tuổi	30
1.2	Tổng hợp các tiêu chí đánh giá KNVĐCB trẻ 4-5 tuổi	Sau trang 32
1.3	Tổng hợp các tiêu chí đánh giá KNXH trẻ 4-5 tuổi	Sau trang 40
2.1	Bảng các mức độ khảo sát thực trạng ứng dụng TCVĐ phát triển KNCĐCB, KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh	62
3.1	Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	Sau trang 75
3.2	Kiểm định độ tin cậy các test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	76
3.3	Kết quả phân tích EFA về tính phù hợp của nhân tố	77
3.4	Kết quả các test đánh giá KNVĐCB cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	78
3.5	Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo đánh giá các KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi	79
3.6	Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo đánh giá KNXH trực tiếp với trẻ 4 – 5 tuổi	79
3.7	Kết quả phân tích nhân tố EFA KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi	80
3.8	Kết quả phân tích EFA các biến thuộc thang đo đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi	81
3.9	Thực trạng kĩ năng vận động cơ bản của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	82
3.10	Kết quả đánh giá thực trạng KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	Sau trang 86

3.11	Thực trạng nhận thức của CBQL và GVMN về sự cần thiết của TCVĐ đối với trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	89
3.12	Thực trạng nhận thức của CBQL và GVMN về mức độ ứng dụng TCVĐ cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	90
3.13	Thực trạng mục đích ứng dụng TCVĐ trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	91
3.14	Vai trò của TCVĐ đối với sự phát triển KNVĐCB và KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	92
3.15	Thời điểm ứng dụng TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi trong các hoạt động giáo dục tại trường mầm non	92
3.16	Những khó khăn khi ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi	93
3.17	Các điều kiện cần thiết để ứng dụng trò chơi vận động có hiệu quả trong việc phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi	95
3.18	Thực trạng đội ngũ giáo viên ở một số trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sau trang 97
3.19	Thực trạng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ cho tổ chức trò chơi vận động	99
3.20	Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá thể lực cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	Sau trang 101
3.21	Kiểm định độ tin cậy các test đánh giá thể lực cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	102
3.22	Thực trạng thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi tại các trường ở Thành phố Hồ Chí Minh	103
3.23	Thực trạng thể lực của trẻ nam và trẻ nữ mầm non 4 – 5 tuổi tại các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh	104

3.24	Kết quả lựa chọn trò chơi vận động phù hợp phát triển một số KNcho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (lần 1)	Sau trang 113
3.25	Kết quả lựa chọn trò chơi vận động phù hợp phát triển một số KNcho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (lần 2)	Sau trang 113
3.26	Kết quả kiểm định lựa chọn trò chơi vận động phù hợp phát triển một số KNcho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	Sau trang 113
3.27	Ma trận mục tiêu phát triển KNtheo trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	Sau trang 116
3.28	Chương trình thực nghiệm	Sau trang 118
3.29	Tiến trình thực nghiệm các trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh	Sau trang 118
3.30	Kết quả so sánh KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh trước thực nghiệm	Sau trang 125
3.31	Kết quả so sánh KNXH của trẻ 4-5 tuổi ở nhóm TN và nhóm ĐC tại Thành phố Hồ Chí Minh trước thực nghiệm	Sau trang 125
3.32	Kết quả so sánh thể lực của trẻ 4-5 tuổi ở nhóm TN và nhóm ĐC tại Thành phố Hồ Chí Minh trước thực nghiệm	Sau trang 126
3.33	So sánh về KNVĐCB ở nhóm TN sau thực nghiệm	128
3.34	So sánh về KNVĐCB trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN	128
3.35	So sánh về KNVĐCB trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN	129
3.36	So sánh về KNVĐCB ở nhóm ĐC sau thực nghiệm	130
3.37	So sánh về KNVĐCB trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN	130
3.38	So sánh về KNVĐCB trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN	131
3.39	So sánh về KNXH ở nhóm TN sau thực nghiệm	133
3.40	So sánh về KNXH của trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN	134
3.41	So sánh về KNXH của trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN	134
3.42	So sánh về KNXH ở nhóm ĐC sau thực nghiệm	135

3.43	So sánh về KNXH của trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN	135
3.44	So sánh về KNXH của trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN	136
3.45	So sánh về thể lực trẻ mầm non 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau TN	136
3.46	So sánh về thể lực trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN	137
3.47	So sánh về thể lực trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN	137
3.48	So sánh về thể lực ở nhóm ĐC sau thực nghiệm	138
3.49	So sánh về thể lực trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN	139
3.50	So sánh về thể lực trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau thực nghiệm	139
3.51	So sánh giá trị trung bình KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm	Sau trang 141
3.52	So sánh giá trị trung bình KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm	Sau trang 143
3.53	So sánh giá trị trung bình thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm	Sau trang 145

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Số biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
3.1	Mô hình CFA thang đo đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi	81
3.2	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm	129
3.3	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 -5 tuổi nhóm ĐC sau thực nghiệm	131
3.4	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 -5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm	132
3.5	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá KNVĐCB trẻ nam 4 -5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm	132
3.6	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá KNVĐCB trẻ nữ 4 -5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm	132
3.7	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá thể lực trẻ 4-5 tuổi nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm	138
3.8	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá thể lực trẻ 4-5 tuổi nhóm đối chứng sau thực nghiệm	140
3.9	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá thể lực giữa trẻ 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm	140
3.10	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá thể lực giữa trẻ nam 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm	141
3.11	So sánh nhịp tăng trưởng thành tích các test đánh giá thể lực giữa trẻ nữ 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm	141

MỞ ĐẦU

Theo số liệu thống kê của UNICEF, trên thế giới có ít nhất 40 triệu trẻ em trong độ tuổi mầm non. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2020 – 2021 quy mô giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông là gần 23 triệu học sinh, trong đó trẻ mầm non khoảng 5,4 triệu trẻ em, trong đó hơn 330 ngàn trẻ em đang học tập tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trẻ em là những chủ nhân tương lai, là nguồn nhân lực của mỗi quốc gia. Bởi vậy, quan tâm, chăm sóc trẻ em luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu trong chiến lược phát triển con người. Để có những công dân tốt, đáp ứng được nhu cầu phát triển của đất nước, ngay từ nhỏ trẻ em phải được nuôi dưỡng, chăm sóc thật tốt để đảm bảo phát triển về sức khỏe, trí tuệ, tình cảm và hành vi. Điều này thể hiện rõ trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đã nêu rõ mục tiêu: *“Đối với giáo dục mầm non, giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1”* [28].

Với mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời. Vì vậy, mục tiêu chương trình giáo dục mẫu giáo giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học [6].

Trong các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non, hoạt động giáo dục vận động đóng một vai trò quan trọng đối với việc phát triển toàn diện của trẻ. Trò chơi vận động được xem là phương tiện, là hình thức tổ chức hoạt động giáo dục hiệu quả cho trẻ. Trò chơi vận động có tác động đến nhiều nhóm cơ làm tăng cường quá trình trao đổi chất, làm thỏa mãn cảm xúc, đem lại sự vui sướng, tăng quá trình tuần hoàn, hô hấp của cơ thể trẻ; bên cạnh đó còn ảnh hưởng đến tính cách, khí chất của trẻ, thể hiện hành vi, tư cách đạo đức phải tuân theo quy tắc của trò chơi khi tham gia chơi, tạo cho trẻ khả năng

hình thành sự giúp đỡ lẫn nhau, tính trung thực, lòng dũng cảm, tính kiên trì,... ngoài ra còn góp phần phát triển ở trẻ những phẩm chất tư duy và ngôn ngữ.

Tuy nhiên thực tế cho thấy, phần lớn trẻ ở các thành phố lớn, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh do điều kiện cơ sở vật chất, diện tích sân chơi hạn chế, số trẻ trong một lớp học đông dẫn đến trẻ ít được vận động hoặc lượng vận động không đủ so với độ tuổi, làm cho trẻ bị giảm sức đề kháng trước sự thay đổi của các yếu tố ảnh hưởng đến cơ thể trẻ như thời tiết, khí hậu, vi khuẩn và dễ mắc bệnh truyền nhiễm gấp 3-5 lần so với trẻ vận động thường xuyên, đồng thời dẫn đến trẻ dễ mắc bệnh béo phì [97]

Bên cạnh đó, giai đoạn trẻ 4-5 tuổi là lứa tuổi thuận lợi đối với việc phát triển một số kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội. Ở độ tuổi này trẻ có nhu cầu vận động tăng cao, phạm vi hoạt động và giao tiếp được mở rộng, trẻ tích lũy được ngày càng nhiều vốn biểu tượng phong phú về thế giới xung quanh, độ nhạy cảm của các giác quan trong việc nhận biết, phân biệt đặc điểm của các sự vật, hiện tượng ngày càng trở nên chính xác và tinh nhạy hơn so với giai đoạn lứa tuổi trước. Đây cũng là giai đoạn trẻ bắt đầu phát triển thêm các mối quan hệ phức tạp với những người khác, hoạt động vui chơi của trẻ thường tập trung vào tổ chức các trò chơi liên quan đến các quy tắc và cấu trúc. Trẻ dần phát triển các kỹ năng làm việc và chơi hợp tác, chia sẻ, thay phiên nhau. Trẻ cũng đang đạt được khả năng đồng cảm với những người khác và bắt đầu hiểu rõ các khái niệm như sự tôn trọng, công bằng và bình đẳng. Ở lứa tuổi này, trẻ cũng đang bắt đầu áp dụng các kỹ năng và kiến thức mà chúng đã phát triển để tiếp cận với những kinh nghiệm mới, dự đoán kết quả và giải quyết các vấn đề mới.

Đặc biệt, độ tuổi này cần được trang bị những kỹ năng cần thiết để bản thân có thể thực hiện một loạt các nhiệm vụ tự chăm sóc cũng như phối hợp chơi với bạn đồng trang lứa để tự tin đối mặt với những kinh nghiệm và thách thức mới, các kỹ năng xã hội, các kỹ năng tự giúp đỡ bản thân, các kỹ năng về tư duy và giải quyết vấn đề [106]. Mặt khác, trẻ 4-5 tuổi đã bắt đầu hình thành trí nhớ có chủ định, các loại trí nhớ đều phát triển: trí nhớ hình ảnh, trí nhớ ngôn ngữ, trí nhớ vận động, ... Điều này giúp trẻ dễ dàng hơn trong việc ghi nhớ và thực hiện lại các thao tác hành động cụ thể để ứng phó với các tình huống trong các hoạt động chơi [58].

Hiện nay, phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ 4-5 tuổi đang được quan tâm và nhấn mạnh trong chương trình GDMN. Tuy nhiên, trên thực tế

quá trình phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ 4-5 tuổi vẫn chưa đạt hiệu quả như nhà trường, gia đình và xã hội mong đợi. Nguyên nhân có thể chưa thực sự chú trọng đến việc sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ, việc tổ chức trò chơi vận động còn nhiều hạn chế, thiếu môi trường khuyến khích trẻ tích cực tham gia trò chơi. Do vậy, kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội của trẻ có thể nói còn khá mờ nhạt và yếu.

Chính vì những lý do trên, chúng tôi lựa chọn ***“Nghiên cứu ứng dụng trò chơi vận động phát triển một số kỹ năng cho trẻ mầm non 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh”*** với mong muốn góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục mầm non và phát triển kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng xã hội cho trẻ ở trường mầm non hiện nay.

Mục đích nghiên cứu

Tìm hiểu và đánh giá hiệu quả ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Thông qua việc xác định các trò chơi vận động phù hợp và kiểm chứng tác động của chúng, nhằm đưa ra các giải pháp giáo dục thể chất hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non.

Mục tiêu nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu, luận án đã thực hiện 03 mục tiêu nghiên cứu sau đây:

Mục tiêu 1: Đánh giá thực trạng việc ứng dụng trò chơi vận động và một số kỹ năng của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lựa chọn tiêu chí và đánh giá thực trạng một số kỹ năng của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thực trạng ứng dụng các trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thực trạng các điều kiện đảm bảo công tác giảng dạy về chương trình, phương pháp giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.
- Thực trạng thể lực của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu 2: Lựa chọn trò chơi vận động phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lựa chọn trò chơi vận động phù hợp nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đánh giá, kiểm nghiệm và điều chỉnh trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chuẩn hóa và mô tả trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thiết kế chương trình, tiến trình, giáo án thực nghiệm các trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu 3: *Đánh giá hiệu quả ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.*

- Lựa chọn và mô tả mẫu thực nghiệm
- Kiểm định, đánh giá trước thực nghiệm
- Tổ chức và giám sát quá trình thực nghiệm.
- Kiểm định, đánh giá sau thực nghiệm.
- So sánh và phân tích kết quả và rút ra kết luận.

Giả thuyết nghiên cứu

- Việc tham gia vào các trò chơi vận động phù hợp có thể cải thiện đáng kể các kỹ năng vận động cơ bản (KNVĐCB) của trẻ 4-5 tuổi, bao gồm kỹ năng di chuyển, thăng bằng và phối hợp.

- Các trò chơi vận động phù hợp có thể giúp trẻ phát triển kỹ năng xã hội (KNXH) như giao tiếp, hợp tác, chia sẻ và giải quyết xung đột.

- Trẻ 4-5 tuổi tham gia thực nghiệm các trò chơi vận động (TCVĐ) được thiết kế phù hợp sẽ có sự phát triển vượt trội về KNVĐCB và KNXH so với nhóm trẻ đối chứng không tham gia hoặc tham gia không thường xuyên.

Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Giới hạn nội dung nghiên cứu:

Trong luận án này, nghiên cứu chỉ tập trung lựa chọn ứng dụng một số TCVĐ phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở trường mầm non trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục, cụ thể khi trẻ tham gia TCVĐ trong giờ hoạt động giáo dục thể chất (GDTC) và hoạt động vui chơi ngoài trời.

Có nhiều kĩ năng để phát triển cho trẻ 4 – 5 tuổi qua ứng dụng TCVĐ trong giờ học GDTC và hoạt động vui chơi ngoài trời. Tuy nhiên, luận án chỉ tập trung nghiên cứu 02 kĩ năng trong chương trình giáo dục mầm non: kĩ năng vận động cơ bản và kĩ năng xã hội cho trẻ 4 – 5 tuổi.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Luận án tiến hành nghiên cứu trong phạm vi trẻ 4 – 5 tuổi đang theo học tại các lớp chồi (lớp mẫu giáo nhỡ) tại một số trường mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

+ *Luận án tiến hành khảo sát thực trạng* tại 16 trường Mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Mầm non Phường 15A – Quận 10; Trường Mầm non Tuổi Hoa – Nhà Bè; Trường Mầm non Rạng Đông 7 – Quận 6; Trường Mầm non Phước Bình – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Phường 6 – Quận 10; Trường Măng non II – Quận 10; Trường Mầm non 26 – Quận Bình Thạnh; Trường Mầm non 3 – Quận Bình Thạnh; Trường Mầm non 7B – Quận Bình Thạnh; Trường Mầm non Rạng Đông 11 – Quận 6; Trường Mầm non Bông Sen – Quận Tân Phú; Trường Mầm non Hiệp Phú – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Phong Phú – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Hoa Lan – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Tuổi Ngọc – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Hoa Sen – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức).

Thời gian khảo sát thực trạng từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022.

+ *Triển khai thực nghiệm* tại 10 trường Mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Mầm non Phường 15A – Quận 10; Mầm non Măng non II – Quận 10; Mầm non 26 – Quận Bình Thạnh; Mầm non Bông Sen – Quận Tân Phú; Mầm non Tuổi Hoa – Nhà Bè; Mầm non Rạng Đông 7 – Quận 6; Mầm non Phước Bình – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Hoa Sen – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Tuổi Ngọc – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Hiệp Phú – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức).

Thời gian tiến hành thực nghiệm từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023 vào các ngày trong tuần tại các trường mầm non mà các trẻ đang theo học.

+ Nội dung nghiên cứu tập trung vào ứng dụng TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH; sự phát triển KNVĐCB và KNXH của trẻ 4-5 tuổi sẽ có hiệu quả qua ứng dụng TCVĐ vào hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động vui chơi ngoài trời.

Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về lý luận: Luận án góp phần hệ thống hóa và làm phong phú thêm cơ sở lý luận về TCVĐ, góp phần phát triển một số kỹ năng, làm cơ sở cho việc lựa chọn ứng dụng TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi.

Về thực tiễn:

- Chỉ ra thực trạng việc sử dụng TCVĐ phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi tại một số trường mầm non (MN) ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu góp phần đề xuất các tiêu chí đánh giá một số kỹ năng, đặc biệt là KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi tại một số trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu đề xuất thực nghiệm đánh giá hiệu quả của TCVĐ được lựa chọn nhằm phát triển một số kỹ năng đặc biệt là KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi tại một số trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

TỔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận trò chơi vận động của trẻ 4 – 5 tuổi

1.1.1. Khái niệm trò chơi vận động

Theo Từ điển Tiếng Việt, trò chơi vận động là trò chơi giải trí và phát triển thể chất ở người chơi [21]. Khái niệm trò chơi vận động được nhiều tác giả định nghĩa theo nhiều cách khác nhau:

Theo các tác giả Nguyễn Toán (2012), Đặng Hồng Phương (2021), Lương Kim Chung, Đào Duy Thu (1994), Đinh Văn Vang (2012), Lê Thu Hương (2008), A.V.Kenheman và D.V.Khuckhlaieva (2012)... cho rằng trò chơi vận động là loại trò chơi có luật, thường do người lớn nghĩ ra cho trẻ chơi. Đó là loại trò chơi đòi hỏi trẻ phải phối hợp các thao tác vận động để giải quyết các nhiệm vụ vận động được đặt ra như là nhiệm vụ chơi, qua đó thể chất của trẻ được phát triển. TCVĐ là những trò chơi trong đó lượng vận động chiếm ưu thế [12][35][58][83][101].

Theo tác giả Đinh Văn Lãm, Đào Bá Tri (1999) cho rằng: TCVĐ là hoạt động của con người, được cấu thành bởi hai yếu tố như vui chơi giải trí, thỏa mãn nhu cầu về mặt tinh thần; giáo dục và giáo dưỡng thể chất góp phần giáo dục đạo đức, ý chí, lòng dũng cảm, tinh thần đoàn kết... hình thành và phát triển các tố chất, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết cho cuộc sống [41]. Còn tác giả Lê Thị Liên Hoan và Nguyễn Thị Lan (2007) thì cho rằng TCVĐ là một phương tiện và phương pháp quan trọng để hình thành và phát triển thể lực cũng như để giáo dục toàn diện đối với trẻ mầm non [24].

Như vậy qua các nghiên cứu trên cho thấy khái niệm TCVĐ được định nghĩa khác nhau nhưng nhìn chung đều có sự thống nhất. Trong luận án này khái niệm trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi được hiểu: *“Trò chơi vận động là trò chơi phải quy định cách chơi và tính được lượng vận động, trong khi chơi đòi hỏi trẻ phải phối hợp các thao tác vận động để giải quyết các nhiệm vụ được đặt ra, qua đó hình thành và phát triển các tố chất thể lực, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết góp phần giáo dục toàn diện cho trẻ”*

1.1.2. Đặc điểm trò chơi vận động

Trò chơi vận động là một trong những loại trò chơi cơ bản, được trẻ yêu thích, được giáo viên sử dụng thường xuyên vì phù hợp với đặc điểm của trẻ và hoạt động chủ

đạo của lứa tuổi là hoạt động vui chơi. Những đặc điểm của TCVĐ của trẻ mầm non là [23][42][43] [72]:

Mỗi TCVĐ có quy tắc, luật lệ rất nghiêm, nhưng cách thức để đạt được mục tiêu đòi hỏi người chơi phải thông minh, sáng tạo trong quá trình thực hiện, do đó có thể nói TCVĐ là môi trường thuận lợi góp phần phát huy tính chủ động, tính sáng tạo của trẻ.

Lượng vận động chiếm ưu thế. Trong trò chơi vận động thì lượng vận động là yếu tố quan trọng nhằm phát triển thể chất ở trẻ. Nhu cầu vận động của trẻ rất lớn. Đó là lý do TCVĐ luôn được trẻ yêu thích.

TCVĐ thường do người lớn nghĩ ra và tổ chức cho trẻ chơi. Nội dung chơi chứa đựng các nhiệm vụ rèn luyện, hoàn thiện các vận động cơ bản và các TCTL cho trẻ. Trong TCVĐ, các nhiệm vụ vận động được giải quyết như một nhiệm vụ thực hành dưới dạng trò chơi. Chính vì vậy trẻ vận động một cách vui vẻ, thoải mái.

Thực hành vận động dưới dạng trò chơi. Khi chơi TCVĐ yếu tố tập và chơi được đan xen, lồng ghép vào nhau qua đó nhiệm vụ vận động được giải quyết một cách vui vẻ, nhẹ nhàng, kích thích trẻ hào hứng luyện tập.

TCVĐ mang tính hiện thực. Nguồn gốc TCVĐ xuất phát từ cuộc sống thực tế xung quanh và biểu hiện có hình tượng như bắt trước những hoạt động lao động sản xuất, sinh hoạt, ... nên TCVĐ thể hiện tính hiện thực. Tính hiện thực của TCVĐ thể hiện ở chủ đề chơi, mục đích chơi, nội dung chơi, hành động chơi. Qua quá trình chơi không chỉ thỏa mãn nhu cầu vận động của trẻ mà còn giúp trẻ có tri thức chuẩn bị cho cuộc sống sau này của trẻ. TCVĐ có sự phối hợp của quá trình nhận thức và quá trình vận động. Đây là hai quá trình không thể tách rời, hỗ trợ nhau cùng phát triển. Trong quá trình chơi trẻ phải sử dụng các thao tác tư duy như phân tích, so sánh, tổng hợp. Bên cạnh đó các tri thức về tên gọi, đồ chơi, dụng cụ... được phát triển ở trẻ. Chú ý, trí nhớ, ngôn ngữ của trẻ được hình thành.

TCVĐ đa số dành cho lứa tuổi MN là những trò chơi mang tính chủ đề, phù hợp với lứa tuổi MN. Những chủ đề của trò chơi thường được lấy từ môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh trẻ. Điều này giúp TCVĐ rất gần gũi với trẻ.

Mỗi TCVĐ đều có ba thành tố liên quan chặt chẽ với nhau: nội dung chơi, luật chơi và hành động chơi. Thiếu một trong ba thành tố này thì không còn là trò chơi nữa.

Trong TCVĐ, có hoạt động tập thể nên có sự thi đua, điều đó kích thích tính tích cực vận động của trẻ.

Bên cạnh những đặc điểm của TCVĐ của trẻ nói chung, TCVĐ của trẻ 4-5 tuổi có một số đặc điểm đặc trưng sau đây [126]: Khả năng vận động của trẻ còn hạn chế; trẻ có khả năng thực hiện những động tác vận động theo lệnh, do vậy trẻ thích những TCVĐ đi nhanh, chạy, nhảy, ... như trò chơi: “Ai bật nhanh hơn”, “Nhảy ô tiếp sức”, “Nhanh lên bạn ơi”, ... Trẻ tiếp nhận nội dung chơi, hành động chơi, luật chơi. Khi giới thiệu trò chơi, hướng dẫn cách chơi, giáo viên cần giải thích và có thể hướng dẫn một vài trẻ làm mẫu minh họa cho những hành động chơi mà giáo viên đã giới thiệu. Trẻ có thể phối hợp với nhau trong khi chơi, có thể phân công vai trước khi chơi; đóng được vai chính của trò chơi (ví dụ, đóng được vai Gấu trong trò chơi: “Gấu con hái quả”, vai thỏ trong trò chơi: “Chú thỏ tinh khôn”, ...). Trẻ có thể phối hợp lẫn nhau về việc thực hiện nội dung chơi, luật chơi (ví dụ, phê phán bạn phạm luật, “ăn gian”, ... khi chơi) [126].

1.1.3. Phân loại trò chơi vận động

Qua nghiên cứu lý luận và phân tích các TCVĐ sử dụng trong GDTC cho trẻ mầm non cho thấy có rất nhiều TCVĐ, phong phú đa dạng về nội dung, tính chất vận động, hình thức tổ chức trẻ. Trong các TCVĐ đó có sự khác nhau về mục đích, nhiệm vụ giáo dục, giáo dưỡng trẻ. Vì vậy việc phân loại TCVĐ dựa vào các tiêu chí khác nhau, có cách phân loại TCVĐ khác nhau.

- Phân loại theo nguồn gốc của TCVĐ: theo tác giả Đinh Văn Vang (2012) và Hồ Thị Hạnh (2011) chia TCVĐ làm hai nhóm cơ bản là nhóm TCVĐ dân gian và nhóm trò chơi mới. Nhóm TCVĐ dân gian: trò chơi kéo co, bịt mắt bắt, mèo đuổi chuột, chi chi chành chành, rồng rắn, kéo cưa lừa xẻ. Nhóm trò chơi mới: là trò chơi được các nhà giáo dục thiết kế, xây dựng như chạy tiếp cò, chó sói xấu tính, thỏ đánh trống, bỏ khăn, bắt chước tạo dáng, ném trúng đích [21][101].

- Theo tính chất của trò chơi và chủ đề thể hiện trong trò chơi: theo tác giả Đặng Hồng Phương (2021) và Phan Thị Thu (2006) chia TCVĐ thành TCVĐ theo chủ đề, TCVĐ không có chủ đề và trò chơi mang tính chất thể thao [58][74].

- Theo hình thức tổ chức TCVĐ: theo tác giả Lexgap chia TCVĐ thành hai nhóm, nhóm trò chơi phức tạp (trò chơi thi đua, tiếp sức) và nhóm trò chơi đơn giản cá nhân. Sự phân chia này căn cứ vào sự phức tạp của nội dung trò chơi. Ngoài ra có thể kết hợp

sự phức tạp của trò chơi với hình thức tổ chức tương ứng: trò chơi chia thành đội, trò chơi không phân chia đội và trò chơi có nhóm phụ ở giữa [58].

- Theo việc sử dụng dụng cụ trong trò chơi: Theo tiêu chí này TCVĐ được chia thành trò chơi với dụng cụ và trò chơi tay không [12].

- Theo hình thức vận động: tác giả Trần Đồng Lâm và Đinh Mạnh Cường (2014), Đặng Đức Thao (2014) đều chia TCVĐ thành: trò chơi chạy, nhảy, ném... và cách phân loại này được cho là phù hợp với mục tiêu GDTC và thực tiễn ở nhiều trường MN [45] [69].

- Theo mức độ phát triển lượng vận động: TCVĐ phân thành các loại TCVĐ có lượng vận động ít, trung bình và cao. Theo tiêu chí này có thể phân loại TCVĐ thành trò chơi tĩnh và trò chơi động [58].

- Theo mục đích phát triển các tố chất thể lực: tác giả Trần Đồng Lâm (1980) và Phạm Vĩnh Thông (2013) chia TCVĐ thành 5 nhóm [42][70]: Nhóm trò chơi rèn luyện khéo léo, nhóm trò chơi dưới nước, nhóm trò chơi chạy - nhảy, nhóm trò chơi rèn luyện phát triển sức mạnh của chân tay, nhóm trò chơi rèn luyện sức mạnh của thân, vai và kỹ năng leo trèo.

- Theo những động tác cơ bản của TCVĐ như bò, đi, chạy, nhảy, ném, mang, vác, thăng bằng, định hướng và trò chơi phối hợp [43].

Sự phân loại trên đây chỉ mang tính chất tương đối, nhiều trò chơi có thể phản ánh tất cả các tiêu chí phân loại trên. Vì vậy, *luận án lựa chọn cách phân loại TCVĐ theo mục đích phát triển các kỹ năng cho trẻ ở trường mầm non, và chia TCVĐ thành 2 nhóm: nhóm TCVĐ phát triển các kỹ năng vận động cơ bản: đi chạy; bật nhảy; tung, ném bắt và bò, trườn, trèo; nhóm TCVĐ phát triển các kỹ năng xã hội: kỹ năng tương tác xã hội, kỹ năng tuân theo nội quy, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội.*

1.1.4. Cấu trúc trò chơi vận động

Theo các tác giả Nguyễn Thị Hòa (2013), Nguyễn Hợp Pháp (2014), Lê Anh Thơ (1995), Nguyễn Ánh Tuyết (1998) và Đinh Văn Vang (2012) đều thống nhất với nhau rằng, mỗi TCVĐ đều có ba bộ phận liên quan chặt chẽ với nhau: nội dung chơi, luật chơi và hành động chơi [23][53][71][101].

Nội dung chơi: là nhiệm vụ vận động mà trẻ phải thực hiện nhằm rèn luyện, củng cố, hoàn thiện các vận động cơ bản và phát triển TCTL. Là thành phần cơ bản của trò

chơi và thường được thể hiện thông qua hình tượng nhân vật nào đó như mèo và chuột, cáo và thỏ, gấu và ong, gà và quạ, chó sói xấu tính... Sự xuất hiện bất ngờ của các nhân vật đặc biệt, các yếu tố thi đua, tiếp sức... luôn tạo cho trẻ sự vui vẻ, hứng thú cho trẻ.

Luật chơi: là những quy định, quy ước mà trẻ phải tuân theo trong khi chơi. Để giải quyết nội dung chơi, tạo cho buổi chơi thêm vui vẻ, hấp dẫn, lôi cuốn trẻ, có thể thêm hoặc bớt, sáng tạo luật chơi. Việc thực hiện nhiệm vụ chơi, hành động chơi, tuân thủ luật chơi nghiêm túc là cơ hội rất tốt để giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non.

Hành động chơi: là hệ thống những động tác, hành động vận động mà trẻ phải thực hiện trong quá trình chơi. Có thể thay đổi, thêm, bớt, phức tạp hóa, thay đổi đồ dùng dụng cụ thực hiện hành động chơi... để tránh nhàm chán, kích thích trẻ tích cực thực hiện các nhiệm vụ vận động, cố gắng đạt được mục đích đề ra. Ngoài ra có thể bổ sung một vài yếu tố bất ngờ, những hành động đơn giản, liên quan đến kiến thức, kỹ năng thuộc các lĩnh vực phát triển nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ (âm nhạc, vẽ tranh, ghép hình, ...) để tạo hứng thú cho trẻ nhưng trọng tâm vẫn là các hành động vận động phát triển thể chất.

Ba thành tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành một khối thống nhất, nội dung chơi là thành phần cốt lõi, luật chơi là yếu tố hỗ trợ còn hành động chơi là yếu tố mang tính chất quyết định. Luật chơi giúp giải quyết các nhiệm vụ vận động và việc thực hiện các hành động chơi qua đó góp phần hoàn thiện và phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ.

1.1.5. Cách thức tổ chức trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi

Để tổ chức TCVD cho trẻ đạt hiệu quả cao cần lưu ý:

- Lựa chọn trò chơi phải phù hợp với mục tiêu cần củng cố, rèn luyện, kỹ năng vận động, tổ chức thể lực, phát triển các kỹ năng nào cho trẻ. Các điều kiện thực tiễn của địa phương, trường, lớp, sự hứng thú và khả năng của trẻ, tình hình sức khỏe của trẻ, ... cũng cần được cân nhắc khi lựa chọn TCVD [43] [50] [66].

- Nội dung chơi, nhiệm vụ vận động, hành động chơi, luật của TCVD được nâng cao dần yêu cầu, nối tiếp nhau theo các mức độ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Tích hợp nội dung giáo dục KNXH phù hợp với mức độ phát triển kỹ năng vận động và kinh nghiệm sống của trẻ [62].

- Phương pháp, biện pháp hướng dẫn của giáo viên phải hướng đến trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tích cực tham gia chơi, qua đó củng cố, rèn luyện, phát triển kỹ năng, kỹ xảo vận động và TCTL cho trẻ.

- Trong quá trình tổ chức cho trẻ chơi, giáo viên quan sát, theo dõi việc thực hiện luật chơi, tận dụng mọi cơ hội để giáo dục trẻ trật tự, chú ý, tinh thần đồng đội, đoàn kết, thông cảm, đồng cảm, vui mừng, cố gắng vì thành tích chung. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào kinh nghiệm và năng lực sư phạm linh hoạt của giáo viên [66].

- Chọn trò chơi còn phụ thuộc vào chỗ chơi, các điều kiện ảnh hưởng đến mục đích, kết quả vui chơi của trẻ như cơ sở vật chất (phòng học, sân chơi, dụng cụ, đồ dùng, đồ chơi). Chuẩn bị sân bãi rộng rãi, thoáng mát, bằng phẳng hoặc không gian trong lớp có trải thảm; vẽ, đánh dấu quy ước cần thiết, chuẩn bị số lượng và chất lượng dụng cụ đủ cho tất cả trẻ chơi; xếp đặt các dụng cụ phù hợp với diện tích sân chơi, lớp học; trang bị những vật dụng bảo hiểm để đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi chơi [43][50][62][66].

- Tổ chức TCVD theo nhiều hình thức khác nhau như tổ, nhóm, cá nhân tạo điều kiện cho trẻ thể hiện khả năng vận động đa dạng và tự thỏa mãn nhu cầu vận động của mình trong các hoàn cảnh khác nhau.

- Lựa chọn TCVD phải lưu ý điều kiện thời tiết, thời gian trong ngày, đảm bảo phù hợp với chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non. Vào buổi sáng, nên chọn trò chơi có vận động tích cực, buổi chiều nên chọn những trò chơi có vận động nhẹ nhàng hơn để đảm bảo trẻ nghỉ ngơi tích cực [43].

Khi tổ chức cho trẻ 4 – 5 tuổi chơi TCVD cần chú ý:

Trẻ 4–5 tuổi có những đặc điểm phát triển mạnh mẽ ở tất cả các cơ quan và hệ cơ quan của cơ thể. Đây là thời kì thuận lợi để trẻ tiếp thu và củng cố các kỹ năng vận động cần thiết. Các tổ chức thể lực hình thành và phát triển mạnh, tuy nhiên đặc trưng của trẻ lứa tuổi này là cơ thể phát triển chưa ổn định và khả năng vận động còn hạn chế [43][50][66].

Trẻ đã có ý thức rõ về những ý nghĩ, tình cảm của mình, trách nhiệm đối với hành vi, hành động của bản thân, trẻ muốn hoàn thành công việc được giao để thể hiện bản thân có thể giúp ích cho mọi người. Việc tích cực tham gia vào các hoạt động vận động giúp giáo dục KNXH, tinh thần tập thể, tinh thần trách nhiệm, ... cho trẻ.

Dựa vào một số đặc điểm phát triển thể chất, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm xã hội của trẻ 4–5 tuổi, căn cứ mục tiêu giáo dục, giáo viên có thể lựa chọn những TCVĐ phù hợp với kế hoạch, với chủ đề, với thực tế của địa phương, trường, lớp, ... để tổ chức cho trẻ chơi [43][50][66][62].

Thời điểm tổ chức cho trẻ chơi: trong giờ học giáo dục thể chất, đầu giờ chơi góc, chơi theo nhóm nhỏ 3 – 4 trẻ trong góc vận động, dạo chơi, hoạt động vui chơi ngoài trời, hoạt động buổi chiều.

Tổ chức trò chơi vận động cho trẻ 4–5 tuổi gồm các bước sau:

Bước 1: Giới thiệu trò chơi

Có thể giới thiệu và giải thích quy tắc chơi theo nhiều cách khác nhau, điều này phụ thuộc vào hoàn cảnh thực tế, sự hiểu biết của trẻ và kinh nghiệm của giáo viên.

Nếu là trò chơi mới thì có thể giới thiệu trực tiếp, đặc biệt là các trò chơi thi đua, tiếp sức hoặc gợi ý để trẻ đưa ra cách giải quyết các tình huống chơi theo chủ đề của trò chơi, tạo bất ngờ, hứng thú cho trẻ, dẫn dắt trẻ tham gia vào trò chơi một cách thích thú, thoải mái, vui vẻ.

Trẻ 4–5 tuổi có sự phát triển mạnh mẽ về ngôn ngữ, có thể coi là chín muồi, vốn từ phát triển mạnh, hiểu và diễn đạt khá rõ ràng, chính xác. Vì vậy, khi giới thiệu các trò chơi, đặc biệt là các TCVĐ có chủ đề, trò chơi thi đua, giáo viên nên sử dụng những từ ngữ gần gũi, quen thuộc với trẻ, sử dụng nhiều loại ngữ điệu, giọng nói... để kích thích trẻ chú ý tới lời nói của giáo viên, làm giàu vốn từ, phát triển ngôn ngữ và trí tưởng tượng cho trẻ.

Bước 2: Giải thích nhiệm vụ chơi, hành động chơi

Đặc điểm nổi bật của TCVĐ là đòi hỏi sự phối hợp hoạt động của quá trình nhận thức và vận động, vì vậy để có thể tham gia một cách tích cực, chủ động vào trò chơi, trẻ phải tập trung chú ý, ghi nhớ những lời giải thích của giáo viên.

Giáo viên giải thích ngắn gọn nội dung, nhiệm vụ vận động, hành động chơi của trẻ trong khi chơi. Với những trò chơi có quy tắc phức tạp, hành động chơi khó, giáo viên có thể vừa làm mẫu vừa giải thích cho trẻ.

Không nhất thiết phải giải thích toàn bộ nội dung chơi, hành động chơi mà trong quá trình chơi sẽ bổ sung lại cho chính xác. Chủ đề và quy tắc của trò chơi chỉ đề ra

hướng chủ yếu, còn trẻ phải tự lực giải quyết nhiệm vụ vận động một cách nhanh trỗi, sáng tạo và khéo léo.

Sau khi giải thích xong, cho trẻ nhắc lại to, rõ ràng để trẻ ghi nhớ.

Bước 3: Giải thích luật chơi

Cần mô tả rõ ràng các quy định, quy ước mà trẻ phải tuân theo trong khi chơi, khi giải quyết nhiệm vụ vận động trong khi chơi.

Có thể sáng tạo, thêm và bớt luật chơi để buổi chơi vui vẻ, hấp dẫn, lôi cuốn trẻ hơn.

Trẻ 4–5 tuổi rất tích cực trong hoạt động, trẻ quan tâm đến những thứ mới, lạ, đẹp, dễ xúc động. Do đó, trong khi chơi cần chú ý giáo dục trẻ ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ luật chơi, thực hiện đúng nhiệm vụ, hiệu lệnh và những hướng dẫn, yêu cầu của giáo viên. Đồng thời, trẻ cần được tự do, tự chủ để phát triển sự sáng tạo trong vận động.

Bước 4: Phân vai chơi/chia đội chơi

Việc giải thích rõ ràng hành động chơi, luật chơi giúp trẻ 4–5 tuổi hiểu rõ và tham gia tích cực vào vai chính của trò chơi.

Khuyến khích trẻ mới tham gia chơi và giao nhiệm vụ cho trẻ nhút nhát, hoặc có thể yêu cầu trẻ tự chọn người điều khiển và giải thích trò chơi.

Cần chọn đội trưởng hay nhóm trưởng cho từng đội hoặc nhóm.

TCVD dành cho trẻ 4 – 5 tuổi thường có nhiệm vụ chơi là thi đua, đo sức, giành vị trí vô địch hoặc để đạt thành tích cao, tiến hành dưới hai hình thức thi đua cá nhân và tiếp sức đồng đội... cho nên phân chia trẻ vào các nhóm, đội chơi cho tương đối ngang sức, số lượng bằng nhau (cả về giới tính), mức độ phát triển thể chất, vận động, TCTL gần ngang nhau.

Bước 5: Tổ chức cho trẻ chơi

Tổ chức hợp lý trò chơi có ý nghĩa to lớn, phụ thuộc vào nội dung trò chơi, tính thú vị thực hiện những hành động chơi mà cá lớp hay từng đội, nhóm thực hiện. Để tổ chức trò chơi có hiệu quả, cần lưu ý:

- Giáo viên chọn vị trí đứng sao cho hợp lý để trẻ nhìn rõ và quan sát toàn bộ trình tự hướng dẫn hành động chơi, luật chơi; chọn vị trí để quan sát toàn bộ tiến trình chơi của nhóm trẻ nhưng không làm cản trở đến cuộc chơi của trẻ.

- Chú ý đến đội hình, vị trí chơi của các đội, nhóm sao cho trẻ dễ dàng, thuận lợi thực hiện nhiệm vụ (xếp hàng đúng thứ tự chơi, thực hiện chơi đúng trình tự), tránh làm lộn xộn, mất trật tự, làm giảm hiệu quả giáo dục của trẻ.

Khi tổ chức trò chơi cũ, TCVD trẻ đã biết, có thể đưa ra các câu hỏi về nội dung, hành động và luật chơi kết hợp với sự gợi ý của giáo viên để trẻ nhớ lại và trả lời, qua đó hình thành tính tự giác, trách nhiệm điều khiển hành động chơi, tuân thủ luật chơi.

Tổ chức cho trẻ chơi thử - sửa lỗi:

Cho trẻ chơi thử để đánh giá xem trẻ đã nắm được nhiệm vụ, hành động, luật chơi hay chưa, nếu trẻ chưa nắm được, cần tìm nguyên nhân để điều chỉnh.

Nếu tất cả trẻ đều thực hiện sai thì nên tạm ngừng trò chơi để giảng giải lại chỗ trẻ thực hiện chưa đúng, hoặc hướng dẫn trẻ cách sửa chữa...

Sau đó tổ chức cho tất cả trẻ cùng chơi. Yêu cầu trẻ nhanh chóng đứng vào vị trí. Khi có hiệu lệnh bắt đầu thì các đội sẽ thực hiện cùng một lúc.

Số lần chơi phụ thuộc vào thời điểm tổ chức chơi, thời tiết, khí hậu, tình trạng sức khỏe, hứng thú của trẻ. Có thể tổ chức cho cả lớp chơi 2–4 lần (lặp lại).

Nếu tổ chức cho trẻ chơi các TCVD quen thuộc thì cần lưu ý:

Sau khi giới thiệu trực tiếp về trò chơi thì tổ chức trò chuyện, đàm thoại với trẻ về hành động chơi, luật chơi. Các câu hỏi về hành động chơi, luật chơi cần ngắn gọn, rõ ràng, đúng trọng tâm. Có thể gợi ý cho trẻ trả lời để hướng trẻ tập trung chú ý, ghi nhớ cách thực hiện. Việc trả lời đúng các câu hỏi tạo cho trẻ sự phấn khởi, tích cực, thích thú, sẵn sàng tham gia chơi cùng giáo viên và bạn.

Sự thay đổi thường xuyên và bất ngờ các tình huống trong khi chơi là những điều hấp dẫn, lôi cuốn trẻ tích cực, chủ động tham gia vào trò chơi. Cần chú ý đến đặc điểm này, vì nếu để trẻ chơi thoải mái đến quá sức chịu đựng của mình sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe của trẻ.

Trẻ 4–5 tuổi dễ tiếp thu nội dung và quy tắc chơi nên khi tổ chức chơi một TCVD nhiều lần, không nên thay đổi ý nghĩa và cấu trúc nội dung của trò chơi, tuy nhiên có thể:

- Tăng số lần chơi (lặp lại và tăng thời gian chơi).

- Phức tạp hóa hành động chơi (chim không bay ra khỏi tổ mà chạy, nhảy...), treo các đồ vật lên cây cho trẻ bật lên, dùng tay với lấy đồ chơi...

- Phức tạp hóa luật chơi: tăng số lượng người đuổi bắt, trẻ bị bắt phải ra ngoài một lần chơi, bị bắt mang đi, bị phạt...
- Thay đổi cách phân chia người chơi trên sân: người “bắt” trốn ở vị trí bất kì...
- Thay đổi đồ dùng, dụng cụ: tùy theo thực tế của địa phương, trường, lớp để có những đồ vật thay thế phù hợp, sáng tạo.
- Thay đổi hiệu lệnh: sử dụng lời nói, âm thanh, tín hiệu bằng các vật định hướng thị giác, ...
- Tổ chức trò chơi trong điều kiện khác nhau: chạy trên đất, cát khó hơn, trong rừng, ...

Bước 6: Điều khiển trò chơi, theo dõi quá trình chơi của trẻ

Giáo viên quan sát các đội, nhóm thực hiện hành động chơi, luật chơi và lượng vận động của trò chơi để có điều chỉnh kịp thời hoặc nhắc nhở trẻ thực hiện đúng. Khi điều khiển cuộc chơi, cần chú ý những việc sau:

- Tổ chức khởi động, cho trẻ bắt đầu chơi, theo dõi và nắm được các hoạt động của từng cá nhân hoặc toàn bộ trẻ của các đội tham gia chơi.
- Điều chỉnh nội dung của trò chơi bằng cách dùng tiếng vỗ tay, tiếng trống, hiệu lệnh để điều chỉnh thay đổi phạm vi hoạt động của trò chơi.
- Kết thúc TCVD nên cho trẻ đi bộ để giảm dần vận động và mạch tim trở về mức độ bình thường.
- Giáo viên điều khiển trò chơi phải theo dõi tiến trình của cuộc chơi một cách chi tiết và bao quát nhất, kịp thời xử lý các tình huống, hoặc chỉnh lý các chi tiết của trò chơi làm cho cuộc chơi sinh động, hấp dẫn, tất cả trẻ tham gia chơi đều thích thú.

Bước 7: Nhận xét, đánh giá quá trình chơi của trẻ

Trong quá trình tổ chức cho trẻ chơi, giáo viên cần theo dõi:

- Việc thực hiện hành động chơi, luật chơi, cách trẻ hợp tác giải quyết nhiệm vụ chơi, việc thực hiện hành động chơi của các thành viên trong đội nhóm. Nếu trẻ có những mâu thuẫn phát sinh, cần giải thích với trẻ cách chơi phối hợp và cho trẻ nhắc lại hành động chơi của mình.
- Việc thực hiện luật chơi và tìm nguyên nhân thực hiện không đúng luật chơi của trẻ. Nếu như trò chơi khó, cần cho trẻ nhắc lại luật chơi, có thể cho trẻ dừng lại để giải

thích hay cho một vài trẻ thực hiện đúng luật làm mẫu lại cho bạn xem. Nếu như trẻ cố tình “phá” luật chơi, thì cần có biện pháp xử lý ngay.

- Sau mỗi lần chơi nên cho trẻ đổi vai chơi, không nên để một số trẻ chỉ thực hiện một nhiệm vụ. Như vậy, sẽ làm cho trẻ giảm khả năng phối hợp với các bạn khác nhau và giảm sự tự tin.

- Để lôi cuốn trẻ vào trò chơi và làm cho trò chơi thêm hứng thú, cần tổ chức cho tất cả trẻ được tham gia hoặc đứng ngoài cổ vũ, tạo không khí vui chơi rộn ràng, sôi nổi nhưng có kỉ luật, tránh để trẻ làm mất trật tự, la hét, tranh giành nhau. Những trò chơi có vận động mạnh, thì nên chọn lượng thời gian thực hiện vừa đủ. Với những trò chơi thi đua, tiếp sức thì chọn trẻ có thể lực tương đương, hoặc chia đội chơi cũng phải cân sức.

- Tạo điều kiện cho trẻ biểu hiện tốt với nhau, không xô đẩy nhau, biết giúp đỡ bạn khi khó khăn. Cảm ơn khi được giúp đỡ và biết xin lỗi khi làm phiền.

- Theo dõi tình trạng sức khỏe của trẻ, vì nếu nhiều trẻ vi phạm luật chơi hay chơi quá phấn khích, bất chấp luật chơi là biểu hiện của sự mệt mỏi, chán chường trong khi chơi. Trong trường hợp này, cần dừng trò chơi lại và chuyển trẻ sang hoạt động khác nhẹ nhàng hơn hoặc chơi những trò chơi tĩnh hơn.

- Có thể gợi ý để trẻ tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện hành động chơi, luật chơi của đội, nhóm mình, gợi ý để trẻ nói lên những ưu điểm, đề xuất cách khắc phục những hạn chế, lỗi sai, cách đề động viên, khuyến khích đôi bạn cùng cố gắng [43][40][62][66].

1.1.6. Khái niệm trò chơi vận động phát triển kĩ năng

Trò chơi vận động (TCVD) là một hình thức hoạt động vui chơi mang tính tích cực, trong đó người chơi – chủ yếu là trẻ em – thực hiện các hành động vận động trong một khuôn khổ luật chơi nhất định để đạt mục tiêu đề ra. TCVD vừa mang tính giải trí, vừa mang tính giáo dục và phát triển thể chất. Theo Từ điển Tiếng Việt, trò chơi vận động được định nghĩa là “trò chơi vừa nhằm mục đích giải trí vừa giúp phát triển thể chất cho người chơi”.

Nhiều nhà nghiên cứu giáo dục thể chất đã làm rõ tính chất đa chiều của TCVD. Theo Nguyễn Toán (2012), trò chơi vận động là hoạt động đặc trưng bởi sự kết hợp giữa vận động thân thể với các yếu tố tâm lý – xã hội như tinh thần hợp tác, tính tổ chức, sự tuân thủ luật lệ. Còn tác giả Đặng Hồng Phương (2021) cho rằng trong trò chơi vận

động, người chơi không chỉ vận động đơn thuần mà còn phải tư duy, phối hợp, xử lý tình huống để hoàn thành nhiệm vụ.

Trên cơ sở đó, trò chơi vận động phát triển KN được hiểu là những trò chơi có cấu trúc vận động được thiết kế với mục tiêu rõ ràng nhằm phát triển các KNCu thể ở người chơi, bao gồm cả KNVận động cơ bản và KNmềm. Trong các trò chơi này, người chơi phải thực hiện những hành động như chạy, nhảy, ném, kéo, giữ thăng bằng... kết hợp với các tình huống đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo và hợp tác. Qua đó, họ rèn luyện không chỉ thể chất mà cả KNgải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tư duy phản xạ và năng lực giao tiếp xã hội.

Phân tích thành phần khái niệm:

Yếu tố vận động: Là nền tảng của trò chơi, bao gồm các hoạt động thể chất từ đơn giản (đi, chạy) đến phức tạp (bò, trèo, vượt chướng ngại vật). Đây là phương tiện chính để phát triển thể lực, rèn luyện hệ vận động và các tố chất thể lực (sức nhanh, sức bền, khéo léo...).

Yếu tố kỹ năng: Các KN phát triển qua TCVD được chia thành: KNVận động cơ bản: như giữ thăng bằng, phối hợp tay – mắt, định hướng không gian; KNXH: như hợp tác nhóm, chia sẻ, tuân thủ luật lệ, giao tiếp; KNNhận thức: như phân tích, lựa chọn chiến thuật chơi, ghi nhớ quy tắc, tư duy logic.

Yếu tố giáo dục và phát triển toàn diện: TCVD có khả năng hình thành các phẩm chất đạo đức (như tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, lòng dũng cảm), đồng thời bồi dưỡng năng lực cảm xúc và trí tuệ. Theo Đinh Văn Lắm và Đào Bá Tri (1999) cho rằng thông qua trò chơi, trẻ không chỉ rèn luyện cơ thể mà còn được giáo dục ý chí, lòng nhân ái, sự tự tin và tinh thần đoàn kết.

Tính chất tích hợp của trò chơi vận động phát triển KN làm cho nó trở thành một công cụ sư phạm quan trọng trong giáo dục thể chất ở trường học và giáo dục mầm non. Theo Lê Thị Liên Hoan và Nguyễn Thị Lan (2007), trò chơi vận động không chỉ giúp hình thành thể lực mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trí tuệ và nhân cách trẻ.

Tóm lại, trò chơi vận động phát triển KN là sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động thể chất và hoạt động nhận thức – xã hội, tạo nên một môi trường giáo dục toàn diện, tích cực và phù hợp với đặc điểm phát triển lứa tuổi. Nó không chỉ là phương tiện rèn luyện

thể chất mà còn là công cụ hiệu quả trong việc hình thành KNSống, năng lực học tập và giá trị nhân cách ở người học.

1.1.7. Vai trò của trò chơi vận động đối với việc phát triển kỹ năng cho trẻ 4 – 5 tuổi [37][44][45]

Vận động là một nhu cầu cần thiết của cơ thể đang phát triển. Nhiều nhà tâm lý học đã quan tâm nghiên cứu vấn đề này. Nhiều tác giả cho rằng, đối với lứa tuổi mầm non, là giai đoạn đang phát triển và hoàn thiện một cách mạnh mẽ các vận động cơ bản và tình cảm xã hội thì việc hướng dẫn rèn luyện KNVĐCB và KNXH là một nhiệm vụ cực kì quan trọng trong chương trình GDMN. TCVĐ giúp cho trẻ hoàn thiện các cơ quan vận động, phát triển tình cảm xã hội, trẻ nhanh nhẹn, hoạt bát, thực hiện tư thế đúng đắn tránh được các bệnh sinh lý hình thành như gù lưng, cong vẹo cột sống, lòng bàn chân bẹt, ngực lép, ...

Vận động đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong giai đoạn tuổi mầm non, đặt cơ sở nền móng cho sức khỏe, phát triển thể chất, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động. Việc hình thành những khả năng khác nhau, trong đó có khả năng thể lực, phụ thuộc vào điều kiện chăm sóc và giáo dục của người lớn tổ chức, hướng dẫn và sự tích cực hoạt động của chính bản thân trẻ. Thành công của việc phát triển và giáo dục trẻ đạt được trong điều kiện sử dụng các phương tiện, phương pháp và hình thức tác động sư phạm phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của trẻ. Chúng phải gắn bó chặt chẽ với những hoạt động đặc trưng của từng lứa tuổi.

Nhiều tác giả trong nước và trên thế giới ở nhiều thời kì khác nhau đã bàn đến vai trò của TCVĐ trong sự phát triển toàn diện của trẻ em như Cô-men-xki, Rútxô, U-oen, A.X.Ma-ca-ren-cô,... đã chứng minh trò chơi có ý thức, có mục đích và đã cho thấy rằng TCVĐ là một phương tiện làm cho đứa trẻ phát triển toàn diện, TCVĐ tốt cũng cần có sự nỗ lực suy nghĩ và sự tiêu hao sức lực giống như trong lao động. Một TCVĐ tốt là một trò chơi mà ở trong đó đứa trẻ hoạt động tích cực, độc lập suy nghĩ, xây dựng và khắc phục khó khăn dưới hình thức vừa sức đối với trẻ. Ưu thế của các TCVĐ so với các bài tập thể chất là ở chỗ trò chơi làm thỏa mãn cảm xúc, tạo ra sự lôi cuốn đặc biệt, động viên được sức lực và trí tuệ của trẻ, đem lại sự vui sướng, thỏa mãn; tính chất vận động của trò chơi tác động đến nhiều nhóm cơ; sự hoạt động muôn vẻ khác nhau về loại trừ được sự mệt mỏi nguy hại; tự bản thân trẻ có khả năng điều chỉnh nhịp điệu và năng

lượng vận động; xuất hiện sáng kiến cá nhân và phát triển các tố chất tâm lí, khả năng tự điều khiển hành vi, tổ chức, phối hợp hành động, giáo dục các phẩm chất nhân cách như ý chí, tinh thần đoàn kết, sự dũng cảm, kỷ luật, sự nhanh trí,...

TCVĐ có ảnh hưởng đến phát triển KNVĐCB, KNXH và phát triển TCTL toàn diện, bảo vệ sức khỏe cơ thể trẻ. Sự hoạt động tích cực của trẻ trong quá trình chơi kích thích trạng thái hoạt động của cơ thể đẩy mạnh tất cả các chức năng quan trọng và phản ứng trao đổi chất. Vận động tích cực rèn luyện hệ thần kinh của trẻ hoàn thiện và làm cân bằng các quá trình hưng phấn và ức chế. Tổ chức TCVĐ chính là tạo điều kiện cho trẻ được rèn luyện, củng cố KNVĐCB, phát triển KNXH và TCTL một cách phong phú, đa dạng nhất.

Trong từng TCVĐ đều sử dụng các KN của các vận động cơ bản mà trẻ đã học, tập trên giờ thể dục. TCVĐ giúp trẻ củng cố, hoàn thiện các KN vận động trong điều kiện có sự thay đổi đặc biệt. Các vận động này thường được thể hiện dưới một hình tượng nào đó như chim, cò, ếch, mèo, chuột, ... Nội dung chơi kêu gọi hứng thú chơi và đẩy mạnh việc củng cố, mở rộng kinh nghiệm vận động của trẻ.

Hành động chơi trong TCVĐ đó chính là những động tác vận động. Thông qua việc thực hiện các hành động chơi giúp trẻ rèn luyện KN vận động, rèn TCTL trong điều kiện chơi luôn thay đổi, quá trình tổ chức cho trẻ chơi có thể thêm, bớt hoặc thay đổi một vài chi tiết của hành động chơi cho phù hợp với khả năng của trẻ, điều kiện tổ chức chơi...

Trong khi chơi trẻ phải tuân theo một số luật lệ nhất định. Đối với trẻ luật lệ chơi chỉ có tính ước lệ. Người tổ chức có thể sáng tạo, thêm hoặc bớt luật chơi để buổi chơi vui vẻ, hấp dẫn, lôi cuốn trẻ hơn. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào kinh nghiệm và năng lực sư phạm nhạy bén của GV.

Mặt khác TCVĐ còn ảnh hưởng đến tính cách, khí chất của trẻ. Trong khi chơi, trẻ thể hiện hành vi, tư cách đạo đức của mình. Trẻ phải tuân theo quy tắc của trò chơi. Những quy tắc đó điều khiển hành vi của trẻ khi tham gia chơi, tạo khả năng hình thành sự giúp đỡ lẫn nhau, giao tiếp với bạn và cô, tính trung thực, lòng dũng cảm, tính kiên trì, đoàn kết bạn bè, giải quyết vấn đề, ... làm cho trẻ hình thành và phát triển các KNXH, phát triển những phẩm chất tư duy và ngôn ngữ. Để tham gia vào cuộc chơi, trẻ phải tìm hiểu luật chơi, cách xử lý các tình huống và vai trò của mình trong khi chơi, xác định

mối quan hệ giữa bản thân và các bạn chơi, làm cho các thao tác KN tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát được phát triển.

Các KN, TCTL được hình thành và phát triển khi các động tác được thể hiện hợp lí trong không gian, các tư thế hợp lí được hình thành. Trẻ được rèn luyện khả năng định hướng trong không gian, sự phối hợp hành động tập thể (thực hiện những nhiệm vụ khác nhau trong nhịp độ chung cho tất cả mọi người và trong mối quan hệ tương hỗ) thông qua sự di chuyển linh hoạt về không gian (tản ra và nhập lại trong không gian) được sử dụng trong các TCVD ở các hoàn cảnh khác nhau.

Phát triển KNXH cho trẻ qua trò chơi vận động là quá trình giáo dục có mục đích, có kế hoạch của GV thông qua các hoạt động vận động nhằm tạo điều kiện và khuyến khích trẻ tham gia vào các trò chơi để trẻ học các KN hợp tác, luân phiên, làm theo quy tắc, chia sẻ cảm xúc, ý kiến của bạn, học cách giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh. GV tạo nên những tình huống chơi phong phú có thể xảy ra trong cuộc sống thực, đặc biệt các trò chơi theo nhóm để trẻ có cơ hội thể hiện, thử nghiệm và tích lũy KN theo nhiều cách khác nhau; giúp trẻ gia tăng sự tập trung, chú ý, cải thiện khả năng ghi nhớ, nâng cao sức khỏe thể chất, nhận biết sự vật, hiện tượng trong môi trường và vận dụng vốn kinh nghiệm, các giác quan để giúp trẻ có nhận thức về xã hội, có khả năng giao tiếp, biết thiết lập các mối quan hệ với người khác, biết lắng nghe, chia sẻ, quan tâm, yêu thương mọi người và ứng xử phù hợp trong sự tương tác giữa con người với con người hoặc với xã hội.

Những TCVD cho trẻ 4–5 tuổi mang tính tổng hợp, được xây dựng kết hợp với những thao tác vận động như chạy, nhảy, trườn, bò... với những tình huống biến đổi bất ngờ trong quá trình chơi sẽ kích thích trẻ thực hiện hành động chơi nhanh hơn, khéo léo hơn. Việc thực hiện vận động dưới hình thức trò chơi sẽ dẫn đến việc hình thành các KN về vận động và KNXH. Chính việc sử dụng thành thạo KNVĐCB và KNXH cho phép trẻ suy nghĩ về nhiệm vụ vận động xuất hiện trong những tình huống bất ngờ khi tham gia TCVD.

Nếu so sánh vai trò của TCVD và bài tập vận động đối với sự phát triển các KN cho trẻ 4–5 tuổi, cho thấy TCVD tạo cơ hội để phát triển các KN cho trẻ 4–5 tuổi hơn các bài tập vận động. Các bài tập vận động đòi hỏi trẻ phải thực hiện lặp đi lặp lại những vận động theo yêu cầu của giáo viên, trong khi TCVD khuyến khích, tạo cơ hội để

trẻ bộc lộ sự nhanh trí, tháo vát, khéo léo, cách xử lý các tình huống, phối hợp hành động tập thể, ... để thực hiện nội dung chơi, hành động chơi.

1.2. Cơ sở lý luận về kĩ năng

1.2.1. Khái niệm kĩ năng

Kĩ năng được rất nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Các nghiên cứu liên quan cho thấy chưa hoàn toàn thống nhất quan niệm về kĩ năng, nhưng tựu chung đều cho rằng kĩ năng là quá trình tâm lý, được hình thành khi con người áp dụng kiến thức vào thực tiễn.

Theo Từ điển Tiếng Việt (2006), kĩ năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế.

Trong khoa học giáo dục từ trước tới nay, khi bàn về khái niệm kĩ năng có 03 khuynh hướng chủ yếu như sau:

Hướng thứ nhất, KN ở góc độ kĩ thuật của hành động, coi việc nắm được cách thức hành động là có kĩ năng. Các tác giả theo hướng này đã nhấn mạnh mặt kĩ thuật của hành động, nhưng chưa đề cập đến kết quả của hoạt động. Theo họ kết quả của hành động phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có năng lực của con người, con người nắm được cách thức hành động (tức là có kĩ thuật hành động) là có kĩ năng. Thực tế, biết phương thức hành động (tức là biết kĩ thuật của hành động) nhưng không hành động thì chưa thể coi là có kĩ năng. Tiêu biểu cho quan điểm này là A.G.Covaliov, Ph.N.Gônôbôlin, V.A.Cruchetxki, A.V.Petrovxki, V.X.Cudin, V.A.Krutexki; Trần Trọng Thủy (1987); Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987); Thái Duy Tuyên (2007); Hà Nhật Thăng (1997),... Như vậy, theo quan niệm này, KN là phương tiện thực hiện hành động mà con người đã nắm vững, người có kĩ năng hoạt động đó là người nắm được các tri thức về hoạt động đó và thực hiện hành động theo đúng yêu cầu cần có của nó mà không cần tính đến kết quả của hành động [14][51][61][81][86].

Hướng thứ hai, KN ở góc độ năng lực của con người. KN không chỉ đơn thuần là mặt kĩ thuật của hành động mà là một biểu hiện về năng lực của con người, được thực hiện ra bên ngoài bằng các hành vi cụ thể, có kết quả với một chất lượng cần thiết trong những điều kiện mới và trong những khoảng thời gian tương ứng. Tiêu biểu như: N.D.Levitov (1964); V.V.Bogloxki; K.K.Platonov, G.G.Golubev (1973), A.V.Barabasicov; P.A.Rudich; X.I.Kixegof; Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2011); Ngô Công

Hoàn (1995); Nguyễn Quang Uẩn (2010); Trần Quốc Thành (2015); Vũ Dũng (2008),... KN vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo. Đây là quan niệm tương đối toàn diện và khái quát về KN. Tuy nhiên, đồng nhất KN và năng lực trong cùng một điều kiện có lẽ là chưa toàn diện và thỏa đáng. KN chỉ là một dạng năng lực hoặc là một phần của năng lực mà thôi [17][25][39][65][90][93].

Hướng thứ ba, KN ở góc độ chính là một dạng hành động cụ thể được thực hiện tự giác, có kỹ thuật, dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và các điều kiện sinh học, tâm lý, xã hội khác của cá nhân (chủ thể có kỹ năng đó) như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay quy định. KN không phải là khả năng thực hiện hành động mà chính là hành động cụ thể [18][33][38][63].

Có thể thấy, KN đang là vấn đề có những ý kiến khác nhau do nhấn mạnh các khía cạnh khác nhau của KN, nhưng về cơ bản không có gì mâu thuẫn nhau. Song tựu chung lại có thể đưa ra một số điểm chung của KN như sau:

(1) KN là một dạng năng lực hành động, biểu hiện ở mặt kỹ thuật của hành động thể hiện rõ ở các thao tác hành vi.

(2) KN luôn gắn liền với việc thực hiện các thao tác hay hành động nhất định.

(3) KN luôn gắn liền với việc triển khai và vận dụng những kiến thức mà cá nhân lĩnh hội được.

(4) KN có thể giáo dục và rèn luyện được. Sự hình thành và phát triển của KN thể hiện qua tính đúng đắn, thành thạo và sáng tạo của chủ thể hành động. Nó được tích lũy, rèn luyện thông qua sự kết hợp giữa tri thức và kinh nghiệm của mỗi cá nhân trong các hoạt động thực tiễn hàng ngày.

Luận án tiếp cận KN dưới góc độ coi KN là biểu hiện năng lực cá nhân con người, thực hiện một hành động hay một hoạt động có kết quả trong đó có tính đến cả kỹ thuật hành động. Con người chỉ có thể hành động có hiệu quả khi biết sử dụng tri thức và vận dụng tri thức trong hành động để thực hiện nhiệm vụ tương ứng. Như vậy, trong KN có tri thức, không chỉ có tri thức về phương thức hành động mà còn là tri thức về giá trị của hành động. KN bao giờ cũng gắn với một hành động hay một hoạt động nào đó, thể hiện sự chọn lựa và vận dụng tri thức, những kinh nghiệm đã có để thực hiện hành động cho phù hợp với mục đích và điều kiện cụ thể.

Từ những phân tích trên, trong luận án này khái niệm KN được hiểu: “*Kỹ năng là biểu hiện năng lực cá nhân con người, thực hiện một hành động hay một hoạt động nào*

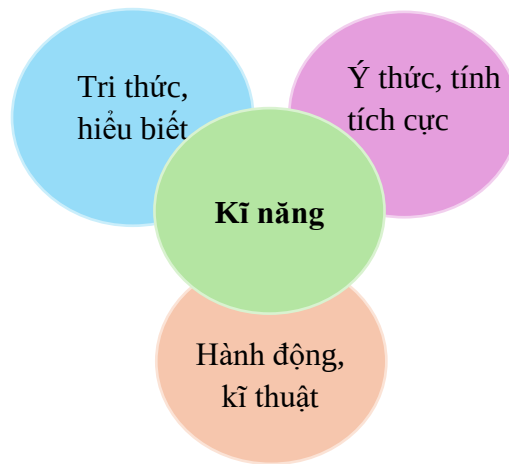
đó bằng cách lựa chọn và vận dụng tri thức, hiểu biết, cảm xúc đã có và thái độ tích cực để hành động phù hợp với những điều kiện thực tế để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã đề ra”.

Khi xem xét KN cần phải lưu ý những điểm sau đây:

- + KN bao giờ cũng gắn với hành động cụ thể.
- + Tiêu chuẩn để đánh giá sự hình thành và phát triển của KN là tính đúng đắn, sự thành thạo, linh hoạt, mềm dẻo.
- + KN mà mỗi cá nhân có được là kết quả của quá trình hoạt động và rèn luyện và tích lũy kinh nghiệm.

1.2.2. Cấu trúc của kỹ năng

Dựa vào khái niệm, bản chất của KN đã nêu trên, có thể phân tích cấu trúc của KN bao gồm:



Hình 1.1. Cấu trúc của kỹ năng

(1) Tri thức, hiểu biết: (tri thức về đối tượng và tri thức về cách thực hiện, kỹ thuật thực hiện) Một chủ thể được coi là có KN khi mà chủ thể thực hiện các hành động dựa trên những tri thức, hiểu biết nhất định về lĩnh vực hoạt động đó. Có thể coi tri thức, hiểu biết là một mặt cơ bản của KN, là cơ sở nền tảng để hình thành phát triển KN và thực hiện hoạt động thành công.

(2) Ý thức: Nếu không có sự tham gia của ý thức thì khi thực hiện hành động dù thành thạo cũng chỉ có thể coi đó là thói quen chứ không phải là KN. Thói quen là dạng hành động được thực hiện lặp đi lặp lại, có thể quá trình thực hiện không cần sự tham gia của ý thức. Như vậy, để có KN đòi hỏi phải có sự tham gia của ý thức. Chủ thể phải chủ động, tích cực, linh hoạt trong quá trình thực hiện. KN không phải hành động tự

động hóa mà có tính linh hoạt, di chuyển được trong những hoàn cảnh khác nhau. KN luôn được ý thức kiểm soát. Muốn có KN thuần thục thì chủ thể phải tích cực rèn luyện.

(3) Hành động, thao tác, kĩ thuật: KN là một dạng năng lực hành động, biểu hiện ở mặt kĩ thuật của hành động. Tính đầy đủ, hợp lí, sự thành thạo, linh hoạt và hiệu quả là tiêu chuẩn quan trọng để xác định mức độ hình thành và phát triển của KN. Nó đòi hỏi chủ thể thực hiện hành động phải dựa trên kiến thức hiểu biết, ý thức, tính tích cực chủ động. Hành động đó phải thành thạo, có quy trình hệ thống chặt chẽ nhưng cũng mang tính linh hoạt sáng tạo. Hành động muốn có kĩ thuật đòi hỏi quá trình luyện tập và sự linh hoạt sáng tạo của mỗi cá nhân [20].

Như vậy, các thành tố trong cấu trúc 03 mặt của KN có mối liên hệ mật thiết nhau, đòi hỏi quá trình hình thành bất cứ một KN nào cũng cần tác động phù hợp vào từng mặt, không thể thiếu và không tách rời, nó phải là một quá trình liên tục thì chủ thể mới có KN.

1.2.3. Kĩ năng vận động cơ bản

1.2.3.1. Khái niệm

Kĩ năng vận động là một hình thức hành động, được hình thành theo cơ chế phản xạ có điều kiện, nhờ quá trình luyện tập thường xuyên. Hay nói cách khác:

Kĩ năng vận động là khả năng vận động ở mức độ cần phải tập trung chú ý cao vào từng chi tiết của bài tập vận động, các chi tiết của bài tập vận động được tập luyện chưa liên tục, chưa nhuần nhuyễn, chưa đảm bảo độ bền vững [73].

Đối với trẻ mầm non, KN vận động là mức độ tiếp thu kĩ thuật vận động thể hiện ở sự tập trung chú ý vào các thao tác của bài tập, các thao tác vận động chưa nhuần nhuyễn, chưa liên tục, chưa đảm bảo độ bền vững, dễ dàng bị mất đi nếu không được ôn tập nhiều lần. Có thể thực hiện bài tập dưới nhiều hình thức như tập tay không, tập với dụng cụ, dưới dạng trò chơi, tập kết hợp với nhạc [57].

Nếu như được lặp lại nhiều lần theo những phương pháp dạy học phù hợp thì KN vận động sẽ chuyển thành kĩ xảo vận động, tức là lượng biến đổi thành chất.

Tuy nhiên, khả năng thực hiện một vận động đơn giản hay phức tạp sẽ vẫn dừng lại ở giới hạn KN chừng nào việc thực hiện vận động đó còn đòi hỏi sự tập trung chú ý cao trong suốt quá trình thực hiện.

KN vận động tinh là khả năng điều khiển, phối hợp các cơ nhỏ của bàn tay và ngón tay để thực hiện các hoạt động đòi hỏi sự tỉ mỉ, tinh tế và khéo léo.

Kĩ xảo vận động là năng lực giải quyết nhiệm vụ vận động một cách tự động hóa, trong đó người học chỉ tập trung chú ý vào các điều kiện và kết quả của hành động mà không tập trung chú ý đến kĩ thuật từng phần của bài tập [57].

Trong luận án này khái niệm KNVĐCB được hiểu: *“Kĩ năng vận động cơ bản là năng lực hay khả năng thực hiện một nhiệm vụ vận động trong điều kiện người học phải tập trung chú ý cao vào từng động tác xuyên suốt quá trình thực hiện”*

1.2.3.2. Bản chất của kĩ năng vận động cơ bản

Nhà sinh lý học người Nga Pavlov đã chỉ ra rằng trong quá trình hình thành các dạng hoạt động hay hình thành phản xạ có điều kiện phải có sự hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời giữa các vùng khác nhau trên vỏ bán cầu đại não. Mà hoạt động bình thường của vỏ não là kết quả của hai quá trình hưng phấn và ức chế. Đường liên hệ thần kinh tạm thời được củng cố bằng những kích thích có điều kiện thông qua quá trình luyện tập. Hay nói một cách khác phản xạ có điều kiện là mối liên lạc giữa cơ thể và môi trường. Phản xạ có điều kiện cần có một quá trình xây dựng trong đời sống, trong luyện tập để hình thành đường liên hệ tạm thời.

Quá trình hình thành phản xạ có điều kiện ở người và động vật thí nghiệm có sự khác biệt rõ rệt. Ở động vật đường liên hệ thần kinh tạm thời được hình thành chỉ bằng những kích thích có điều kiện và không điều kiện và lặp lại những kích thích đó. Ở người KNVĐCB có đặc điểm khác với phản xạ có điều kiện là trong KNVĐCB có sự tác động của hệ thống tín hiệu thứ nhất và thứ hai. Vì vậy sự hình thành KNVĐCB phức tạp hơn nhiều so với việc hình thành phản xạ có điều kiện ở động vật. Thí dụ, phản xạ tiết nước bọt ở chó nhờ ánh đèn thì chỉ cần nhắc lại các kích thích từ 5-7 lần thì phản xạ đó được hình thành và bền vững. Nhưng quá trình hình thành KNVĐCB phải được củng cố bằng những kích thích có điều kiện thông qua quá trình luyện tập thường xuyên. Như vậy điều kiện căn bản để hình thành KN là phải củng cố đường liên hệ thần kinh tạm thời, tạo ra khả năng hưng phấn của hệ thần kinh.

KNVĐCB được xây dựng dựa trên sự tác động của cả hệ thống tín hiệu thứ nhất và thứ hai. Việc xây dựng KN vận động có thể được tiến hành thông qua phương pháp làm mẫu (thị phạm) và giảng giải. Như vậy KNVĐCB là những hình thái phản xạ học được trong cuộc sống, trong quá trình tập luyện theo cơ chế đường liên hệ thần kinh tạm thời [57].

1.2.3.3. Các dấu hiệu đặc trưng của kĩ năng vận động cơ bản

Việc điều khiển các động tác – thành phần của hành động trọn vẹn, diễn ra chưa được tự động hóa mà phải luôn luôn có sự kiểm tra của ý thức, do đó dễ mệt mỏi và rất căng thẳng.

Cách thức giải quyết nhiệm vụ vận động chưa ổn định, việc tìm tòi những cách thức mới hơn vẫn đang diễn ra.

KNVĐCB là mức độ đầu tiên để đi đến nắm vững các hành động vận động mà bất cứ người học nào có thể bỏ qua được. Khoảng thời gian chuyển tiếp lên kĩ xảo rất khác nhau và phụ thuộc vào năng lực của từng người, vào sự hoàn thiện các phương pháp giảng dạy vào độ khó của động tác.

Rèn luyện KNVĐCB có một giá trị giáo dục rất lớn bởi vì cơ sở của chúng ta là sự tìm tòi, sáng tạo, là sự so sánh, phân tích, tổng hợp đánh giá và các cách thức thực hiện động tác, tức là phải tư duy một cách tích cực [57].

1.2.3.4. Đặc điểm tiếp thu kĩ năng vận động cơ bản ở trẻ

Trong quá trình tập luyện, trẻ ở lứa tuổi này rất khó để thực hiện các động tác thực tập ngay được. Quá trình hình thành động tác ở trẻ tuân theo quy luật từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Thực tế cho thấy muốn hình thành động tác một cách chuẩn xác phải dựa trên những động tác đơn giản hoặc những động tác đã được tiếp thu từ trước.

Ở những KN nhiều thành phần thì không phải là mới hoàn toàn mà có những động tác đã được học từ trước.

Như vậy, muốn tiếp thu được các KN động tác phức tạp phải dựa trên cơ sở lưu dấu vết của những động tác đã có trước. Khi cần phải tiếp thu các kĩ thuật vận động phức tạp mà thành phần của chúng có nhiều động tác mới lạ, thường phải sử dụng các bài tập hỗ trợ, chuẩn bị xây dựng KN theo từng phần. Tóm lại muốn xây dựng những KN động tác phức tạp phải dựa trên cơ sở của sự tiếp thu những động tác đơn giản. Ví dụ, KN đi được hình thành trên cơ sở KN đứng, KN chạy được hình thành trên cơ sở KN đi.

Trong thực tế cho thấy, có nhiều trường hợp các KNVĐCB được củng cố vững chắc không những không góp phần thúc đẩy, mà ngược lại còn cản trở sự hình thành KN động tác mới. Nhất là trong trường hợp cấu trúc động tác mới làm thay đổi KN động tác cũ. Cho nên trong quá trình tập luyện, khi tập một động tác phải đảm bảo hình thành động tác đúng ngay từ đầu, vì sửa một động tác sai đã được củng cố vững chắc còn khó hơn và cần nhiều thời gian hơn tập một động tác mới.

Khi một động tác được thực hiện nghĩa là từ khi tiếp nhận kích thích, thần kinh phân tích và tổng hợp rồi đưa ra chương trình vận động. Đó là cả một quá trình đòi hỏi nhiều yếu tố tham gia. Bởi vì KN vận động không phải chỉ là những cử động, động tác đơn giản mà là một tổ hợp nhiều cử động, nhiều động tác phối hợp với nhau theo một trình tự nhất định nhất định để tạo nên một hệ vận động thống nhất. Trong quá trình hình thành KNVĐCB, dấu vết của hoạt động vận động rất quan trọng bởi vì cấu trúc của một động tác được xác định bằng dấu vết của kích thích trước, dấu vết của động tác mới được hình thành và những tín hiệu qua cơ quan phân tích chạy lên hệ thần kinh báo hiệu việc hình thành nên chương trình làm việc của hệ vận động.

Các giai đoạn hình thành kỹ năng vận động cơ bản

Quá trình hình thành KNVĐCB cho trẻ mầm non diễn ra theo 3 giai đoạn [57].

Giai đoạn 1: Hình thành KN vận động đầu tiên

Mục đích: Giúp trẻ có những hiểu biết sơ bộ về các thành phần cơ bản của kỹ thuật bài tập.

Nhiệm vụ: Hình thành ở trẻ những biểu tượng toàn vẹn của bài tập, nắm được các bước cơ bản của bài tập.

Cơ chế sinh lý: Diễn ra sự lựa chọn các phản xạ không điều kiện để hình thành phản xạ có điều kiện vừa thu được, đồng thời hình thành những phản xạ mới mà trẻ em chưa có kinh nghiệm vận động. Trong khoảng thời gian ngắn trẻ làm quen với các động tác mới mang tính chất khuếch tán của quá trình hưng phấn trong vỏ đại não, thiếu sự ức chế trong. Cuối giai đoạn này là một hệ thống phản xạ vận động tương ứng với phần cơ bản của kỹ thuật bài tập vừa tập được hình thành.

Đặc điểm: Trẻ thiếu tự tin trong lúc vận động, các cơ bắp đều căng hết mức, dùng sức chưa đúng giữa các bước của bài tập và thiếu sự liên tục, có nhiều cử động thừa, thiếu chính xác về không gian và thời gian do quá trình hưng phấn bị khuếch tán, lan truyền sang các trung tâm khác của cơ quan phân tích vận động.

Giai đoạn 2: Học sâu từng phần của bài tập.

Mục đích: Chuyển KN thô sơ ban đầu thành KN chính xác, chú ý đến các chi tiết kỹ thuật.

Nhiệm vụ: giúp trẻ nắm chắc hơn các phần cơ bản của kỹ thuật bài tập đã học và các chi tiết của nó.

Cơ chế sinh lý: Sự ức chế phân biệt trong phát triển, hạn chế sự lan truyền của các quá trình hưng phấn. Vai trò của hệ thống tín hiệu thứ hai dần dần được nâng cao, hoàn thiện

những vận động trong vỏ đại não, tạo ra những mối liên hệ tạm thời phức tạp, nhờ việc lặp đi, lặp lại hệ thống các phản xạ có điều kiện của bài tập đã học, để dần tiến tới hình thành những định hình động lực ở giai đoạn sau.

Đặc điểm: Trẻ hiểu nhiệm vụ và hành động của mình. Các KN vận động được hình thành với đầy đủ các chi tiết của kỹ thuật bài tập, bắt đầu xuất hiện các tổ chất vận động, nhưng thường dao động. Trẻ biết dùng sức hợp lý giữa các phần của bài tập, củng cố hệ thống phản xạ về bài tập vận động, bước đầu biết phối hợp giữa tay và chân.

Giai đoạn 3: Củng cố và tiếp tục hoàn thiện KN vận động, ổn định KN.

Mục đích: Chuyên những KN vận động đã học thành kỹ xảo vận động (nếu có thể).

Nhiệm vụ: Củng cố kỹ thuật bài tập đã học, tiếp tục hoàn thiện các chi tiết kỹ thuật của bài tập đó.

Cơ chế sinh lý: Hình thành định hình động lực của các mối liên hệ giữa các phản xạ đã được hình thành, trong mỗi liên hệ tác động qua lại giữa hệ thống tín hiệu thứ nhất liên quan đến phản xạ có điều kiện được thành lập trên cơ sở phản xạ không có điều kiện và hệ thống tín hiệu thứ hai liên quan đến lời nói của giáo viên, tư duy của trẻ. Hệ thống tín hiệu thứ hai giữ vai trò chủ đạo.

Đặc điểm: Trẻ đã nắm vững KN của bài tập vận động đã học, trẻ biết tiết kiệm sức lực, tập thoải mái tự nhiên, không gò bó, tập một cách tự do, chính xác.

Trẻ tự tin, tin tưởng vào hành động của mình và thực hiện nhiệm vụ một cách tự giác, áp dụng được những vận động đó vào thực tế, khi dạo chơi, chơi TCVD.

1.2.3.5. Phát triển kỹ năng vận động cơ bản

Phát triển là quá trình biến đổi mang tính quy luật của các bộ phận cấu thành hệ thống tồn tại trong thiên nhiên và xã hội. Quá trình biến đổi ấy ít nhất có những đặc tính: tính liên kết qua lại giữa biến đổi về lượng và chất; tính tất yếu; tính không đảo ngược và tính bền vững. Những đặc tính này là tiêu chí phân biệt phát triển với những quá trình biến đổi khác, chẳng hạn như những biến đổi tức thời, chức năng của cơ thể... cho thấy phát triển là một dạng biến đổi đặc biệt.

Sự phát triển KN vận động nói chung của trẻ mầm non đã được nhiều nhà khoa học trên thế giới quan tâm. Họ đã thống nhất ba luận điểm sau:

- Trẻ em phát triển KN vận động đều đều, theo một trật tự xác định và qua những giai đoạn nhất định.

- Tuy cùng trải qua những giai đoạn như nhau, cùng chịu những quy luật phát triển như nhau, nhưng mỗi trẻ là một cá nhân riêng biệt không giống một trẻ nào khác.

- Mỗi trẻ phát triển KN vận động theo một mức độ, có trẻ chậm, có trẻ nhanh, có trẻ không đều, lúc nhanh, lúc chậm.

Như vậy, giáo viên phải tìm hiểu sự phát triển KN vận động của mỗi trẻ, trên cơ sở đó hướng dẫn trẻ thực hiện các thao tác động tác, cho trẻ được vui vẻ, nảy nở phát huy tính tích cực của trẻ.

Sự phát triển KN vận động của trẻ là sự tăng các khả năng về vận động, thể lực, trí tuệ và xã hội, là một quá trình được sắp đặt theo trình tự hoàn hảo với những khả năng mới, những mô hình hành vi mới xuất hiện ở từng độ tuổi. Sự phát triển KN vận động của trẻ là một quá trình biến đổi, trong đó trẻ học cách điều khiển ở các mức độ phức tạp hơn về vận động, suy nghĩ, lời nói, tình cảm và quan hệ với người khác. Ví dụ:

Bảng 1.1. Kỹ năng vận động của trẻ phát triển theo độ tuổi

Tháng/Tuổi	Vận động thô	Vận động tinh
30 – 36 tháng	Leo lên, leo xuống thang một mình	Vẽ vòng tròn
3 – 4 tuổi	Đứng trên một chân, đi xe ba bánh	Vẽ hình vuông
4 – 5 tuổi	Ném bóng trên tay	Sử dụng kéo
5 – 6 tuổi	Ném bóng chính xác	Vẽ người với một vài bộ phận Vẽ tam giác. Tổ nét chữ

Sự phát triển của trẻ tuân theo những quy luật cơ bản của sinh học. Trình tự và tốc độ của sự phát triển phụ thuộc vào những yếu tố về di truyền, môi trường sống, đặc biệt là phương pháp nuôi dưỡng, điều kiện xã hội, vệ sinh và sự rèn luyện thân thể một cách có ý thức [57].

1.2.3.6. Các tiêu chí đánh giá kỹ năng vận động cơ bản

(1) Cơ sở lựa chọn các tiêu chí đánh giá kỹ năng vận động cơ bản cho trẻ 4-5 tuổi

- Quyết định số 641/QĐ-TTG, ngày 28/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030: Tăng cường chăm sóc sức khỏe trẻ em, người chưa thành niên và thanh niên nhằm giảm thiểu các bệnh về tim mạch, bệnh béo phì, bệnh gây bất bình thường về chiều cao thân thể, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống; Phát triển thể lực, tầm vóc bằng giải pháp tăng cường giáo dục thể chất đối với học sinh từ 03 tuổi đến 18 tuổi [78].

- Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những KN sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi

dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời [6].

- Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

- Đặc điểm phát triển thể chất của trẻ 4-5 tuổi.

- Kết quả mong đợi về phát triển KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi theo Chương trình Giáo dục mầm non.

- Khảo sát ý kiến của các chuyên gia, giáo viên mầm non và cán bộ quản lý giáo dục mầm non.

(2) Lựa chọn tiêu chí đánh giá kỹ năng vận động cơ bản cho trẻ 4-5 tuổi

Theo Pedhazur và Schmelkin (1991) thì tiêu chí là cơ sở để dựa vào đó mà đánh giá chất lượng. Tiêu chí có thể là bất cứ đại lượng nào dùng để giải thích hoặc dự đoán bằng cách lấy thông tin từ đại lượng khác.

Giáo dục phát triển KNVĐCB của trẻ 4–5 tuổi dựa theo mục tiêu của thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non [6].

- Nhóm vận động đi và chạy: đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi; đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn; đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn; chạy 15m trong khoảng 10 giây; chạy chậm 60 – 80m.

- Nhóm vận động bò, trườn, trèo: bò bằng bàn tay và bàn chân 3 – 4; bò đích dắc qua 5 điểm; bò chui qua cổng, ống dài 1m2 x 0,6m; trườn theo hướng thẳng; trèo qua ghế dài 1m5 x 30cm; trèo lên, xuống 5 thang giống.

- Nhóm vận động tung, ném, bắt: tung bóng lên cao và bắt; tung bắt bóng với người đối diện; đập và bắt bóng tại chỗ; ném xa bằng 1 tay, 2 tay; ném trúng đích bằng 1 tay; chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.

- Nhóm vận động bật, nhảy: bật liên tục về phía trước; bật xa 35 – 40cm; bật – nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35cm); bật tách chân, khép chân qua 5 ô; bật qua vật cản cao 10 – 15cm; nhảy lò cò 3m.

Theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi [2] gồm:

Chuẩn 1: Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn

a) Chỉ số 1. Bật xa tối thiểu 50cm;

b) Chỉ số 2. Nhảy xuống từ độ cao 40 cm;

c) Chỉ số 3. Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4 m;

d) Chỉ số 4. Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.

Chuẩn 3: Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động

a) Chỉ số 9. Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu;

b) Chỉ số 10. Đập và bắt được bóng bằng 2 tay;

c) Chỉ số 11. Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).

Chuẩn 4: Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể

- a) Chỉ số 12. Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây;
- b) Chỉ số 13. Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian;
- c) Chỉ số 14. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.

Theo tác giả Lê Hải (2022) nghiên cứu “Một số bài tập phát triển KNVĐCB cho trẻ 3-6 tuổi tại các trường mầm non khu vực Thành phố Hồ Chí Minh” đã xác lập 20 test đánh giá KNVĐCB cho trẻ mẫu giáo 3–6 tuổi, trong đó có 07 test đánh giá KNVĐCB của trẻ mẫu giáo nhỡ 4–5 tuổi và 21 bài tập phát triển KNVĐCB cho trẻ mẫu giáo (trong đó có 17 bài tập vận động cho trẻ mẫu giáo bé, 17 bài tập vận động cho trẻ mẫu giáo nhỡ và 19 bài tập vận động cho trẻ mẫu giáo lớn) có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển các KNVĐCB ở trẻ mẫu giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh [19].

Bảng 1.2. Tổng hợp các tiêu chí đánh giá KNVĐCB trẻ 4 – 5 tuổi

TT	Tiêu chí	Chương trình GDMN 2017	Bộ chuẩn trẻ em 5 tuổi 2010	Lê Hải 2022
1.	Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	x		
2.	Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	x		
3.	Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	x		
4.	Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.	x		
5.	Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)		x	
6.	Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây		x	
7.	Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian		x	
8.	Chạy nhanh 15m (giây)			x
9.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)			x
10.	Bò trong đường đích đặc (3 - 4 điểm đích đặc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	x		
11.	Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu		x	
12.	Bật xa tối thiểu 50cm		x	
13.	Nhảy xuống từ độ cao 40 cm		x	
14.	Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất		x	
15.	Trườn qua 03 cổng (giây)			x
16.	Bò qua 05 cổng (giây)			x
17.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)			x
18.	Bật xa tại chỗ (cm)			
19.	Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m)	x		
20.	Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m)	x		
21.	Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp	x		
22.	Ném trúng đích ngang (xa 2m)	x		
23.	Đập và bắt được bóng bằng 2 tay		x	
24.	Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m		x	
25.	Ném xa bằng 2 tay (cm)			x

Căn cứ vào cơ sở lý luận đã phân tích ở trên, căn cứ vào chương trình giáo dục mầm non [6]; căn cứ vào Bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi [2]; căn cứ kết quả nghiên cứu 07 tiêu chí đánh giá KNVĐCB cho trẻ 4 – 5 tuổi của tác giả Lê Hải [19]; căn cứ xin ý kiến các chuyên gia, CBQL và GVMN, luận án xác định lựa chọn 07 tiêu chí đánh giá KNVĐCB cho trẻ 4 – 5 tuổi: Chạy nhanh 15m (giây); Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây); Trườn qua 03 cổng (giây); Bò qua 05 cổng (giây); Trèo 05 bậc thang giống (giây); Bật xa tại chỗ (cm); Ném xa bằng 2 tay (cm).

1.2.3.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển kỹ năng vận động cơ bản ở trẻ 4 – 5 tuổi

Sự phức tạp của động tác: các vận động cơ bản không có chu kỳ (bật nhảy, ném xa, ném trúng đích...) đòi hỏi thời gian hình thành kỹ xảo dài hơn so với các vận động cơ bản có chu kỳ (đi, chạy, ...).

Sự hứng thú và động cơ: Trẻ càng hứng thú khi tham gia hoạt động vận động và có cơ hội thực hiện động tác vận động nhiều thì thời gian hình thành kỹ xảo sẽ nhanh hơn.

Phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên: nếu phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục vận động cơ bản của giáo viên phù hợp sẽ rút ngắn thời gian hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động ở trẻ.

Các yếu tố chủ quan từ bản thân trẻ: trẻ có ý thức tập luyện cao, khả năng tiếp thu vận động của trẻ tốt, khả năng nhận thức của trẻ theo độ tuổi sẽ giúp việc hình thành kỹ xảo diễn ra tốt hơn [57].

1.2.4. Kỹ năng xã hội

1.2.4.1. Khái niệm

Hiện nay có rất nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng xã hội (KNXH). Có thể nêu ra một số cách tiếp cận KNXH như sau:

KNXH nhấn mạnh đến năng lực thích nghi, vai trò của tương tác với các mối quan hệ. Nói đến KNXH là một tập hợp các năng lực cho phép cá nhân có thể bắt đầu và duy trì các mối quan hệ xã hội tích cực, giúp cá nhân có thể quyết định hành động và ứng xử một cách có hiệu quả với người khác, giúp người đó nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh góp phần để bạn bè chấp nhận và điều chỉnh cho phù hợp với các tình huống trong cuộc sống và cho phép một cá nhân ứng phó với môi trường xã hội lớn hơn [112] [127]. Còn theo Cavell (1990) đưa ra khái niệm KNXH là năng lực cụ thể cho phép thể hiện

trong các tình huống xã hội bao gồm cả hành vi công khai, KN nhận thức xã hội và điều chỉnh cảm xúc [117]. Như vậy khái niệm này đã đề cập KNXH trên cả 03 mặt nhận thức, thao tác hành vi và thái độ cảm xúc.

Theo Đặng Thành Hưng và Trần Thị Tố Oanh (2014) cho rằng KNXH là loại kỹ năng hướng tới và áp dụng trực tiếp vào những quan hệ, hoàn cảnh, quá trình và đời sống xã hội công cộng để giúp cá nhân nhận thức, ứng xử, giao tiếp và thích ứng xã hội thành công, hiệu quả ở mức độ nhất định. Vì vậy, KNXH là một loại kỹ năng được con người sử dụng để tương ứng với một hoạt động nào đó nhằm giúp cho cá nhân thực hiện các mối quan hệ với mọi người xung quanh, trên cơ sở nắm vững phương thức thực hiện và vận dụng tri thức, KNXH phù hợp với điều kiện hoàn cảnh [34].

Theo Tạ Thị Ngọc Thanh (2010), KNXH là những KN tâm lý - xã hội giúp cho cá nhân tồn tại và thích ứng trong cuộc sống xã hội. KNXH còn được xem như một biểu hiện quan trọng của năng lực tâm lý- xã hội giúp cho cá nhân vững vàng trong cuộc sống thực tại có nhiều thách thức nhưng cũng có nhiều cơ hội phát triển. Khái niệm này nhấn mạnh năng lực thích ứng xã hội giống như kỹ năng sống cần thiết của mỗi cá nhân [64].

Theo Nguyễn Quang Uẩn (2001), KNXH là những kỹ năng liên quan tới sự tương tác xã hội của bản thân với các cá nhân khác. Nó bao gồm các KN thiết lập và duy trì sự tương tác với người khác, giải quyết các tình huống và nhận thức phản hồi những cảm xúc, tình cảm [94].

Trong luận án này khái niệm KNXH được hiểu: *“Kỹ năng xã hội là kỹ năng, năng lực của mỗi cá nhân được hình thành trải nghiệm, sự vận dụng tri thức kinh nghiệm xã hội phù hợp với điều kiện hoàn cảnh để cá nhân áp dụng vào sự tương tác giữa con người với con người hoặc với xã hội, cộng đồng hay các tổ chức, giúp cá nhân nhận thức, ứng xử, giao tiếp và thích ứng thành công trong xã hội”*.

1.2.4.2. Phân loại kỹ năng xã hội

Các kỹ năng thành phần của KNXH được phân chia theo nhiều cách khác nhau:

Theo OMS chuyên trách về y tế của WHO chia ra thành 5 cặp KN như sau: biết giải quyết vấn đề/biết đưa ra quyết định; có tư duy phản biện/có suy nghĩ sáng tạo; biết giao tiếp hiệu quả/có KN trong các mối quan hệ liên cá nhân; có ý thức về bản thân/có sự đồng cảm với người khác; biết quản lý căng thẳng/biết quản lý cảm xúc [99].

Trong tài liệu “Hướng dẫn giáo trình khu vực Châu Á Thái Bình Dương” thuộc dự án Phát triển tình cảm KNXH nhằm thúc đẩy gắn kết xã hội những năm đầu đời (3-5 tuổi), UNICEF Khu vực Đông Á Thái Bình Dương (EAPRO) (Bangkok 2017) đã phân chia tình cảm, KNXH của trẻ thành 10 năng lực khác nhau thuộc 3 lĩnh vực [99]:

- Lĩnh vực phát triển xã hội bao gồm: Áp dụng các quy tắc xã hội; Thấu cảm với người khác; Giải quyết mâu thuẫn; Tôn trọng sự đa dạng; Hòa hợp với thiên nhiên.

- Lĩnh vực phát triển tình cảm bao gồm: Nhận biết cảm xúc; Tự trọng tích cực; Biết ơn.

- Phát triển nhận thức bao gồm các KN: Chức năng điều hành (kiểm soát ức chế, nhận thức linh hoạt, bộ nhớ làm việc); Đón nhận quan điểm.

Cách phân chia này đảm bảo tính toàn diện và chú ý các KN nhận thức xã hội của trẻ. Tài liệu này cũng có những hướng dẫn về cách đánh giá các KNXH này [99].

Theo tác giả Laura Candler đã liệt kê các KNXH cụ thể: chấp nhận sự khác biệt; yêu cầu giúp đỡ; giao tiếp mạch lạc, khen ngợi người khác; không đồng ý một cách lịch sự; khích lệ người khác, chấp hành sự hướng dẫn, lắng nghe tích cực, tham gia cùng nhau; giải quyết xung đột; chia sẻ; chấp nhận rủi ro; nói nhẹ nhàng; chờ đợi kiên nhẫn [119].

Tác giả Nguyễn Xuân Thức (2006), KNXH được phân loại thành các nhóm theo [79]:

- Mục đích sử dụng KN: nhóm KN hội thoại; nhóm KN chơi; nhóm KN hiểu các cảm xúc; nhóm KN giải quyết xung đột; nhóm KN liên quan đến mối quan hệ bạn bè.

- Môi trường hoạt động của cá nhân: nhóm KNXH thực hiện ở gia đình; nhóm KNXH thực hiện ở nhà trường; nhóm KNXH thực hiện trong các hoạt động cộng đồng.

Trong chương trình GDMN hiện nay, nội dung giáo dục (GD) KNXH cho trẻ 4-5 tuổi bao gồm hai mảng nội dung: GD hành vi, quy tắc ứng xử xã hội và GD hành vi quan tâm đến môi trường [5]. Nội dung GD hành vi và quy tắc ứng xử xã hội bao gồm: Nhóm KN tuân thủ các quy tắc xã hội (thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng); Nhóm KN giao tiếp; Nhóm KN hòa nhập với cuộc sống; Nhóm KN quan tâm chia sẻ. Nội dung GD hành vi quan tâm đến môi trường bao gồm: bảo vệ chăm sóc các con vật, cây cối; biết giữ gìn về sinh môi trường; tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt.

Như vậy, các cách phân chia KN thành phần của các tác giả, các chương trình có khác nhau, tuy nhiên đều coi các KN tương tác xã hội và thích ứng với cuộc sống xã

hội, các KN giao tiếp, ứng xử, cảm xúc tích cực, hợp tác, giải quyết mâu thuẫn, ... là thành phần không thể thiếu trong cấu trúc KNXH.

Căn cứ vào mục đích và cách tiến hành luận án, chúng tôi lựa chọn phát triển những KNXH cho trẻ 4-5 tuổi được thực hiện tại các trường mầm non như: KN trong mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn; KN thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh; KN thể hiện hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội; KN nghe hiểu lời nói; KN biết sử dụng lời nói để giao tiếp; KN thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp. Trong mỗi KNXH lại có những tiêu chí hay còn gọi các KN thành phần cụ thể.

1.2.4.3. Đặc điểm kỹ năng xã hội

Về bản chất, KNXH không đồng nhất với KN sống và KN mềm. KNXH hướng đời sống cá nhân ngày càng tiến tới sự hài hòa, thích hợp với xã hội, theo nguyên tắc social belonging (sở thuộc xã hội). KN sống hướng cá nhân tới cuộc sống cá nhân khôn ngoan, hiệu quả trong vòng đời của mình cho dù môi trường xã hội thế nào. KN mềm là khái niệm chỉ những hình thái cá nhân của mọi KN khi thực hiện chúng với sự can thiệp tinh tế của trí tuệ, tình cảm, văn hóa, kinh nghiệm, nhu cầu ... của chủ thể có KN (mọi KN đều là mềm khi thể hiện ở cá nhân mặc dù chúng là cứng khi ở trên giấy, trong thiết kế và quan niệm vì dưới hình thức này chúng đơn thuần là sự mô tả kỹ thuật). Cho nên chúng không thay thế nhau được mà tất cả đều cần thiết cho cá nhân để đạt tới trình độ cao trong cuộc sống của mình [34].

KNXH được hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn, không phải là bẩm sinh mà có, được hình thành và phát triển nhờ quá trình tích lũy, trải nghiệm, rèn luyện của mỗi cá nhân. KNXH của mỗi cá nhân chịu sự chi phối ảnh hưởng của nhận thức, hoàn cảnh, xúc cảm, mục đích và đa dạng, linh hoạt trong từng không gian, thời gian ở mỗi cá nhân. Trẻ em càng được GD KNXH sớm thì càng có khả năng tương tác và thích ứng thành công trong cuộc sống.

KNXH luôn có đối tượng tác động hoặc tương tác là cái xã hội hiện thực, trực tiếp. Nội dung của tương tác này thường có 3 dạng: nhận thức (nhận diện, hiểu, thực hiện tư duy xã hội, đánh giá...), ứng xử và giao tiếp xã hội (là phần suy nghĩ và hành động tương ứng với những quan hệ xã hội), thích ứng xã hội để chính mình tồn tại hiệu quả với tư cách là thành viên xã hội và là cá nhân có ích cho xã hội (thích nghi với các điều kiện, hoàn cảnh, sống hài hòa với cộng đồng, biết thay đổi hay cải tạo môi trường khi cần thiết dù đó chỉ có tính cục bộ...) [34].

KNXH của mỗi cá nhân phụ thuộc vào môi trường văn hóa xã hội, vào gia đình, vào môi trường GD, vào đặc điểm tâm lý lứa tuổi và sự nỗ lực rèn luyện của chính đứa trẻ.

KNXH không phải là các KN mang tính chuyên môn nghiệp vụ. Các KNXH giúp cá nhân ứng xử, giao tiếp, thích ứng trong cuộc sống và nét đặc trưng của KNXH đó là luôn diễn ra trong bối cảnh tương tác giữa cá nhân với các mối quan hệ trong xã hội hiện thực [20].

Đối với trẻ 4-5 tuổi, KNXH được xem là một dạng hành động của trẻ giúp trẻ tham gia tương tác hiệu quả trong môi trường xã hội, thực hiện các mối quan hệ với mọi người xung quanh, vận dụng tri thức, kinh nghiệm xã hội phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể, giúp trẻ giao tiếp, tương tác, thích nghi với môi trường mầm non, cộng đồng gần gũi trẻ. KNXH ở trẻ 4-5 tuổi gồm KN giao tiếp, hòa nhập với cuộc sống, hợp tác, chia sẻ giúp đỡ mọi người, quan tâm đến môi trường. KNXH là những KN liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ, khả năng hòa nhập xã hội, biểu hiện thái độ và hành vi ứng xử trong quan hệ tương tác giữa con người với con người hoặc với xã hội.

1.2.4.4. Các giai đoạn hình thành kỹ năng xã hội

Một KNXH có thể được hình thành qua các giai đoạn sau [79]:

(1) Giai đoạn tiếp thu: Cá nhân tìm hiểu về KNXH (mục đích, nội dung, cách thức và điều kiện thực hiện hành động). Cá nhân có thể tự tìm hiểu hoặc có thể được người khác giới thiệu, hướng dẫn, quan sát hình mẫu và làm thử. Ở giai đoạn này, cá nhân có thể phạm những sai sót mà bản thân cá nhân thực hiện khó tự nhận thấy hoặc chưa thực hiện được KN một cách độc lập.

(2) Giai đoạn duy trì: Cá nhân đã có hiểu biết về hành động (thông qua những hướng dẫn, thực hành hành động, phản hồi từ người hướng dẫn) và có thể áp dụng hành động trong một vài tình huống mẫu ở mức độ độc lập nhất định. Tuy nhiên, việc thực hiện các thao tác hành động có lúc đúng, lúc sai, cần sự hướng dẫn, nhắc nhở của người khác, cá nhân biết tự sửa đổi với những sai sót mắc phải trong hành động. Biện pháp hướng dẫn của giáo viên/người lớn trong giai đoạn này là tổ chức các hoạt động rèn KNXH cho học sinh thông qua nhóm hoặc tập thể để học sinh có cơ hội thực hành, luyện tập các KNXH trong các tình huống ở môi trường quen thuộc.

(3) Giai đoạn thuần thục: Cá nhân có thể thực hiện một KN có kết quả và ổn định trong ít nhất một hoàn cảnh/môi trường quen thuộc hoặc sử dụng KNXH ở nhiều tình huống khác nhau (nhánh và thành thạo). KNXH đạt được thông qua một số lần tập luyện thao tác hành động liên tục, hệ thống: tập nhiều, thường xuyên để thành thục, nâng cao

KN. Hình thức tập luyện tùy thuộc vào tính đặc thù của nội dung các KN cũng như các hoạt động của người thực hiện.

(4) Giai đoạn khái quát hoá: KNXH được duy trì thực hiện thường xuyên, độc lập qua các bối cảnh và thời gian khác nhau. Cá nhân có khả năng hành động có kết quả trong một hoạt động nhất định. Như vậy, việc sử dụng linh hoạt là mức độ cao nhất của các giai đoạn hình thành KNXH. Để có KN ở mức độ linh hoạt, trẻ cần được rèn luyện thường xuyên, liên tục và tỉ mỉ trong bối cảnh thực tế để những hành động trở nên vững vàng và trở thành một nhu cầu tự nhiên như là một thói quen của cá nhân.

1.2.4.5. Phát triển kỹ năng xã hội

Phát triển tình cảm, KNXH là tiền đề quan trọng cho việc học và phát triển toàn diện của trẻ. Các năng lực tình cảm và xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với kết quả học tập và phát triển được cải thiện của trẻ. Đó là nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhận thức ở trẻ em cũng như khả năng tham gia hiệu quả vào các công việc nhóm hay trách nhiệm của trẻ với xã hội. Khi trẻ có ý thức rõ ràng và tích cực về bản thân mình, trẻ tự chủ và tự tin hơn thì trẻ sẽ biết quan tâm đến người khác trong giao tiếp, biết thông cảm và tôn trọng [4].

Giáo dục tốt KNXH sẽ giúp trẻ phát triển tốt về ngôn ngữ, giao tiếp, nhận thức và hành vi. Trong quá trình vui chơi với bạn bè và những người xung quanh, trẻ sẽ học được những kiến thức về thế giới xung quanh, học được các quy tắc ứng xử xã hội. Đây chính là những KN nền tảng giúp trẻ hòa nhập xã hội. Ban đầu sự hòa nhập diễn ra trong môi trường gia đình và trường học nhưng sau này sẽ là cuộc sống xã hội với nhiều mối quan hệ khác nhau.

Phát triển KNXH là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch nhằm thay đổi cả về lượng và chất những KN mà cá nhân sử dụng để tương tác với người khác, giải quyết những vấn đề nảy sinh trong học tập và trong cuộc sống một cách phù hợp.

1.2.4.6. Các tiêu chí đánh giá kỹ năng xã hội

(1) Cơ sở lựa chọn các tiêu chí đánh giá kỹ năng xã hội cho trẻ 4-5 tuổi

- Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những KN sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời [6].

- Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.
- Đặc điểm tâm, sinh lí của trẻ 4-5 tuổi.
- Kết quả mong đợi về phát triển KNXH của trẻ 4-5 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non.
- Khảo sát ý kiến của các chuyên gia, giáo viên mầm non và cán bộ quản lý giáo dục mầm non.

(2) Lựa chọn tiêu chí đánh giá kỹ năng xã hội cho trẻ 4-5 tuổi

Tiêu chí đánh giá KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi được dựa theo mục đích ban hành “Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi” [2], đó là: Hỗ trợ thực hiện chương trình giáo dục mầm non, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, chuẩn bị tâm thế cho trẻ em năm tuổi vào lớp 1; Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi là căn cứ để xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn các bậc cha mẹ và cộng đồng trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em năm tuổi nhằm nâng cao nhận thức về sự phát triển của trẻ em. Trên cơ sở đó, tạo sự thống nhất trong chăm sóc, giáo dục trẻ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Luận án chọn ra các chuẩn và chỉ số liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu:

Chuẩn 10: Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn

- a) Chỉ số 42. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;
- b) Chỉ số 43. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;
- c) Chỉ số 44. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;
- d) Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;
- e) Chỉ số 46. Có nhóm bạn chơi thường xuyên;
- f) Chỉ số 47. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.

Chuẩn 11: Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh

- a) Chỉ số 48. Lắng nghe ý kiến của người khác;
- b) Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;
- c) Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;
- d) Chỉ số 51. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;
- e) Chỉ số 52. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.

Chuẩn 12: Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội

- a) Chỉ số 53. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;
- b) Chỉ số 54. Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;

- c) Chỉ số 55. Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;
- d) Chỉ số 56. Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;
- e) Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.

Chuẩn 14: Trẻ nghe hiểu lời nói

- a) Chỉ số 61. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi;
- b) Chỉ số 62. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;
- c) Chỉ số 63. Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;
- d) Chỉ số 64. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.

Chuẩn 15: Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp

- a) Chỉ số 65. Nói rõ ràng;
- b) Chỉ số 66. Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày;
- c) Chỉ số 67. Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;
- d) Chỉ số 68. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;
- e) Chỉ số 69. Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;
- f) Chỉ số 70. Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;
- g) Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;
- h) Chỉ số 72. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.

Chuẩn 16: Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp

- a) Chỉ số 73. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;
- b) Chỉ số 74. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;
- c) Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;
- d) Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;
- e) Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;
- f) Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy.

Bảng 1.3. Tổng hợp các tiêu chí đánh giá KNXH trẻ 4 – 5 tuổi

TT	Tiêu chí	Chương trình GDMN 2017	Bộ chuẩn trẻ em 5 tuổi 2010	Nguyễn Thị Thu Hạng 2021	Đàm Thị Kim Thu 2021
1.	Kỹ năng thể hiện ý thức về bản thân	x			
2.	Kỹ năng thể hiện sự nhận thức về bản thân		x		
3.	Kỹ năng thể hiện sự tự tin, tự lực	x			
4.	Kỹ năng thể hiện sở thích của bản thân		x		
5.	Kỹ năng tin tưởng vào khả năng của bản thân		x		
6.	Kỹ năng giải quyết vấn đề				x
7.	Kỹ năng nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	x			
8.	Kỹ năng thể hiện lòng biết ơn			x	
9.	Kỹ năng tương tác xã hội				x
10.	Kỹ năng giao tiếp có văn hóa			x	
11.	Kỹ năng cảm nhận và thể hiện cảm xúc		x		
12.	Kỹ năng hợp tác với mọi người			x	
13.	Kỹ năng mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn		x		
14.	Kỹ năng tuân theo nội quy				x
15.	Kỹ năng hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	x			
16.	Kỹ năng thích nghi với hoàn cảnh mới			x	
17.	Kỹ năng giao tiếp				x
18.	Kỹ năng hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội		x		
19.	Kỹ năng quan tâm đến môi trường	x			
20.	Kỹ năng thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh		x		
21.	Kỹ năng thể hiện sự tôn trọng người khác		x		
22.	Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội				x

Căn cứ vào cơ sở lý luận đã phân tích ở trên, căn cứ vào chương trình giáo dục mầm non [6]; căn cứ vào Bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi [2]; căn cứ kết quả nghiên cứu Nguyễn Thị Thu Hạnh (2021), Đàm Thị Kim Thu (2021) [20][75]; căn cứ xin ý kiến các chuyên gia, cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên mầm non (GVMN), luận án xác định lựa chọn các tiêu chí đánh giá KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh như sau:

- Kỹ năng tương tác xã hội
- Kỹ năng tuân theo nội quy
- Kỹ năng giao tiếp
- Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội
- Kỹ năng giải quyết vấn đề

1.2.4.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ 4 – 5 tuổi

Năng lực của giáo viên. Đây là đội ngũ trực tiếp thực hiện việc phát triển KNXH cho trẻ ở trường MN. Ngoài những điều kiện cần về trình độ đào tạo, bằng cấp, kinh nghiệm thì giáo viên (GV) cần được trang bị đầy đủ hệ thống kiến thức liên quan đến vấn đề GD KNXH cho trẻ mầm non, từ việc nắm được lý luận đến KN thiết kế tổ chức và năng lực thực hiện việc đánh giá KNXH cho trẻ. Ngoài ra GV cần có lòng say mê, yêu nghề, tính tích cực, sáng tạo và là tấm gương sáng về đạo đức, hành vi trong lối sống ứng xử để trẻ noi theo, có như vậy thì quá trình hình thành và phát triển KNXH mới trọn vẹn và hiệu quả.

Môi trường sống, môi trường giáo dục. KNXH không phải sinh ra đã có, muốn hình thành và phát triển KNXH, trẻ phải được sống trong cộng đồng, được sống trong môi trường có sự tương tác giữa các mối quan hệ. Với trẻ trước hết đó là gia đình, sau đó là trường mầm non, môi trường lớp học, bạn bè, làng xóm, quê hương, cộng đồng xã hội... Vì vậy, phát triển KNXH cần được đặt trẻ trong môi trường xã hội.

Điều kiện cơ sở vật chất là yếu tố ảnh hưởng quan trọng trong quá trình phát triển KNXH, đảm bảo cho hoạt động GD diễn ra thuận lợi và đạt hiệu quả. Để hình thành và phát triển được KNXH, trẻ phải có đồ dùng, đồ chơi, các thiết bị, phương tiện hỗ trợ và không gian hoạt động ở trường mầm non. Vì vậy, các cơ sở GDMN cần đầu tư trang

thiết bị, môi trường hoạt động cho trẻ và bên cạnh đó, cần hướng dẫn, đào tạo cho GV biết sử dụng có hiệu quả, sáng tạo trang thiết bị.

1.3. Đặc điểm tâm, sinh lý và phát triển vận động của trẻ 4 - 5 tuổi

1.3.1. Đặc điểm tâm lý của trẻ 4 – 5 tuổi

Ở trẻ 4-5 tuổi, hoạt động vui chơi ở trẻ đã phát triển mạnh. Trò chơi là một loại hoạt động tự lực và tự do của trẻ em nói chung, nhưng vào độ tuổi trẻ 4-5 tuổi tính tự lực tự do của trẻ mới thực sự được bộc lộ. Trong quá trình vui chơi, trẻ bộc lộ toàn bộ tâm trí của mình, từ nhận thức, tình cảm, ý chí, nói năng đều tỏ ra tích cực và chủ động. Trong khi vui chơi, trẻ 4-5 tuổi thể hiện tính tự lực, tự do rất rõ, ít lệ thuộc vào người lớn và hoàn toàn tùy thuộc vào ý thích của mình [87].

Trong việc lựa chọn bạn cùng chơi, do thế giới nội tâm đã bắt đầu phong phú nên cá tính của trẻ được bộc lộ rõ rệt, mỗi trẻ có mỗi tính, mỗi nét. Khi chơi là phải phối hợp hành động, nhưng không phải mọi đứa trẻ đều có thể chơi với nhau một cách êm thấm được, do đó trẻ cần phải lựa chọn các bạn “tâm đầu ý hợp” với mình, chơi như vậy mới bền hơn, vui hơn. Trong hoạt động vui chơi, trẻ 4-5 tuổi đã biết thiết lập những mối quan hệ rộng rãi và phong phú với các bạn cùng chơi “Một xã hội trẻ em” hình thành. Không có sự phối hợp với nhau giữa các thành viên thì không thành trò chơi [87].

Ở nhiều nhóm trẻ 4-5 tuổi đã bắt đầu xuất hiện vai trò “thủ lĩnh”. Đó là đứa trẻ được các bạn tôn sùng và vị nể nhất, vì nó thường có nhiều sáng kiến và khả năng tổ chức trò chơi; nó chỉ huy việc phân vai và hướng dẫn hành động cho những đứa trẻ khác. Trẻ bắt đầu lắng nghe ý kiến của bạn cùng tuổi và phục tùng ý kiến của đại đa số, ngay cả khi điều đó mâu thuẫn với những ấn tượng và kinh nghiệm riêng của mình. Sự phục tùng ý kiến của đại đa số như thế gọi là tính thích nghi [87].

Trẻ 4-5 tuổi đã có khả năng giải các bài toán bằng các “phép thử ngầm trong óc” dựa vào các biểu tượng, kiểu tư duy trực quan – hình tượng đã bắt đầu chiếm ưu thế. Đặc biệt qua các trò chơi, cô giáo giúp trẻ hệ thống hóa và chính xác hóa dần những biểu tượng về thế giới xung quanh.

Ở độ tuổi này, quan hệ của trẻ với những người xung quanh được mở rộng một cách đáng kể, do đó tình cảm của trẻ cũng được phát triển về nhiều mặt đối với những người trong xã hội. Có thể coi đây là nguồn xúc cảm mạnh mẽ nhất và quan trọng nhất

trong đời sống tinh thần của trẻ 4–5 tuổi. Đặc biệt là tính đồng cảm và tính dễ xúc cảm đối với con người và cảnh vật xung quanh, thuận lợi để giáo dục lòng nhân ái cho trẻ.

Đến 4–5 tuổi, các động cơ đã xuất hiện trước đây ở trẻ – 4 tuổi như muốn được khẳng định, muốn được sống và làm việc giống như người lớn, muốn nhận thức sự vật và hiện tượng xung quanh, ... đều được phát triển mạnh mẽ. Những động cơ vì xã hội – muốn làm một cái gì đó cho người khác, mang lại niềm vui cho người khác bắt đầu chiếm vị trí ngày càng lớn trong số các động cơ đạo đức. Trong động cơ hành vi của trẻ còn có thêm yếu tố thi đua giữa mình với các bạn, giữa tổ mình với các tổ khác. Yếu tố thi đua kích thích trẻ hoạt động một cách tích cực. Những lời nhắc nhở như “Ai làm nhanh hơn”, “Tổ nào làm tốt hơn”, ... đối với trẻ 4–5 tuổi có một sức động viên khiến cho trẻ thực hiện công việc tốt hơn bình thường [87].

Chỉ ở độ tuổi 4-5 thì những thuộc tính tâm lí, những phẩm chất nhân cách này mới có một tốc độ phát triển mạnh nhất và thuần khiết nhất vì chúng không bị pha trộn với những tính cách do thời kì chuyển tiếp gây nên. Là điều kiện hết sức quan trọng để tạo ra một sự chuyển tiếp mạnh mẽ ở độ tuổi 5-6 tuổi tiến dần vào thời kì chuẩn bị cho trẻ tới trường phổ thông. Do đó giáo dục cần tập trung hết mức để giúp trẻ phát triển những đặc điểm này.

1.3.2. Đặc điểm sinh lý của trẻ 4 - 5 tuổi

Đây là thời kì thuận lợi để trẻ tiếp thu và củng cố các KN cần thiết. Trẻ em lứa tuổi này lớn nhanh, cảm thấy như gầy hơn, mắt vẻ tròn trĩnh, mập mạp đã có ở tuổi nhà trẻ. Đặc trưng của trẻ em lứa tuổi này là cơ thể phát triển chưa ổn định và khả năng vận động còn hạn chế [40][58].

Hệ thần kinh: Từ lúc trẻ mới sinh, hệ thần kinh của trẻ chưa được chuẩn bị đầy đủ để thực hiện các chức năng của mình. Hệ thần kinh thực vật của trẻ phát triển hơn. Sự phát triển của hệ thần kinh ở trẻ mẫu giáo đã ở mức độ cao hơn so với trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Sự trưởng thành của các tế bào thần kinh của đại não kết thúc. Tuy nhiên quá trình hưng phấn và ức chế chưa cân bằng, sự hưng phấn mạnh hơn sự ức chế. Do đó, phải đối xử thận trọng với trẻ, tránh để trẻ phải thực hiện một khối lượng vận động quá sức hoặc kéo dài thời gian vận động sẽ làm trẻ mệt mỏi. Trẻ em từ 4 đến 5 tuổi, quá trình ức chế tích cực dần dần phát triển. Trẻ đã có khả năng phân tích, đánh giá, hình thành KN, kĩ xảo vận động và phân biệt được các hiện tượng xung quanh. Hệ thần kinh

có tác dụng chi phối và điều tiết đối với vận động cơ thể, vì vậy hoạt động vận động của trẻ có hai tác dụng: Thúc đẩy sự phát triển công năng của tổ chức cơ bắp và thúc đẩy sự phát triển công năng của hệ thần kinh. Vận động cơ thể của trẻ có thể cải thiện tính không cân bằng của quá trình thần kinh ở chúng. Song cần chú ý tới sự luân phiên giữa động và tĩnh trong quá trình vận động của trẻ.

Hệ vận động: Bao gồm hệ xương, hệ cơ và khớp. Bất cứ hoạt động nào của cơ thể được hoàn thành đều thông qua hệ vận động. Hệ xương của trẻ chưa hoàn thành cốt hoá, thành phần hoá học xương của trẻ có chứa nhiều nước và chất hữu cơ hơn chất vô cơ so với người lớn, nên có nhiều sụn xương, xương mềm, dễ bị cong, gãy. Vận động cơ thể hợp lí có thể làm cho hình thái cấu trúc xương của trẻ em có chuyển biến tốt như: Thành xương dày lên, đường kính to ra, tăng được công năng chống đỡ áp lực, chống cong vẹo, chống gãy xương. Hệ cơ của trẻ em phát triển yếu, tổ chức cơ bắp còn ít, các sợi cơ nhỏ, mảnh, thành phần nước trong cơ tương đối nhiều, nên sức mạnh cơ bắp còn yếu, cơ nhanh mệt mỏi. Do đó, trẻ ở lứa tuổi này không thích hợp với sự căng thẳng lâu của cơ bắp, cần xen kẽ giữa vận động và nghỉ ngơi thích hợp trong thời gian luyện tập.

Khi trẻ được thường xuyên tham gia vận động thể lực hợp lí sẽ tăng cường hiệu quả công năng các tổ chức cơ bắp, làm cho sức mạnh và sức bền của cơ bắp phát triển. Trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường cũng như ở gia đình, người lớn cần chú ý tới tư thế thân người của trẻ, không nên cho trẻ ngồi và đứng qua sớm sẽ ảnh hưởng không tốt đến độ cong sinh lí của cột sống, dễ bị gù hoặc vẹo cột sống. Khớp của trẻ có đặc điểm là ổ khớp còn nông, cơ bắp xung quanh khớp còn mềm yếu, dây chằng lỏng lẻo, tính vững chắc của khớp tương đối kém. Hoạt động vận động phù hợp với lứa tuổi của trẻ sẽ giúp khớp được rèn luyện, từ đó tăng dần tính vững chắc của khớp. Để hệ vận động của trẻ thực hiện tốt chức năng vận động, cần phải thường xuyên cho trẻ luyện tập hợp lí, vừa sức và chú ý đến tư thế thân người đúng của trẻ trong đời sống hàng ngày.

Hệ tuần hoàn: Hệ tuần hoàn là một hệ thống đường ống khép kín do tim và mạch cấu tạo thành còn gọi là hệ tim mạch. Vận động của tim chủ yếu dựa vào sự co bóp của cơ tim. Sức co bóp cơ tim của trẻ còn yếu, mỗi lần co bóp chỉ chuyển đi được một lượng máu rất ít, nhưng mạch đập nhanh hơn ở người lớn. Trẻ càng nhỏ tuổi thì tần số mạch đập càng nhanh. Điều hoà thần kinh tim ở trẻ còn chưa hoàn thiện, nên nhịp co bóp dễ mất ổn định, cơ tim dễ hưng phấn và chóng mệt mỏi khi tham gia vận động kéo dài.

Nhưng khi thay đổi hoạt động, tim của trẻ em nhanh hồi phục. Các mạch máu của trẻ rộng hơn so với người lớn, do đó áp lực của máu yếu cần củng cố các cơ tim cũng như các thành mạch, làm cho nhịp điệu co bóp của tim tốt hơn và phát triển khả năng thích ứng với sự thay đổi lượng vận động đột ngột. Để tăng cường công năng của tim, khi cho trẻ luyện tập, nên đa dạng hoá các dạng bài tập, nâng dần lượng vận động cũng như cường độ vận động, phối hợp động và tĩnh một cách nhịp nhàng.

Hệ hô hấp: Hệ hô hấp được cấu thành bởi đường hô hấp gồm mũi, mồm, họng, khí quản, nhánh phế quản và phổi. Đường hô hấp của trẻ em tương đối hẹp, niêm mạc đường hô hấp mềm mại, mao mạch phong phú, dễ phát sinh nhiễm cảm. Khí quản của trẻ em nhỏ, không khí đưa vào ít, trẻ thở nông nên khả năng trao đổi không khí của phổi kém. Thở nông làm cho thông khí phổi chưa ổn định, tạo nên sự ứ đọng không khí ở phổi, do đó nên tiến hành thể dục ở ngoài trời, nơi không khí thoáng mát. Khi vận động, cơ thể trẻ đòi hỏi lượng trao đổi khí tăng lên rõ rệt, điều này thúc đẩy các tế bào phổi tham gia vào vận động hô hấp tăng lên, nâng cao tính đàn hồi của thành phổi, cơ hô hấp mạnh dần lên, tăng lượng thông khí phổi và dung tích sống. Bộ máy hô hấp của trẻ còn nhỏ, không chịu đựng được những vận động quá sức kéo dài liên tục, sẽ làm cho các cơ đang vận động bị thiếu ôxi cần thiết. Vì vậy, việc thở đúng và sâu của trẻ khi tập luyện là rất quan trọng.

Hệ trao đổi chất: Cơ thể trẻ đang phát triển đòi hỏi bổ sung liên tục năng lượng tiêu hao và cung cấp các chất tạo hình để kiến tạo các cơ quan và mô. Quá trình hấp thụ các chất ở trẻ vượt cao hơn quá trình phân huỷ và đốt cháy. Tuổi càng nhỏ thì quá trình lớn lên và sự hình thành các tế bào và mô của trẻ diễn ra càng mạnh. Khác với người lớn, ở trẻ em năng lượng tiêu hao cho sự lớn lên và dự trữ chất nhiều hơn là cho hoạt động cơ bắp. Do vậy, khi trẻ hoạt động vận động quá mức, ngay cả khi dinh dưỡng đầy đủ, thường dẫn đến tiêu hao năng lượng dự trữ trong các cơ bắp và đọng lại những sản phẩm độc hại ở các cơ quan trong quá trình trao đổi chất. Điều này gây cảm giác mệt mỏi cho trẻ và ảnh hưởng không tốt đến công năng hoạt động của cơ bắp và hệ thần kinh, làm giảm độ nhạy cảm giữa hệ thần kinh trung ương và những dây thần kinh điều khiển sự hoạt động cơ bắp. Sự mệt mỏi của các nhóm cơ riêng lẻ xuất hiện nếu kéo dài hoạt động liên tục của từng nhóm cơ. Do đó, cần thường xuyên thay đổi vận động của các nhóm cơ, chọn hình thức vận động phù hợp với trẻ.

1.3.3. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ 4 – 5 tuổi

Dựa trên cơ sở sinh lí học, vận động là sự chuyển động của cơ thể con người, trong đó có sự tham gia của hệ cơ, hệ xương và sự điều khiển của hệ thần kinh. Vận động là một trong những yếu tố cơ bản để trẻ nhỏ nhận thức thế giới xung quanh. Trẻ càng nắm được nhiều động tác và hành vi phong phú thì sự tiếp xúc với thế giới càng rộng hơn [5][10][11][26][58].

Phát triển vận động của trẻ 4 tuổi

Tốc độ phát triển thể lực của trẻ ở lứa tuổi này chậm hơn so với lứa tuổi trước, nhưng quá trình cốt hoá của xương lại diễn ra nhanh. Khả năng làm việc của hệ thần kinh còn yếu, nên nếu vận động nhiều, nặng thì trẻ nhanh mệt mỏi. Các phản xạ có điều kiện được hình thành nhanh, song củng cố còn chậm. Vì vậy, những thói quen vận động mới được hình thành không bền vững, dễ sai lệch. Vận động đi, chạy và cảm giác thăng bằng: Đi bộ của trẻ 4 tuổi có đặc điểm là nhịp độ chưa ổn định, phối hợp tay chân chưa nhịp nhàng, thiếu tin tưởng khi xác định hướng đi, khả năng thay đổi hướng trong không gian còn chậm, bước đi vẫn còn dao động, có tư thế hơi gập bụng. Mặc dù việc phát triển kĩ năng chạy cho trẻ bắt đầu từ năm 3 tuổi, nhưng trẻ thực hiện kĩ năng này rất nhanh chóng. So với vận động đi, trẻ chạy tốt hơn, nhất là sự phối hợp chân tay, trọng tâm của cơ thể ở gần phần trước bụng hơn ở người lớn. Khi chạy, trẻ giữ được thân thẳng bằng, nhưng hướng chưa chính xác. Nhịp độ các bước chân chưa ổn định, chưa đủ sức nâng cao đùi đúng hướng. Khi đi thẳng bằng trên ghế, trẻ tự tin và bình tĩnh hơn. Trẻ giữ được thăng bằng thân người, nhưng đầu còn cúi và tay chưa thẳng bằng.

Vận động nhảy: Việc thực hiện vận động nhảy đối với trẻ còn khó khăn. Khả năng phối hợp vận động chưa tốt, tay chưa là yếu tố tích cực thúc đẩy sự tăng vận tốc khi nhảy. Khi hạ xuống mặt đất vẫn còn nặng nề, chân chưa co lại, song đã biết nhún chân lấy đà bật người lên cao. Đa số trẻ rời được hai chân khỏi mặt đất cùng một lúc. Đây là vận động khó, vì nó đòi hỏi sức mạnh cơ chân, sự phối hợp chân tay với toàn thân. Trẻ có thể bật nhảy tại chỗ, bật nhảy liên tục về phía trước, bật nhảy qua dây, bật xa.

Vận động ném, chuyền, bắt: Các bài tập này yêu cầu sự phối hợp vận động giữa sức mạnh và sự khéo léo, đòi hỏi khả năng giữ thăng bằng, ước lượng bằng mắt. Trẻ 4 tuổi đã biết ném xa bằng một tay, ném trúng đích nằm ngang, ném trúng đích thẳng đứng. Khi ném xa, trẻ đã biết lấy đà bằng cách vung tay ra sau rồi ném, nhưng vẫn chưa

biết sử dụng lực đẩy của nửa thân trên. Trẻ đã ném đúng hướng, song chưa xác định khoảng cách cần ném, nên vật ném thường rơi cách đích 25 - 45cm. Trẻ 4 tuổi biết chuyển và bắt bóng theo vòng tròn, hàng ngang, hàng dọc, tung, bắt và đập bắt bóng. Hai loại bài tập này nhằm rèn luyện cho trẻ sự khéo léo, phản xạ nhanh và khả năng định hướng trong không gian.

Vận động bò, trườn, trèo: Khi bò, trẻ đã biết phối hợp chính xác giữa tay và chân, cách đặt bước chân. Trẻ có khả năng bò, trườn nhanh với các kiểu bò bằng bàn tay và cẳng chân, bò bằng bàn tay và bàn chân, trườn sấp, bò chui qua cổng. Ngoài ra, trẻ còn biết trèo lên xuống thang, trèo lên xuống ghế, xác định được hướng vận động.

Phát triển vận động của trẻ 5 tuổi.

Trong nửa năm đầu của trẻ 5 tuổi so với trẻ 4 tuổi thì khoảng cách chất lượng thực hiện các bài tập vận động của trẻ có sự chênh lệch nhưng không đáng kể. Nhưng đến nửa năm cuối, ở trẻ 5 tuổi có nhiều dấu hiệu gần giống như trẻ 6 tuổi, hệ cơ và hệ thần kinh có những thay đổi lớn. Trẻ trở nên cứng cáp hơn, biết tự lực, rất hiếu động và không biết mệt mỏi, các vận động của trẻ dần dần đi đến hoàn thiện. Vì vậy, sự vận động của trẻ phải được người lớn theo dõi, kiểm tra.

Các quá trình tâm lí của trẻ ở lứa tuổi này hoàn thiện hơn. Khả năng chú ý của trẻ tăng, trẻ hiểu được nhiệm vụ của mình, có thể khái quát hoá một số hiện tượng và nhanh nhẹn nhận thấy những yêu cầu chính trong khi thực hiện vận động. Trẻ có thể thực hiện những động tác, vận động quen thuộc bằng nhiều cách, trong một thời gian dài hơn, với lượng vận động lớn hơn.

Các vận động của trẻ bước đầu đã đạt mức độ chính xác, nhịp nhàng, nhịp điệu ổn định, biết phối hợp vận động của mình với các bạn. Trẻ có khả năng quan sát hình ảnh động tác mẫu của giáo viên, ghi nhớ để thực hiện lại.

Do đó, phải tăng dần yêu cầu đối với trẻ để giúp trẻ hoàn thiện vận động, sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau để giúp trẻ thực hiện động tác một cách có ý thức và đạt kết quả tốt hơn. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra sự vận động của trẻ. Nếu để trẻ vận động lâu, trẻ sẽ mệt; nếu để trẻ thực hiện vận động sai nhiều lần sẽ khó sửa.

1.4. Đặc điểm giáo dục mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh

Theo số liệu từ Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2020 Thành phố Hồ Chí Minh có 1.346 trường (trong đó: công lập: 467; dân lập - tư thục: 879); số

nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực: 1.816; số nhóm, lớp học: 15.133 (trong đó: công lập: 5.058; dân lập - tư thực: 10.075); riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi: 3.685. Thành phố có 181 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia. Tổng số trẻ: 366.785 (trong đó: công lập: 163.577; dân lập - tư thực: 203.208; trẻ Nhà trẻ: 54.602, trẻ Mẫu giáo: 312.183); Trẻ Mẫu giáo 5 tuổi đến trường, lớp: 106.946. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 2 giáo viên/lớp từ 25 – 30 học sinh, trong khi đó hiện nay các lớp học đều quá tải, với số lượng học sinh trung bình là 50–55 trẻ ở các lớp trong nội thành, ở ngoại thành là 40–45 trẻ/lớp.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi được đầu tư đáp ứng công tác chăm sóc, giáo dục và đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ. Các trường, lớp nhóm trẻ mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh đều thực hiện chương trình GDMN tổ chức học 2 buổi/ngày. Nội dung giáo dục trong thực hiện chương trình GDMN là giáo dục phát triển hành vi, thói quen tốt cho trẻ; Giáo dục KNXH phù hợp với lứa tuổi. Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng đa dạng các hình thức và phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp và khả năng của trẻ; tổ chức môi trường giáo dục nhằm tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo theo phương châm “học bằng chơi, chơi mà học” phù hợp với lứa tuổi; xây dựng môi trường giao tiếp, môi trường chữ viết trong các cơ sở giáo dục mầm non, tạo điều kiện để trẻ phát triển ngôn ngữ ở mọi nơi mọi lúc, phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ, đặc biệt là khả năng tự tin, sử dụng ngôn ngữ mạch lạc, biểu cảm.

1.5. Các công trình nghiên cứu liên quan

Các nghiên cứu về TCVD, các KN nói chung và cho trẻ mầm non nói riêng ở trong và ngoài nước được nghiên cứu theo các hướng nghiên cứu sau:

1.5.1. Những nghiên cứu về trò chơi và trò chơi vận động cho trẻ

- Ở nước ngoài, nhiều tác giả nghiên cứu về trò chơi như: J.J. Ruxô (1712 - 1778), I.G. Pextalôxi (1746 - 1827), R.Ouen (1771-1858), S. Phurie (1772 - 1837)... Nhưng nhìn chung, từ cuối thế kỉ XIX trở về trước, các tác giả chỉ đề cập chủ yếu đến vai trò của trò chơi khi nghiên cứu các vấn đề của triết học hay các vấn đề khác của xã hội học, của GD học. TCVD trở thành đối tượng nghiên cứu của tâm lí học chỉ được thực sự bắt đầu từ đầu thế kỷ XX, đặc biệt trong những thập kỉ gần đây. Các nghiên cứu chủ yếu

tập trung vào một số quan điểm như: (1) Quan điểm sinh học về TCVĐ mở đầu cho việc nghiên cứu về bản chất, nguồn gốc của trò chơi. Những thuyết đó có xu hướng đơn giản hóa, sinh vật hóa trò chơi của con người với các hành vi bản năng của động vật và chỉ giới hạn xem xét trò chơi trẻ em ở phương diện cá thể. Họ cho rằng, chơi là thể hiện bản năng, là để giải phóng năng lượng dư thừa chứ không có ý nghĩa gì khác. Trong thực tế, TCVĐ trẻ em là một hoạt động rất đa dạng, phong phú, phản ánh các mối quan hệ xã hội giữa cá nhân với cá nhân, với nhóm và xã hội thu nhỏ. TCVĐ của trẻ vừa mang đặc điểm lứa tuổi, nhu cầu, giới tính, đặc điểm sinh lí của một cá thể, đồng thời nó vừa mang đặc điểm của nền văn hóa xã hội (sở thích, thói quen, hệ thống các niềm tin, nếp sống, truyền thống, vốn tri thức, KN...) của một gia đình, nhà trường và môi trường xã hội của một dân tộc, một quốc gia. Thông qua TCVĐ và những mối quan hệ giúp trẻ học cách làm người. (2) Quan điểm chủ quan cá thể, về TCVĐ phần nào hạn chế được xu hướng đơn giản hóa và sinh vật hóa hoạt động chơi của trẻ theo quan điểm sinh học. Nhưng quan điểm này nhấn mạnh đến sắc thái tình cảm và nhu cầu nội tại của đứa trẻ mà bỏ qua tính lịch sử xã hội của trò chơi. Các tác giả theo quan điểm này cũng chưa đánh giá hoạt động chơi như một hình thức, phương tiện GD trẻ. Quan điểm này không những làm mất đi bản chất của trò chơi mà còn khiến cho trò chơi trở nên cứng nhắc, thiếu sự hấp dẫn với trẻ. (3) Quan điểm bản chất xã hội của trò chơi: Người đầu tiên đưa ra quan điểm này là nhà triết học người Đức V.Vunt (1887). Ông viết: "Trò chơi đó là lao động của trẻ nhỏ. Không có một trò chơi nào lại không có trong mình một nguyên mẫu một trong dạng lao động nghiêm túc" [13]. Quan điểm này bước đầu khẳng định tính xã hội của trò chơi: trò chơi trẻ em xuất phát từ lao động, bắt chước hành động lao động của người lớn, trẻ học cách sử dụng những công cụ, phát triển nhận thức, ngôn ngữ, trẻ học cách làm người. Trong những năm đầu của thế kỉ XX, M.Ia. Baxôv (1931) viết: "Đặc điểm quá trình chơi dựa trên những đặc điểm của mối quan hệ qua lại giữa cá nhân và môi trường, trên cơ sở đó trò chơi xuất hiện". Lần đầu tiên, Baxôv đưa ra nhận xét: "Cái mà thúc đẩy hành vi chơi của trẻ là quá trình hoạt động của người lớn chứ không phải là hoạt động của họ". Đầu thế kỉ XX, khi phê phán những quan điểm cho rằng, trò chơi ra đời trước lao động, G.V.Plêkhanôv đã khẳng định, trò chơi xuất hiện trước lao động và trên cơ sở của lao động. Khác với những quan điểm trước đó, Plêkhanôv cho rằng, trò chơi là một hoạt động phản ánh, thông qua trò chơi, trẻ lĩnh hội những KN lao động

đơn giản, thói quen và các nguyên tắc ứng xử của người lớn trong xã hội. Từ đó, ông đi đến kết luận: Trò chơi mang bản chất xã hội, nó xuất hiện để đáp ứng với xã hội mà trẻ đang sống và nhu cầu được trở thành thành viên tích cực của xã hội đó [13]

Có thể nói, trong nửa đầu của thế kỉ XX, các nhà tâm lí học, GD học Xô - Viết đã tập trung nghiên cứu những vấn đề khái quát về trò chơi. Các tác giả đã chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, xác định cấu trúc tâm lí của trò chơi, khẳng định vui chơi là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi MN và chỉ ra những đặc điểm đặc trưng cơ bản của trò chơi trẻ em, đặc biệt là trò chơi đóng vai theo chủ đề. Đó là: tính biểu trưng, tính khái quát, tính giản lược, tính chủ động, tính tự lập, tính tự nguyện... Trong thời kì này, các tác giả có đề cập đến những vấn đề cụ thể của trò chơi như: P.Ph.Lexgap đã phân tích kĩ vị trí, vai trò của TCVĐ như là các động tác để chuẩn bị cho trẻ bước vào cuộc sống. Ông cho rằng “Chúng ta cần phải sử dụng các trò chơi để dạy trẻ biết tự chủ, trong trò chơi cần phải chú ý dạy chúng giữ lại những cảm xúc và tập làm quen có ý thức khi vận động” vậy nên TCVĐ là phương tiện có giá trị đặc biệt để giáo dục toàn diện cho trẻ, phát triển ở trẻ những phẩm chất đạo đức: thật thà, tự kiểm chế, tinh thần kỷ luật, lòng vị tha, sự đồng cảm,... P.Ph.Lexgap chỉ rõ rằng mỗi trò chơi cần phải được xác định mục đích rõ ràng và hình thức của trò chơi phải phản ánh mục đích đó. Dần dần các trò chơi sẽ được nâng cao dần về nội dung và luật chơi. Chính học thuyết P.Ph.Lexgap (1951) đặt nền móng cho sự phát triển tiếp theo về lý luận cũng như thực tiễn TCVĐ. Theo bác sĩ, nhà tâm lí học E.A.Arkin (1972) coi TCVĐ như là một phương tiện rất tốt và có hiệu lực để giáo dục trẻ, là đòn bẩy chính của việc giáo dục trẻ trước tuổi học.

P.A.Rudich cho rằng: trò chơi là loại hoạt động cơ bản của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Bản thân các trò chơi và vai trò của nó trong sự phát triển tâm lí thay đổi tùy theo sự phát triển của trẻ. Trò chơi là một hình thức riêng biệt biểu hiện thái độ tích cực của trẻ đối với môi trường xung quanh. TCVĐ của trẻ em là một hoạt động có ý thức trong đó nhu cầu hoạt động tích cực của trẻ em được thỏa mãn. TCVĐ cũng là một hình thức lao động duy nhất phù hợp với trẻ em và đáp ứng nhu cầu hoạt động tích cực của chúng. Chơi là nhu cầu để phát triển cơ thể của trẻ. Khi chơi, sức mạnh của trẻ được phát triển, làm cho đôi tay của trẻ cứng cáp, đôi chân dẻo dai, thân thể mềm mại, hình dáng phát triển cân đối hài hòa.

A.X.Macarenco (1957) có viết: “Trò chơi có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của trẻ em cũng như mọi hoạt động và công tác của người lớn. Tinh thần của các em trong lúc chơi như thế nào thì sau này khi lớn lên trong công tác phần lớn cũng như vậy. Cho nên, sự giáo dục đối với những nhà hoạt động tương lai trước hết phải biết bắt đầu từ trò chơi”. Có như vậy chúng ta mới thấy hết giá trị của trò chơi, của các hình thức hoạt động vui chơi đối với việc giáo dục trẻ em. Còn theo V.A.Xukhômliński (1988) cho rằng “Trong trò chơi, thế giới mở ra trước mắt các em, những năng lực sáng tạo của cá nhân cũng được bộc lộ”. Chính năng lực sáng tạo ấy đã giúp các em trưởng thành, tạo một niềm tin vững chắc ở khả năng của bản thân, góp phần giáo dục ý chí tự khẳng định mình.

Tuy nhiên, chỉ sau những năm 50, đặc biệt là những thập kỉ gần đây, các nhà tâm lí học, GD học Liên Xô (cũ) và ngày nay là các nước SNG nghiên cứu sâu về những vấn đề cụ thể của TCVD như sau [23]: (1) Đặc điểm các loại trò chơi trẻ em: Z.M.Boguxlapxkaia (1955), G.L.Vugôttxkaia (1966), N.Ia.Mikhailencô (1975), A.K.Bônđarencô (1991), E.O.Xmirnôva (1991)... (2) Vai trò của trò chơi: Đ.B.Elconhin (1965, 1966, 1975), A.B.Trercova (1963) ... (3) Các điều kiện, phương pháp, biện pháp tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi ở các lứa tuổi: Đây là hướng trọng tâm thu hút rất nhiều các nhà tâm lí học, GD học nghiên cứu như: I.A.Xakôlôpva (1973), N.Ia.Mikhailencô (1975), A.M.Maxacôv, G.A.Gumacôva (1979), P.G.Xamarucôva, B.I.Lôginôva (1983), E.B.Zvôrugina (1986, 1987, 1989) L.A.Venger, O.M.Diatrencô (1989), X.L.Nôvôxelôva (1989), L.V.Archemôva (1992), X.P.Baranôv (1998), C.A.Kazlôva (1998), G.A.Uruntaeva, Iu.A.Aphônhiika (1998)... Xu hướng này không chỉ thu hút các tác giả thuộc SNG hiện nay (Liên Xô cũ trước đây), mà còn được rất nhiều các nhà tâm lí học, GD học phương Tây quan tâm như: J.Waters (1981), P.K.Smith (1985), Elizabeth Jones (1992)... TCVD giúp trẻ có cơ hội tương tác cao với môi trường, đặc biệt là thiên nhiên; không gian mở, không khí thoáng đãng; cơ hội vận động cao có lợi đặc biệt cho sự phát triển của trẻ Kellert (2005), Bodrova & Leong (2005), Lester & Russell (2008), Frances MingKuo. Do đó, cho trẻ chơi ở vui chơi vận động ngoài trời trở thành xu hướng giáo dục hiện nay. Tại các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến như Thụy Điển và các nước Bắc Âu, Nhật Bản, Mỹ, Úc rộ lên mô hình trường mầm non ở rừng (Forest Kindergarten) nơi mà đứa trẻ mỗi ngày được chơi vận động ngoài trời, khám phá và hòa mình với thiên nhiên, thoát khỏi không gian của máy lạnh và bốn bức tường [120].

Mặc dù có những quan điểm khác nhau trong nhìn nhận về khái niệm, bản chất, nguồn gốc của TCVĐ, nhìn chung các tác giả đều nhất trí đánh giá vai trò trung tâm của TCVĐ trong việc hình thành và phát triển nhân cách, có những tác động tích cực trong GD trẻ trước tuổi đi học. Trên cơ sở đó, họ tìm kiếm những phương pháp, biện pháp và các hình thức tổ chức thích hợp để đạt hiệu quả cao nhất trong việc phát triển nhân cách đứa trẻ.

Ở Việt Nam, trong tác phẩm "GD trẻ mẫu giáo trong nhóm bạn bè", "Tâm lý học trẻ em lứa tuổi MN", tác giả Nguyễn Ánh Tuyết đã phân tích rất cụ thể bản chất xã hội của TCVĐ, cấu trúc, đặc điểm hoạt động chơi của trẻ [87]. Tác giả chỉ ra rằng, bản chất xã hội của trò chơi trẻ em cũng là sự tác động tích cực của người lớn lên trò chơi của trẻ, việc sử dụng trò chơi như một phương tiện GD trẻ quan trọng. Trên cơ sở đó, trong "Vấn đề vui chơi của trẻ ở lứa tuổi MN" và các bài báo đăng trên Tạp chí nghiên cứu GD trong thời gian gần đây, tác giả Nguyễn Ánh Tuyết đã đề cập nhiều đến vấn đề TCVĐ là trung tâm trong việc GD trẻ theo cách tiếp cận tích hợp - cách tiếp cận mà hiện nay đang được vận dụng tích cực trong thực tiễn GDMN [88].

Lưu Ngọc Sơn (2023) nghiên cứu “Sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển tố chất thể lực cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non” đã nêu bật một số vấn đề lý luận về sử dụng TCVĐ nhằm phát triển tố chất thể lực cho trẻ 5-6 tuổi, và đã xây dựng 05 biện pháp sử dụng TCVĐ nhằm phát triển tố chất thể lực (TCTL) cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN [63]. Còn Trần Đồng Lâm, Đinh Mạnh Cường (2014) thì nhấn mạnh trò chơi như một phương tiện để củng cố, luyện tập tri thức, kỹ năng và kỹ xảo cho trẻ MN trong quá trình tổ chức hoạt động học tập [46]. Còn tác giả Mai Văn Muôn (1992), thì cho rằng chức năng quan trọng của trò chơi là một hình thể xã hội, thế giới nhỏ của trẻ em, trò chơi là một tác nhân phát triển nhận thức, giáo dục nhân cách và bổ trợ đặc lực cho sự phát triển thể chất [49].

Đặng Hồng Phương (2021), Đinh Văn Vang (2012), Nguyễn Thị Hòa (2013) đều thống nhất khẳng định TCVĐ là một loại trò chơi có luật, do người lớn nghĩ ra cho trẻ chơi. Mỗi TCVĐ gồm ba thành tố có liên quan chặt chẽ với nhau, thiếu bất cứ thành tố nào thì trò chơi cũng không tồn tại, đó là: nội dung chơi, hành động chơi và luật chơi. Đòi hỏi trẻ phải phối hợp các thao tác vận động để giải quyết nhiệm vụ vận động, qua đó thể chất được phát triển. Ngoài ra các tác giả cho rằng tùy thuộc vào nhiệm vụ vận động, tùy thuộc vào độ tuổi, điều kiện thực tiễn, môi trường chơi mà lựa chọn hay thiết kế trò chơi cho phù hợp [23][58][101].

Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Kế Bình (2021) “Ứng dụng trò chơi vận động để phát triển thể lực và kỹ năng sống cho học sinh lứa tuổi (6 -7) tại một số trường tiểu học nội thành, Thành phố Hồ Chí Minh”, tác giả đã lựa chọn được 20 trò chơi vận động, phù hợp nhằm phát triển thể lực và kỹ năng sống cho học sinh lứa tuổi (6 -7) và các biện pháp sử dụng TCVĐ trong các giờ giảng dạy GDTC nội khóa và ngoại khóa để phát triển thể chất và các năng lực khác cho học sinh (HS) [1]. Cùng hướng nghiên cứu tác giả Nguyễn Văn Thành (2018) cũng lựa chọn được 31 trò chơi vận động (TCVĐ) và phân phối các TCVĐ một cách hợp phù hợp theo từng lớp học, và đưa ra được 5 biện pháp sử dụng TCVĐ đạt hiệu quả trong quá trình GDTC. Kết quả các chỉ số thể chất, sự biểu hiện nhu cầu và trạng thái của HS nam, nữ nhóm thực nghiệm trong giờ học thể dục có sử dụng TCVĐ tốt hơn so với nhóm đối chứng [66].

Theo nghiên cứu của tác giả Phan Thị Mỹ Hoa (2021) “Lựa chọn ứng dụng TCVĐ nâng cao tính tích cực của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi trong hoạt động GDTC tại TP. Hồ Chí Minh” đã xác định được 6 tiêu chí để lựa chọn trò chơi vận động nâng cao tính tích cực của trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi trong hoạt động giáo dục thể chất, có 18 trò chơi vận động mang lại những hiệu quả tích cực đối với sự phát triển của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh sau khi thực nghiệm [22].

Nghiên cứu về trò chơi trong dạy học như là một trong các kỹ thuật dạy học được tác giả Đặng Thành Hưng (2000) đề cập trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa sự chơi - hoạt động chơi và trò chơi. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa công việc, chơi và hoạt động chơi trong đời sống con người Đặng Thành Hưng xây dựng định nghĩa trò chơi dạy học, trò chơi giáo dục, phân loại trò chơi dạy học, phân tích các chức năng dạy học của trò chơi. Những luận điểm trên được tác giả trình bày trong tác phẩm “Dạy học hiện đại lý luận biện pháp kỹ thuật”, tác giả cũng chỉ ra những vấn đề cơ bản của trò chơi, sử dụng trò chơi trong giáo dục và dạy học học sinh trên cơ sở tiếp cận phân loại trò chơi theo hướng: tiếp cận về văn hóa, tiếp cận lịch sử, tiếp cận tâm lý và tiếp cận chức năng [31].

Tác giả Lê Anh Thơ (1995) trong công trình nghiên cứu khoa học “Nghiên cứu sử dụng một số trò chơi vận động dân gian trong giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi” đã đề cập đến vấn đề sử dụng trò chơi vận động dân gian như là phương tiện phát triển vận động cho trẻ. Những nghiên cứu trên đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về TCVĐ, xây dựng quy trình sử dụng TCVĐ nhằm mục đích giáo dục thể chất cho trẻ

mẫu giáo, xây dựng biện pháp trong phát triển vận động cho trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học [46][71][89].

Như vậy có thể thấy, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều tập trung làm rõ nguồn gốc, bản chất của trò chơi và trò chơi vận động của trẻ em; vai trò, ý nghĩa, và phương pháp tiến hành tổ chức TCVĐ sao cho phù hợp với từng lứa tuổi trẻ mầm non. Các nghiên cứu chưa đi sâu vào phát triển các kỹ năng cần thiết cho trẻ, nhất là trẻ 4-5 tuổi, nhưng với các kết quả nghiên cứu trên rất quan trọng và mang tính định hướng đề tài luận án xây dựng cơ sở lý luận liên quan đến sử dụng TCVĐ phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi.

1.5.2. Những nghiên cứu về kỹ năng cho trẻ

Ở nước ngoài, các nhà tâm lý học và giáo dục học nghiên cứu về kỹ năng đều xem đây là vấn đề phức tạp, nhưng quan điểm khác nhau. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

Các tác giả K.K.Platonov (1976), G.G.Golubev, A.D.Lêvitôv (1971), X.I.Kixegof (1976-1977) nghiên cứu KN là năng lực của con người, thể hiện qua các hành vi cụ thể, các thao tác của một hành động theo đúng trình tự và thực hiện có hiệu quả. Theo tác giả A.G.Covaliov (1994), V.A.Krutexki (1981) cho rằng KN là những phương thức thực hiện hành động, tức là biết kỹ thuật hành động. Cách hiểu này thực chất là nhấn mạnh nhiều đến tính kỹ thuật của KN, còn phải tính đến tính mục đích và các điều kiện để thực hiện hành động.

Còn theo tác giả A.V.Petrovsky (1982), P.A.Rudic thì phân biệt KN có hai giai đoạn: giai đoạn KN bậc thấp và giai đoạn KN bậc cao. Mặt khác, tác giả Rogier Xavier phân thành hai nhóm: nhóm KN nhận thức và nhóm KN hoạt động tay chân. Tìm hiểu, nghiên cứu một số tài liệu nước ngoài, bài viết về các KN của trẻ em cho thấy: mỗi quốc gia xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đưa ra các KN và kiến thức đối với trẻ em, trong đó có KNVĐCB và KNXH.

Các tác giả Duronjić, M., & Válková, H. (2010), Figueroa, Roger & an, Ruopeng (2017), Lubans, D.R., Morgan, P.J., Cliff, D.P. et al. (2010), S. Iivonen & A.K. Sääkslahti (2014), S. Iivonen, A. Sääkslahti & K. Nissinen (2011), Merita Shala (2009), Louise L. Hardy và cộng sự (2010) đều cho thấy việc thành thạo các KNVĐCB đã được coi là đóng góp cho trẻ em phát triển thể chất, nhận thức và xã hội và là nền tảng cho lối sống năng động. Có bốn yếu tố quyết định đến phát triển KNVĐCB cho trẻ: (1) đặc điểm cá nhân (giới tính, dân tộc, tuổi tác, hoạt động thể chất và vui chơi), (2) liên quan

đến giáo dục (các chương trình thúc đẩy hoạt động thể chất và KN vận động, tham gia các bài học giáo dục thể chất, lịch luyện tập), (3) môi trường xã hội (các biến số liên quan đến cha mẹ và gia đình, anh chị em lớn hơn, và việc tham gia câu lạc bộ thể thao), và (4) môi trường vật chất (mật độ dân số, quy mô khu vực trường mầm non, quần áo). Vì vậy tuổi, giới tính, hoạt động thể chất và các chương trình dành cho lứa tuổi mẫu giáo là những yếu tố quyết định tích cực đến KNVĐCB ở trẻ em lứa tuổi mẫu giáo.

Các nghiên cứu về KNXH cho trẻ đã được nhiều tác giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu: về khái niệm, bản chất KNXH, sự hình thành KNXH của trẻ, phân loại, vai trò của KNXH nổi bật là các tác giả Gresham và Elliott (1990), McFall R.M. (1982), Eileen Kennedy- Moore (2011), Jean Piaget (1996), Mc Clelland và Morrison (2003), Achenbach, Conner (2000), Caldarella và Merrell (1997) [105][106][109][112][116][123][122].

KNXH là KN cần để tương tác với người khác, có mối quan hệ tích cực đáng kể giữa hoạt động chơi và các KNXH của trẻ như: giao tiếp, KN tương tác, chia sẻ, những khuynh hướng lãnh đạo, tuân thủ nguyên tắc và phát triển KN cạnh tranh. Vật liệu chơi và cơ hội chơi không đầy đủ sẽ cản trở sự phát triển KNXH của trẻ em ở trường MG [111].

Ở trong nước, Vũ Dũng (2008), Nguyễn Thị Ánh Tuyết và Nguyễn Thị Như Mai (2011), Ngô Công Hoàn (1995), Nguyễn Quang Uẩn (2010), Các tác giả cho rằng KN là một năng lực của con người có thể nhìn thấy, đo đạc và đánh giá được. KN vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo [17][25][90][93].

Tác giả Lê Hải (2022) nghiên cứu “Một số bài tập phát triển KNVĐCB cho trẻ 3-6 tuổi tại các trường mầm non khu vực Thành phố Hồ Chí Minh” đã xác lập 20 test đánh giá KNVĐCB cho trẻ mẫu giáo và 21 bài tập phát triển KNVĐCB cho trẻ MG (trong đó có 17 bài tập vận động cho trẻ mẫu giáo bé, 17 bài tập vận động cho trẻ mẫu giáo nhỡ và 19 bài tập vận động cho trẻ mẫu giáo lớn) có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển các KNVĐCB ở trẻ MG tại TP.HCM [19].

Tác giả Chu Thị Hồng Nhung (2017) đã chỉ ra 3 nhóm KN cơ bản của trẻ 5 - 6 tuổi và đề xuất 03 nhóm biện pháp giáo dục KNXH cho trẻ ở trường MN, ở gia đình và phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội... [8] Với nhóm tác giả Đặng Thành Hưng, Trần Thị Tố Oanh (2014) nghiên cứu: “Bản chất và đặc điểm của KN xã hội” cho rằng: KNXH luôn có đối tượng tác động hoặc tương tác là cái xã hội hiện thực, trực tiếp. Về bản chất, KNXH không đồng nhất với KN sống và KN mềm. Nhóm tác giả đã phân chia

KNXH ra thành các nhóm: Nhóm KN nhận thức xã hội: Nhóm KN ứng xử và giao tiếp xã hội: Nhóm KN thích ứng xã hội. Nhóm tác giả khẳng định đó là loại KN rất cần được quan tâm giáo dục và rèn luyện từ lứa tuổi nhỏ. Phương pháp cơ bản để giáo dục KNXH là tạo ra môi trường và nhiều cơ hội trải nghiệm của người học. Trải nghiệm và làm việc trong những quan hệ xã hội thật sự là con đường duy nhất để học các KNXH. Đây là công trình mang nhiều giá trị về mặt lí luận vì tính hệ thống và khoa học [34].

Mặt khác, KN là phương thức thực hiện hành động thích hợp với mục đích và điều kiện hành động. Là năng lực thực hiện hành động có hiệu quả, tiêu biểu là các tác giả Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), Thái Duy Tuyên (2007), Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm (1997). Như vậy, cách hiểu này thực chất nhấn mạnh nhiều hơn đến tính kĩ thuật của KN. Thực tế, biết phương thức hành động (tức là biết kĩ thuật của hành động) nhưng không hành động thì chưa thể coi là có KN [51][86].

Còn Tác giả Đặng Thành Hưng lại cho rằng KN không phải là khả năng cũng không phải là năng lực, nó chỉ là hình thức biểu hiện của khả năng hay năng lực [33] [32]. Tác giả Bùi Thị Việt (2000) với nghiên cứu “Củng cố kĩ năng vận động cho trẻ 3 – 4 tuổi thông qua trò chơi vận động” đã hệ thống 44 bài tập trò chơi và TCVD với các phương án chơi khác nhau. Tất cả trò chơi được phân loại theo mục đích nhằm rèn luyện KN vận động đi – chạy, bật – nhảy và ném – bò cho trẻ. Trong mỗi TCVD đều có kết hợp từ 2-3 vận động đi – chạy – bật nhảy; có nhiều trò chơi có chủ đề, các yếu tố đều mang đậm màu cảm xúc; phù hợp đặc điểm lứa tuổi, có tính đến mức độ phát triển KN vận động của từng trẻ [102].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước tập trung một số nội dung riêng lẻ nào đó của KN. Các nghiên cứu về khái niệm, phân loại KN, về nội dung, hình thức và phương tiện giáo dục nhìn chung khá phong phú. Đây là cơ sở quan trọng giúp tác giả có căn cứ để xác định được các loại KN cần giáo dục và phát triển cho trẻ 4-5 tuổi. Tuy nhiên chưa có công trình nghiên cứu ứng dụng thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh về TCVD nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ mầm non nói chung cũng như trẻ 4 - 5 tuổi nói riêng. Đây chính là một trong những vấn đề cần giải quyết của đề tài.

Kết luận chương 1

Qua tổng hợp các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước tập trung làm rõ nguồn gốc, bản chất của trò chơi và TCVD của trẻ em; vai trò, ý nghĩa, và phương pháp tiến hành tổ chức TCVD sao cho phù hợp với từng lứa tuổi trẻ mầm non và một số nội

dung riêng lẻ nào đó của KN. Các nghiên cứu tập trung chủ yếu vào khái niệm, phân loại KN, về nội dung, hình thức và phương tiện giáo dục khá phong phú. Tuy nhiên, để xác định được các loại KN nào cần để giáo dục và phát triển cho trẻ 4 - 5 tuổi thì chưa có công trình nghiên cứu ứng dụng thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh về TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 - 5 tuổi.

TCVĐ cho trẻ 4 – 5 tuổi là loại trò chơi có luật chơi hoặc có quy định cách chơi và có lượng vận động chiếm ưu thế, trong khi chơi đòi hỏi trẻ phải phối hợp các thao tác vận động để giải quyết các nhiệm vụ được đặt ra, qua đó hình thành và phát triển các tố chất thể lực, kỹ năng, kỹ xảo cần thiết góp phần giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non. TCVĐ là phương tiện để giáo dục trẻ một cách toàn diện. Khi chơi, TCVĐ tác động lên nhiều nhóm cơ, làm tăng cường quá trình trao đổi chất. Tham gia vào TCVĐ, trẻ tự điều chỉnh được nhịp điệu, lượng vận động và loại trừ được mệt mỏi.

Những TCVĐ cho trẻ 4 – 5 tuổi mang tính tổng hợp, được xây dựng kết hợp với những thao tác vận động như chạy, nhảy, trườn, bò... với những tình huống biến đổi bất ngờ trong quá trình chơi sẽ kích thích trẻ thực hiện hành động chơi nhanh hơn, khéo léo hơn. Việc thực hiện vận động dưới hình thức trò chơi sẽ dẫn đến việc hình thành các KN về vận động và KNXH. Phát triển KNXH cho trẻ qua trò chơi vận động là quá trình giáo dục có mục đích, có kế hoạch nhằm tạo điều kiện và khuyến khích trẻ tham gia vào các trò chơi để trẻ học các KN hợp tác, luân phiên, làm theo quy tắc, chia sẻ cảm xúc, và học cách giải quyết vấn đề.

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hệ thống cơ sở lý luận được phân tích từ các tài liệu tham khảo.

2.1.2. Khách thể nghiên cứu:

Để bảo đảm độ tin cậy của mẫu nghiên cứu khi lựa chọn khách thể khảo sát thực trạng và khách thể thực nghiệm.

+ *Khách thể khảo sát lựa chọn tiêu chí đánh giá kỹ năng:* 200 GVMN, CBQL và chuyên gia gồm: 30 nhà khoa học (chuyên gia) đang công tác tại khoa GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 170 GVMN và CBQL đang công tác tại các trường MN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Khách thể khảo sát thực trạng gồm:* 394 giáo viên, CBQL và 400 trẻ 4–5 tuổi tại các trường MN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Khách thể thực nghiệm gồm:* 800 trẻ 4-5 tuổi ở 10 Trường Mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh (*Phụ lục 12*). Trong đó:

- Nhóm thực nghiệm có 400 trẻ 4–5 tuổi (196 trẻ nữ, 204 trẻ nam)

- Nhóm đối chứng có 400 trẻ 4–5 tuổi (194 trẻ nữ, 206 trẻ nam)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết mục đích và mục tiêu của nghiên cứu, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau [59][82]:

2.2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu [59][82]

Phương pháp này giúp luận án phân tích, tổng hợp, khái quát hoá các công trình nghiên cứu, các tài liệu chuyên môn trong và ngoài nước có liên quan đến TCVD và phát triển KNVĐCB, KNXH cho trẻ 4-5 tuổi để xây dựng cơ sở lý luận của luận án, đề xuất giả thuyết khoa học, xác định mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu để rút ra các luận cứ khoa học về đặc điểm của trẻ 4–5 tuổi, thực trạng, các yếu tố ảnh hưởng và các vấn đề liên quan đến ứng dụng TCVD và KN trong giờ hoạt động GDTC. Đồng thời việc sử

dụng phương pháp nghiên cứu này cho phép thu thập thêm các số liệu để kiểm chứng và so sánh với những số liệu đã thu thập được trong quá trình nghiên cứu; lựa chọn phương pháp nghiên cứu; các nội dung đánh giá KNVĐCB và KNXH, xây dựng và tổ chức các TCVD cho đối tượng nghiên cứu.

Các loại tài liệu tham khảo chủ yếu được thu thập từ một số tạp chí khoa học thể dục thể thao (TDTT), kỷ yếu hội nghị khoa học của Trường Đại học TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm TDTT Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, Viện Khoa học TDTT; Thư viện khoa học và công nghệ của Trung tâm thông tin và thống kê khoa học và công nghệ Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh; một số luận án khoa học của nghiên cứu sinh ngành TDTT và ngành Giáo dục học.

2.2.2. Phương pháp chọn mẫu [135]

Luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu như sau:

a) Khách thể khảo sát lựa chọn tiêu chí đánh giá kỹ năng

- Mục đích: Lựa chọn các tiêu chí đánh giá KNVĐCB, KNXH và thể lực cho trẻ mầm non 4–5 tuổi, làm cơ sở để kiểm định độ tin cậy và tính thông báo các tiêu chí đánh giá KNVĐCB, KNXH và thể lực cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cách tiến hành: kích thước mẫu được tính theo công thức của Yamane Taro (1967) chưa quy mô tổng thể [135]:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{e^2}$$

Trong đó:

- + n : kích thước mẫu cần xác định.
- + Z : giá trị tra bảng phân phối Z dựa vào độ tin cậy lựa chọn. Thông thường, độ tin cậy được sử dụng là 95% tương ứng với $Z = 1,96$
- + p : tỷ lệ ước lượng mẫu n thành công. Thường được chọn $p = 0,5$ để tích số $p(1-p)$ là lớn nhất, điều này đảm bảo an toàn cho mẫu n ước lượng.
- + e : sai số cho phép ở mức là ± 0.1 (10%)
- Số lượng khách thể: Từ công thức trên nghiên cứu xác định kích thước mẫu tối thiểu là 96 khách thể. Do đó, luận án sẽ tiến hành thực hiện khảo sát phát phiếu đến 200 chuyên gia (khoa GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh).

Minh và Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh), CBQL và GVMN (*phụ lục 10*) để lựa chọn tiêu chí đánh giá kỹ năng cho trẻ, kết quả thu 200 phiếu hợp lệ, dữ liệu đảm bảo độ tin cậy về lựa chọn mẫu.

Trong 200 khách thể được lựa chọn:

- Về trình độ:

+ Tiến sĩ: 04 (tỉ lệ 2%)

+ Thạc sĩ: 42 (tỉ lệ 21%)

+ Đại học: 128 (tỉ lệ 64%)

+ Cao đẳng: 26 (tỉ lệ 13%)

- Về thâm niên công tác:

+ Nhóm dưới 5 năm: 19 (tỉ lệ 9.5%)

+ Nhóm từ 5 năm đến 10 năm: 125 (tỉ lệ 62.5%)

+ Nhóm trên 10 năm: 56 (tỉ lệ 28%)

b) Khách thể khảo sát thực trạng

- Mục đích: Xác định độ tin cậy và tính thông báo của mẫu nghiên cứu khi lựa chọn khách thể khảo sát thực trạng ứng dụng TCVĐ phát triển một số KN cho trẻ 4–5 tuổi trong giờ hoạt động GDTC (giờ thể dục), hoạt động ngoài trời và khách thể dùng để thực nghiệm.

- Cách tiến hành: Kích thước mẫu được tính theo công thức của Yamane Taro (1967) biết quy mô tổng thể [135]:

$$n = \frac{N}{1 + N \times e^2}$$

Trong đó:

+ n : kích thước mẫu cần xác định.

+ N : quy mô tổng thể.

+ e : sai số cho phép ở mức là ± 0.05 (5%)

- *Khách thể khảo sát thực trạng*: Theo số liệu Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, năm học 2020-2021 có khoảng 26.000 GVMN và CBQL đang công tác tại các trường MN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Để đạt mục tiêu nghiên cứu thì kích thước mẫu tối thiểu của nghiên cứu này là 394 GVMN, CBQL (*phụ lục 11*).

Luận án tiến hành thực hiện khảo sát thực trạng bằng cách phát phiếu đến 394 GVMN, CBQL, kết quả thu 394 phiếu hợp lệ, dữ liệu đảm bảo độ tin cậy về lựa chọn mẫu.

Trong 394 khách thể được lựa chọn:

- Về trình độ:

+ Thạc sĩ: 41 (tỉ lệ 10.4%)

+ Đại học: 285 (tỉ lệ 72.3%)

+ Cao đẳng: 68 (tỉ lệ 17.3%)

- Về thâm niên công tác:

+ Nhóm dưới 5 năm: 26 (tỉ lệ 6.6%)

+ Nhóm từ 5 năm đến 10 năm: 246 (tỉ lệ 62.4%)

+ Nhóm trên 10 năm: 122 (tỉ lệ 31%)

- *Khách thể dùng đo thực nghiệm*: Theo số liệu Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh, năm học 2020-2021 có khoảng 90.000 trẻ mẫu giáo 4–5 tuổi. Để đạt mục tiêu nghiên cứu thì kích thước mẫu tối thiểu của nghiên cứu này là 400 trẻ 4–5 tuổi. Do đó, luận án tiến hành lựa chọn 800 trẻ 4-5 tuổi ở 10 Trường MN tại Thành phố Hồ Chí Minh (*Phụ lục 12*). Trong đó: Nhóm thực nghiệm có 400 trẻ 4–5 tuổi (196 trẻ nữ, 204 trẻ nam) và Nhóm đối chứng có 400 trẻ 4–5 tuổi (194 trẻ nữ, 206 trẻ nam).

2.2.3. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi [59][82]

Mục đích: Tìm hiểu nhận thức, phương pháp, hình thức tổ chức TCVĐ của GVMN, CBQL trong quá trình tổ chức TCVĐ phát triển KNCĐCB, KNXH cho trẻ 4–5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung câu hỏi: Bảng hỏi được thiết kế dựa trên các nguyên tắc: đảm bảo giá trị về mặt nội dung; đáng tin cậy về mặt thống kê; sử dụng các hình thức câu hỏi sao cho phù hợp với nội dung nghiên cứu và phù hợp với đặc điểm của khách thể nghiên cứu. Nội dung bao gồm:

- Tầm quan trọng của TCVĐ và kỹ năng cho trẻ 4–5 tuổi.

- Mức độ sử dụng, sự phù hợp TCVĐ phát triển KNCĐCB và KNXH của trẻ 4- 5 tuổi.

- Những khó khăn, điều kiện cần của người giáo viên mầm non khi tổ chức TCVĐ phát triển KN cho trẻ 4–5 tuổi.

- Đề xuất lựa chọn trò chơi vận động phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lựa chọn các tiêu chí đánh giá KNVĐCB và KNXH, thể lực cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp tiến hành:

* Phỏng vấn gián tiếp qua phiếu hỏi: bằng hệ thống câu hỏi được in sẵn tiến hành phát phiếu điều tra chuyên gia, GVMN và CBQL nhằm thu thập thông tin cần thiết liên quan đến vấn đề nghiên cứu của luận án.

Bảng 2.1. Bảng các mức độ khảo sát thực trạng ứng dụng TCVD phát triển KNCĐCB, KNXH cho trẻ 4–5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh

Mức	Nội dung
5	Rất cần thiết, rất thường xuyên, rất quan trọng, tốt, rất phù hợp, rất đồng ý
4	Cần thiết, thường xuyên, quan trọng, khá, phù hợp, đồng ý
3	Bình thường, thỉnh thoảng, trung bình, rất khó khăn
2	Ít cần thiết, ít khi, ít quan trọng, yếu, không phù hợp, không đồng ý, khó khăn.
1	Không cần thiết, không bao giờ, không quan trọng, kém, rất không phù hợp, rất không đồng ý, không khó khăn.

* Phỏng vấn trực tiếp chuyên gia, GVMN và CBQL qua trao đổi, trò chuyện, phỏng vấn sâu để thu thập thông tin có liên quan đến vấn đề nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng, nguyên nhân của thực trạng và làm sáng tỏ những thông tin nhận được từ điều tra bằng phiếu hỏi.

- Ý nghĩa giá trị trung bình của thang đo Likert sử dụng trong việc khảo sát:

+ Giá trị khoảng cách = $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (5-1)/5 = 0.8$

+ Ý nghĩa các mức như sau:

1.00 – 1.80: Không cần thiết/không bao giờ/không quan trọng/kém/rất không phù hợp/rất không đồng ý/không khó khăn.

1.81 – 2.60: Ít cần thiết/ít khi/ít quan trọng/yếu/không phù hợp/không đồng ý/khó khăn.

2.61 – 3.40: Bình thường/thỉnh thoảng/trung bình/rất khó khăn.

3.41 – 4.20: Cần thiết/thường xuyên/quan trọng/khá/phù hợp/đồng ý.

4.21 – 5.00: Rất cần thiết/rất thường xuyên/rất quan trọng/tốt/rất phù hợp/rất đồng ý.

2.2.4. Phương pháp chuyên gia [59][82]

Mục đích: Sử dụng trí tuệ của đội ngũ chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực giáo dục học mầm non, một số cán bộ quản lý và giáo viên mầm non nhiều năm kinh nghiệm để góp ý tính khả thi của 26 TCVĐ đã lựa chọn vào việc xây dựng chương trình thực nghiệm.

Phương pháp tiến hành: Tổ chức buổi tọa đàm với đội ngũ chuyên gia, CBQL và GVMN kết quả lựa chọn 26 TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh, đề xuất chương trình thực nghiệm 26 TCVĐ cho trẻ 4-5 tuổi của nhóm thực nghiệm (*phụ lục 27*).

2.2.5. Phương pháp quan sát sư phạm [59][82]

Mục đích: Việc quan sát nhằm làm rõ thực trạng KNXH hiện nay của trẻ 4–5 tuổi và đánh giá hiệu quả của TCVĐ có ảnh hưởng đến sự phát triển KNXH của trẻ 4–5 tuổi.

Nội dung và phương pháp tiến hành quan sát:

+ Là phương pháp trọng tâm để đánh giá mức độ biểu hiện KNXH của trẻ 4–5 tuổi trong các hoạt động giáo dục. Trong nghiên cứu này chúng tôi quan sát trực tiếp 35 buổi và một số buổi dự giờ trực tiếp nhà nghiên cứu tự quan sát bằng mắt và ghi chép những biểu hiện của trẻ vào phiếu quan sát trẻ; 40 buổi gián tiếp qua đội ngũ GVMN, cộng tác viên tại các trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tập trung quan sát những biểu hiện của trẻ theo tiêu chí đã xây dựng và ghi chép lại, dự giờ các hoạt động giáo dục của giáo viên, tập trung quan sát trong 3 hoạt động chính là: hoạt động học, hoạt động vui chơi ngoài trời và hoạt động GDTC.

Công cụ đánh giá: Việc đánh giá mức độ biểu hiện KNXH của trẻ 4–5 tuổi trong các hoạt động giáo dục (hoạt động học, hoạt động vui chơi ngoài trời và hoạt động GDTC) được thực hiện theo các tiêu chí đánh giá đã trình bày với 5 mức tại *phụ lục 6*.

2.2.6. Phương pháp thực nghiệm sư phạm [59][82]

Mục đích: Đánh giá hiệu quả của ứng dụng TCVĐ phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4–5 tuổi ở trường MN tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung và phương pháp tiến hành thực nghiệm:

Để đánh giá hiệu quả việc ứng dụng các trò chơi vận động phát triển KNVĐCB và KNXH của trẻ 4–5 tuổi. Luận án sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh song song trên 2 nhóm khách thể thực nghiệm và đối chứng của trẻ 4–5 tuổi, cụ thể như sau:

+ Nhóm thực nghiệm gồm 400 trẻ 4–5 tuổi (196 trẻ nữ, 204 trẻ nam) đang theo học lớp mẫu giáo nhỡ (lớp chồi) tại các trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hàng tuần các em đều học tập theo kế hoạch của trường và có lồng ghép một số TCVD theo yêu cầu của luận án ở một số hoạt động GDTC tại trường MN.

+ Nhóm đối chứng gồm 400 trẻ 4 – 5 tuổi (194 trẻ nữ, 206 trẻ nam) đang theo học lớp mẫu giáo nhỡ (lớp chồi) tại các trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hàng tuần các em tham gia các hoạt động học và vui chơi theo chương trình học GDMN và kế hoạch giáo dục của trường đã xây dựng vào đầu năm học.

Kế hoạch thực nghiệm được triển khai vào đầu năm học 2022 – 2023 cụ thể từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023 vào các ngày trong tuần tại các trường mầm non mà các em đang theo học.

Địa điểm thực nghiệm: Trường Mầm non Phường 15A – Quận 10; Mầm non Măng non II – Quận 10; Mầm non 26 – Quận Bình Thạnh; Mầm non Bông Sen – Quận Tân Phú; Mầm non Tuổi Hoa – Nhà Bè; Mầm non Rạng Đông 7 – Quận 6; Mầm non Phước Bình – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Hoa Sen – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Tuổi Ngọc – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Hiệp Phú – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức).

Đo lường hiệu quả thực nghiệm: đo lường trước và sau thực nghiệm các tiêu chí: đánh giá KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động GDTC, hoạt động vui chơi ngoài trời ở các nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm.

Quy trình thực nghiệm:

Quy trình thực nghiệm ứng dụng TCVD phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở trường MN tại Thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành theo 4 bước:

a) Bước 1: Chuẩn bị thực nghiệm

- Xác định khách thể thực nghiệm của nhóm TN và nhóm ĐC: liên hệ, gặp gỡ và tìm hiểu về nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ.
- Thống nhất về mục đích, nội dung, thời gian, địa điểm thực nghiệm.
- Lựa chọn lớp, trẻ tham gia thực nghiệm.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất: đồ dùng, đồ chơi và các trang thiết bị phục vụ thực nghiệm.

b) Bước 2: Xây dựng chương trình TN

- Chương trình TN được xây dựng theo kế hoạch của nhà trường và có lồng ghép một số TCVĐ đã đề xuất.

- Chương trình TN ứng dụng các TCVĐ đã đề xuất cho nhóm TN, còn nhóm ĐC thực hiện theo kế hoạch giáo dục của trường (có tổ chức TCVĐ) đã xây dựng vào đầu năm học cho trẻ.

c) Bước 3: Triển khai thực nghiệm

- Đánh giá trước TN mức độ KNVĐCB, KNXH và thể lực của 400 trẻ nhóm TN và 400 trẻ nhóm ĐC tương đương nhau về:

- + Trẻ đang học lớp mẫu giáo nhỡ, đều được chăm sóc và giáo dục theo chương trình GDMN dành cho trẻ 4-5 tuổi.

- + Giáo viên tương đương về trình độ đào tạo (tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Mầm non trở lên).

- + Cơ sở vật chất: điều kiện chăm sóc và giáo dục ở nhóm TN và nhóm ĐC tương đương nhau.

- Triển khai chương trình TN ở bước 2

- + Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho GV nhóm TN ứng dụng các TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực cho trẻ 4-5 tuổi đã được lựa chọn.

- + GV nhóm TN ứng dụng các TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực cho trẻ 4-5 tuổi đã được đề xuất.

- + GV nhóm ĐC thực hiện kế hoạch giáo dục của trường đã xây dựng vào đầu năm học cho trẻ 4-5 tuổi.

- Sử dụng các tiêu chí đã lựa chọn để đánh giá mức độ phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4-5 tuổi ở nhóm TN và nhóm ĐC sau một năm học.

d) Bước 4: Xử lý và phân tích kết quả

- Sử dụng công thức toán thống kê và phần mềm SPSS để xử lý kết quả TN.

- Phân tích kết quả TN, đánh giá chung về mức độ phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ nhóm TN và nhóm ĐC trước, sau TN; phân tích những thay đổi của mỗi KNVĐCB, KNXH và thể lực sau TN.

2.2.7. Phương pháp kiểm tra sự phạm [2][6][19][59][71][72][80][82]

Mục đích: Đánh giá kỹ năng vận động cơ bản và đánh giá thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi trong hoạt động GDTC trước và sau thực nghiệm.

Công cụ kiểm tra sự phạm:

Trong quá trình nghiên cứu tài liệu chương trình GDMN [6], Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi [2], các tác giả Lê Hải [19], Lê Anh Thơ [71], Lâm Thị Tuyết Thúy [80], luận án thấy chưa có sự thống nhất về tiêu chuẩn, chỉ số và test đánh giá sự phát triển vận động và tổ chất thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi, cụ thể là:

- KN vận động đi và chạy: với chương trình GDMN [6], tác giả Lê Hải [19] đưa ra tiêu chuẩn “Chạy 15m trong khoảng 10 giây”, trong khi Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi [2] đưa ra chỉ số “Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 – 7 giây”.

- Tổ chất thể lực sức nhanh: trong các nghiên cứu các tác giả Lê Anh Thơ [72], Lâm Thị Tuyết Thúy [80] sử dụng test đánh giá “Chạy nhanh 10m” đối với trẻ em Việt Nam cùng độ tuổi 4–5 tuổi.

Qua phân tích trên, sự không thống nhất về tiêu chuẩn, chỉ số và test đánh giá sự phát triển vận động và tổ chất thể lực của trẻ 4–5 tuổi trong các văn bản của Bộ Giáo dục và đào tạo sẽ gây khó khăn cho cơ sở khi triển khai thực hiện chương trình GDMN và đánh giá kết quả thực hiện chương trình. Vì vậy, luận án sẽ thực hiện 01 test đánh giá thành tích Chạy nhanh của trẻ 4–5 tuổi nhưng thực hiện đo thành tích ở 2 chạm (chạm 10m và chạm 15m) vẫn đảm bảo đánh giá kỹ năng vận động đi và chạy theo chương trình GDMN [6] và tổ chất thể lực sức nhanh của trẻ Việt Nam cùng độ tuổi (4-5 tuổi), cách thực hiện được trình bày ở nội dung thực hiện kiểm tra sự phạm.

* *Kiểm tra KNNVĐCB*: có 6 test phù hợp với khả năng và năng lực của trẻ có thể tham gia thực hiện được: Chạy nhanh 15m (giây); Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây); Bò qua 05 cổng (giây); Trèo 05 bậc thang giống (giây); Bật xa tại chỗ (cm); Ném bóng xa bằng 2 tay (cm).

* *Kiểm tra tổ chất thể lực*: có 5 test phù hợp với khả năng và năng lực của trẻ có thể tham gia thực hiện được: Chạy nhanh 10m (giây); Bật xa tại chỗ (cm); Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút); Ném túi cát xa bằng tay thuận (m); Ngồi gập thân về trước (cm).

Nội dung thực hiện kiểm tra sự phạm:

+ Chạy nhanh 10m và 15m (giây)

Mục đích: đánh giá kỹ năng vận động chạy và tổ chất thể lực sức nhanh

Chuẩn bị: Phấn, thước dây, còi, đồng hồ bấm giờ.

Phương pháp tiến hành: Trẻ được kiểm tra đứng trước vạch xuất phát ở tư thế xuất phát cao. Khi có hiệu lệnh còi, trẻ chạy trên đường thẳng cự ly 10 m (chạm 1) và 15m (chạm 2).

Kết quả được tính từ khi có hiệu lệnh còi đến khi trẻ vượt qua:

- Chạm 1 cự ly 10m, người kiểm tra thứ nhất đứng vạch (chạm 1) bấm giờ khi có hiệu lệnh xuất phát và bấm dừng khi trẻ vượt qua vạch (test đánh giá tố chất thể lực)
- Chạm 2 cự ly 15m, người kiểm tra thứ hai đứng vạch đích (chạm 2) bấm giờ khi có hiệu lệnh xuất phát và bấm dừng khi trẻ về đích (test đánh giá KNVĐCB)

Mỗi trẻ thực hiện 01 lần. Thành tích được tính bằng giây.

+ *Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)*

Mục đích: đánh giá kỹ năng vận động đi, thẳng bằng

Chuẩn bị: Ghế thể dục rộng 25cm, dài 200cm và cao 35cm; còi, đồng hồ bấm giờ.

Phương pháp tiến hành: Trẻ được kiểm tra đứng trước ghế thể dục, hai chân rộng bằng vai, tay giang ngang, mắt hướng về trước. Khi có hiệu lệnh bắt đầu, trẻ tiến hành bước đi trên ghế thể dục, yêu cầu trẻ giữ thẳng bằng trên ghế, không mất thăng bằng khi thực hiện động tác. Trẻ được hướng dẫn cách thực hiện và đã thuần thục động tác trước khi tiến hành kiểm tra. Kết quả được tính là thời gian trẻ bắt đầu bước một chân lên ghế thể dục và kết thúc khi trẻ bước cả hai chân xuống ghế, mỗi trẻ thực hiện 01 lần. Thành tích được tính bằng giây.

+ *Bò qua 05 cổng (giây)*

Mục đích: đánh giá kỹ năng vận động bò.

Chuẩn bị: Đồng hồ bấm giờ, còi, cổng cao 50cm.

Phương pháp tiến hành: Trẻ được kiểm tra thực hiện tư thế bò bằng cẳng tay và cẳng chân sau vạch xuất phát, tay và chân không chạm vào vạch xuất phát. Khi có hiệu lệnh trẻ thực hiện động tác bò bằng cẳng tay và cẳng chân qua 05 cổng được đặt cách nhau 2m, yêu cầu trẻ không chạm vào cổng hay làm đổ cổng. Trẻ được hướng dẫn cách thực hiện và đã thuần thục động tác trước khi tiến hành kiểm tra. Kết quả được tính từ khi có hiệu lệnh xuất phát đến khi trẻ bò qua cổng cuối cùng, mỗi trẻ thực hiện 01 lần. Thành tích được tính bằng giây.

+ *Trèo 05 bậc thang giống (giây)*

Mục đích: đánh giá kỹ năng vận động leo trèo

Chuẩn bị: Thang gióng (khoảng cách giữa các bậc thang gióng 20cm), đồng hồ bấm giờ, còi.

Phương pháp tiến hành: Trẻ được kiểm tra đứng trước thang dóng, khi có hiệu lệnh xuất phát trẻ trèo lên và xuống 05 bậc thang dóng luân phiên từng chân. Kết quả được tính từ khi có hiệu lệnh cho đến khi trẻ bước xuống đất bằng hai chân, mỗi trẻ thực hiện 01 lần. Thành tích được tính bằng giây.

+ *Bật xa tại chỗ (cm)*

Mục đích: đánh giá kỹ năng vận động bật, sức mạnh cơ chân.

Chuẩn bị: Thảm cao su giảm chấn kích thước 1m x 3m, đặt một thước dây làm bằng thanh nhôm và được đặt trên mặt phẳng nằm ngang và ghim chặt xuống thảm, kẻ vạch giới hạn, mốc 0 của thước chạm vạch xuất phát.

Phương pháp tiến hành: Trẻ được kiểm tra đứng sau vạch xuất phát, hai chân mở rộng rộng bằng vai, ngón chân đặt sát mép vạch giới hạn, hai tay giơ lên cao, hạ thấp trọng tâm, gập khuỷu, gập thân, hơi lao người về phía trước, đầu hơi cúi, hai tay hạ xuống dưới, ra sau dùng hết sức phối hợp toàn thân, bám mạnh đầu ngón chân xuống đất bật nhảy ra xa đồng thời hai tay cũng vung mạnh ra phía trước, khi bật nhảy và tiếp đất hai chân tiến hành đồng thời tiến hành cùng lúc. Trẻ được hướng dẫn cách thực hiện và đã thuần thực động tác trước khi tiến hành kiểm tra. Kết quả được tính từ vạch giới hạn đến vị trí của bộ phận cơ thể chạm đất gần nhất, mỗi trẻ thực hiện 01 lần. Thành tích được tính bằng cm.

+ *Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)*

Mục đích: đánh giá kỹ năng vận động ném

Chuẩn bị: Phân, bóng nhựa 15cm, thước dây bằng thép dài 100 cm có độ chính xác đến 1mm.

Phương pháp tiến hành: Kẻ một đường thẳng làm vạch mức, hai đường thẳng song song từ vạch mức đến cuối phòng cách nhau 4m trên sàn. Trẻ kiểm tra đứng trước vạch mức, mặt hướng về trước, hai chân dang rộng bằng vai, hai tay cầm bóng. Khi có hiệu lệnh, trẻ khuỷu gối đồng thời đưa bóng từ trước lên cao và ra sau đầu, sau đó phối hợp lực tay và chân ném bóng ra xa. Trẻ được hướng dẫn cách thực hiện và đã thuần thực động tác trước khi tiến hành kiểm tra. Kết quả được tính từ vạch giới hạn đến vị trí bóng chạm đầu tiên, mỗi trẻ thực hiện 01 lần. Thành tích được tính bằng cm.

+ Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)

Mục đích: đánh giá khả năng phối hợp vận động, khả năng định hướng, dùng sức
Chuẩn bị: sân rộng, trái thảm/nệm (nếu có), bóng cao su.

Phương pháp tiến hành: trẻ hai tay cầm bóng ở phía trước, ngang mặt. Khi có hiệu lệnh, trẻ thả bóng xuống sàn gạch men, khi bóng nảy lên, bắt bóng bằng hai tay, sau đó thực hiện lặp lại liên tục trong 1 phút. Mỗi trẻ thực hiện 01 lần. Thành tích được tính bằng số lần (những quả bóng trẻ bắt được khi bóng nảy lên).

+ Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)

Mục đích: đánh giá sức mạnh cơ tay.

Chuẩn bị: sân rộng, bằng phẳng, túi cát nặng 150g, thước đo.

Phương pháp tiến hành: trẻ đứng sau vạch giới hạn, đặt chân trái trước, chân phải sau, tay cùng phía chân sau cầm túi cát, đưa từ dưới ra trước lên cao trên vai và ném mạnh về trước, giữ cơ thể thẳng bằng ở tư thế kết thúc. Mỗi trẻ thực hiện 01 lần. Thành tích được tính bằng mét (m).

+ Ngồi gập thân về trước (cm)

Mục đích: đánh giá độ mềm dẻo của cột sống.

Chuẩn bị: sân rộng, trái thảm/nệm.

Phương pháp tiến hành: trẻ ngồi sát sàn, hai chân duỗi thẳng và hơi tách ra (khoảng 15-20 cm), hai gót chân đặt trên dấu số “0”. Sau đó gập thân, hai tay duỗi thẳng về trước ở giữa hai chân, thân người cố gắng gập ra trước đồng thời hai bàn tay men theo mặt sàn. Mỗi trẻ thực hiện 02 lần, mỗi lần giữ 2 giây, lấy kết quả lần gập tốt nhất. Thành tích được tính bằng cm (nếu vượt qua dấu điểm “0” là + cm, ngược lại là - cm)

2.2.8. Phương pháp toán thống kê [59][82]

Các số liệu kết được xử lý với qua phần mềm Microsoft Excel 365 và phần mềm SPSS 26 để tính các tham số thống kê như sau:

▪ Giá trị trung bình:

$$\bar{X} = \frac{1}{n} \sum_{i=1}^n X_i$$

Trong đó: $\sum$ là giá trị tổng.

$\bar{X}$ là giá trị trung bình.

X_i là giá trị quan sát thứ i

n là kích thước mẫu (số người được quan sát)

▪ **Độ lệch chuẩn (S):** là sự phân tán của các giá trị X_i xung quanh giá trị trung bình khi $n \geq 30$.

$$S = \sqrt{\frac{\sum (X_i - \bar{X})^2}{n-1}} \quad (n \geq 30)$$

▪ **Hệ số biến thiên:** $C_v = \frac{S}{\bar{X}} 100\%$

▪ **Sai số tương đối của giá trị trung bình :** $\varepsilon = \frac{t_{0.05} \cdot S_{\bar{X}}}{\bar{X}}$

ε : là chỉ số đánh giá tính đại diện của số trung bình mẫu so với số trung bình tổng thể.

$t_{0.05}$: là giá trị trong bảng t ở ngưỡng xác suất $P = 0,05$ ứng với bậc tự do là n .

$S_{\bar{X}}$: là sai số tương đối giá trị trung bình và được tính bằng công thức:

$$S_{\bar{X}} = \frac{S_x}{\sqrt{n}}$$

Nếu $\varepsilon \leq 0,05$: đại diện cho số trung bình tổng thể

$\varepsilon \geq 0,05$: không đại diện cho số trung bình tổng thể

▪ **Nhịp độ phát triển:** $W = \frac{100(V_2 - V_1)}{0.5(V_1 + V_2)}$

Trong đó: W : Nhịp độ tăng trưởng (%).

V_1 : Mức ban đầu của các chỉ tiêu.

V_2 : Mức cuối cùng của các chỉ tiêu.

▪ **Kiểm định t – student khi so sánh hai giá trị trung bình của hai mẫu có liên quan: ($n \geq 30$).**

$$t = \frac{|\bar{d}| \sqrt{n}}{\sqrt{\frac{\sum_{i=1}^n (d_i - \bar{d})^2}{n}}} \quad n \geq 30$$

Trong đó:

- d_i là hiệu số giữa các cặp giá trị d_i

- $\bar{d}$ là giá trị trung bình của d_i . $\bar{d} = \frac{1}{n} \sqrt{\sum_{i=1}^n d_i} = |\bar{X}_A - \bar{X}_B|$

- n là số cặp giá trị

▪ **Kiểm định t – student của hai mẫu độc lập: ($n \geq 30$)**

$$t = \frac{|\bar{X}_A - \bar{X}_B|}{\sqrt{\frac{S_A^2}{n_A} + \frac{S_B^2}{n_B}}}$$

Trong đó: $\bar{X}_A$: giá trị trung bình của mẫu A

$\bar{X}_B$: giá trị trung bình của mẫu B

S_A^2 : phương sai của mẫu A

S_B^2 : phương sai của mẫu B

n_A : độ lớn của mẫu A

n_B : độ lớn của mẫu B

Bậc tự do (df) = $n_A + n_B - 2$

▪ **So sánh tỉ lệ quan sát:**

$$\chi^2 = \frac{(ad - bc)^2 \cdot n}{(a + b)(c + d)(a + c)(b + d)}$$

Trong đó:

n : Số lượng của 2 nhóm nghiên cứu.

a : Số lượng đáp ứng của nhóm thứ 1.

c : Số lượng không đáp ứng của nhóm thứ 1.

b : Số lượng đáp ứng của nhóm thứ 2.

d : Số lượng không đáp ứng của nhóm thứ 2.

Nếu:

$\chi^2 < 3.84$: Sự khác biệt không có ý nghĩa ở ngưỡng 5% ($P > 0,05$).

$\chi^2 \geq 3.84$: Sự khác biệt có ý nghĩa ở ngưỡng 5% ($P < 0,05$).

▪ **Chỉ bình phương:** $\chi^2 = \sum \frac{(O-E)^2}{E}$

Trong đó: O là tần suất quan sát được

E là tần suất kì vọng

2.3. Tổ chức nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2024, được chia thành 04 giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1: từ tháng 01/2021 đến tháng 12/2021:

Nghiên cứu cơ sở lý luận có liên quan đến luận án.

Viết đề cương chi tiết và bảo vệ đề cương.

Viết tổng quan các vấn đề nghiên cứu.

- Giai đoạn 2: từ tháng 01/2022 đến tháng 08/2022:

Liên hệ các đơn vị để thực hiện điều tra số liệu có liên quan đến luận án.

Thiết kế phiếu khảo sát và tiến hành khảo sát, phỏng vấn GVMN, CBQL tại các trường MN để đánh giá thực trạng.

Xử lý số liệu từ kết quả khảo sát GV các trường MN.

Tiến hành thiết kế bảng quan sát, tìm công cụ kiểm tra sự phạm và lấy số liệu trước thực nghiệm.

Thiết kế phiếu hỏi đến các chuyên gia, GVMN và CBQL đề xuất lựa chọn TCVD.

- Giai đoạn 3: từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023:

Tiến hành thực nghiệm và lấy số liệu. Xử lý số liệu thu thập được.

Đánh giá hiệu quả ứng dụng các TCVD được lựa chọn.

Viết luận án lần 1 và thông qua GV hướng dẫn.

- Giai đoạn 4: từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2024:

Tiến hành viết bài báo, viết chuyên đề, báo cáo 03 chuyên đề, tiểu luận tổng quan.

Viết luận án lần 2 và thông qua GV hướng dẫn.

Hoàn chỉnh luận án và in ấn.

Bảo vệ luận án trước hội đồng khoa học.

2.4. Địa điểm nghiên cứu

- Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các trường Mầm non: Trường Mầm non Phường 15A – Quận 10; Trường Mầm non Tuổi Hoa – Nhà Bè; Trường Mầm non Rạng Đông 7 – Quận 6; Trường Mầm non Phước Bình – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Phường 6 – Quận 10;

Trường Măng non II – Quận 10; Trường Mầm non 26 – Quận Bình Thành; Trường Mầm non 3 – Quận Bình Thành; Trường Mầm non 7B – Quận Bình Thành; Trường Mầm non Rạng Đông 11 – Quận 6; Trường Mầm non Bông Sen – Quận Tân Phú; Trường Mầm non Hiệp Phú – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Phong Phú – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Hoa Lan – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Tuổi Ngọc – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức); Trường Mầm non Hoa Sen – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức).

CHƯƠNG 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng việc ứng dụng trò chơi vận động và một số kỹ năng của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Lựa chọn các tiêu chí đánh giá một số kỹ năng của trẻ 4 - 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1.1. Lựa chọn các tiêu chí đánh giá kỹ năng vận động cơ bản của trẻ 4 - 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Để lựa chọn các tiêu chí đánh giá KNVĐCB trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, luận án dựa vào mục tiêu chương trình GDMN, Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi và qua nghiên cứu tài liệu tham khảo trong và ngoài nước của các tác giả Lâm Thị Tuyết Thúy (2008), Đỗ Vĩnh (2013), Lê Anh Thơ (2014), Nguyễn Hùng Dũng (2021), Lê Hải (2022) [16][19][72][80][104]. Luận án lựa chọn 07 tiêu chí (test) đánh giá KNVĐCB cho trẻ mẫu giáo nhỡ 4–5 tuổi của tác giả Lê Hải đã công bố năm 2022, nhưng do khác nhau về khách thể, thời gian và quy mô nghiên cứu nên luận án tiến hành thực hiện các bước sau:

Bước 1: Đánh giá tính khả thi của các test qua phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi.

Nhằm đánh giá tính khả thi của các test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, luận án áp dụng hình thức trả lời theo thang đo Likert 5 mức độ để tiến hành phỏng vấn 200 khách thể là chuyên gia, cán bộ quản lý và GVMN thông qua phiếu hỏi 2 lần phỏng vấn, mỗi lần cách nhau một tháng và chỉ chọn những test có số ý kiến lựa chọn “rất đồng ý” $\geq 70\%$ sẽ được sử dụng cho nghiên cứu tiếp theo. Như vậy cả 07 test đánh giá KNVĐCB đều được chọn. Để bảo đảm khách quan và độ tin cậy của các test khi kiểm định Chi bình phương χ^2 , χ^2 tính $< \chi^2$ bảng (9,488) với $df = 4$ dẫn đến không có sự khác biệt có ý nghĩa ($P \leq 0,05$) được trình bày tại bảng 3.1.

Như vậy, việc lựa chọn các test đánh giá KNVĐCB của trẻ mầm non 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh qua phỏng vấn bảo đảm được độ tin cậy khách quan cần thiết.

Bước 2: Đánh giá độ tin cậy của các test đã được lựa chọn qua phỏng vấn.

Độ tin cậy của test được xác định bởi mức độ phù hợp giữa kết quả các lần lặp test trên cùng một khách thể thực nghiệm trong cùng một điều kiện. Do đó để đánh giá độ tin cậy của các test đã lựa chọn, luận án sử dụng phương pháp lặp lại test (retest). Khoảng cách giữa 2 lần thực hiện test cách nhau 7 ngày, trong các điều kiện tương tự như nhau. Nghiên cứu tiến hành lập 4 nhóm cộng tác viên, 2 nhóm phụ trách khu vực nội thành (09 trường MN), 2 nhóm phụ trách khu vực ngoại thành (07 trường MN) (*phụ lục 12*), thời gian lấy số liệu lần 1 vào buổi sáng từ ngày 21/2/2022 đến 26/2/2022, tiếp tục lấy số liệu lần 2 từ ngày 28/2/2022 đến 04/3/2022.

Khách thể nghiên cứu để đánh giá độ tin cậy đang học tại lớp mẫu giáo 4–5 tuổi ở 16 trường mầm non (*phụ lục 11*) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là 400 trẻ (205 trẻ nam, 195 trẻ nữ). Kết quả giữa hai lần lặp lại test được xử lý bằng phân tích tương quan, hệ số tương quan giữa hai lần lặp lại cũng chính là hệ số tin cậy của các test. Kết quả xử lý số liệu được thể hiện qua bảng 3.2, cho thấy cả 07 test được lựa chọn đạt độ tin cậy cần thiết, với hệ số tương quan từ chặt đến rất chặt ($r \geq 0.8$) để tiến hành đánh giá tính thông báo.

Bảng 3.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tiêu chí	Lần 1 (n=200)										Lần 2 (n=200)										χ^2
		Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý		Rất không đồng ý		Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý		Rất không đồng ý		
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
1	Chạy nhanh 15m (giây)	165	82.50	14	7.00	13	6.50	8	4.00	0	0.00	152	76.00	22	11.00	17	8.50	9	4.50	0	0.00	2.90
2	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	152	76.00	17	8.50	18	9.00	13	6.50	0	0.00	160	80.00	24	12.00	9	4.50	7	3.50	0	0.00	6.20
3	Trườn qua 03 cổng (giây)	165	82.50	17	8.50	13	6.50	5	2.50	0	0.00	153	76.50	16	8.00	21	10.50	10	5.00	0	0.00	4.03
4	Bò qua 05 cổng (giây)	151	75.50	23	11.50	19	9.50	7	3.50	0	0.00	150	75.00	22	11.00	22	11.00	6	3.00	0	0.00	0.32
5	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	152	76.00	18	9.00	19	9.50	11	5.50	0	0.00	166	83.00	18	9.00	14	7.00	2	1.00	0	0.00	7.60
6	Bật xa tại chỗ (cm)	176	88.00	14	7.00	6	3.00	4	2.00	0	0.00	168	84.00	11	5.50	16	8.00	5	2.50	0	0.00	5.20
7	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	165	82.50	15	7.50	13	6.50	7	3.50	0	0.00	174	87.00	17	8.50	8	4.00	1	0.50	0	0.00	6.05

Bảng 3.2. Kiểm định độ tin cậy các test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (n=400)

TT	Test	Lần 1		Lần 2		r	P
		$\bar{X}$	σ	$\bar{X}$	σ		
1	Chạy nhanh 15m (giây)	5.891	1.096	5.892	1.091	0.947	< 0.05
2	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	6.194	1.122	6.163	1.102	0.932	< 0.05
3	Trườn qua 03 cổng (giây)	14.793	1.735	14.754	1.748	0.955	< 0.05
4	Bò qua 05 cổng (giây)	6.744	1.086	6.755	1.087	0.923	< 0.05
5	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.865	1.656	14.897	1.679	0.963	< 0.05
6	Bật xa tại chỗ (cm)	58.425	12.999	58.407	12.919	0.946	< 0.05
7	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	227.105	44.696	226.887	44.161	0.976	< 0.05

Bước 3: Đánh giá tính thông báo của các test sau kiểm định độ tin cậy

Theo lý thuyết thống kê, chỉ những test có độ tin cậy $r \geq 0.8$ trở lên mới bảo đảm độ tin cậy để đưa vào đánh giá tính thông báo. Do không có nhân tố trung tâm làm căn cứ để xác định tính thông báo cho các test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh nên luận án áp dụng phương pháp phân tích nhân tố. Phân tích nhân tố (EFA) là tên chung chỉ một nhóm các thủ tục được sử dụng chủ yếu nhằm thu nhỏ và tóm tắt dữ liệu. Nhân tố chung này (common factor) tạo thành một biến độc lập mới mà các giá trị của nó được tính bằng cách nhân các giá trị của các biến gốc trong nhóm với hệ số nhân tố. Các giá trị của biến mới này chính là nhân tố (factor score). Để tiến hành phân tích nhân tố mỗi test được coi là một biến độc lập (hay biến gốc), quá trình phân tích nhân tố để xác định tính thông báo nhân tố trải qua nhiều bước, trong đó:

Xác định nhân tố chung đại diện cho tất cả các test đánh giá KNVĐCB (các biến độc lập). Nhân tố chung này có giá trị như một nhân tố trung tâm. Nhân tố này còn được xem là các biến đánh giá KNVĐCB.

Xác định mối tương quan giữa các test (các biến gốc) với nhân tố chung. Hệ số tương quan giữa các test và các biến biểu thị mối quan hệ giữa chúng với nhau. Như vậy

các hệ số tương quan này được sử dụng như các hệ số thông báo. Theo quy ước các test được coi là đủ tính thông báo khi hệ số thông báo $r > 0.4$. Khách thể nghiên cứu tính thông báo là 400 trẻ đã được sử dụng để đánh giá độ tin cậy. Kết quả phân tích nhân tố (EFA) các test đánh giá KNVĐCB của trẻ mầm non 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (phụ lục 15 và phụ lục 16):

Qua hai lần phân tích EFA, luận án đã loại bỏ test không phù hợp là “Trườn qua 3 cổng” và 6 test còn lại cho kết quả $KMO = 0.593 > 0.5$, $\text{sig Bartlett's Test} = 0.000 < 0.05$, như vậy phân tích nhân tố EFA là phù hợp. Có 03 nhân tố được trích với tiêu chí Eigenvalue lớn hơn 1 với tổng phương sai tích lũy là $63.002\% > 50\%$, như vậy 03 nhân tố được trích giải thích được 63,002% biến thiên dữ liệu của 06 test tham gia vào EFA.

Bảng 3.3. Kết quả phân tích EFA về tính phù hợp của nhân tố

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.593
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	134.101
	df	15
	Sig.	.000

Kết quả ma trận xoay cho thấy, 06 test được phân thành 03 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0.5 và có 02 test “Ném bóng xa bằng 2 tay” và “Bật xa tại chỗ” mức chênh lệch hệ số tải > 0.2 nên được giữ lại và xếp test này vào nhân tố có hệ số tải cao hơn.

Như vậy, cả 06 test đều có hệ số thông báo với nhân tố trung tâm lớn hơn 0.4. Điều đó có nghĩa cả 06 test đều có tính thông báo đối với KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi. Luận án đã kết hợp giữa cơ sở khoa học và thực tiễn để lựa chọn các test đánh giá KNVĐCB của trẻ mầm non 4–5 tuổi qua kiểm định độ tin cậy bằng phương pháp lặp lại (retest) và phân tích nhân tố để xác định tính thông báo của test, luận án đã lựa chọn được 06 test đủ điều kiện để tiến hành đánh giá KNVĐCB của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày qua bảng 3.4 như sau:

**Bảng 3.4. Kết quả các test đánh giá KNVĐCB cho trẻ 4 – 5 tuổi
ở Thành phố Hồ Chí Minh**

TT	Tiêu chí đánh giá KNVĐCB
1	Chạy nhanh 15m (giây)
2	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)
3	Bò qua 05 cổng (giây)
4	Trèo 05 bậc thang giống (giây)
5	Bật xa tại chỗ (cm)
6	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)

3.1.1.2. Lựa chọn các tiêu chí đánh giá kỹ năng xã hội cho trẻ 4-5 tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh

Luận án cũng tiến hành xác định các tiêu chí đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi căn cứ vào mục tiêu của chương trình GDMN [6], Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi [2], và qua nghiên cứu tài liệu trong và ngoài nước của các tác giả Nguyễn Thị Thu Hạnh (2021), Đàm Thị Kim Thu (2021) và trên cơ sở khái niệm KNXH của luận án [20] [75]. Luận án lựa chọn sử dụng thang đo của tác giả Đàm Thị Kim Thu đã công bố năm 2021 [75], nhưng do khác nhau về khách thể, thời gian và quy mô nghiên cứu nên luận án tiến hành thực hiện các bước sau:

Bước 1: Phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi và kiểm định độ tin cậy các tiêu chí đánh giá KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Luận án tiến hành phỏng vấn 200 khách thể là chuyên gia, CBQL và GVMN thông qua phiếu hỏi gồm 05 nhóm KNXH với 42 biến quan sát, các KN thành phần này được mã hóa (*phụ lục 16*) và đưa vào bảng hỏi đánh giá với thang đo Likert 5 mức độ từ 1 đến 5 (1: *Rất không đồng ý*, 2: *Không đồng ý*, 3: *Bình thường*, 4: *Đồng ý*, 5: *Rất đồng ý*).

Luận án tiến hành kiểm định độ tin cậy thang đo 05 nhóm KNXH với 42 biến quan sát bằng hệ số tin cậy Cronbach Alpha > 0.7 và hệ số Corrected Item-Total Correlation > 0.3 được giữ lại, hệ số Corrected Item-Total Correlation < 0.3 sẽ bị loại [105]. Qua các lần kiểm định, các biến quan sát sử dụng để khảo sát là phù hợp và đều đạt yêu cầu về độ tin cậy, đồng thời loại bỏ 08 tiêu chí không phù hợp. Kết quả như sau (*phụ lục 18 và phụ lục 19*):

Bảng 3.5. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo đánh giá các KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

TT	Các KNXH	Cronbach's Alpha	Số biến quan sát	Biến bị loại
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	0.854	07	XH1, XH2, XH3, XH9
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	0.802	08	NQ1, NQ2
3.	Kĩ năng giao tiếp	0.860	06	GT1, GT8
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	0.788	08	
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	0.748	05	
6.	Tổng cộng		34	

Như vậy, luận án sử dụng 34 biến quan sát làm thang đo để đánh giá KNXH của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Bước 2: Kiểm định độ tin cậy các tiêu chí đánh giá KNXH trực tiếp với khách thể nghiên cứu

Từ kết quả 34 tiêu chí đánh giá KNXH đã xác định ở trên, luận án tiến hành khảo sát khách thể nghiên cứu là 400 trẻ 4–5 tuổi (205 trẻ nam, 195 trẻ nữ) đang học tại lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi ở 16 trường mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*phụ lục 11*). Sau khi thu thập số liệu, luận án tiến hành kiểm định Cronbach's Alpha để đánh giá độ tin cậy và chỉ giữ lại các biến quan sát đủ độ tin cậy và loại bỏ các biến quan sát không đủ độ tin cậy. Kết quả như sau: (*phụ lục 20*)

Bảng 3.6. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của thang đo đánh giá KNXH trực tiếp với trẻ 4 – 5 tuổi

TT	Các KNXH	Cronbach's Alpha	Số biến quan sát	Biến bị loại
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	0.867	06	XH7
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	0.757	04	NQ1, NQ2, NQ3, NQ4
3.	Kĩ năng giao tiếp	0.861	05	GT6
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	0.866	06	UX7, UX8
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	0.837	05	
	Tổng cộng		26	

Qua bảng 3.6, hệ số Cronbach's Alpha từ 34 biến quan sát qua các lần kiểm định đã loại 08 biến XH7, NQ1, NQ2, NQ3, NQ4, GT6, UX7 và UX8 được đánh giá là biến ít đóng góp vào thang đo KN tương tác xã hội và KN giao tiếp cần loại bỏ khỏi thang đo cho các bước phân tích tiếp theo.

Bước 3: Kiểm định giá trị các tiêu chí đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi bằng công cụ phân tích nhân tố EFA, CFA chỉ ra mối quan hệ giữa các tiêu chí với nhau.

Luận án tiến hành phân tích nhân tố (Factor Analysis) hay phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) là một kỹ thuật xử lý định lượng với mục đích rút gọn một tập hợp k biến quan sát thành một tập F (với $F < k$) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Trong nghiên cứu này, kiểm định sự thích hợp của phân tích nhân tố khám phá EFA thông qua hệ số Kaiser-Meyer-Olkin (KMO).

Khách thể nghiên cứu là 400 trẻ đã được sử dụng để đánh giá độ tin cậy. Kết quả phân tích nhân tố (EFA) của 26 tiêu chí đánh giá KNXH cho trẻ 4–5 tuổi được thể hiện như sau:

Phân tích nhân tố EFA thang đo 26 tiêu chí đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

Qua các lần phân tích EFA, có 5 nhân tố được trích với tiêu chí eigenvalue lớn hơn 1, như vậy 5 nhân tố này tóm tắt thông tin của 25 biến quan sát đưa vào EFA một cách tốt nhất, với tổng phương sai mà 5 nhân tố này trích được là $62.330\% > 50\%$. Như vậy, 5 nhân tố được trích giải thích được 62.330% biến thiên dữ liệu của 25 biến quan sát tham gia vào EFA. $KMO = 0.855 > 0.5$, $\text{sig Bartlett's Test} = 0.000 < 0.05$ là phù hợp (*phụ lục 21*). Kết quả ma trận xoay nhân tố cho thấy, 25 biến quan sát được phân thành 5 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) lớn hơn 0.5 và không còn các biến xấu.

Bảng 3.7. Kết quả phân tích nhân tố EFA thang đo KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.855
Approx. Chi-Square		4108.921
Bartlett's Test of Sphericity	df	300
	Sig.	.000

Như vậy, phân tích nhân tố khám phá EFA cho các biến được đưa vào phân tích, có 01 biến quan sát không đạt điều kiện là XH5 được loại bỏ để thực hiện phân tích lại. 25 biến quan sát hội tụ và phân biệt thành 5 nhân tố, gồm các biến quan sát được trình bày trong bảng 3.8.

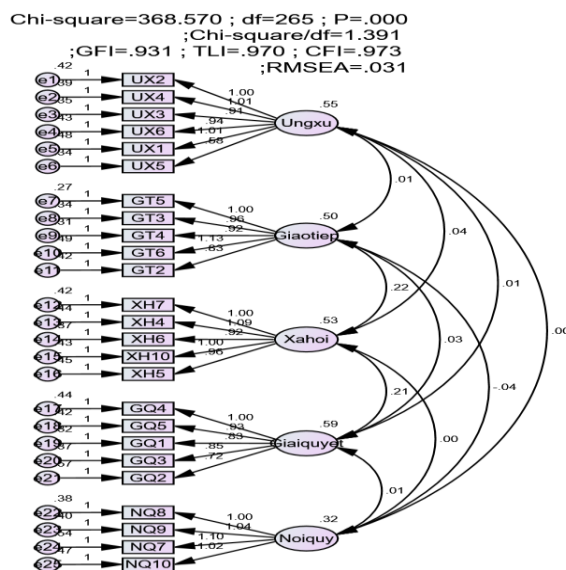
Bảng 3.8. Kết quả phân tích EFA các biến thuộc thang đo KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

Nhân tố	Biến quan sát	Tên nhân tố
1	UX1, UX2, UX3, UX4, UX5, UX6	KN hành vi và ứng xử xã hội
2	GT1, GT2, GT3, GT4, GT5	KN giao tiếp
3	XH1, XH2, XH3, XH4, XH6	KN tương tác xã hội
4	GQ1, GQ2, GQ3, GQ4, GQ5	KN giải quyết vấn đề
5	NQ5, NQ6, NQ7, NQ8	KN tuân theo nội quy
Hệ số KMO = 0.855 > 0.5		
Sig kiểm định Bartlett = 0.000 < 0.05		
Tổng phương sai trích từ 5 nhân tố = 62.330% > 50%		

Phân tích nhân tố khẳng định CFA thang đo đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

Qua biểu đồ 3.1, độ phù hợp chung của mô hình với giá trị kiểm định Chi-square = 368.570 với 265 bậc tự do, Chi-square/df = 1.391 < 5 với giá trị P = 0.000 chứng tỏ rằng giá trị có ý nghĩa thống kê. Lần lượt các giá trị GFI = 0.931 $\geq$ 0.9, TLI = 0.970 $\geq$ 0.9, CFI = 0.973 $\geq$ 0.95 từ tốt đến rất tốt, RMSEA = 0.031 < 0.06 [118]. Kết quả này cho thấy mô hình CFA phù hợp với dữ liệu thu được.

Sau khi xem xét độ phù hợp của mô hình CFA, luận án tiến hành đánh giá chất lượng biến quan sát (đánh giá mô hình đo lường) KNXH cho trẻ 4–5 tuổi để xem xét biến quan sát nào phù hợp và biến quan sát nào không phù hợp cần loại bỏ. Để đánh giá chất lượng biến quan sát KNXH cho trẻ 4–5 tuổi trong CFA.



Biểu đồ 3.1. Mô hình CFA thang đo đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

Kết quả hệ số hồi quy (*phụ lục 22*), giá trị P (p-value) toàn bộ các biến quan sát đều có p-value bằng $0.000 < 0.05$, như vậy các biến quan sát đều có ý nghĩa trong mô hình (Ký hiệu 3 dấu *** trong AMOS là 0.000). Khi tất cả các biến quan sát đều có p-value trong bảng hệ số hồi quy đều nhỏ hơn 0.05.

Đối với kết quả hệ số hồi quy chuẩn hóa (*phụ lục 23*), toàn bộ các biến quan sát đều có hệ số hồi quy chuẩn hóa lớn hơn 0.5, thậm chí là lớn hơn 0.7 [115]. Như vậy, các biến quan sát đều có mức phù hợp cao.

Thông qua các bước kiểm định, luận án đã xác định được 25 biến quan sát gồm 6 biến quan sát thang đo KN hành vi và ứng xử xã hội, 5 biến quan sát thang đo KN giao tiếp, 6 biến quan sát thang đo KN tương tác xã hội, 5 biến quan sát thang đo KN giải quyết vấn đề, 4 biến quan sát thang đo KN tuân theo nội quy dùng để đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.1.3. Thực trạng kỹ năng vận động cơ bản của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Để đánh giá mức độ phát triển KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi, luận án tiến hành sử dụng 06 test đánh giá KNVĐCB đã kiểm định độ tin cậy và tính thông báo của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh đã được trình bày ở trên. Khách thể khảo sát thực trạng đang theo học tại một số trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh được phân chia theo 2 khu vực nội thành và ngoại thành [95], với số lượng 200 trẻ nội thành và 200 trẻ ngoại thành (*phụ lục 12*) và thời điểm lấy số liệu vào tháng 02/2022 do thời điểm năm học 2021-2022 dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp trẻ mầm non không học tập trực tiếp đến tháng 14/02/2022 trẻ mầm non được trở lại trường học tập trực tiếp [96]. Kết quả đánh giá KNVĐCB của trẻ 4–5 tuổi được trình bày tại bảng 3.9.

Bảng 3.9. Thực trạng kỹ năng vận động cơ bản của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Test đánh giá KNVĐCB	Nội thành (n=200)				Ngoại thành (n=200)			
		$\bar{X}_{NT}$	S	ε	C_v	$\bar{X}_{NgT}$	S	ε	C_v
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	5.875	1.130	0.03	19.229	5.908	1.065	0.03	18.023
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	6.166	1.184	0.03	19.208	6.223	1.058	0.02	17.009

TT	Test đánh giá KNVĐCB	Nội thành (n=200)				Ngoại thành (n=200)			
		$\bar{X}_{NT}$	S	ε	C_v	$\bar{X}_{NgT}$	S	ε	C_v
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	6.716	1.196	0.03	17.812	6.773	0.966	0.02	14.266
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.510	1.828	0.03	12.598	15.226	1.376	0.01	9.036
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	57.295	13.732	0.03	23.968	59.555	12.151	0.03	20.402
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	227.55	44.086	0.03	19.374	226.66	43.409	0.03	19.151

Kết quả bảng 3.9, có thể phân tích cụ thể về kết quả đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh và tiến hành so sánh thực trạng KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi trong nghiên cứu của tác giả Lê Hải công bố thời điểm năm 2022, cụ thể như sau:

- Test Chạy nhanh 15m (giây): thành tích của trẻ nội thành 5.875 ± 1.130 giây, trẻ ngoại thành 5.908 ± 1.065 giây, chênh lệch 0.033, cho thấy thành tích trẻ ngoại thành có sự chênh lệch trẻ nội thành, hệ số biến thiên trẻ nội thành và trẻ ngoại thành có độ đồng nhất trung bình ($10\% \leq C_v \leq 20\%$), sai số tương đối ở cả 2 nhóm đều $\varepsilon \leq 0.05$ đủ tính đại diện cho tập hợp mẫu.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Lê Hải (2022), trẻ nội thành là 5.52 ± 0.49 giây, trẻ ngoại thành là 5.51 ± 0.45 giây, thì trẻ 4-5 tuổi của luận án có sự chênh lệch ở cả khu vực nội thành và ngoại thành.

- Test Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây): thành tích của trẻ nội thành 6.166 ± 1.184 giây, trẻ ngoại thành 6.223 ± 1.058 giây, chênh lệch 0.057, cho thấy thành tích trẻ ngoại thành có sự chênh lệch trẻ nội thành, hệ số biến thiên trẻ nội thành và trẻ ngoại thành có độ đồng nhất trung bình ($10\% \leq C_v \leq 20\%$), sai số tương đối ở cả 2 nhóm đều $\varepsilon \leq 0.05$ đủ tính đại diện cho tập hợp mẫu.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Lê Hải (2022), trẻ nội thành là 5.5 ± 0.51 giây, trẻ ngoại thành là 5.58 ± 0.58 giây, thì trẻ 4 -5 tuổi của luận án có sự chênh lệch ở cả khu vực nội thành và ngoại thành.

- Test Bò qua 05 cổng (giây): thành tích của trẻ nội thành 6.716 ± 1.196 giây, trẻ ngoại thành 6.773 ± 0.966 giây, chênh lệch 0.057, cho thấy thành tích trẻ ngoại thành có sự chênh lệch trẻ nội thành, hệ số biến thiên trẻ nội thành và trẻ ngoại thành có độ đồng nhất trung bình ($10\% \leq C_v \leq 20\%$), sai số tương đối ở cả 2 nhóm đều $\varepsilon \leq 0.05$ đủ tính đại diện cho tập hợp mẫu.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Lê Hải (2022), trẻ nội thành là 6.49 ± 0.64 giây, trẻ ngoại thành là 6.46 ± 0.64 giây, thì trẻ 4 -5 tuổi của luận án có sự chênh lệch ở cả khu vực nội thành và ngoại thành.

- Test Trèo 05 bậc thang giống (giây): thành tích của trẻ nội thành 14.510 ± 1.828 giây, trẻ ngoại thành 15.226 ± 1.376 giây, chênh lệch 0.716, cho thấy thành tích trẻ ngoại thành có sự chênh lệch trẻ nội thành, hệ số biến thiên trẻ nội thành có độ đồng nhất trung bình ($10\% \leq C_v \leq 20\%$) còn trẻ ngoại thành có độ đồng nhất cao ($C_v < 10\%$), sai số tương đối ở cả 2 nhóm đều $\varepsilon \leq 0.05$ đủ tính đại diện cho tập hợp mẫu.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Lê Hải (2022), trẻ nội thành là 15.51 ± 1.29 giây, trẻ ngoại thành là 15.48 ± 1.28 giây, thì trẻ 4 -5 tuổi của luận án có sự chênh lệch ở cả khu vực nội thành và ngoại thành.

- Test Bật xa tại chỗ (cm): thành tích của trẻ nội thành 57.295 ± 13.732 cm, trẻ ngoại thành 59.555 ± 12.151 cm, chênh lệch 2.26, cho thấy thành tích trẻ nội thành có sự chênh lệch trẻ ngoại thành, hệ số biến thiên trẻ nội thành và trẻ ngoại thành có độ đồng nhất có độ đồng nhất thấp ($C_v > 20\%$), sai số tương đối ở cả 2 nhóm đều $\varepsilon \leq 0.05$ đủ tính đại diện cho tập hợp mẫu.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Lê Hải (2022), trẻ nội thành là 50.23 ± 5.85 cm, trẻ ngoại thành là 50.94 ± 4.99 cm, thì trẻ mầm non 4 -5 tuổi của luận án có sự chênh lệch ở cả khu vực nội thành và ngoại thành.

- Test Ném bóng xa bằng 2 tay (cm): thành tích của trẻ nội thành 227.55 ± 44.086 cm, trẻ ngoại thành 226.66 ± 43.409 cm, chênh lệch 0.89, cho thấy thành tích trẻ ngoại thành có sự chênh lệch trẻ nội thành, hệ số biến thiên trẻ nội thành và trẻ ngoại thành có

độ đồng nhất trung bình ($10\% \leq C_v \leq 20\%$), sai số tương đối ở cả 2 nhóm đều $\varepsilon \leq 0.05$ đủ tính đại diện cho tập hợp mẫu.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Lê Hải (2022), trẻ nội thành là 216.3 ± 17.05 giây, trẻ ngoại thành là 218.4 ± 15.19 cm, thì trẻ 4-5 tuổi của luận án có sự chênh lệch ở cả khu vực nội thành và ngoại thành.

Tóm lại: Kết quả khảo sát thực trạng KNVĐCB của trẻ 4–5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có sự chênh lệch đáng kể so với kết quả nghiên cứu của tác giả Lê Hải (2022). Cụ thể, thành tích trung bình ở 05 test KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi thấp hơn so với nhóm trẻ cùng độ tuổi của tác giả Lê Hải. Sự khác biệt này không chỉ thể hiện ở mức độ thành tích mà còn thể hiện ở độ phân tán lớn hơn (độ lệch chuẩn cao hơn), cho thấy sự không đồng đều trong phát triển vận động của trẻ sau giai đoạn chịu ảnh hưởng của đại dịch COVID-19

Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt là yếu tố thời điểm thu thập dữ liệu vào tháng 02/2022, ngay sau khi trẻ mầm non quay trở lại trường học trực tiếp sau một thời gian dài nghỉ học vì dịch COVID-19. Thêm vào đó, sự thay đổi trong nhịp sinh hoạt và thói quen vận động của trẻ trong thời gian giãn cách xã hội cũng là một yếu tố ảnh hưởng đáng kể. Trong thời gian nghỉ học, phần lớn trẻ mầm non sinh hoạt tại nhà trong không gian chật hẹp, ít được vận động thể chất đầy đủ, thay vào đó trẻ tăng thời gian sử dụng thiết bị điện tử, thói quen tĩnh tại, từ đó làm suy giảm khả năng phối hợp vận động, sức bền cũng như độ linh hoạt của hệ vận động.

Mặt khác, sau khi trẻ trở lại trường, việc tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất trong nhà trường mầm non có thể chưa được phục hồi đầy đủ do ảnh hưởng kéo dài của đại dịch. Đây cũng là nguyên nhân khiến KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi của luận án chưa đạt được mức độ như trong nghiên cứu của tác giả Lê Hải, vốn được thực hiện trong điều kiện sinh hoạt và học tập ổn định hơn.

3.1.1.4. Thực trạng kỹ năng xã hội của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Trong nghiên cứu này để đánh giá thực trạng KNXH của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu sử dụng thang đo KNXH đã được kiểm định (mục 3.1.1.2) gồm 25 biến quan sát gồm 6 biến quan sát thang đo KN hành vi và ứng xử xã hội, 5 biến

quan sát thang đo KN giao tiếp, 6 biến quan sát thang đo KN tương tác xã hội, 5 biến quan sát thang đo KN giải quyết vấn đề, 4 biến quan sát thang đo KN tuân theo nội quy dùng để đánh giá KNXH cho trẻ mầm non 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu tiến hành quan sát thực trạng KNXH (*phụ lục 5*) của 400 trẻ 4 – 5 tuổi nội thành và ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả thu được tại bảng 3.10.

**Bảng 3.10. Kết quả đánh giá thực trạng KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi
ở Thành phố Hồ Chí Minh (n=400)**

TT	Các kĩ năng xã hội	Nội thành (n=200)		Ngoại thành (n=200)	
		$\bar{X}$	S	$\bar{X}$	S
Kĩ năng tương tác xã hội		2.808	0.581	2.620	0.510
1.	Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn	3.00	0.780	2.62	0.507
2.	Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè	2.82	0.650	2.62	0.498
3.	Tập trung và duy trì chú ý khi chơi với cô, bạn bè	2.82	0.568	2.60	0.522
4.	Chơi thường xuyên với nhóm bạn	2.74	0.440	2.61	0.530
5.	Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình	2.68	0.470	2.67	0.494
Kĩ năng tuân theo nội quy		2.749	0.537	2.679	0.534
6.	Không nói tự do, không gây ồn ào	2.79	0.598	2.65	0.640
7.	Chơi đúng góc	2.73	0.448	2.70	0.501
8.	Biết cất đồ chơi sau khi chơi	2.74	0.516	2.71	0.509
9.	Đi vệ sinh, vứt rác đúng nội quy định	2.75	0.585	2.66	0.485
Kĩ năng giao tiếp		2.688	0.548	2.616	0.506
10.	Nhìn vào đối tượng giao tiếp	2.70	0.493	2.64	0.531
11.	Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp	2.73	0.511	2.70	0.491
12.	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối	2.64	0.502	2.61	0.499
13.	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi	2.60	0.512	2.68	0.489
14.	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp	2.79	0.722	2.45	0.519
Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội		2.670	0.470	2.616	0.507
15.	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	2.71	0.455	2.61	0.490
16.	Mượn đồ dùng của bạn và biết trả lại	2.62	0.487	2.61	0.509
17.	Làm theo chỉ dẫn	2.66	0.477	2.44	0.507
18.	Chấp nhận lời từ chối	2.66	0.475	2.67	0.524
19.	Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	2.65	0.480	2.68	0.520
20.	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	2.73	0.445	2.71	0.489
Kĩ năng giải quyết vấn đề		2.636	0.481	2.672	0.489
21.	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	2.70	0.459	2.67	0.482
22.	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác (cô giáo, bạn bè) khi cần thiết	2.62	0.487	2.65	0.499
23.	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	2.54	0.500	2.68	0.490
24.	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	2.69	0.466	2.68	0.489
25.	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	2.64	0.492	2.69	0.487

Qua kết quả bảng 3.10 cho thấy:

- *Về kỹ năng tương tác xã hội* của trẻ nội thành và trẻ ngoại thành đều ở mức độ trung bình, trẻ thỉnh thoảng thực hiện KN tương tác xã hội và cần có sự giúp đỡ, điểm trung bình lần lượt là 2.808 và 2.620, trong đó giá trị trung bình của trẻ nội thành dao động trong khoảng 2.68 – 3.00, biến quan sát “Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình” thấp nhất và cao nhất là biến “Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn”, còn với trẻ ngoại thành giá trị trung bình dao động trong khoảng 2.60 – 2.67, biến quan sát “Tập trung và duy trì chú ý khi chơi với cô, bạn bè” thấp nhất và cao nhất lại là biến “Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình” ngược lại so với trẻ nội thành.

- *Về kỹ năng tuân theo nội quy* của trẻ nội thành và trẻ ngoại thành đều ở mức độ trung bình, trẻ thỉnh thoảng thực hiện KN tuân theo nội quy và cần có sự giúp đỡ, điểm trung bình lần lượt là 2.749 và 2.679, trong đó giá trị trung bình của trẻ nội thành dao động trong khoảng 2.73 – 2.79, biến quan sát “Chơi đúng góc” thấp nhất và cao nhất là biến “Không nói tự do, không gây ồn ào”, còn với trẻ ngoại thành giá trị trung bình dao động trong khoảng 2.65 – 2.71, biến quan sát “Không nói tự do, không gây ồn ào” lại thấp nhất so với trẻ nội thành và cao nhất là biến “Biết cất đồ chơi sau khi chơi”.

- *Về kỹ năng giao tiếp* của trẻ nội thành và trẻ ngoại thành đều ở mức độ trung bình, trẻ thỉnh thoảng thực hiện KN giao tiếp và cần có sự giúp đỡ, điểm trung bình lần lượt là 2.688 và 2.616, trong đó giá trị trung bình của trẻ nội thành dao động trong khoảng 2.60 – 2.79, biến quan sát “Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi” thấp nhất và cao nhất là biến “Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp”, còn với trẻ ngoại thành giá trị trung bình dao động trong khoảng 2.45 – 2.70, biến quan sát “Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp” lại thấp nhất so với trẻ nội thành và cao nhất là biến “Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp”.

- *Về kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội* của trẻ nội thành và trẻ ngoại thành đều ở mức độ trung bình, trẻ thỉnh thoảng thực hiện KN hành vi và ứng xử xã hội và cần có sự giúp đỡ, điểm trung bình lần lượt là 2.670 và 2.616, trong đó giá trị trung bình của trẻ nội thành dao động trong khoảng 2.62 – 2.73, biến quan sát “Mượn đồ dùng của bạn và biết trả lại” thấp nhất và cao nhất là biến “Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh”, còn với trẻ ngoại thành giá trị trung bình dao động trong khoảng

2.44 – 2.71, biến quan sát “Làm theo chỉ dẫn” thấp nhất và cao nhất là biến “Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh”.

- Về *kỹ năng giải quyết vấn đề* của trẻ nội thành và trẻ ngoại thành đều ở mức độ trung bình, trẻ thỉnh thoảng thực hiện KN giải quyết vấn đề và cần có sự giúp đỡ, điểm trung bình lần lượt là 2.636 và 2.672, trong đó giá trị trung bình của trẻ nội thành dao động trong khoảng 2.54 – 2.70, biến quan sát “Trao đổi ý kiến của mình với các bạn” thấp nhất và cao nhất là biến “Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác”, còn với trẻ ngoại thành giá trị trung bình dao động trong khoảng 2.65 – 2.69, biến quan sát “Đề nghị sự giúp đỡ của người khác (cô giáo, bạn bè) khi cần thiết” thấp nhất và cao nhất là biến “Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường”.

Kết quả cho thấy, KNXH của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang ở mức độ trung bình trên tất cả các nhóm KN thành phần: KN tương tác xã hội, KN tuân theo nội quy, KN giao tiếp, KN hành vi và ứng xử xã hội, KN giải quyết vấn đề. Trẻ thỉnh thoảng thực hiện được các hành vi thuộc nhóm KNXH nhưng vẫn cần đến sự hỗ trợ, hướng dẫn của giáo viên hoặc người lớn trong quá trình thực hiện. Sự khác biệt giữa trẻ nội thành và ngoại thành không lớn, tuy nhiên vẫn phản ánh phần nào những ảnh hưởng của bối cảnh giáo dục, điều kiện môi trường và yếu tố xã hội đến quá trình hình thành và phát triển KNXH ở trẻ mầm non.

Thực trạng này có thể được lý giải bởi một số nguyên nhân mang tính khách quan và chủ quan: Một trong những nguyên nhân nổi bật ảnh hưởng đến sự phát triển KNXH của trẻ là hậu quả gián tiếp của giai đoạn giãn cách xã hội kéo dài trong năm học 2021–2022 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Trong thời gian này, trẻ mầm non thiếu cơ hội tương tác xã hội trực tiếp với bạn bè, giáo viên và những người xung quanh, vốn là điều kiện thiết yếu để phát triển các KN như giao tiếp, hợp tác, giải quyết xung đột, tuân thủ quy tắc... Việc học tập và sinh hoạt trong không gian giới hạn tại gia đình đã làm giảm tính đa dạng của trải nghiệm xã hội và hạn chế khả năng trẻ được thực hành KN thông qua hoạt động nhóm, trò chơi theo vai, hoặc các tình huống xã hội thực tế trong môi trường trường học.

Bên cạnh đó, chương trình giáo dục mầm non có đề cập đến việc hình thành KNXH, tuy nhiên trong thực tế triển khai, các hoạt động phát triển KNXH có thể chưa

được thiết kế đủ đa dạng hoặc chưa được tổ chức một cách thường xuyên, liên tục. Đặc biệt trong bối cảnh nhà trường phải ưu tiên phục hồi các KN học tập, dinh dưỡng và vệ sinh sau dịch, thời lượng dành cho hoạt động nhóm, thảo luận, xử lý tình huống hoặc tương tác xã hội có thể bị giảm sút. Bên cạnh nhà trường, môi trường gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc rèn luyện và củng cố KNXH cho trẻ.

3.1.2. Thực trạng ứng dụng các trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.2.1. Thực trạng nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về sự cần thiết và mức độ ứng dụng trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả phỏng vấn bằng bảng hỏi với 394 GVMN và CBQL về sự cần thiết của TCVD đối với trẻ 4 – 5 tuổi, nghiên cứu được trình bày qua bảng 3.11 và 3.12.

Bảng 3.11. Thực trạng nhận thức của CBQL và GVMN về sự cần thiết của TCVD đối với trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Mức độ (n=394)	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Rất cần thiết	141	35.8%
2	Cần thiết	210	53.2%
3	Bình thường	37	9.5%
4	Ít cần thiết	6	1.5%
5	Không cần thiết	0	0%

Bảng 3.11 cho thấy, tất cả GVMN và CBQL đều nhận thức được sự cần thiết của TCVD đối với trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, có 35.8% cho rằng rất cần thiết phải sử dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi, có 53.2% cho rằng cần thiết phải sử dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi, có 9.5% cho rằng sử dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi là bình thường và 1.5% cho rằng là ít cần thiết phải sử dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi. Qua phân tích trên thì đa số 89% GVMN và CBQL phải sử dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi là rất cần thiết và cần thiết.

Bảng 3.12. Thực trạng nhận thức của CBQL và GVMN về mức độ ứng dụng TCVD cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

TT	Nội dung	Mức độ (n=394)	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Rất thường xuyên	117	29.7%
2	Thường xuyên	262	66.5%
3	Thỉnh thoảng	13	3.3%
4	Ít khi	2	0.5%
5	Không bao giờ	0	0%

Bảng 3.12 cho thấy, tất cả GVMN và CBQL đều nhận thức việc ứng dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh là thường xuyên. Trong đó, có 29.6% rất thường xuyên ứng dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi, có 67.2% thường xuyên ứng dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi, có 3.2% thỉnh thoảng ứng dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi và 0.5% cho rằng ít khi ứng dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi. Qua phân tích trên thì đa số 96.2% GVMN và CBQL thường xuyên và rất thường xuyên ứng dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, GVMN và CBQL đã thấy được sự cần thiết và tầm quan trọng của việc ứng dụng TCVD cho trẻ trong các hoạt động giáo dục và đây là cơ sở quan trọng và thuận lợi để đề xuất sử dụng các TCVD nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.2.2. Thực trạng mục đích ứng dụng trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Qua bảng 3.13, cho thấy GVMN và CBQL cho rằng khi ứng dụng TCVD cho trẻ 4 – 5 tuổi với mục đích “đa dạng hóa hình thức giáo dục” là rất quan trọng chiếm 43.9% và “giáo dục tình cảm cho trẻ trong mối quan hệ bạn bè khi tham gia trò chơi” chiếm 42.4% (rất quan trọng), tiếp đến mục đích là “hình thành kiến thức, kỹ năng vận động mới cho trẻ”, “phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ” và “phát triển kỹ năng vận động cơ bản cho trẻ” lần lượt là 40.9%, 40.4% và 38.3%, sau cùng là “phát triển các tổ chức thể lực cho trẻ” và “tạo hứng thú vận động cho trẻ” 33.8% và 32.0%. Nhưng xét đến cả 2 mức độ rất quan trọng và quan trọng thì “hình thành kiến thức, kỹ năng vận động mới cho trẻ” được đánh giá cao nhất (98.2%) về mục đích ứng dụng TCVD cho trẻ, xếp thứ hai là mục đích “phát triển các tổ chức thể lực cho trẻ” và “tạo hứng thú vận động cho trẻ”. Mặc dù tất cả GVMN và CBQL đều khẳng định việc ứng dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi nhằm “phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ” và “phát triển kỹ năng vận động cơ bản cho trẻ” là

rất quan trọng và quan trọng, song khi tổ chức TCVD cho trẻ 4–5 tuổi thì GVMN lại hướng đến các mục đích khác, điều này sẽ làm ảnh hưởng không tốt đến việc tổ chức TCVD trong hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu bài học.

Bảng 3.13. Thực trạng mục đích ứng dụng TCVD trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (n=394)

Mục đích		Mức độ (n=394)									
		Rất quan trọng		Quan trọng		Bình thường		Ít quan trọng		Không quan trọng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Phát triển kỹ năng vận động cơ bản cho trẻ	151	38.3	227	57.6	14	3.6	2	0.5	0	0.0
2.	Tạo hứng thú vận động cho trẻ	126	32.0	256	65.0	12	3.0	0	0.0	0	0.0
3.	Phát triển các tố chất thể lực cho trẻ	133	33.8	252	64.0	7	1.8	2	0.5	0	0.0
4.	Hình thành kiến thức, kỹ năng vận động mới cho trẻ	161	40.9	226	57.4	5	1.3	2	0.5	0	0.0
5.	Phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ	159	40.4	213	54.1	17	4.3	5	1.3	0	0.0
6.	Giáo dục tình cảm cho trẻ trong mối quan hệ bạn bè khi tham gia trò chơi	167	42.4	210	53.3	12	3.0	5	1.3	0	0.0
7.	Đa dạng hóa hình thức giáo dục	169	42.9	206	52.3	12	3.0	5	1.3	2	0.5

3.1.2.3. Vai trò của trò chơi vận động đối với sự phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội của trẻ 4 – 5 tuổi

Kết quả khảo sát mức độ nhận thức của 394 GVMN và CBQL về vai trò của TCVD đối với sự phát triển KNVĐCB và KNXH của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày qua bảng 3.14.

Bảng 3.14. Vai trò của TCVD đối với sự phát triển KNVĐCB và KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Vai trò	Mức độ (n=394)	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	Rất quan trọng	240	60.9%
2	Quan trọng	145	36.8%
3	Bình thường	7	1.8%
4	Ít quan trọng	2	0.5%
5	Không quan trọng	0	0.0%

Qua bảng 3.14 cho thấy: khi hỏi về vai trò của TCVD đối với sự phát triển KNVĐCB và KNXH của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh thì có 60.9% GVMN và CBQL nhận thấy rất quan trọng, 36.8% cho là quan trọng, 1.8% cho là bình thường và 0.5% cho là ít quan trọng. Như vậy, GVMN và CBQL đã cho thấy ứng dụng TCVD cho trẻ 4–5 tuổi giữ vai trò rất quan trọng trong việc phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ và đây là cơ sở quan trọng và thuận lợi để ứng dụng các TCVD nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.2.4. Thời điểm ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ 4 – 5 tuổi trong các hoạt động giáo dục tại trường mầm non

Kết quả khảo sát thời điểm ứng dụng TCVD nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi trong các hoạt động giáo dục tại trường MN, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bằng bảng hỏi với 394 GVMN và CBQL, thu được như sau:

Bảng 3.15. Thời điểm ứng dụng TCVD nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi trong các hoạt động giáo dục tại trường mầm non

Hoạt động giáo dục		Tuần suất (n=394)									
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Ít khi		Không bao giờ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Thể dục buổi sáng	228	57.9	140	35.5	15	3.8	7	1.8	4	1.0
2.	Hoạt động góc	150	38.1	175	44.4	53	13.5	14	3.6	2	0.5
3.	Hoạt động Giáo dục thể chất	256	65.0	131	33.2	5	1.3	0	0.0	2	0.5
4.	Chơi chuyên giờ học	149	37.8	184	46.7	52	13.2	9	2.3	0	0.0
5.	Hoạt động buổi chiều	126	32.0	183	46.4	72	18.3	9	2.3	4	1.0
6.	Trò chơi vận động (chuyên biệt)	140	35.5	153	38.8	72	18.3	19	4.8	10	2.5
7.	Hoạt động ngoài trời	230	58.4	157	39.8	5	1.3	2	0.5	0	0.0

Qua bảng 3.15 cho thấy: trên 50% GVMN và CBQL cho rằng rất thường xuyên ứng dụng TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi vào giờ “Hoạt động giáo dục thể chất” chiếm 65.0%, có 58.4% vào giờ “Hoạt động ngoài trời” và 57.9% vào giờ “Thể dục buổi sáng”. Còn có 03 hoạt động khác cũng được sử dụng rất thường xuyên (dưới 50%) để tổ chức TCVĐ cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi: Hoạt động góc (38.1%), chơi chuyển giờ học (37.8%), hoạt động buổi chiều (32%) và trò chơi vận động (chuyên biệt) (35.5%). Như vậy, GVMN và CBQL ứng dụng TCVĐ như là phương tiện quan trọng để tổ chức giờ học GDTC cho trẻ ở trường MN. Tuy nhiên, qua quan sát chúng tôi thấy các TCVĐ tổ chức trong giờ học GDTC, hoạt động vui chơi ngoài trời và thể dục buổi sáng chưa phong phú, chưa hấp dẫn nên chưa kích thích được tính tích cực vận động của trẻ.

3.1.2.5. Những khó khăn khi ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ 4 – 5 tuổi

Qua khảo sát phỏng vấn 394 GVMN và CBQL về những khó khăn khi ứng dụng TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày qua bảng 3.16.

Bảng 3.16. Những khó khăn khi ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

Những khó khăn		Mức độ (n=394)					
		Rất khó khăn		Khó khăn		Không khó khăn	
		SL	%	SL	%	SL	%
1.	Trẻ chưa chủ động trong quá trình chơi	70	17.8	193	49.0	130	33.0
2.	Sự chênh lệch về nhận thức, kỹ năng và kinh nghiệm của trẻ ảnh hưởng đến quá trình chơi	112	28.4	190	48.2	92	23.4
3.	Số lượng trẻ trong lớp đông	238	60.4	82	20.8	74	18.8
4.	GV chịu áp lực của các hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ tại trường MN	207	52.5	94	23.9	93	23.6
5.	Lựa chọn, thiết kế trò chơi vận động phù hợp	67	17.0	152	38.6	175	44.4
6.	Thời gian tổ chức trò chơi vận động còn hạn chế	69	17.5	204	51.8	121	30.7

Qua kết quả bảng 3.16 cho thấy, đa số GVMN và CBQL cho rằng khi ứng dụng TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ mầm non 4–5 tuổi gặp nhiều khó

khăn với các mức độ khác nhau. Trong đó, khó khăn phổ biến nhất ở các trường MN tại Thành phố Hồ Chí Minh là “Số lượng trẻ trong lớp đông” có 60.4% là rất khó khăn, 20.8% là khó khăn; tiếp đến là “GV chịu áp lực của các hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ tại trường MN” có 52.5% là rất khó khăn, 23.9% là khó khăn. Việc số lượng trẻ trong lớp đông và thiếu nguồn nhân lực trong ngành GDMN là điều đang được lãnh đạo ngành quan tâm và cố gắng khắc phục trong một thời gian dài. Theo báo cáo của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022 – 2023 còn thiếu 892 GVMN trực tiếp đứng lớp, trong khi đó toàn thành phố có 465 trường MN công lập, 844 trường dân lập hay tư thục, 1.582 nhóm trẻ độc lập. Bên cạnh những khó khăn gặp phải vì số lượng trẻ quá đông và thiếu hụt nguồn nhân sự thì việc “GV chịu áp lực của các hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ tại trường MN” cũng cần quan tâm, thực tế hiện nay ngoài việc tổ chức dạy học, giáo dục (tổ chức tiết học có chủ đích, tổ chức hoạt động ngoài trời...) ra thì người GVMN còn phải thực hiện các khâu chăm sóc nuôi dưỡng (vệ sinh trẻ, tổ chức các giờ ăn, tổ chức giờ ngủ...), làm đồ dùng đồ chơi (trang trí các góc giáo dục, làm đồ dùng đồ chơi,...), hoàn thành các hồ sơ sổ sách (Sổ điểm danh, sổ chuyên môn, sổ sức khỏe,...), tham gia các hoạt động phong trào (thi sáng kiến kinh nghiệm, thi giáo viên giỏi,...) đã khiến cho áp lực công việc của người GVMN rất cao. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến GVMN không có thời gian bổ sung kiến thức cũng như tập trung vào chuyên môn để tổ chức các hoạt động giáo dục vận động, đặc biệt tổ chức TCVĐ cho trẻ được tốt nhất.

Ngoài ra, “Thời gian tổ chức trò chơi vận động còn hạn chế” (17.5% là rất khó khăn, 51.8% là khó khăn), “Trẻ chưa chủ động trong quá trình chơi” (17.8% là rất khó khăn, 49.0% là khó khăn) và “Sự chênh lệch về nhận thức, kỹ năng và kinh nghiệm của trẻ ảnh hưởng đến quá trình chơi” (28.4% là rất khó khăn, 48.2% là khó khăn) cũng gây khó khăn cho GV khi ứng dụng TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.3. Các điều kiện cần thiết để ứng dụng trò chơi vận động có hiệu quả trong việc phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ 4 – 5 tuổi

Dựa trên kết quả khảo sát của 394 GVMN và CBQL về các điều kiện cần thiết để ứng dụng TCVĐ có hiệu quả hơn trong việc phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày qua bảng 3.17.

Bảng 3.17. Các điều kiện cần thiết để ứng dụng trò chơi vận động có hiệu quả trong việc phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

Điều kiện		Tuần suất (n=394)									
		Rất cần thiết		Cần thiết		Bình thường		Ít cần thiết		Không cần thiết	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Đổi mới hình thức tổ chức trò chơi vận động phù hợp với trẻ	246	62.4	139	35.3	7	1.8	2	0.5	0	0.0
2.	Lựa chọn, thiết kế trò chơi vận động phù hợp với trẻ	241	61.2	142	36.0	9	2.3	2	0.5	0	0.0
3.	Điều chỉnh, bổ sung và phân loại trò chơi vận động	175	44.4	205	52.0	12	3.0	0	0.0	2	0.5
4.	Có tiêu chí đánh giá cụ thể	169	42.9	197	50.0	22	5.6	4	1.0	2	0.5
5.	Có tài liệu hướng dẫn sử dụng trò chơi vận động	159	40.4	219	55.6	12	3.0	2	0.5	2	0.5
6.	Có kế hoạch ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ hợp lý	154	39.1	223	56.6	15	3.8	2	0.5	0	0.0
7.	Có môi trường chơi phù hợp	243	61.7	139	35.3	10	2.5	0	0.0	2	0.5
7.	Đồ dùng, đồ chơi phong phú hấp dẫn trẻ	248	62.9	132	33.5	14	3.6	0	0.0	0	0.0

Qua kết quả bảng 3.17 cho thấy, đa số GVMN và CBQL cho rằng để ứng dụng hiệu quả TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi cần đảm bảo nhiều điều kiện. Trong đó có 04 điều kiện có trên 60% GVMN và CBQL đánh giá là rất cần thiết: “Đồ dùng, đồ chơi phong phú hấp dẫn trẻ” là điều kiện trước tiên (62.9%), tiếp đến là “Đổi mới hình thức tổ chức trò chơi vận động phù hợp với trẻ” (62.4%), “Có môi trường chơi phù hợp” (61.7%) và “Lựa chọn, thiết kế trò chơi vận động phù hợp với trẻ” (61.2%). Ngoài ra, “Điều chỉnh, bổ sung và phân loại trò chơi vận động”, “Có tiêu chí đánh giá cụ thể”, “Có kế hoạch ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ hợp lý”, “Có tài liệu hướng dẫn sử dụng trò chơi vận động” là những điều kiện cũng cần thiết để ứng dụng TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.4. Thực trạng các điều kiện đảm bảo công tác giảng dạy về chương trình, phương pháp giảng dạy, giáo viên, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

3.1.4.1. Thực trạng việc thực hiện chương trình, phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ 4 – 5 tuổi ở trường mầm non

Ngày 13/4/2021 Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT [6], nội dung chương trình GDTC cho trẻ mầm non 4-5 tuổi được quan tâm, chú trọng và bảo đảm đầy đủ, đồng bộ các thành tố:

- Về mục tiêu: phát triển thể chất cho trẻ bình thường theo lứa tuổi về chiều cao, cân nặng; phát triển một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ; thực hiện các vận động cơ bản, khả năng phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Về kế hoạch: được xây dựng một cách cụ thể từ kế hoạch năm học, kế hoạch tháng, tuần và từng ngày trong chế độ sinh hoạt một ngày ở trường mầm non.

- Nội dung: Tập luyện các vận động cơ bản, phát triển các tố chất trong vận động, các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp, các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.

- Phương pháp giáo dục: chú trọng phương pháp thực hành, trải nghiệm, trò chơi, đồng thời vận dụng linh hoạt các nhóm phương pháp để phát triển phát triển kỹ năng vận động và các tố chất trong vận động cho trẻ.

- Kết quả mong đợi: Thể hiện phát triển kỹ năng vận động và các tố chất trong vận động bao gồm: Giữ được thăng bằng cơ thể khi vận động; kiểm soát được vận động; phối hợp tay - mắt trong vận động; thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập.

- Đánh giá sự phát triển của trẻ: được hướng dẫn cụ thể từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, các loại đánh giá, thời điểm đến cách đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá sự phát triển của trẻ theo giai đoạn. Căn cứ đánh giá nằm trong các chỉ số phát triển thể chất và trong bộ Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Như vậy, nội dung chương trình GDTC cho trẻ mầm non 4-5 tuổi đã được thể hiện rất rõ trong chương trình GDMN với một quy trình khoa học từ việc xác định mục tiêu, cho đến đánh giá. Nội dung chương trình GDMN là chương trình khung mang tính khái quát về các lĩnh vực phát triển của trẻ, các cơ sở GD tùy vào điều kiện thực tế (khả năng của trẻ, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị,...) xây dựng chương trình GD nhà trường cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu GD. Khi nghiên cứu các văn bản này, phỏng vấn đội ngũ CBQL và GVMN chúng tôi thấy nội dung chương trình GDTC có một số vấn đề như sau:

Các bài tập tương đối đơn giản về cấu trúc, có lượng vận động không cao, GVMN có thể thị phạm trực tiếp cho trẻ bằng chính những kỹ năng vận động sẵn có của bản thân.

Nội dung bài tập chủ yếu tập trung phát triển kỹ năng vận động; chưa định hướng phát triển KNXH và tổ chức thể lực chuyên biệt đối với trẻ trong độ tuổi.

GVMN phụ thuộc rất nhiều vào các nội dung trong chương trình khung để xây dựng chương trình chi tiết tại địa phương cũng như rập khuôn theo các phương pháp dạy học cũ, chưa tiếp cận được các phương pháp tiên tiến khác để làm phong phú hơn các hoạt động giáo dục.

Toàn bộ nội dung chương trình dành cho độ tuổi 4–5 tuổi chưa quan tâm đúng mức đến việc sử dụng TCVĐ, trò chơi dân gian và một số bài tập thể chất đặc thù để giải quyết nhiệm vụ GDTC.

3.1.4.2. Thực trạng đội ngũ giáo viên của một số trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh

Để đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên của một số trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm xác định một số trường mầm non thực hiện nghiên cứu luận án căn cứ vào: Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân chia khối Phòng Giáo dục và Đào tạo có 4 cụm với cụm nội thành gồm cụm 1 (Quận: 1, 3, 5, 10, 11 và Tân Bình) và cụm 2 (Quận: 4, 6, 8, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận và Tân Phú); cụm ngoại thành gồm cụm 3 (Quận 2, 7, 9, 12, Bình Tân và Thủ Đức) và cụm 4 (Huyện: Bình Chánh, Hóc Môn, Nhà Bè, Củ Chi và Cần Giờ) [95].

Từ cơ sở trên, luận án thực hiện khảo sát thực trạng đội ngũ giáo viên ở 16 trường mầm non công lập tại Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày tại bảng 3.18.

**Bảng 3.18. Thực trạng đội ngũ giáo viên ở một số trường mầm non
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

TT	Khu vực	Trường mầm non	Giáo viên				Số trẻ	Trẻ 4-5 tuổi	Tỉ lệ trẻ/GV
			SL	ThS	ĐH	CĐ			
1	Nội thành	Trường MN Phường 6, Quận 10	38	0	27	11	440	110	11.6
2		Trường MN Phường 15A, Quận 10	25	0	18	7	327	85	13.1
3		Trường MN Măng non II, Quận 10	25	0	21	04	331	89	13.2
4		Trường MN 26, Quận Bình Thạnh	40	0	34	06	603	185	15.1
5		Trường MN 3, Quận Bình Thạnh	25	0	17	08	320	84	12.8
6		Trường MN 7B, Quận Bình Thạnh	18	0	14	4	201	54	11.2
7		Trường MN Rạng Đông 11, Quận 6	38	3	34	1	513	162	13.5
8		Trường MN Bông Sen, Quận Tân Phú	23	0	23	0	300	95	13.0
9		Trường MN Rạng Đông 7, Quận 6	35	2	25	8	480	139	13.7
		Tổng cộng	267	5	213	49	3515	1003	13.2
10	Ngoại thành	Trường MN Hiệp Phú, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	33	0	25	8	478	116	14.5
11		Trường MN Phong Phú, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	14	0	11	3	260	78	18.6
12		Trường MN Phước Bình, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	18	0	13	5	252	59	14.0
13		Trường MN Hoa Lan, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	20	0	16	4	311	114	15.6
14		Trường MN Tuổi Hoa, Huyện Nhà Bè	29	1	23	5	392	115	13.5
15		Trường MN Tuổi Ngọc, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	32	1	31	0	461	120	14.4
16		Trường MN Hoa Sen, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	30	1	27	2	414	120	13.8
		Tổng cộng	176	3	146	27	2568	722	14.6
	Tổng cộng		443	8	359	76	6083	1725	13.7

Nguồn: Báo cáo công khai của các trường theo thông tư 36/2017/TT-BGDD

Qua số liệu bảng 3.18 cho thấy:

- Số lượng GVMN ở nội thành là 176 người, có 146 người trên chuẩn, 03 người vượt trên chuẩn và 27 người đạt chuẩn (trình độ cao đẳng sư phạm), tỉ lệ trẻ trên GV là 14.6% cơ bản đảm bảo theo quy định của thông tư số 54/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non thì đối với lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi số trẻ tối đa 30 trẻ/2,2 giáo viên/lớp, tỉ lệ 13,6%. Trong đó, trường có tỉ lệ trẻ trên giáo viên thấp hơn so với quy định là Trường MN 7B, Quận Bình Thạnh có tỉ lệ 11.2% và trường có tỉ lệ trẻ trên giáo viên cao hơn so với quy định là Trường MN 26, Quận Bình Thạnh có tỉ lệ 15.1%.

- Số lượng GVMN ở ngoại thành là 267 người, có 213 người trên chuẩn, 05 người vượt trên chuẩn và 49 người đạt chuẩn (trình độ cao đẳng sư phạm), tỉ lệ trẻ trên GV là 14.6% cao hơn so với quy định của thông tư số 54/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non thì đối với lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi số trẻ tối đa 30 trẻ/2,2 giáo viên/lớp, tỉ lệ 13,6%. Trong đó, trường có tỉ lệ trẻ trên giáo viên thấp là Trường MN Tuổi Hoa, Huyện Nhà Bè có tỉ lệ 13.5% đảm bảo theo quy định và trường có tỉ lệ trẻ trên giáo viên cao hơn so với quy định là Trường MN Hiệp Phú, Quận 9 (Thành phố Thủ Đức) có tỉ lệ 18.6%.

So sánh tỉ lệ trình độ chuyên môn, GV nội thành có trình độ vượt trên chuẩn 1.9% cao hơn so với GV ngoại thành 1.7%, về trình độ trên chuẩn GV nội thành 79.8% thấp hơn GV ngoại thành 84% và trình độ đạt chuẩn GV nội thành cao hơn GV ngoại thành 15.3%. Tỉ lệ chênh lệch trình độ chuyên môn không quá khác biệt giữa GV nội thành và ngoại thành, điều đó chứng tỏ trình độ GVMN tại Thành phố Hồ Chí Minh đều đạt chuẩn trở lên, đáp ứng tiêu chuẩn của thông tư số 54/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

3.1.3.3. Thực trạng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của trường mầm non

Kết quả khảo sát 394 GVMN và CBQL về mức độ đáp ứng và chất lượng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ cho tổ chức trò chơi vận động hiện nay, được trình bày qua bảng 3.19.

Bảng 3.19. Thực trạng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ cho tổ chức trò chơi vận động

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học		Mức độ (n=394)									
		Tốt		Khá		Trung bình		Thấp		Rất thấp	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.	Phòng giáo dục thể chất (phòng đa năng)	7	1.8	28	7.1	261	66.2	98	24.9	0	0.0
2.	Sân chơi, khu vực chơi ngoài trời (tối thiểu 3m ² /trẻ)	2	0.5	21	5.3	264	67.0	107	27.2	0	0.0
3.	Sách, tài liệu, học liệu tham khảo về trò chơi vận động	4	1.0	38	9.6	237	60.2	115	29.2	0	0.0
4.	Các dụng cụ tập luyện hiện đại, tiên tiến	7	1.8	46	11.7	210	53.3	131	33.2	0	0.0
5.	Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục thể chất, trò chơi vận động	7	1.8	31	7.9	240	60.9	116	29.4	0	0.0

Qua số liệu tại bảng 3.19 cho thấy: đa số GVMN và CBQL đánh giá cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh phục vụ cho tổ chức trò chơi vận động hiện nay mức độ đáp ứng và chất lượng ở mức trung bình và thấp, tỉ lệ đáp ứng ở mức khá và tốt lại rất thấp, cụ thể:

- Sân chơi, khu vực chơi ngoài trời (tối thiểu 3m²/trẻ) có 67.0% GVMN và CBQL đánh giá mức độ đáp ứng và chất lượng ở mức trung bình, 27.2% mức thấp, 5.3% mức khá và 0.5% mức tốt.

- Phòng giáo dục thể chất (phòng đa năng) có 66.2% GVMN và CBQL đánh giá mức độ đáp ứng và chất lượng ở mức trung bình, 24.9% mức thấp, 7.1% mức khá và 1.8% mức tốt.

- Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục thể chất, trò chơi vận động có 53.3% GVMN và CBQL đánh giá mức độ đáp ứng và chất lượng ở mức trung bình, 33.2% mức thấp, 11.7% mức khá và 1.8% mức tốt.

- Sách, tài liệu, học liệu tham khảo về trò chơi vận động có 60.2% GVMN và CBQL đánh giá mức độ đáp ứng và chất lượng ở mức trung bình, 29.2% mức thấp, 9.6% mức khá và 1.0% mức tốt.

- Các dụng cụ tập luyện hiện đại, tiên tiến có 60.9% GVMN và CBQL đánh giá mức độ đáp ứng và chất lượng ở mức trung bình, 29.4% mức thấp, 7.9% mức khá và 1.8% mức tốt.

Trong những năm qua, công tác đầu tư cơ sở vật chất phục cho trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được quan tâm, chú trọng. Các dụng cụ, thiết bị phục vụ cho hoạt động GDTC ở các trường mầm non được cải thiện, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động GDTC chung.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, cơ sở vật chất phục cho hoạt động GDTC nói chung và cho hoạt động tổ chức TCVD nói riêng ở các trường mầm non tại Thành phố Hồ Chí Minh mới chỉ đáp ứng ở mức độ trung bình và thấp. Do các trường mầm non nằm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với quỹ đất hạn chế nên hệ thống sân chơi dành cho trẻ chiếm diện tích khá nhỏ. Đa số các trường đều có phòng tập thể chất (phòng đa năng) dành riêng cho trẻ, tuy nhiên chất lượng các phòng tập được đánh giá ở mức trung bình. Điều này gây ảnh hưởng chưa tốt đến hiệu quả tổ chức TCVD. Đây cũng là khó khăn chung của hoạt động GDTC nói chung và cho hoạt động tổ chức TCVD nói riêng đối với các trường mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.5. Thực trạng thể lực trẻ 4-5 tuổi tại các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh

Qua nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước; mục tiêu của Chương trình GDMN [6], Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi [2], luận án của tác giả Lê Anh Thơ (1995) [71], luận án của tác giả Lâm Thị Tuyết Thúy (2008) [80]. Qua khảo sát thực tế tại các trường mầm non và căn cứ đặc điểm thể chất của trẻ mầm non 4–5 tuổi, luận án đã tổng hợp được 07 test dùng để phỏng vấn các chuyên gia, giáo viên mầm non, cán bộ quản lý nhằm lựa chọn những test dùng để đánh giá thể lực của trẻ mầm non 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh gồm: Chạy nhanh 10m (giây); Bật xa tại chỗ (cm); Lực bóp tay thuận

(kg); Đạp và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút); Ném túi cát xa bằng tay thuận (m); Ngồi gập thân về trước (cm); Thăng bằng trên 1 chân (giây)

Phỏng vấn lựa chọn các test đánh giá thể lực của trẻ 4–5 tuổi nhằm đảm bảo tính khả thi của các test qua phỏng vấn gián tiếp bằng phiếu hỏi.

Theo kết quả lựa chọn các test ở trên, luận án xây dựng phiếu phỏng vấn (phụ lục 1, 2) để làm cơ sở chọn lọc test đánh giá thể lực của trẻ 4–5 tuổi. Luận án tiến hành tiến hành phỏng vấn 200 khách thể là chuyên gia, cán bộ quản lý và GVMN thông qua phiếu hỏi 2 lần phỏng vấn, mỗi lần cách nhau 1 tháng. Phiếu hỏi xây dựng theo thang đo 5 mức độ, và kiểm định Chi bình phương χ^2 . Kết quả được trình bày ở bảng 3.43 cho thấy, tất các kết quả qua 2 lần phỏng vấn của các chỉ tiêu đều χ^2 tính $< \chi^2$ bảng (9,488) với $df = 4$ ở ngưỡng xác suất $P > 0,05$ nên nên sự khác biệt ở hai giá trị quan sát không có ý nghĩa thống kê. Vậy kết quả giữa hai lần phỏng vấn các chuyên gia, giáo viên, cán bộ quản lý có sự đồng nhất cao về ý kiến trả lời.

Bảng 3.20. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá thể lực cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tiêu chí	Lần 1 (n=200)										Lần 2 (n=200)										χ^2
		Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý		Rất không đồng ý		Rất đồng ý		Đồng ý		Bình thường		Không đồng ý		Rất không đồng ý		
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	
1	Chạy nhanh 10m (giây)	172	86,00	12	6,00	8	4,00	8	4,00	0	0,00	182	91,00	10	5,00	4	2,00	4	2,00	0	0,00	3,13
2	Bật xa tại chỗ (cm)	168	84,00	18	9,00	8	4,00	6	3,00	0	0,00	180	90,00	12	6,00	6	3,00	2	1,00	0	0,00	3,90
3	Lực bóp tay thuận (kg)	130	65,00	36	18,00	18	9,00	16	8,00	0	0,00	134	67,00	40	20,00	14	7,00	12	6,00	0	0,00	1,34
4	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	162	81,00	16	8,00	16	8,00	6	3,00	0	0,00	176	88,00	14	7,00	8	4,00	2	1,00	0	0,00	5,38
5	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	158	79,00	18	9,00	14	7,00	10	5,00	0	0,00	172	86,00	12	6,00	10	5,00	6	3,00	0	0,00	3,46
6	Ngồi gập thân về trước (cm)	156	78,00	14	7,00	18	9,00	12	6,00	0	0,00	164	82,00	18	9,00	14	7,00	4	2,00	0	0,00	5,20
7	Thăng bằng trên 1 chân (giây)	122	61,00	32	16,00	28	14,00	18	9,00	0	0,00	126	63,00	34	17,00	28	14,00	12	6,00	0	0,00	1,33

Qua kết quả phỏng vấn đề tài lựa chọn 05 test để đánh giá thể lực của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh có sự tán đồng của GVMN, CBQL và chuyên gia lựa chọn “rất đồng ý” $\geq 70\%$. Gồm các test sau:

- + Chạy nhanh 10m (giây)
- + Bật xa tại chỗ (cm)
- + Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)
- + Ném túi cát túi cát xa bằng tay thuận (m)
- + Ngồi gập thân về trước (cm)

Đánh giá độ tin cậy của các test đã được lựa chọn qua phỏng vấn.

Độ tin cậy của test được xác định bởi mức độ phù hợp giữa kết quả các lần lập test trên cùng một khách thể thực nghiệm trong cùng một điều kiện. Do đó để đánh giá độ tin cậy của các test đã lựa chọn, luận án sử dụng phương pháp lặp lại test (retest). Khoảng cách giữa 2 lần thực hiện test cách nhau 7 ngày, trong các điều kiện tương tự như nhau. Nghiên cứu tiến hành lập 4 nhóm cộng tác viên, 2 nhóm phụ trách khu vực nội thành (09 trường MN), 2 nhóm phụ trách khu vực ngoại thành (07 trường MN), thời gian lấy số liệu lần 1 vào buổi sáng từ ngày 21/3/2022 đến 25/3/2022, tiếp tục lấy số liệu lần 2 từ ngày 28/3/2022 đến 01/4/2022.

Khách thể nghiên cứu để đánh giá độ tin cậy đang học tại lớp mẫu giáo 4–5 tuổi ở 16 trường mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là 400 trẻ (205 trẻ nam, 195 trẻ nữ). Kết quả giữa hai lần lặp lại test được xử lý bằng phân tích tương quan, hệ số tương quan giữa hai lần lặp lại cũng chính là hệ số tin cậy của các test.

Kết quả xử lý số liệu được thể hiện qua bảng 3.21, cho thấy cả 05 test được lựa chọn đạt độ tin cậy cần thiết, với hệ số tương quan từ chặt đến rất chặt ($r \geq 0.8$).

Bảng 3.21. Kiểm định độ tin cậy các test đánh giá thể lực cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (n=400)

TT	Test	Lần 1		Lần 2		r	P
		$\bar{X}$	δ	$\bar{X}$	δ		
1	Chạy nhanh 10m (giây)	4.04	0.31	3.97	0.35	0.970	< 0.05
2	Bật xa tại chỗ (cm)	58.43	12.99	58.41	12.92	0.946	< 0.05
3	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.04	1.49	16.86	2.23	0.844	< 0.05
4	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.44	0.31	2.47	0.34	0.959	< 0.05
5	Ngồi gập thân về trước (cm)	7.08	0.76	7.11	0.76	0.992	< 0.05

Luận án tiến hành đánh giá trình độ thể lực của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh vào thời điểm lấy số liệu lần đầu vào tháng 02/2022. Kết quả đánh giá thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi được trình bày tại bảng 3.22.

Bảng 3.22. Thực trạng thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi tại các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Test	Nội thành (n=200)				Ngoại thành (n=200)			
		$\bar{X}$	S	ε	C_v	$\bar{X}$	S	ε	C_v
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	4.09	0.29	0.01	7.05	3.99	0.33	0.01	8.25
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	57.3	13.73	0.03	23.97	59.56	12.15	0.03	20.4
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.07	1.15	0.01	7.14	16.01	1.78	0.02	11.10
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.36	0.30	0.02	12.59	2.52	0.30	0.02	11.91
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	7.00	0.77	0.02	11.06	7.17	0.75	0.01	10.45

Kết quả bảng 3.22 cho thấy, số trung bình mẫu ($\bar{X}$) của cả 2 nhóm nội thành và ngoại thành đủ tính đại diện với sai số tương đối $\varepsilon \leq 0.05$. Hệ số biến thiên của của nhóm nội thành có độ đồng nhất cao ($C_v < 10\%$) là test Chạy nhanh 10m (giây) và test Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút); còn nhóm ngoại thành có độ đồng nhất cao ($C_v < 10\%$) là test Chạy nhanh 10m (giây). Test có độ đồng nhất trung bình ($10\% \leq C_v \leq 20\%$) ở nhóm nội thành là Ném xa bằng tay thuận (m); ở nhóm ngoại thành là test Ngồi gập thân về trước (cm) và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút) của nhóm ngoại thành có độ đồng nhất trung bình. Riêng test bật xa tại chỗ ở cả 2 nhóm có độ đồng nhất thấp ($C_v > 20\%$).

- Chạy nhanh 10m (giây): Thành tích chạy 10m của trẻ 4–5 tuổi nội thành là 4.09 ± 0.29 giây. So với trẻ 4–5 tuổi ngoại thành là 3.99 ± 0.33 giây, thì thành tích của trẻ nội thành có sự chênh lệch với trẻ ngoại thành.

- Bật xa tại chỗ (cm): Thành tích bật xa tại chỗ trẻ nam 4–5 tuổi nội thành là 57.3 ± 13.73 cm. So với trẻ 4–5 tuổi ngoại thành là 59.56 ± 12.15 cm, thì thành tích của trẻ nội thành có sự chênh lệch với trẻ 4 – 5 tuổi ngoại thành.

- Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút): Thành tích đập và bắt bóng bằng 2 tay ở trẻ nam 4–5 tuổi nội thành là 16.07 ± 1.15 quả/phút. So với trẻ 4–5 tuổi ngoại thành là

16.01 ± 1.78 quả/phút, thì thành tích của trẻ nội thành có sự chênh lệch với trẻ ngoại thành.

- Ném túi cát xa bằng tay thuận (m): Thành tích ném xa bằng tay thuận ở trẻ nam 4–5 tuổi nội thành là 2.36 ± 0.30 m. So với trẻ 4–5 tuổi ngoại thành là 2.52 ± 0.30 m, thì thành tích của trẻ nội thành có sự chênh lệch với trẻ ngoại thành.

- Ngồi gập thân về trước (cm): Thành tích ngồi gập thân về trước ở trẻ nam 4–5 tuổi nội thành là 7.00 ± 0.77 cm. So với trẻ 4–5 tuổi ngoại thành là 7.17 ± 0.75 cm, thì thành tích của trẻ nội thành có sự chênh lệch với trẻ ngoại thành.

Trong quá trình nghiên cứu, luận án ứng dụng TCVĐ như là một phương tiện để phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi đồng thời tác động tích cực đến phát triển thể lực của trẻ. Vì vậy, việc đối sánh trình độ thể lực của trẻ nam và trẻ nữ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh với các trẻ cùng lứa tuổi là một điều cần thiết. Trong nghiên cứu này, luận án tiến hành so sánh với thực trạng thể lực của trẻ nam và trẻ nữ 4–5 tuổi trong nghiên cứu của tác giả Lâm Thị Tuyết Thúy công bố thời điểm năm 2008.

Bảng 3.23. Thực trạng thể lực của trẻ nam và trẻ nữ 4 – 5 tuổi tại các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Test	Trẻ nam (n=205)				Trẻ nữ (n=195)			
		$\bar{X}$	S	ε	C_v	$\bar{X}$	S	ε	C_v
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	3.89	0.20	0.01	5.09	4.20	0.33	0.01	7.83
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	54.48	12.92	0.03	23.72	62.57	11.76	0.03	18.79
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.02	1.57	0.01	9.79	16.06	1.41	0.01	8.81
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.44	0.33	0.02	13.34	2.44	0.29	0.02	11.97
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	7.31	0.72	0.01	9.87	6.85	0.74	0.02	10.82

Kết quả bảng 3.23 cho thấy:

- Chạy nhanh 10m (giây): Thành tích chạy 10m của trẻ nam 4–5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh là 3.89 ± 0.20 giây và trẻ nữ là 4.20 ± 0.33 giây.

Theo kết quả nghiên cứu của Lâm Thị Tuyết Thúy (2008), trẻ 4–5 tuổi thành thị ở miền trung: trẻ nam là 3.22 ± 0.23 giây, trẻ nữ là 3.16 ± 0.37 giây, thì thành tích trẻ nam và nữ 4 – 5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh có sự chênh lệch với trẻ thành thị ở miền trung cùng độ tuổi.

- **Bật xa tại chỗ (cm):** Thành tích bật xa tại chỗ trẻ nam 4–5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh là 54.48 ± 12.92 cm và trẻ nữ là 62.57 ± 8.55 cm.

So với trẻ mầm non 4 – 5 tuổi thành thị ở miền trung: trẻ nam là 84.12 ± 11.55 cm, trẻ nữ là 81.65 ± 12.97 cm (Lâm Thị Tuyết Thúy, 2008), thì thành tích trẻ nam và nữ 4–5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh có sự chênh lệch với trẻ thành thị ở miền trung cùng độ tuổi.

- **Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút):** Thành tích đập và bắt bóng bằng 2 tay ở trẻ nam 4–5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh là 16.02 ± 1.57 quả/phút và trẻ nữ là 16.06 ± 1.41 quả/phút

So với trẻ mầm non 4–5 tuổi thành thị ở miền trung: trẻ nam là 9.12 ± 5.89 quả/phút, trẻ nữ là 9.99 ± 4.51 quả/phút (Lâm Thị Tuyết Thúy, 2008), thì thành tích trẻ nam và nữ 4–5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh có sự chênh lệch với trẻ thành thị ở miền trung cùng độ tuổi.

- **Ném túi cát xa bằng tay thuận (m):** Thành tích ném xa bằng tay thuận ở trẻ nam 4 – 5 tuổi thành phố Hồ Chí Minh là 2.33 ± 0.33 m và trẻ nữ là 2.44 ± 0.29 m.

So với trẻ mầm non 4–5 tuổi thành thị ở miền trung: trẻ nam là 4.58 ± 0.59 m, trẻ nữ là 5.62 ± 0.47 m (Lâm Thị Tuyết Thúy, 2008), thì thành tích trẻ nam và nữ 4–5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh có sự chênh lệch với trẻ thành thị ở miền trung cùng độ tuổi.

- **Ngồi gập thân về trước (cm):** Thành tích ngồi gập thân về trước ở trẻ nam 4 – 5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh là 7.31 ± 0.72 cm và trẻ nữ là 6.85 ± 0.74 m.

So với trẻ mầm non 4–5 tuổi thành thị ở miền trung: trẻ nam là 2.04 ± 1.85 cm, trẻ nữ là 1.77 ± 1.64 cm (Lâm Thị Tuyết Thúy, 2008), thì thành tích trẻ nam và nữ 4–5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh có sự chênh lệch với trẻ thành thị ở miền trung cùng độ tuổi.

Kết quả cho thấy, thực trạng thể lực của trẻ 4–5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh đạt mức tương đối ổn định trên một số chỉ số như chạy nhanh 10m, bật xa tại chỗ, đập và bắt bóng bằng hai tay, ném túi cát bằng tay thuận và ngồi gập thân về trước. Tuy nhiên, khi so sánh với kết quả nghiên cứu của Lâm Thị Tuyết Thúy (2008) thực hiện tại khu vực thành thị miền Trung, có thể nhận thấy sự chênh lệch đáng kể ở nhiều chỉ tiêu, cả theo hướng thấp hơn và cao hơn.

Nguyên nhân có thể bắt nguồn từ sự thay đổi trong môi trường sống và thói quen vận động của trẻ em đô thị hiện nay, đặc biệt ở đô thị lớn như TP.HCM, có xu hướng ít

tham gia các hoạt động thể chất tự do do điều kiện sinh hoạt ngày càng khép kín, diện tích không gian chơi hạn chế, và việc sử dụng thiết bị công nghệ ngày càng phổ biến. Trẻ thường được cha mẹ đưa đón bằng phương tiện cá nhân, ít đi bộ hoặc vận động ngoài trời, dẫn đến giảm cơ hội phát triển sức mạnh cơ bắp và KNVận động phối hợp.

Đặc biệt, ảnh hưởng kéo dài của đại dịch COVID-19 cũng đóng vai trò không nhỏ. Trẻ mầm non nghỉ học kéo dài, giảm tiếp xúc với các hoạt động thể chất tại trường học nơi thường xuyên tổ chức trò chơi vận động, hoạt động ngoài trời và thể dục buổi sáng. Sự gián đoạn trong chuỗi vận động có hệ thống này đã tác động tiêu cực đến quá trình phát triển thể lực của trẻ trong giai đoạn vàng của sự phát triển vận động.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng ghi nhận sự vượt trội ở bài test đập và bắt bóng bằng hai tay. Cụ thể, trẻ TP.HCM đạt thành tích trung bình khoảng 16 lần/phút, cao hơn rõ rệt so với mức dưới 10 lần/phút ở nhóm trẻ miền Trung trong nghiên cứu của Lâm Thị Tuyết Thúy. Sự chênh lệch tích cực này cũng có thể bắt nguồn từ sự đổi mới chương trình giáo dục mầm non những năm gần đây, trong đó nhấn mạnh đến các KNVận động tinh, phát triển qua hoạt động thể dục thể thao có kiểm soát. Việc kết hợp trò chơi vận động vào các tiết học và sinh hoạt hàng ngày giúp trẻ duy trì phản xạ phối hợp và phát triển thể chất trong điều kiện học tập nội trú hoặc bán trú.

3.1.6. Bàn luận về thực trạng việc ứng dụng trò chơi vận động và một số kỹ năng của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Các tiêu chí đánh giá KNVĐCB trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh gồm các vận động: đi, chạy; bò, trườn, trèo; tung, ném, bắt và bật, nhảy. Luận án đã tiến hành khảo sát 200 chuyên gia, CBQL và GVMN để lựa chọn test đánh giá KNVĐCB sau đó tiến hành kiểm định trực tiếp với 400 trẻ 4–5 tuổi kết quả đã chọn được 06 test đảm bảo độ tin cậy ($r \geq 0.8$) và tính thông báo (hệ số tải nhân tố > 0.5), và loại 01 test “Trườn qua 3 cổng” không đảm bảo độ tin cậy.

Các tiêu chí đánh giá KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, luận án đã tiến hành phỏng vấn 200 khách thể là chuyên gia, CBQL và GVMN và kiểm định trực tiếp với 400 trẻ 4–5 tuổi, qua các lần kiểm định hệ số tin cậy Cronbach Alpha, phân tích nhân tố EFA, CFA ban đầu từ 05 nhóm KNXH với 42 biến quan sát thì đã xác định được 05 nhóm KNXH với 25 biến quan sát để đánh giá KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực trạng KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi nội thành và ngoại thành không đồng đều, trẻ nội thành có sự chênh lệch trẻ ngoại thành. Nhưng KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở cả khu vực nội thành và ngoại thành lại có sự chênh lệch so với KNVĐCB trẻ 4 – 5 tuổi trong nghiên cứu của tác giả Lê Hải (2022). Nguyên nhân có thể trẻ nghỉ học do dịch Covid-19, trẻ ở nhà ít được vận động nên tháng 2/2022 trẻ quay trở lại học tập, luận án tiến hành đo thành tích KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi so với nghiên cứu thực trạng của tác giả Lê Hải có sự chênh lệch khác biệt.

Thực trạng kỹ năng xã hội của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh đều ở mức độ trung bình, trẻ thỉnh thoảng thực hiện các KNXH và cần có sự giúp đỡ của giáo viên, điểm trung bình trong khoảng 2.616 – 2.808. Trẻ thực hiện thao tác hành vi hầu như lúng túng, bị động, phụ thuộc vào sự gợi ý, hướng dẫn mới có thể thực hiện được. Khi tham gia vào hoạt động nhóm đa phần trẻ thụ động chờ cô hoặc bạn phân công nhiệm vụ, trẻ chưa biết tương tác, thiết lập quan hệ với các thành viên trong nhóm, chưa biết thỏa thuận, thương lượng để giải quyết theo hướng tích cực.

Đa phần GVMN và CBQL đều nhận thức rõ về sự cần thiết và tầm quan trọng của TCVĐ và thường xuyên ứng dụng TCVĐ đối với trẻ 4–5 tuổi. Tất cả GVMN và CBQL đều khẳng định việc ứng dụng TCVĐ cho trẻ 4–5 tuổi nhằm phát triển KNXH, KNVĐCB cho trẻ và thường xuyên sử dụng TCVĐ vào giờ hoạt động giáo dục thể chất và giờ hoạt động vui chơi ngoài trời.

Khó khăn gặp phải khi tổ chức TCVĐ cho trẻ vì số lượng trẻ quá đông, ngoài ra GV chịu áp lực của các hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ tại trường MN, bên cạnh đó sự chênh lệch về nhận thức, kỹ năng và kinh nghiệm của trẻ ảnh hưởng đến quá trình chơi cũng gây khó khăn cho GV khi ứng dụng TCVĐ.

Đội ngũ giáo viên ở các trường MN tại Thành phố Hồ Chí Minh có trình độ trình độ GVMN tại thành phố Hồ Chí Minh đều đạt chuẩn trở lên. Tỷ lệ chênh lệch trình độ chuyên môn không quá khác biệt giữa GV nội thành và ngoại thành. Về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học hiện nay mức độ đáp ứng và chất lượng ở mức trung bình và thấp, tỷ lệ đáp ứng ở mức khá và tốt lại rất thấp. Do các trường mầm non nằm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với quỹ đất hạn chế nên hệ thống sân chơi dành cho trẻ chiếm diện tích khá nhỏ. Đa số các trường đều có phòng tập thể chất (phòng đa năng) dành riêng

cho trẻ, tuy nhiên chất lượng các phòng tập được đánh giá ở mức trung bình. Điều này gây ảnh hưởng chưa tốt đến hiệu quả tổ chức TCVĐ.

Thực trạng thể lực của trẻ cho thấy: thể lực trẻ 4–5 tuổi nội thành kém hơn so với trẻ ngoại thành về thành tích. So sánh với thực trạng thể lực của trẻ nam và trẻ nữ 4-5 tuổi trong nghiên cứu của tác giả Lâm Thị Tuyết Thúy công bố thời điểm năm 2008 thì trẻ mầm non 4–5 tuổi Thành phố Hồ Chí Minh có sự chênh lệch khác biệt với trẻ 4–5 tuổi tuổi thành thị ở miền trung ở cả trẻ nam và trẻ nữ về thành tích.

Tiểu kết:

Nghiên cứu đã thông qua các bước kiểm định, lựa chọn được 06 test đánh giá KNVĐCB, 25 biến quan sát với 05 thang đo KNXH và 05 test đánh giá thể lực dùng để đánh giá thực trạng KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đủ độ tin cậy. Kết quả khảo sát cụ thể:

- Về KNVĐCB của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh nội thành và ngoại thành có sự không đồng đều; mức độ thao tác KNXH ở mức độ trung bình, trẻ thỉnh thoảng thực hiện và cần có sự giúp đỡ của giáo viên.

- Về ứng dụng TVCĐ trong phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh đa số GVMN và CBQL đều có nhận thức rõ mục đích, sự cần thiết, tầm quan trọng của TCVĐ. Nhưng khó khăn phổ biến nhất khi ứng dụng TCVĐ là “Số lượng trẻ trong lớp đông” và “GV chịu áp lực của các hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ tại trường MN”

- Về trình độ chuyên môn của đội ngũ GVMN và CBQL các trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh đều đạt chuẩn và vượt cả trên chuẩn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhưng về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phục vụ cho tổ chức TCVĐ hiện nay mức độ đáp ứng và chất lượng ở mức trung bình và thấp, tỉ lệ đáp ứng ở mức khá và tốt lại rất thấp.

- Về thể lực của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh có phần thấp hơn so với trẻ cùng lứa tuổi ở miền Trung, có thể do nhiều nguyên nhân về điều kiện sinh hoạt, chế độ dinh dưỡng, trẻ béo phì, trẻ sử dụng thiết bị công nghệ nhiều ít vận động,... có thể là một phần nguyên nhân ảnh hưởng đến tình trạng thể lực của trẻ ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Lựa chọn trò chơi vận động phát triển một số kĩ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Lựa chọn trò chơi vận động phù hợp nhằm phát triển một số kĩ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1.1. Cơ sở lựa chọn trò chơi vận động phù hợp nhằm phát triển một số kĩ năng cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

a) Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý để lựa chọn TCVD nhằm phát triển một số KN cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh dựa vào quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học nói chung và công tác giáo dục thể chất cho trẻ mầm non nói riêng được thể hiện trong nhiều nghị quyết, chỉ thị cụ thể như sau:

- Nghị quyết Đại hội Đảng khóa IX (2001) có nêu: “Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục, thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa xã hội, xã hội hóa”.

- Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển GDMN giai đoạn 2006 – 2015”, nêu rõ quan điểm chỉ đạo: GDMN là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ em Việt Nam. Việc chăm lo phát triển GDMN là trách nhiệm chung của các cấp chính quyền, của mỗi ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

- Quốc hội khóa XI ban hành Luật Thể dục Thể thao ngày 28/11/2006 quy định: “Giáo dục thể chất là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục nhằm cung cấp kiến thức, kĩ năng vận động cơ bản cho người học thông qua các bài tập và trò chơi vận động, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện”.

- Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 641/QĐ-TTg ngày 28/04/2011, về việc phê duyệt đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011- 2030 với nhiệm vụ: “Nâng cao chất lượng giờ học thể dục chính khóa; tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa, hướng dẫn học sinh tự luyện tập TDTT để tăng cường thể lực, cải thiện chiều cao thân thể”.

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 của Chính phủ về việc quy định về GDTC và hoạt động thể thao trong nhà trường, có nhấn mạnh vị trí, mục tiêu GDTC: “Giáo dục thể chất trong nhà trường là nội dung giáo dục, môn học bắt buộc, thuộc

chương trình giáo dục của các cấp học và trình độ đào tạo, nhằm trang bị cho trẻ em, học sinh, sinh viên các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện”.

- Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/06/2016 về phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 với nhiệm vụ “Thực hiện tốt giáo dục thể chất theo chương trình nội khóa, phát triển mạnh các hoạt động thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên, bảo đảm mục tiêu phát triển thể lực toàn diện và kỹ năng vận động cơ bản của học sinh, sinh viên và góp phần đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao...”.

- Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình giáo dục mầm non được thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII (2021), xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc và “Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

b) Cơ sở thực tiễn

Trong quá trình nghiên cứu lựa chọn các TCVD phù hợp nhằm phát triển một số KN cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, luận án dựa vào cơ sở thực tiễn đã nghiên cứu và trình bày mục 3.1 bao gồm:

- Thực trạng phát triển KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh; Thực trạng phát triển KNXH của trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nhận thức của đội ngũ CBQL và GVMN về sự cần thiết và mức độ ứng dụng trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh; Mục đích ứng dụng trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh; Vai trò của trò chơi vận động đối với sự

phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội của trẻ 4–5 tuổi; Thời điểm ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi trong các hoạt động giáo dục tại trường MN; Những khó khăn khi ứng dụng TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi; Các điều kiện cần thiết để ứng dụng trò chơi vận động có hiệu quả trong việc phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi

- Thực trạng việc thực hiện chương trình, phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ 4 – 5 tuổi ở trường MN; Thực trạng đội ngũ giáo viên của trường MN; Thực trạng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của trường MN; Thực trạng thể lực trẻ 4-5 tuổi tại các trường MN ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1.2. Nguyên tắc lựa chọn các trò chơi vận động phù hợp nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

a) Nguyên tắc đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục cho trẻ 4 – 5 tuổi

Việc lựa chọn các TCVĐ nhằm phát triển một số KN cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh cần đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục trẻ MN, trong đó, chú trọng hướng tới mục tiêu hình thành và phát triển các KNVĐCB, KNXH và tố chất thể lực cho trẻ, trẻ được chủ động, tích cực hoạt động với các TCVĐ đa dạng và gần gũi, nhằm giúp trẻ dễ dàng hơn trong việc phát triển các KNVĐCB, KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Nguyên tắc đảm bảo phù hợp quá trình phát triển các kỹ năng cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi

Quá trình phát triển các KN: KNVĐCB, KNXH và tố chất thể lực cho trẻ là một quá trình sư phạm được diễn ra trong mối quan hệ tương tác giữa GVMN với trẻ, giữa trẻ với trẻ nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KNVĐCB, KNXH và TCTL cho trẻ. TCVĐ là phương tiện tốt nhất để phát triển, hoàn thiện các KN này cho trẻ. Tuy nhiên việc lựa chọn các TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB, KNXH cho trẻ cần phù hợp quá trình sư phạm này. Để đảm bảo được yêu cầu này, trước hết phải sưu tầm (hoặc thiết kế) được những TCVĐ đòi hỏi lượng vận động phù hợp với khả năng của trẻ; phải hướng trẻ vào việc luyện tập, củng cố những kiến thức, KN vận động đã học. Khi tổ chức cho trẻ chơi, GV phải tạo hứng thú, kích thích tính tích cực, thi đua vận động của trẻ. Có chú ý đến các TCVĐ với những nhiệm vụ vận động mới, phức tạp đòi hỏi sự phối hợp vận động một cách linh hoạt, mềm dẻo. Khi KNVĐCB và KNXH phát triển sẽ là góp phần phát triển các TCTL cho trẻ.

c) Nguyên tắc đảm bảo phù hợp đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ 4 – 5 tuổi

Trẻ 4–5 tuổi có những đặc điểm chung trong quá trình phát triển, tuy nhiên ở mỗi giai đoạn lứa tuổi lại có những đặc trưng và điều này có ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ. Vì thế, GVMN cần hiểu rõ những đặc điểm, đặc trưng ở từng lứa tuổi để xác định nội dung, biện pháp giáo dục phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng, kinh nghiệm của trẻ. Trẻ 4–5 tuổi đã có những đặc điểm thích hợp để phát triển KNVĐCB và KNXH: khả năng phối hợp vận động đã nhịp nhàng hơn, khả năng thăng bằng được phát triển, khả năng tri giác vận động, xác định phương hướng tốt hơn, năng lực phản ứng, tính linh hoạt, mềm dẻo, khả năng giải quyết vấn đề, giao tiếp, khả năng học nhanh chóng các vận động mới phức tạp. Mặt khác, trong cùng một lứa tuổi, mỗi trẻ cũng có sự khác biệt đáng kể về khả năng vận động với những đặc trưng riêng về khí chất, giới tính... Vì vậy, GVMN cần hiểu rõ sự khác biệt về giới tính, về cá tính của mỗi đứa trẻ để có thể lựa chọn các TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH phù hợp với khả năng, vốn kinh nghiệm, với đặc điểm giới tính của trẻ.

d) Nguyên tắc đảm bảo phù hợp thực tiễn ở trường mầm non

Việc lựa chọn các TCVĐ chỉ có hiệu quả trong việc phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi, bên cạnh những năng lực sư phạm của GVMN thì những điều kiện thực tiễn của trường, lớp (như đồ dùng, đồ chơi, không gian chơi,...), sự quan tâm của các tổ chức xã hội địa phương, của gia đình,... cũng là những yếu tố quan trọng. Vì vậy, khi lựa chọn các TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi cần tính đến những yếu tố này. Đồng thời, việc lựa chọn các TCVĐ cũng cần tiến hành theo hướng mở nhằm khai thác triệt để các điều kiện của trường MN, của địa phương theo khả năng có thể đáp ứng được.

3.2.1.3. Lựa chọn trò chơi vận động phù hợp nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Để lựa chọn các TCVĐ phù hợp nhằm phát triển một số KN cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, luận án tiến hành sưu tầm, tổng hợp các trò chơi vận động phù hợp nhằm phát triển một số KN cho trẻ 4–5 tuổi từ các nguồn tài liệu, công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước.

Các TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi được sưu tầm và tổng hợp từ các nguồn khác nhau trong các tài liệu khoa học GDMN (Chương trình GDMN, Hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN, Tuyển tập các trò chơi,...), các công trình nghiên cứu khoa học của các tác giả: Bùi Thị Việt (2020), Hoàng Thị Dinh (2015), Đặng Hồng Phương (2021), Nguyễn Ánh Tuyết (2000), Lê Anh Thơ (2014), Trần Đồng

Lâm, Đinh Mạnh Cường (2005). Để đảm bảo cơ sở khoa học cho việc lựa chọn các TCVD, luận án tiến hành phỏng vấn 200 GVMN, CBQL và chuyên gia lâu năm và giàu kinh nghiệm. Để các ý kiến tập trung vào lựa chọn TCVD, chúng tôi đã gợi ý những TCVD phù hợp, sát thực với 04 nguyên tắc đã được trình bày ở mục 3.2.1.3:

- Nguyên tắc đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục
- Nguyên tắc đảm bảo phù hợp quá trình phát triển các kĩ năng
- Nguyên tắc đảm bảo phù hợp đặc điểm tâm, sinh lí của trẻ
- Nguyên tắc đảm bảo phù hợp thực tiễn.

Các TCVD được gợi ý đảm bảo sự phát triển KNVĐCB, KNXH và phát triển các TCTL của trẻ (*phụ lục 25*).

3.2.2. Đánh giá, kiểm nghiệm và điều chỉnh trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kĩ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.2.1. Đánh giá, kiểm nghiệm trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kĩ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Luận án tiến hành phỏng vấn 200 khách thể là chuyên gia, cán bộ quản lý và GVMN thông qua phiếu hỏi 2 lần (cách nhau 1 tháng, cùng một cách đánh giá), cùng một hệ thống danh mục TCVD và để bảo đảm khách quan và độ tin cậy của các TCVD khi kiểm định Chi bình phương χ^2 , χ^2 tính < χ^2 bảng (9,488) với df = 4 cho thấy: giữa hai lần phỏng vấn có tính trùng hợp và ổn định (hay nói cách khác là không có sự khác biệt về mặt thống kê) với mức có ý nghĩa ($P > 0,05$). Như vậy kết quả giữa 2 lần phỏng vấn các chuyên gia, cán bộ quản lý và GVMN có sự đồng nhất cao về ý kiến trả lời. Qua kết quả phỏng vấn, luận án lựa chọn 26 trò chơi vận động có điểm trung bình từ 4.21 trở lên ở cả hai lần phỏng vấn đã được các chuyên gia, cán bộ quản lý và GVMN đánh giá rất phù hợp để phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả thu được trình bày tại bảng 3.24, 3.25 và 3.26.

**Bảng 3.24. Kết quả lựa chọn trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kĩ năng
cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (lần 1, n=200)**

T T	Trò chơi vận động	Mức độ									
		Rất phù hợp		Phù hợp		Bình thường		Không phù hợp		Rất không phù hợp	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
1.	Tặng quà	96	48.0	78	39.0	18	9.0	4	2.0	4	2.0
2.	Chạy cùng bóng lăn	97	48.5	82	41.0	15	7.5	3	1.5	3	1.5
3.	Chú bộ đội hành quân	98	49.0	68	34.0	21	10.5	7	3.5	6	3.0
4.	Vận chuyển dưa hấu	71	35.5	93	46.5	22	11.0	7	3.5	7	3.5
5.	Chú thỏ tinh khôn	77	38.5	93	46.5	19	9.5	7	3.5	4	2.0
6.	Tìm mùa theo lá cây	82	41.0	85	42.5	19	9.5	7	3.5	7	3.5
7.	Tìm kho báu	94	47.0	85	42.5	7	3.5	7	3.5	7	3.5
8.	Phi ngựa	95	47.5	79	39.5	15	7.5	6	3.0	5	2.5
9.	Bóng tìm bạn	78	39.0	81	40.5	19	9.5	11	5.5	11	5.5
10.	Ai làm nổ bóng nhiều hơn	95	47.5	73	36.5	18	9.0	8	4.0	6	3.0
11.	Vượt chướng ngại vật	51	25.5	59	29.5	30	15.0	30	15.0	30	15.0
12.	Chân ai khéo hơn	94	47.0	78	39.0	13	6.5	9	4.5	6	3.0
13.	Làm xiếc đi trên dây	82	41.0	81	40.5	15	7.5	11	5.5	11	5.5
14.	Cướp cờ	44	22.0	89	44.5	37	18.5	19	9.5	11	5.5
15.	Ai bật nhanh hơn	95	47.5	77	38.5	14	7.0	9	4.5	5	2.5
16.	Quả bóng tìm bạn	93	46.5	76	38.0	17	8.5	8	4.0	6	3.0
17.	Chú chuột tinh nhanh	96	48.0	75	37.5	17	8.5	8	4.0	4	2.0
18.	Vòng tròn thông minh	97	48.5	75	37.5	14	7.0	9	4.5	5	2.5
19.	Ai đập bắt bóng giỏi hơn	81	40.5	78	39.0	19	9.5	15	7.5	7	3.5
20.	Tìm hạt dẻ	73	36.5	78	39.0	19	9.5	19	9.5	11	5.5
21.	Các chú lính cứu hỏa dùng cảm	91	45.5	81	40.5	15	7.5	7	3.5	6	3.0
22.	Ếch nhảy qua ao	86	43.0	93	46.5	7	3.5	7	3.5	7	3.5
23.	Nhảy ô tiếp sức	40	20.0	26	13.0	41	20.5	52	26.0	41	20.5
24.	Gấu con hái quả	81	40.5	78	39.0	11	5.5	19	9.5	11	5.5
25.	Về đúng nhà	86	43.0	85	42.5	15	7.5	7	3.5	7	3.5
26.	Chạy tiếp cờ	92	46.0	79	39.5	23	11.5	6	3.0	6	3.0

T T	Trò chơi vận động	Mức độ									
		Rất phù hợp		Phù hợp		Bình thường		Không phù hợp		Rất không phù hợp	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
27.	Thỏ tìm chuông	107	53.5	67	33.5	11	5.5	11	5.5	4	2.0
28.	Lùa vịt về chuồng	89	44.5	93	46.5	7	3.5	7	3.5	4	2.0
29.	Rửa tay	27	13.5	37	18.5	44	22.0	44	22.0	48	24.0
30.	Xếp cái giường	89	44.5	78	39.0	11	5.5	11	5.5	11	5.5
31.	Mèo đuổi chuột	95	47.5	74	37.0	19	9.5	5	2.5	5	2.5
32.	Bắt cá	67	33.5	70	35.0	41	20.5	15	7.5	7	3.5
33.	Thỏ Cóc thi tài	94	47.0	77	38.5	17	8.5	7	3.5	5	2.5
34.	Đồng đội	66	33.0	67	33.5	26	13.0	22	11.0	19	9.5
35.	Vượt Trường Sơn	89	44.5	81	40.5	18	9.0	7	3.5	5	2.5
36.	Rắn bò	93	46.5	76	38.0	19	9.5	6	3.0	6	3.0
37.	Bắt cua	30	15.0	33	16.5	48	24.0	59	29.5	30	15.0
38.	Bé là vận động viên	89	44.5	89	44.5	11	5.5	7	3.5	4	2.0
39.	Đập niêu	15	7.5	22	11.0	48	24.0	56	28.0	59	29.5
40.	Rồng rắn lên mây	82	41.0	85	42.5	19	9.5	7	3.5	7	3.5
41.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	90	45.0	85	42.5	11	5.5	7	3.5	7	3.5
42.	Tìm bạn thân	74	37.0	70	35.0	22	11.0	19	9.5	15	7.5
43.	Sáo Sậu sang sông	97	48.5	81	40.5	7	3.5	11	5.5	4	2.0
44.	Chim Sẻ và thợ săn	41	20.5	44	22.0	44	22.0	41	20.5	30	15.0
45.	Chú ong chăm chỉ	91	45.5	78	39.0	19	9.5	6	3.0	6	3.0
46.	Nhanh lên bạn ơi	82	41.0	78	39.0	22	11.0	11	5.5	7	3.5
47.	Cầu thủ bóng rổ	90	45.0	79	39.5	19	9.5	8	4.0	4	2.0
48.	Bật chụm, tách chân qua các vòng	92	46.0	77	38.5	19	9.5	7	3.5	5	2.5
49.	Chuyên bóng qua đầu	66	33.0	78	39.0	22	11.0	19	9.5	15	7.5
50.	Thỏ con nghe lời mẹ	82	41.0	81	40.5	15	7.5	15	7.5	7	3.5

Bảng 3.25. Kết quả lựa chọn trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kĩ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (lần 2, n=200)

T T	Trò chơi vận động	Mức độ									
		Rất phù hợp		Phù hợp		Bình thường		Không phù hợp		Rất không phù hợp	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
1.	Tặng quà	100	50.0	74	37.0	17	8.5	6	3.0	3	1.5
2.	Chạy cùng bóng lăn	89	44.5	84	42.0	16	8.0	6	3.0	5	2.5
3.	Chú bộ đội hành quân	93	46.5	78	39.0	18	9.0	7	3.5	4	2.0
4.	Vận chuyển dưa hấu	75	37.5	89	44.5	27	13.5	6	3.0	3	1.5
5.	Chú thỏ tinh khôn	73	36.5	90	45.0	21	10.5	9	4.5	7	3.5
6.	Tìm mùa theo lá cây	85	42.5	87	43.5	18	9.0	6	3.0	4	2.0
7.	Tìm kho báu	87	43.5	90	45.0	11	5.5	7	3.5	5	2.5
8.	Phi ngựa	90	45.0	80	40.0	20	10.0	6	3.0	4	2.0
9.	Bóng tìm bạn	72	36.0	78	39.0	23	11.5	15	7.5	12	6.0
10.	Ai làm nổ bóng nhiều hơn	91	45.5	77	38.5	20	10.0	6	3.0	6	3.0
11.	Vượt chướng ngại vật	54	27.0	61	30.5	30	15.0	28	14.0	27	13.5
12.	Chân ai khéo hơn	88	44.0	82	41.0	19	9.5	6	3.0	5	2.5
13.	Làm xiếc đi trên dây	87	43.5	85	42.5	15	7.5	7	3.5	6	3.0
14.	Cướp cờ	40	20.0	90	45.0	37	18.5	21	10.5	12	6.0
15.	Ai bật nhanh hơn	92	46.0	79	39.5	19	9.5	6	3.0	4	2.0
16.	Quả bóng tìm bạn	91	45.5	80	40.0	15	7.5	7	3.5	7	3.5
17.	Chú chuột tinh nhanh	89	44.5	81	40.5	18	9.0	6	3.0	6	3.0
18.	Vòng tròn thông minh	90	45.0	80	40.0	21	10.5	5	2.5	4	2.0
19.	Ai đập bắt bóng giỏi hơn	83	41.5	73	36.5	23	11.5	14	7.0	7	3.5
20.	Tìm hạt dẻ	74	37.0	76	38.0	21	10.5	18	9.0	11	5.5
21.	Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	91	45.5	80	40.0	16	8.0	7	3.5	6	3.0

T T	Trò chơi vận động	Mức độ									
		Rất phù hợp		Phù hợp		Bình thường		Không phù hợp		Rất không phù hợp	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
22.	Ếch nhảy qua ao	92	46.0	82	41.0	11	5.5	8	4.0	7	3.5
23.	Nhảy ô tiếp sức	37	18.5	28	14.0	43	21.5	52	26.0	40	20.0
24.	Gấu con hái quả	87	43.5	75	37.5	11	5.5	16	8.0	11	5.5
25.	Về đúng nhà	81	40.5	89	44.5	17	8.5	7	3.5	6	3.0
26.	Chạy tiếp cờ	89	44.5	83	41.5	15	7.5	7	3.5	6	3.0
27.	Thỏ tìm chuồng	113	56.5	70	35.0	11	5.5	5	2.5	1	0.5
28.	Lùa vịt về chuồng	90	45.0	94	47.0	7	3.5	7	3.5	2	1.0
29.	Rửa tay	28	14.0	39	19.5	45	22.5	44	22.0	44	22.0
30.	Xếp cái giường	92	46.0	78	39.0	10	5.0	11	5.5	9	4.5
31.	Mèo đuổi chuột	95	47.5	75	37.5	19	9.5	6	3.0	5	2.5
32.	Bắt cá	61	30.5	69	34.5	41	20.5	19	9.5	10	5.0
33.	Thỏ Cóc thi tài	93	46.5	82	41.0	17	8.5	5	2.5	3	1.5
34.	Đồng đội	67	33.5	70	35.0	26	13.0	19	9.5	18	9.0
35.	Vượt Trường Sơn	91	45.5	81	40.5	16	8.0	8	4.0	4	2.0
36.	Rắn bò	92	46.0	80	40.0	17	8.5	6	3.0	5	2.5
37.	Bắt cua	32	16.0	31	15.5	48	24.0	59	29.5	30	15.0
38.	Bé là vận động viên	89	44.5	91	45.5	11	5.5	7	3.5	2	1.0
39.	Đập niêu	16	8.0	27	13.5	51	25.5	56	28.0	50	25.0
40.	Rồng rắn lên mây	83	41.5	89	44.5	16	8.0	6	3.0	6	3.0
41.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	89	44.5	84	42.0	15	7.5	6	3.0	6	3.0
42.	Tìm bạn thân	74	37.0	72	36.0	23	11.5	18	9.0	13	6.5
43.	Sáo Sậu sang sông	97	48.5	83	41.5	8	4.0	9	4.5	3	1.5
44.	Chim Sẻ và thợ săn	40	20.0	45	22.5	45	22.5	40	20.0	30	15.0
45.	Chú ong chăm chỉ	89	44.5	80	40.0	20	10.0	7	3.5	4	2.0
46.	Nhanh lên bạn ơi	83	41.5	79	39.5	22	11.0	11	5.5	5	2.5
47.	Cầu thủ bóng rổ	92	46.0	78	39.0	19	9.5	6	3.0	5	2.5
48.	Bật chụm, tách chân qua các vòng	90	45.0	80	40.0	20	10.0	5	2.5	5	2.5
49.	Chuyền bóng qua đầu	71	35.5	74	37.0	22	11.0	19	9.5	14	7.0
50.	Thỏ con nghe lời mẹ	83	41.5	83	41.5	15	7.5	13	6.5	6	3.0

Bảng 3.26. Kết quả kiểm định lựa chọn trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kĩ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh

T T	TCVD	ĐTB	Thứ hạng	ĐTB	Thứ hạng	χ^2	df	P
1.	Tặng quà	4.29	4	4.31	3	0.76	4	>0.05
2.	Chạy cùng bóng lăn	4.34	1	4.23	14	1.90	4	>0.05
3.	Chú bộ đội hành quân	4.23	14	4.25	7	1.45	4	>0.05
4.	Vận chuyển dưa hấu	4.07	34	4.14	32	2.38	4	>0.05
5.	Chú thỏ tinh khôn	4.16	28	4.07	35	1.32	4	>0.05
6.	Tìm mùa theo lá cây	4.14	29	4.22	20	1.00	4	>0.05
7.	Tìm kho báu	4.26	8	4.24	11	1.64	4	>0.05
8.	Phi ngựa	4.27	7	4.23	14	0.97	4	>0.05
9.	Bóng tìm bạn	4.02	37	3.92	39	1.34	4	>0.05
10.	Ai làm nổ bóng nhiều hơn	4.22	21	4.21	25	0.58	4	>0.05
11.	Vượt chướng ngại vật	3.36	45	3.44	45	0.35	4	>0.05
12.	Chân ai khéo hơn	4.23	14	4.21	23	2.11	4	>0.05
13.	Làm xiếc đi trên dây	4.06	35	4.20	28	2.60	4	>0.05
14.	Cướp cờ	3.68	44	3.63	44	0.34	4	>0.05
15.	Ai bật nhanh hơn	4.24	12	4.25	7	1.54	4	>0.05
16.	Quả bóng tìm bạn	4.21	23	4.21	25	0.39	4	>0.05
17.	Chú chuột tinh nhanh	4.26	10	4.21	25	1.21	4	>0.05
18.	Vòng tròn thông minh	4.25	11	4.24	11	3.08	4	>0.05
19.	Ai đập bắt bóng giỏi hơn	4.06	36	4.06	36	0.61	4	>0.05
20.	Tìm hạt dẻ	3.92	39	3.92	38	0.16	4	>0.05
21.	Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	4.22	16	4.22	20	0.04	4	>0.05
22.	Ếch nhảy qua ao	4.22	16	4.22	18	1.85	4	>0.05
23.	Nhảy ô tiếp sức	2.86	48	2.85	48	0.25	4	>0.05
24.	Gấu con hái quả	4.00	38	4.06	36	0.53	4	>0.05
25.	Về đúng nhà	4.18	27	4.16	31	0.44	4	>0.05
26.	Chạy tiếp cờ	4.32	2	4.21	23	1.91	4	>0.05
27.	Thỏ tìm chuồng	4.31	3	4.45	1	4.28	4	>0.05
28.	Lùa vịt về chuồng	4.28	5	4.32	2	0.68	4	>0.05
29.	Rửa tay	2.76	49	2.82	49	0.26	4	>0.05

T T	TCVD	ĐTB	Thứ hạng	ĐTB	Thứ hạng	χ^2	df	P
30.	Xếp cái giường	4.12	31	4.17	30	0.30	4	>0.05
31.	Mèo đuổi chuột	4.22	21	4.25	7	0.10	4	>0.05
32.	Bắt cá	3.88	40	3.76	42	1.29	4	>0.05
33.	Thỏ Cóc thi tài	4.24	12	4.29	6	1.00	4	>0.05
34.	Đồng đội	3.70	43	3.75	43	0.32	4	>0.05
35.	Vượt Trường Sơn	4.21	23	4.24	11	0.32	4	>0.05
36.	Rắn bò	4.22	16	4.24	10	0.31	4	>0.05
37.	Bắt cua	2.87	47	2.88	47	0.13	4	>0.05
38.	Bé là vận động viên	4.26	8	4.29	5	0.69	4	>0.05
39.	Đập niêu	2.39	50	2.52	50	1.38	4	>0.05
40.	Rồng rắn lên mây	4.14	29	4.19	29	0.51	4	>0.05
41.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	4.22	16	4.22	18	0.78	4	>0.05
42.	Tìm bạn thân	3.85	41	3.88	40	0.22	4	>0.05
43.	Sáo Sậu sang sông	4.28	5	4.31	3	0.43	4	>0.05
44.	Chim Sẻ và thợ săn	3.13	46	3.13	46	0.05	4	>0.05
45.	Chú ong chăm chỉ	4.21	23	4.22	20	0.55	4	>0.05
46.	Nhanh lên bạn ơi	4.09	32	4.12	33	0.35	4	>0.05
47.	Cầu thủ bóng rổ	4.22	21	4.23	14	0.43	4	>0.05
48.	Bật chụm, tách chân qua các vòng	4.22	16	4.23	17	0.44	4	>0.05
49.	Chuyền bóng qua đầu	3.81	42	3.85	41	0.32	4	>0.05
50.	Thỏ con nghe lời mẹ	4.08	33	4.12	33	0.25	4	>0.05

3.2.2.2. Điều chỉnh trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Để điều chỉnh TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi đã sưu tầm tổng hợp cần đảm bảo phù hợp với nguyên tắc và mục tiêu phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi trong chương trình GDMN hiện hành.

Nguyên tắc điều chỉnh trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi:

- a) Nguyên tắc đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục cho trẻ 4-5 tuổi
- b) Nguyên tắc đảm bảo phù hợp quá trình phát triển các kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi
- c) Nguyên tắc đảm bảo phù hợp đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ 4-5 tuổi
- d) Nguyên tắc đảm bảo phù hợp thực tiễn ở trường mầm non

- *Điều chỉnh về nội dung của trò chơi:* Trong quá trình thực hiện trò chơi, giáo viên có thể căn cứ vào kinh nghiệm, bối cảnh xã hội của trẻ, tiến hành tổ hợp hoặc mở rộng nội dung vốn có của TCVĐ. Chẳng hạn, phương pháp tổ hợp: sử dụng 2 hoặc 3 trò chơi có liên quan đến nhau tổ hợp lại với nhau hình thành một trò chơi mới hấp dẫn trẻ tham gia. Hoặc có thể sử dụng các trò chơi liên quan đến nhau gộp lại, tổ hợp thành một trò chơi. Phương pháp mở rộng: căn cứ vào nội dung của trò chơi, trên cơ sở giữ gìn nguyên bản kết cấu hoàn chỉnh của TCVĐ, tiến hành mở rộng một cách phù hợp nội dung chơi của trò chơi.

- *Điều chỉnh hình thức của trò chơi:* với 2 phương diện: hình thức tổ chức chơi và hình thức đồ dùng dụng cụ, thiết bị của trò chơi. Chẳng hạn, (a) hình thức tổ chức trò chơi: có thể áp dụng trò chơi không cùng loại liên hệ với nhau, hoặc hình thức của trò chơi A tổ chức theo hình thức của trò B ... (b) hình thức đồ dùng dụng cụ, thiết bị của trò chơi: những trò chơi có sử dụng dụng cụ, thiết bị không đảm bảo an toàn cho trẻ hoặc bị thiếu có thể thay thế cho phù hợp thực tế giáo dục cho trẻ.

3.2.3. Chuẩn hóa và mô tả các trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.3.1. Chuẩn hóa trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Trong GDTC, TCVĐ là một trong các hình thức cơ bản, đặc biệt đối với trẻ em lứa tuổi mầm non, TCVĐ là một phương thức giáo dục nhẹ nhàng và hiệu quả nhất: Học mà chơi - Chơi mà học. Thông qua trò chơi, trẻ thể hiện được khả năng của mình, khám

phá và hiểu biết thêm cuộc sống đồng thời tạo ra bầu không khí đoàn kết thân ái giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện. Đây là phương pháp, phương tiện rèn luyện sức khỏe, góp phần giáo dục đạo đức nhân cách cho trẻ đạt hiệu quả cao và được trẻ đặc biệt ưa thích. Muốn trẻ hứng thú chơi và vui chơi mang lại hiệu quả giáo dục cao phải có sự hướng dẫn, tổ chức cho trẻ chơi một cách khoa học, đảm bảo được tính đặc thù của loại trò chơi, phải biết sáng tạo biết khai thác tất cả những gì đã có trong thực tế và suy nghĩ tìm tòi tạo thêm nhiều niềm vui mới cho trẻ bằng chính khả năng sự phạm, lòng yêu trẻ, yêu nghề nghiệp của mình.

TCVĐ có tầm quan trọng rất lớn đối với sự phát triển KN và thể lực của trẻ. Trò chơi vận động là hình thức vui chơi, nghỉ ngơi tích cực vừa là phương tiện để giáo dục trẻ một cách toàn diện và thu hút nhiều trẻ tham gia chơi và hoàn thiện KNVĐ cho trẻ ngoài ra TCVĐ còn tạo điều kiện để rèn luyện tố chất và phát triển thể lực góp phần nâng cao nhận thức còn giúp trẻ phát triển ngôn ngữ và trí tưởng tượng...

Để các TCVĐ thống nhất quy chuẩn về bố cục, nội dung, cách trình bày, hình thức, luận án tiến hành thực hiện chuẩn hóa các TCVĐ đã được lựa chọn. Mỗi TCVĐ bao gồm 3 thành tố và có mối quan hệ biện chứng với nhau. Nếu thiếu một trong ba thành tố thì không thể tiến hành trò chơi được. Đó là:

- Nội dung chơi: Chính là nhiệm vụ nhận thức và là thành phần cơ bản của trò chơi, nó khơi gợi hứng thú, tính tích cực, nguyện vọng chơi của trẻ. Mỗi TCVĐ có mục đích của mình, chính điều đó làm cho trò chơi này khác trò chơi kia.

- Hành động chơi: Là những hành động trẻ thực hiện trong lúc chơi và nó là thành tố đặc trưng của TCVĐ. Các hành động chơi là thành phần chính của TCVĐ, thiếu chúng thì không còn là trò chơi nữa. Hành động càng phong phú, đa dạng bao nhiêu thì trẻ tham gia trò chơi càng nhiều bấy nhiêu và bản thân trò chơi càng lý thú.

- Luật chơi: Là quy định buộc trẻ phải tuân thủ khi chơi, nếu phá vỡ chúng thì trò chơi cũng bị phá vỡ. Luật chơi này do nội dung chơi qui định. Và qua luật chơi trẻ đã tạo nên cơ chế tự điều khiển hành vi của mình.

Khi trẻ tham gia vào TCVĐ thì kết thúc trò chơi bao giờ cũng có một kết quả nhất định, đó là trẻ phải hoàn thành một nhiệm vụ giáo dục nào đó. Vì vậy, việc dạy học cho trẻ mầm non bằng các TCVĐ đã tạo cho trẻ khả năng giải quyết nhiệm vụ nhận thức dưới hình thức chơi nhẹ nhàng, không bị áp đặt, nâng cao hứng thú của trẻ, phát triển năng lực tập trung chú ý, tạo điều kiện thuận lợi cho những hành động có định hướng phù hợp với lời chỉ dẫn của giáo viên và đảm bảo cho trẻ việc lĩnh hội tri thức, kỹ năng

một cách tốt hơn. Những nhiệm vụ chơi và hành động chơi đòi hỏi trẻ tích cực huy động các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của mình để đạt được kết quả mà trò chơi đặt ra.

Các bước thiết lập TCVĐ cho trẻ như sau:

- *Bước 1: Xác định mục tiêu và nội dung giáo dục cho trẻ.* Mục tiêu giáo dục cho trẻ là hình thành, phát triển và củng cố cho trẻ sự hiểu biết, kỹ năng và thái độ. Nội dung giáo dục cho trẻ: phát triển kỹ năng nào, tố chất thể lực nào cần phát triển ở trẻ và mức độ phát triển kỹ năng và các tố chất thể lực.

- *Bước 2: Xác định tên trò chơi.* Tên trò chơi là yếu tố đầu tiên thu hút người chơi đến với trò chơi. Tên trò chơi thường đơn giản, dễ hiểu, hướng vào nhiệm vụ giáo dục, phản ánh được nội dung hay một tính chất nào đó của trò chơi.

- *Bước 3: Xác định mục đích chơi.* Mục đích chơi được xác định trên cơ sở mục đích bài học, nội dung chương trình giáo dục, mục tiêu và nội dung giáo dục phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ.

- *Bước 4: Xác định điều kiện cần chuẩn bị để tiến hành trò chơi.* Điều kiện cần để tiến hành trò chơi bao gồm địa điểm và đồ dùng, thiết bị, dụng cụ chơi. Tùy thuộc nội dung chơi để lựa chọn địa điểm thích hợp. Đồ dùng, thiết bị, dụng cụ chơi là phương tiện tiến hành trò chơi và góp phần tạo nên sự hấp dẫn của trò chơi, cho nên, dụng cụ chơi cần đơn giản, dễ chuẩn bị, phong phú, đẹp. Số lượng tùy thuộc nội dung từng trò chơi.

- *Bước 5: Xác định hành động chơi.* Cách chơi là hệ thống thao tác, hành động mà trẻ thực hiện khi chơi để đạt được mục đích chơi mà trò chơi đặt ra.

- *Bước 6: Xác định luật chơi.* Luật chơi là những quy định bắt buộc người chơi phải tuân thủ, được coi là tiêu chuẩn để đánh giá hành động đúng, sai. Luật chơi được xác định tùy thuộc vào mục đích phát triển kỹ năng và các tố chất thể lực.

3.2.3.2. Mô tả trò chơi vận động phù hợp phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

TCVĐ là phương tiện để giáo dục trẻ một cách toàn diện và còn rèn luyện tố chất và phát triển thể lực góp phần nâng cao nhận thức còn giúp trẻ phát triển ngôn ngữ và trí tưởng tượng... Nội dung của các TCVĐ phong phú và phản ánh những hiện tượng đơn giản của cuộc sống tự nhiên, xã hội diễn ra hàng ngày rất gần gũi với cuộc sống của trẻ phù hợp chương trình GDMN lứa tuổi 4–5 tuổi.

Bảng 3.27. Ma trận mục tiêu phát triển kĩ năng theo trò chơi vận động cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Mục đích	Mục tiêu phát triển	Tên trò chơi vận động
Phát triển KNVĐCB	Kĩ năng vận động đi, chạy, giữ thăng bằng	- Mèo đuổi chuột - Cầu thủ bóng rổ - Sáo sậu sang sông - Bật chụm, tách chân qua các vòng - Tặng quà - Chú bộ đội hành quân - Phi ngựa - Chân ai khéo léo - Vòng tròn thông minh - Các chú lính cứu hỏa dũng cảm - Thỏ tìm chuồng
	Kĩ năng vận động bò, trườn, trèo	- Vượt Trường Sơn - Rắn bò - Chú bộ đội hành quân - Tìm kho báu - Chú chuột tinh nhanh - Lùa vịt về chuồng
	Kĩ năng vận động tung, ném, bắt	- Vượt Trường Sơn - Bé là vận động viên - Quả bóng tìm bạn - Chạy tiếp cò - Mèo đuổi chuột - Cầu thủ bóng rổ
	Kĩ năng vận động bật, nhảy	- Thỏ cóc thi tài - Chạy theo tín hiệu đèn giao thông - Chú ong chăm chỉ - Cầu thủ bóng rổ - Bật chụm, tách chân qua các vòng

Mục đích	Mục tiêu phát triển	Tên trò chơi vận động
		- Chạy cùng bóng lăn - Phi ngựa - Ai làm nổ nhiều nhất - Ai bật nhanh hơn -Ếch nhảy qua ao - Lùa vịt về chuồng
Phát triển KNXH	Kĩ năng tương tác xã hội	- Mèo đuổi chuột - Rắn bò - Bé là vận động viên - Cầu thủ bóng rổ - Sáo sậu sang sông - Tặng quà - Ai làm nổ bóng nhiều hơn - Quả bóng tìm bạn - Vòng tròn thông minh - Chạy tiếp cờ
	Kĩ năng tuân thủ nội quy	- Thỏ cóc thi tài - Bé là vận động viên - Chú ong chăm chỉ - Sáo sậu sang sông - Bật chụm, tách chân qua các vòng - Chú bộ đội hành quân - Ai bật nhanh hơn - Quả bóng tìm bạn -Ếch nhảy qua ao
	Kĩ năng giao tiếp	- Mèo đuổi chuột - Bé là vận động viên - Cầu thủ bóng rổ - Sáo sậu sang sông - Chú bộ đội hành quân

Mục đích	Mục tiêu phát triển	Tên trò chơi vận động
		- Phi ngựa - Chân ai khéo hơn - Chú chuột tinh nhanh - Vòng tròn thông minh -Ếch nhảy qua ao - Lùa vịt về chuồng
	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	- Chạy theo đèn tín hiệu giao thông - Bé là vận động viên - Chú ong chăm chỉ - Tặng quà - Tìm kho báu - Ai làm nổ bóng nhiều hơn - Chân ai khéo hơn - Chú chuột tinh nhanh - Các chú lính cứu hỏa dũng cảm
	Kĩ năng giải quyết vấn đề	- Thỏ cóc thi tài - Vượt Trường Sơn - Rắn bò - Sáo sậu sang sông - Chạy cùng bóng lăn - Ai làm nổ bóng nhiều hơn - Chân ai khéo hơn - Ai bật nhanh hơn - Chạy tiếp cờ - Chú chuột tinh nhanh - Các chú lính cứu hỏa dũng cảm - Thỏ tìm chuồng - Lùa vịt về chuồng

Mô tả trò chơi vận động phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Luận án mô tả nội dung TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh (phụ lục 10)

3.2.4. Thiết kế chương trình, tiến trình, giáo án thực nghiệm các trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.4.1. Thiết kế chương trình thực nghiệm trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Chương trình thực nghiệm sư phạm là quá trình đánh giá hiệu quả một số TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là quá trình tác động có định hướng nhằm đạt được mục đích đề ra là nhằm phát triển KNVĐCB, KNXH và TCTL cho trẻ 4–5 tuổi.

a) Mục đích:

Chương trình thực nghiệm nhằm chứng minh, kiểm chứng tính hiệu quả và tính khả thi, đánh giá hiệu quả tác động của 26 TCVĐ được lựa chọn nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, khẳng định ý nghĩa lý luận khoa học và thực tiễn của việc ứng dụng TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với mục đích và giả thuyết nghiên cứu của luận án.

b) Nội dung:

- Đối với nhóm thực nghiệm:

+ Ma trận mục tiêu phát triển kỹ năng với các TCVĐ đã lựa chọn (phụ lục 7)

+ Thực nghiệm ứng dụng 26 TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi trong các hoạt động giáo dục: giáo dục thể chất, hoạt động vui chơi ngoài trời. Hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động chơi được lồng ghép trong các hoạt động (hoạt động ngoài trời, hoạt động chiều) có nhiều ưu thế tổ chức TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ.

+ Tổ chức thực hiện 26 TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi trên cơ sở đã có sự chuẩn bị chu đáo về địa điểm, không gian hoạt động, đồ dùng, phương tiện, chuẩn bị tâm thế cho trẻ đến với hoạt động, đồng thời, tạo điều kiện tốt nhất cho

trẻ tham gia vào hoạt động với tư cách là một chủ thể tích cực, tự giác thực hiện có hiệu quả.

- Đối với nhóm đối chứng: Thực hiện học tập, vui chơi theo kế hoạch chung của Nhà trường, các hoạt động giáo dục thể chất (có tổ chức TCVĐ) thực hiện theo chương trình GDMN hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*phụ lục 26*).

c) Chương trình thực nghiệm (phụ lục 8)

Chương trình thực nghiệm TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 45 tuổi tương ứng như kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề, kế hoạch một ngày, kế hoạch của một hoạt động cụ thể, được diễn ra theo đúng mục đích của nhà giáo dục.

- Xác định thời điểm ứng dụng TCVĐ: 26 TCVĐ được đưa vào trong kế hoạch hoạt động của lớp 4-5 tuổi ở từng thời điểm thích hợp của từng chủ đề. Ngoài ra có thể lồng ghép hợp lí trong các ngày hội, ngày lễ trong năm học hoặc có thể tổ chức ngày hội thể thao cho trẻ.

- Xác định cách tổ chức cho trẻ chơi: Tổ chức lần lượt vào các ngày trong tuần. Có thể tích hợp trong các hoạt động phù hợp trong ngày (hoạt động giáo dục thể chất, hoạt động vui chơi ngoài trời,...)

Bảng 3.28. Chương trình thực nghiệm
(thời gian từ 9/2022 đến tháng 05/2023 năm học 2022-2023)

Thời gian	Tuần	Thứ				
		Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
3 tuần 12/9/2022 - 30/9/2022	1	Trò chơi Chạy tiếp cờ	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Phi ngựa
	2	Trò chơi Éch nhảy qua ao	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Lùa vịt về chuồng	Trò chơi Chú bộ đội hành quân
	3	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh
4 tuần 3/10/2022 - 28/10/2022	4	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Chân ai khéo hơn
	5	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Sáo sậu sang sông	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Mèo đuổi chuột
	6	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Chạy tiếp cờ	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Éch nhảy qua ao
	7	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Lùa vịt về chuồng
4 tuần 31/10/2022 - 25/11/2022	8	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Éch nhảy qua ao	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn
	9	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh	Trò chơi Lùa vịt về chuồng	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông
	10	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Vòng tròn thông minh
	11	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Chạy tiếp cờ
5 tuần 28/11/2022	12	Trò chơi Éch nhảy qua ao	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh

- 30/12/2022	13	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Sáo sậu sang sông	Trò chơi Lùa vịt về chuồng
	14	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơiẾch nhảy qua ao
	15	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Quả bóng tìm bạn
2 tuần 03/01/2023 - 13/01/2023	16	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng
	17	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Lùa vịt về chuồng	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Phi ngựa
4 tuần 30/01/2023 - 24/02/2023	18	Trò chơi Sáo sậu sang sông	Trò chơi Chạy tiếp cờ	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Vượt Trường Sơn
	19	Trò chơiẾch nhảy qua ao	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	Trò chơi Tìm kho báu
	20	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Tặng quà
	21	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng
5 tuần 27/02/2023 - 31/3/2023	22	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Sáo sậu sang sông
	23	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Lùa vịt về chuồng
	24	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Mèo đuổi chuột	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng

	25	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Sáo sậu sang sông	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Vượt Trường Sơn
	26	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Mèo đuổi chuột	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dập tắt	Trò chơi Tìm kho báu
4 tuần 03/4/2023 - 28/4/2023	27	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông
	28	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn
	29	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Chạy tiếp cờ	Trò chơi Éch nhảy qua ao	Trò chơi Mèo đuổi chuột
	30	Trò chơi Sáo sậu sang sông	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dập tắt
3 tuần 03/5/2023 - 19/5/2023	31	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Mèo đuổi chuột
	32	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Ai bật nhanh hơn
	33	Trò chơi Mèo đuổi chuột	Trò chơi Lùa vịt về chuồng	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Chạy tiếp cờ

3.2.4.2. Tiến trình thực nghiệm trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Tiến trình thực nghiệm TCVĐ được tiến hành trong giờ hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động chơi ngoài trời cho trẻ 4–5 tuổi ở trường mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tại bảng 2.29 (phụ lục 9).

Để đảm bảo tính khoa học, luận án đã tham khảo và được các chuyên gia đồng ý với phương án thời gian hợp lý TCVĐ 10 – 15 phút trong nội dung giờ hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động chơi ngoài trời.

3.2.4.3. Kế hoạch dạy học thực nghiệm các trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

a) Tiến hành lập kế hoạch dạy học:

- + Xác định mục đích (mục tiêu) và yêu cầu của trò chơi.
- + Dự tính những phương tiện cần thiết như đồ dùng, đồ chơi, địa điểm chơi, thời gian chơi,...
- + Lựa chọn nội dung chơi và hình thức chơi. Sắp xếp nội dung chơi, hình thức chơi có hệ thống, nâng dần mức độ khó của TCVĐ phù hợp với khả năng chơi và nhu cầu, phân nhóm chơi linh hoạt phù hợp.
- + Lựa chọn các biện pháp tổ chức hướng dẫn chơi, cách đánh giá trò chơi.
- + Từ những trò chơi đã lựa chọn, cần tiến hành thiết kế các hoạt động có ứng dụng TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi.

b) Mẫu Kế hoạch dạy học hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động chơi ngoài trời cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh:

Kế hoạch dạy học hoạt động giáo dục thể chất (phụ lục 13)

Kế hoạch dạy học hoạt động vui chơi ngoài trời (phụ lục 14)

c) Tổ chức hoạt động ứng dụng TCVĐ cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

- Tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ 4 – 5 tuổi

- + Công tác chuẩn bị: địa điểm, không gian tổ chức hoạt động thoáng mát, sạch sẽ, an toàn, đủ rộng cho số trẻ tham gia hoạt động; các đồ dùng đồ chơi, phương tiện thiết bị cần thiết, bố trí, sắp xếp sao cho trẻ có thể dễ dàng nhìn thấy và thuận tiện khi sử dụng cũng như khi thu dọn. Trước khi trẻ tham gia hoạt động, GV nên tạo hứng thú cho trẻ đến với hoạt động, giúp trẻ có cảm giác mong muốn học tập. Đồng thời trẻ cũng cần

tích lũy một số kiến thức, kỹ năng, thái độ về hoạt động giáo dục thể chất nói chung và TCVD nói riêng.

+ Cách tiến hành: Tạo tâm thế, hứng thú cho trẻ bằng các bài hát, câu chuyện, tạo tình huống,...

Khởi động: Thời gian từ 3 - 4 phút. GV cho trẻ đi bộ thành vòng trong khép kín, GV đi vào phía trong vòng tròn ngược chiều với trẻ để theo dõi và điều khiển trẻ tập. Cho trẻ đi thường phối hợp với kiểu đi: Kiễng gót 2m, đi thường 5m, 2m đi bằng gót chân, 5m đi thường, đi vậy khoảng 2 - 3 lần. Sau đó, cho trẻ chuyển sang chạy thay đổi tốc độ: chậm - nhanh - chậm. Hoặc cuối phần khởi động, giáo viên có thể cho trẻ chơi một trò chơi vận động nhẹ nhàng như: "Lá và gió", "Bắt chước tạo dạng" có tác dụng làm cho trẻ phấn khởi, thích thú trước khi chuyển sang phần trọng động.

Trọng động: Thời gian từ 25 - 28 phút. Là phần trọng tâm của hoạt động, nó có tác dụng đến sự phát triển của cơ thể trẻ nhiều nhất, nhiệm vụ là thực hiện mục đích chủ yếu của tiết học, bao gồm: tập những tác động mới hoặc ôn động tác cũ hay nâng cao trình độ luyện tập của trẻ; rèn luyện phát triển thân thể toàn diện và tố chất thể lực; bồi dưỡng và giáo dục ý chí, phẩm chất đạo đức tốt cho trẻ.

Phần này bao gồm 3 hoạt động: thực hiện bài tập phát triển chung, bài tập vận động cơ bản và TCVD.

* Hoạt động 1: Thực hiện bài tập phát triển chung.

Gồm các động tác theo thứ tự sau: hô hấp (nếu cần), tay - vai, chân, bụng - lườn, bật, trong đó có hỗ trợ cho bài tập vận động cơ bản.

Có thể cho trẻ thực hiện bài tập tay không và có dụng cụ. Mỗi động tác thực hiện 3 - 4 lần, 8 nhịp. Những động tác hỗ trợ cho bài tập thể dục cần tập thêm 1 - 2 lần.

Đối với bài tập phát triển chung mới, GV có thể làm mẫu kết hợp với giải thích 2 lần. Khi tập, nên cho trẻ cầm các dụng cụ như cờ, nơ, gậy thể dục... nhưng những dụng cụ này phải phù hợp với vận động và không gây nên mệt mỏi cho trẻ.

* Hoạt động 2: Thực hiện bài tập vận động cơ bản.

Chỉ thực hiện từ 1 - 2 bài tập vận động cơ bản. Nếu có 2 bài tập vận động cơ bản thì trong đó có 1 bài tập là ôn luyện. Nếu có 2 bài tập, trong đó có một bài tập là chạy thì chạy sẽ thực hiện sau. Đối với bài tập mới, giáo viên cần hướng dẫn tỉ mỉ, tiến hành

theo các bước sau: tập mẫu, cho một số trẻ tập thử, cả lớp tập. GV áp dụng các hình thức tổ chức: cả lớp, nhóm, cá nhân tùy thuộc vào nội dung bài tập, khả năng của trẻ.

*** Hoạt động 3: Thực hiện trò chơi vận động.**

GV thực hiện những TCVD đã được lựa chọn theo chương trình và tiến trình thực nghiệm. Mục đích nhằm rèn luyện, phát triển KNVĐCB, KNXH và phát triển TCTL. Giới thiệu tên trò chơi: GV cần tạo hứng thú bằng các bài hát, câu đố, bài thơ... trước khi giới thiệu tên TCVD. Sau đó mời trẻ lên chơi. Sắp xếp đội hình chơi: Linh hoạt, đa dạng theo nội dung và tính chất của từng trò chơi. GV lựa chọn vị trí đứng phù hợp với mỗi trò chơi để thuận tiện trong việc giải thích và điều khiển.

Giới thiệu và giải thích trò chơi: GV cần làm mẫu, lời giải thích phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu kèm theo thao tác, hành động phụ họa. Với trẻ 4-5 tuổi, GV có thể hướng dẫn một số cháu nhanh nhẹn, tháo vát lên làm mẫu những hành động chơi mà cô giới thiệu. Sau đó giải thích cách chơi và luật chơi. GV cần phổ biến cách chơi một cách ngắn gọn, rõ ràng và tuần tự theo từng bước để trẻ dễ dàng nắm được cách chơi, để đảm bảo trò chơi diễn ra hiệu quả.

Điều khiển trò chơi và đánh giá kết quả: GV bao quát toàn bộ tiến trình chơi một cách chặt chẽ, kịp thời xử lý tình huống phát sinh cũng như điều chỉnh các yếu tố về không gian, thời gian, tình huống hay các chi tiết khác làm cho trò chơi thêm sinh động.

GV nhận xét, khuyến khích trẻ tự nhận xét, tự đánh giá về buổi chơi, dần dần phát triển ở trẻ khả năng tự đánh giá trò chơi. Sau đó thống kê các kết quả mà trẻ đạt được theo từng tiêu chí đánh giá ở phiếu quan sát TCVD.

Hồi tĩnh: Thời gian từ 2 - 3 phút. Đưa cơ thể trẻ về trạng thái bình thường sau quá trình vận động liên tục. GV phải làm cho trẻ cảm giác thoải mái, phấn khởi, đỡ mệt mỏi, không chán học.

GV có thể tiến hành phản hồi tĩnh và kết thúc tiết học dưới nhiều hình thức: cho trẻ đi vòng tròn, vừa đi vừa hát nhẹ nhàng; cho trẻ đi tự do trên sân tập hoặc trong lớp, vừa đi vừa vươn vai, hít thở những hơi thở dài.

+ Nhận xét hoạt động học: giáo viên có thể tiến hành nhận xét ngay trong tiết học, thường là khen, chê trẻ kịp thời. Nếu nhận xét ở cuối tiết học, trước tiên GV nêu những ưu, khuyết điểm chung của cả lớp. Ngoài ra, có thể trẻ tự phát biểu, rồi GV tổng kết ngắn gọn có tính chất nhận xét chung cả lớp.

- Tổ chức hoạt động chơi ngoài trời cho trẻ 4 – 5 tuổi

+ Công tác chuẩn bị: Trước khi cho trẻ dạo chơi, GV phải chuẩn bị đồ chơi, dụng cụ để trẻ mang ra sân chơi như: bóng, ô tô, xe đẩy, vòng,... Quần áo của trẻ phải gọn gàng. Không cho trẻ dạo chơi vào những ngày thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh, có gió nhiều và ẩm ướt.

+ Cách tiến hành: Tiến hành dạo chơi với trẻ, giáo viên giúp trẻ nghỉ ngơi tích cực, củng cố kĩ năng vận động, phát triển các TCTL trong những điều kiện tự nhiên. Ngoài ra, còn giáo dục ở trẻ tính tập thể, lòng dũng cảm, thức chấp hành tổ chức kỉ luật,...

Hoạt động chơi được tiến hành sau hoạt động học buổi sáng.

Có hai hình thức dạo chơi: dạo chơi hàng ngày kết hợp với các hoạt động và mang tính chất tổng hợp, dạo chơi có mục đích rèn luyện thể chất ở ngoài trời. Tập trung trẻ thành 1 - 2 hàng, dẫn dò những yêu cầu cần thiết. GV đi đầu, một người đi cuối. Cần chú đảm bảo an toàn cho trẻ. Đến nơi, cho trẻ nghỉ một lát, hướng dẫn trẻ quan sát, đàm thoại môi trường tự nhiên hoặc xã hội. Sau đó, cho trẻ cùng chơi một TCVĐ là hình thức có ưu thế phát triển KNVĐCB, KNXH và phát triển tố chất thể lực.

Cách tổ chức TCVĐ cũng giống như trong hoạt động giáo dục thể chất. Thời gian cho mỗi buổi hoạt động chơi ngoài trời không nên kéo dài quá 40 phút. Cuối buổi dạo chơi, GV nhận xét, đánh giá buổi dạo chơi. Cho trẻ thu dọn đồ dùng, đồ chơi.

3.2.5. Bàn luận về lựa chọn trò chơi vận động cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Phát triển các kĩ năng cần thiết cho trẻ 4-5 tuổi đã được vào các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước. Do vậy, muốn phát triển KN, đặc biệt là KNVĐCB và KNXH cho trẻ cần phải thay đổi, đổi mới, sáng tạo, cải tiến nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lý của trẻ. Trong đó, TCVĐ khi được sử dụng một cách tối đa, vừa là nội dung học trong chương trình GDTC, vừa là phương pháp dạy học vận động, vừa là hình thức tổ chức vui chơi, nghỉ ngơi tích cực, góp phần giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non.

Quá trình lựa chọn các TCVĐ phát triển các KNVĐCB, KNXH và TCTL cho trẻ 4-5 tuổi cần tuân thủ các nguyên tắc đảm bảo khi lựa chọn TCVĐ: Nguyên tắc đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục; Nguyên tắc đảm bảo phù hợp quá trình phát triển các kĩ năng; Nguyên tắc đảm bảo phù hợp đặc điểm tâm, sinh lí; Nguyên tắc đảm bảo phù hợp thực tiễn.

Trên cơ sở đặc điểm của trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, qua các tài liệu tham khảo, căn cứ vào mục đích, mục tiêu của luận án, đặc điểm tâm sinh lý, khả năng vận động của khách thể nghiên cứu và tình hình thực tế tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, luận án đã tổng hợp và lựa chọn được 50 TCVĐ nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Và được đánh giá, kiểm nghiệm qua hai lần phỏng vấn, lựa chọn được 26 TCVĐ đủ độ tin cậy, phù hợp và có tác động đến quá trình phát triển KNVĐCB và KNXH trẻ mầm non 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Để các TCVĐ được thống nhất quy chuẩn về bố cục, nội dung, cách trình bày, hình thức, luận án tiến hành thực hiện chuẩn hóa các TCVĐ đã được lựa chọn. Mỗi TCVĐ bao gồm 3 thành tố và có mối quan hệ biện chứng với nhau. Đó là: Nội dung chơi – Hành động chơi – Luật chơi. Đồng thời thiết lập 6 bước TCVĐ cho trẻ: xác định mục tiêu và nội dung giáo dục cho trẻ; xác định tên trò chơi; xác định mục đích chơi; xác định điều kiện cần chuẩn bị để tiến hành trò chơi; xác định cách chơi và xác định luật chơi.

Với 50 TCVĐ được tổng hợp từ các nguồn tài liệu, từ hướng tiếp cận phù hợp với mục đích, mục tiêu của đề tài, đặc điểm của khách thể nghiên cứu và được kiểm nghiệm qua hai lần phỏng vấn, sau đó lựa chọn được 26 TCVĐ đưa vào ứng dụng đủ độ tin cậy. Việc lựa chọn các TCVĐ góp phần phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh phải đảm bảo đúng mục tiêu là cần chú ý đến phát triển KN cho trẻ. Trên cơ sở đó, 26 TCVĐ theo hướng tác động quá trình phát triển KNVĐCB và KNXH của trẻ 4-5 tuổi để làm hướng nghiên cứu của đề tài. Sau khi lựa chọn được 26 TCVĐ, luận án tiến hành xây dựng chương trình, tiến trình, kế hoạch bài dạy thực nghiệm chi tiết với 33 tuần (từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023), nhằm chứng minh, kiểm chứng tính hiệu quả và tính khả thi, đánh giá hiệu quả tác động của 26 TCVĐ được lựa chọn nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. TCVĐ được đưa vào trong kế hoạch hoạt động của lớp 4-5 tuổi ở từng thời điểm thích hợp của từng chủ đề và tổ chức vào các hoạt động GDTC và hoạt động chơi ngoài chơi trong ngày của tuần.

Sau cùng sẽ đánh giá hiệu quả của các trò chơi vận động đã lựa chọn sau một năm học thực nghiệm.

Tiểu kết:

Qua nghiên cứu các bước định tính và định lượng, tọa đàm với chuyên gia, CBQL và GVMN, luận án đã:

Xây dựng được chương trình, tiến trình thực nghiệm ứng dụng 26 TCVĐ phù hợp phát triển KNVĐCB, KNXH và phát triển thể lực cho trẻ 4–5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Thiết lập ma trận mục tiêu phát triển kỹ năng với 26 TCVĐ đã lựa chọn.

Thời gian thực nghiệm bao gồm 33 tuần (từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023). Nhóm thực nghiệm ứng dụng 26 TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4–5 tuổi được lồng ghép trong các hoạt động GDTC và hoạt động vui chơi ngoài trời. Nhóm đối chứng học tập, vui chơi theo kế hoạch năm học của Nhà trường, trong đó hoạt động giáo dục thể chất (có tổ chức TCVĐ) thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Đánh giá hiệu quả ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.3.1. Lựa chọn và mô tả mẫu thực nghiệm

Luận án tiến hành lựa chọn mẫu thực nghiệm (mục 2.2.2) với số lượng trẻ tham gia nghiên cứu là 800 trẻ 4 – 5 tuổi đang theo học tại 10 trường MN (*phụ lục 12*) để tổ chức thực nghiệm bằng phương pháp thực nghiệm thực nghiệm so sánh song song trên 2 nhóm thực nghiệm (TN) và đối chứng (ĐC) trong đó:

- + Nhóm thực nghiệm: gồm 400 trẻ 4 – 5 tuổi (196 trẻ nữ, 204 trẻ nam)
- + Nhóm đối chứng có 400 trẻ 4 – 5 tuổi (194 trẻ nữ, 206 trẻ nam).

Điểm chung của 10 trường mầm non đều đang áp dụng chương trình GDMN mới theo văn bản hợp nhất theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ban hành ngày 24/01/2017 về Chương trình GDMN [6]. Điều đáp ứng đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học (phòng học, phòng chức năng, trang thiết bị, dụng cụ và sân bãi...) theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 31/12/2020 về việc Ban hành điều lệ trường mầm non. GVMN đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm đảm bảo đủ các tiêu chuẩn ban hành theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Và có sự tương đồng về thể chất giữa các trẻ với nhau.

3.3.2. Kiểm định, đánh giá trước thực nghiệm

3.3.2.1. So sánh kỹ năng vận động cơ bản trước thực nghiệm

Luận án tiến hành so sánh KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi trước thực nghiệm ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả đánh giá được trình bày ở bảng 3.30 như sau:

Kết quả bảng 3.30 cho thấy, số trung bình mẫu ($\bar{X}$) của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, trẻ nam nhóm thực nghiệm và trẻ nam nhóm đối chứng, trẻ nữ nhóm thực nghiệm và trẻ nữ nhóm đối chứng đều đủ tính đại diện với sai số tương đối $\varepsilon \leq 0.05$, KNVĐCB trước thực nghiệm đều khá tương đồng ở cả trẻ nam và trẻ nữ ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P > 0.05$. Hệ số biến thiên (C_v), tham số phản ánh độ biến thiên dao động giữa các cá thể trong tập hợp mẫu ở phần lớn các test cho thấy các chỉ số có độ đồng nhất trung bình ($11\% < C_v < 20\%$) và thấp $C_v > 20\%$) đồng nghĩa với độ phân tán giữa các cá thể nghiên cứu ở mức trung bình có thể do sự chênh lệch về tháng tuổi.

Như vậy, các chỉ số KNVĐCB của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng không có sự khác biệt đáng kể về trình độ ban đầu (giá trị $t_{\text{tính}} < t_{05} = 1.968$ với $P > 0.05$), hay nói cách khác các chỉ số KNVĐCB trước thực nghiệm của hai nhóm là tương đương nhau. Đây là cơ sở để tiến hành thực nghiệm sư phạm và so sánh đánh giá hiệu quả ứng dụng các TCVĐ vào hoạt động giáo dục.

3.3.2.2. So sánh kỹ năng xã hội trước thực nghiệm

Luận án so sánh KNXH của trẻ 4-5 tuổi trước thực nghiệm ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện kiểm định Independent-Samples T Test để xem xét mức độ KNXH giữa 2 nhóm và giữa trẻ nam và trẻ nữ của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng, được trình bày ở bảng 3.33 như sau:

**Bảng 3.30. Kết quả so sánh KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi ở nhóm TN và nhóm ĐC
tại Thành phố Hồ Chí Minh trước thực nghiệm**

TT	Test	Khách thể	$\bar{X}$	S	ε	C_v	t	P
Nhóm (n=800)								
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	Nhóm TN (n=400)	6.28	1.09	0.02	17.41	0.49	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	6.32	1.24	0.02	19.6		
2.	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây)	Nhóm TN (n=400)	6.25	1.14	0.02	18.18	0.65	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	6.31	1.17	0.02	18.54		
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	Nhóm TN (n=400)	6.77	1.07	0.02	15.85	1.00	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	6.85	1.09	0.02	15.98		
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	Nhóm TN (n=400)	14.92	1.60	0.01	10.75	1.1	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	14.79	1.70	0.01	11.52		
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	Nhóm TN (n=400)	54.48	11.21	0.02	20.58	0.66	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	53.94	11.66	0.02	22.61		
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	Nhóm TN (n=400)	216.39	43.71	0.02	20.19	1.2	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	220.28	47.68	0.02	21.64		
Trẻ nam (n=410)								
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	Nhóm TN (n=204)	6.26	1.13	0.02	18.05	0.49	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	6.21	1.2	0.03	19.36		
2.	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây)	Nhóm TN (n=204)	6.07	0.91	0.02	14.92	0.42	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	6.11	1.01	0.02	16.46		
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	Nhóm TN (n=204)	6.69	0.97	0.02	14.54	0.08	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	6.68	0.96	0.02	14.32		
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	Nhóm TN (n=204)	14.74	1.77	0.02	11.98	0.18	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	14.77	1.82	0.02	12.29		
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	Nhóm TN (n=204)	56.18	11.47	0.03	20.42	1.81	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	54.04	12.36	0.03	22.87		
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	Nhóm TN (n=204)	215.2	45.03	0.03	20.92	1.69	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	222.89	46.89	0.03	21.04		
Trẻ nữ (n=390)								
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	Nhóm TN (n=196)	6.29	1.05	0.02	16.76	1.22	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	6.44	1.27	0.03	19.71		
2.	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây)	Nhóm TN (n=196)	6.45	1.31	0.03	20.31	0.54	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	6.52	1.29	0.03	19.8		
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	Nhóm TN (n=196)	6.86	1.66	0.02	17.0	1.41	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	7.03	1.2	0.02	17.08		
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	Nhóm TN (n=196)	15.11	1.4	0.01	9.24	1.95	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	14.81	1.58	0.02	10.68		
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	Nhóm TN (n=196)	52.71	10.69	0.03	20.27	1.03	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	53.84	10.89	0.03	20.14		
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	Nhóm TN (n=196)	217.62	42.36	0.03	19.46	0.02	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	217.51	48.46	0.03	22.28		

**Bảng 3.31. Kết quả so sánh KNXH của trẻ 4-5 tuổi ở nhóm TN và nhóm ĐC tại
Thành phố Hồ Chí Minh trước thực nghiệm**

TT	Thang đo	Khách thể	$\bar{X}$	S	Sig. F	Sig. t
Nhóm (n=800)						
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	Thực nghiệm (n=400)	2.68	0.38	0.79	0.67
		Đối chứng (n=400)	2.69	0.38		
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	Thực nghiệm (n=400)	2.72	0.36	0.08	0.98
		Đối chứng (n=400)	2.71	0.34		
3.	Kĩ năng giao tiếp	Thực nghiệm (n=400)	2.65	0.31	0.77	0.25
		Đối chứng (n=400)	2.63	0.31		
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	Thực nghiệm (n=400)	2.64	0.22	0.28	0.58
		Đối chứng (n=400)	2.63	0.20		
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	Thực nghiệm (n=400)	2.65	0.24	0.5	0.28
		Đối chứng (n=400)	2.64	0.24		
Trẻ nam (n=410)						
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	Thực nghiệm (n=204)	2.72	0.38	0.27	0.49
		Đối chứng (n=206)	2.75	0.36		
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	Thực nghiệm (n=204)	2.73	0.35	0.68	0.76
		Đối chứng (n=206)	2.72	0.34		
3.	Kĩ năng giao tiếp	Thực nghiệm (n=204)	2.70	0.31	0.55	0.05
		Đối chứng (n=206)	2.64	0.32		
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	Thực nghiệm (n=204)	2.66	0.24	0.26	0.18
		Đối chứng (n=206)	2.63	0.21		
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	Thực nghiệm (n=204)	2.66	0.24	0.52	0.42
		Đối chứng (n=206)	2.64	0.26		
Trẻ nữ (n=390)						
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	Thực nghiệm (n=196)	2.63	0.37	0.35	0.94
		Đối chứng (n=194)	2.62	0.39		
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	Thực nghiệm (n=196)	2.70	0.37	0.05	0.79
		Đối chứng (n=194)	2.71	0.34		
3.	Kĩ năng giao tiếp	Thực nghiệm (n=196)	2.60	0.30	0.65	0.71
		Đối chứng (n=194)	2.62	0.31		
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	Thực nghiệm (n=196)	2.61	0.20	0.77	0.46
		Đối chứng (n=194)	2.62	0.19		
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	Thực nghiệm (n=196)	2.65	0.24	0.07	0.41
		Đối chứng (n=194)	2.63	0.22		

3.3.2.3. So sánh thể lực của trẻ trước thực nghiệm

Luận án tiến hành đánh giá thể lực của trẻ nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trước thực nghiệm. Kết quả được trình bày ở bảng 3.32 như sau:

Kết quả bảng 3.32 giá trị trung bình mẫu ($\bar{X}$) của cả 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng ở nội thành và ngoại thành có đủ tính đại diện với sai số tương đối $\varepsilon \leq 0.05$; giá trị trung bình mẫu ($\bar{X}$) giữa trẻ nam nhóm thực nghiệm và trẻ nam nhóm đối chứng, trẻ nữ nhóm thực nghiệm và trẻ nữ nhóm đối chứng đều có đủ tính đại diện với sai số tương đối $\varepsilon \leq 0.05$. Tổ chất thể lực cả 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng trước thực nghiệm đều khá tương đồng ở cả trẻ nam và trẻ nữ sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P > 0.05$.

Hệ số biến thiên (C_v), tham số phản ánh độ biến thiên dao động giữa các cá thể trong tập hợp mẫu ở phần lớn các test ở các độ tuổi cho thấy đa phần các chỉ số có độ đồng nhất trung bình ($11\% < C_v < 20\%$) đồng nghĩa với độ phân tán giữa các cá thể nghiên cứu ở mức trung bình do có sự chênh lệch về tháng tuổi và điều kiện địa phương nghiên cứu.

Như vậy, thể lực của trẻ nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng không có sự khác biệt đáng kể (giá trị $t_{\text{tính}} < t_{05} = 1.968$ với $P > 0.05$), hay nói cách khác thể lực trước thực nghiệm của trẻ hai nhóm là tương đương nhau.

Bảng 3.32. Kết quả so sánh thể lực của trẻ 4-5 tuổi ở nhóm TN và nhóm ĐC tại Thành phố Hồ Chí Minh trước thực nghiệm

TT	Test	Khách thể	$\bar{X}$	S	ε	C_v	t	P
Nhóm (n=800)								
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	Nhóm TN (n=400)	4.08	0.41	0.01	10.02	0.7	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	4.15	0.42	0.01	10.07		
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	Nhóm TN (n=400)	54.48	11.21	0.02	20.58	0.66	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	53.94	11.66	0.02	21.61		
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	Nhóm TN (n=400)	16.23	2.75	0.02	16.96	0.25	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	16.27	2.58	0.02	15.83		
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	Nhóm TN (n=400)	2.46	0.49	0.02	19.05	1.91	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	2.53	0.49	0.02	19.53		
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	Nhóm TN (n=400)	7.06	1.17	0.02	16.55	1.13	>0.05
		Nhóm ĐC (n=400)	6.96	1.16	0.02	16.69		
Trẻ nam (n=410)								
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	Nhóm TN (n=204)	3.94	0.34	0.01	8.55	0.22	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	3.95	0.30	0.01	7.63		
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	Nhóm TN (n=204)	56.18	11.47	0.03	20.42	1.81	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	54.04	12.36	0.03	22.87		
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	Nhóm TN (n=204)	16.08	3.23	0.03	20.11	0.8	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	16.31	2.5	0.02	15.32		
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	Nhóm TN (n=204)	2.38	0.5	0.03	21.08	1.49	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	2.46	0.53	0.03	21.55		
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	Nhóm TN (n=204)	7.51	1.01	0.02	13.5	1.62	>0.05
		Nhóm ĐC (n=206)	7.35	1.06	0.02	14.46		
Trẻ nữ (n=390)								
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	Nhóm TN (n=196)	4.32	0.42	0.01	9.74	0.93	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	4.36	0.42	0.01	9.67		
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	Nhóm TN (n=196)	52.71	10.69	0.03	20.27	1.03	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	53.84	10.89	0.03	20.24		
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	Nhóm TN (n=196)	16.38	2.14	0.02	13.04	0.57	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	16.24	2.66	0.02	16.4		
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	Nhóm TN (n=196)	2.54	0.42	0.02	16.43	1.25	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	2.59	0.44	0.02	17.01		
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	Nhóm TN (n=196)	6.58	1.13	0.02	17.17	0.22	>0.05
		Nhóm ĐC (n=194)	6.56	1.13	0.02	17.20		

3.3.3. Tổ chức và giám sát quá trình thực nghiệm

3.3.3.1. Điều kiện thực nghiệm

Luận án thực nghiệm trong điều kiện tự nhiên tại trường mầm non. Giáo viên, số trẻ trong nhóm lớp và địa điểm tổ chức không thay đổi.

3.3.3.2. Tổ chức thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành theo các bước:

Bước 1: Xác định khách thể thực nghiệm của nhóm TN và nhóm ĐC

Bước 2: Thống nhất về mục đích, nội dung, thời gian, địa điểm TN

Bước 3: Tập huấn, bồi dưỡng giáo viên tham gia TN (phụ lục 28)

Bước 4: Chuẩn bị cơ sở vật chất: đồ dùng, đồ chơi và các trang thiết bị phục vụ.

Bước 5: Theo dõi quá trình thực nghiệm: quan sát, ghi chép, đo đạc.

Bước 6: Xử lý và phân tích kết quả thực nghiệm, rút ra kết luận khoa học.

3.3.3.3. Hình thức và thời gian thực nghiệm: (phụ lục 8, 9)

- Hình thức thực nghiệm: phương pháp thực nghiệm so sánh song song

+ Nhóm thực nghiệm: GV tổ chức giờ hoạt động chơi ngoài trời và hoạt động giáo dục thể chất theo kế hoạch, chương trình đã thống nhất. Quá trình tổ chức thực nghiệm có sự tham gia của tác giả để quan sát, đánh giá.

+ Nhóm đối chứng: thực hiện theo kế hoạch chung của trường mầm non.

- Thời gian thực nghiệm: tiến hành từ tháng 09/2022 đến tháng 5/2023.

3.3.3.4. Tập huấn giáo viên

Căn cứ vào điều kiện thực tế, luận án tiến hành hướng dẫn GVMN dạy tại các nhóm TN các TCVD mà luận án đã xây dựng và cách thức áp dụng vào các hoạt động giáo dục dựa trên kế hoạch chung tại các trường MN. Các TCVD chủ yếu được lồng ghép vào các giờ hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động vui chơi ngoài trời. Chương trình và tiến trình thực nghiệm cụ thể được luận án trình bày tại phụ lục 8 và phụ lục 9.

Đối tượng: GVMN đang công tác tại trường mầm non có trình độ chuyên môn tương đương nhau, có kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng trong tổ chức hoạt động TCVD cho trẻ 4 – 5 tuổi.

Nội dung tập huấn:

- Phát tài liệu để GV nghiên cứu thực hiện.

- Thống nhất mục tiêu và nội dung thực nghiệm; thống nhất cách thức tổ chức thực nghiệm; thống nhất về việc lập kế hoạch thực nghiệm.

3.3.4. Kiểm định, đánh giá sau thực nghiệm

3.3.4.1. Đánh giá tác động của trò chơi vận động đã lựa chọn đến kỹ năng vận động cơ bản của trẻ 4 – 5 tuổi sau thực nghiệm

a) Nhóm thực nghiệm sau TN

Để đánh giá sự tác động các TCVD đã lựa chọn luận án tiến hành so sánh kết quả các thang đo đánh giá KNVĐCB của khách thể ở lần kiểm tra ban đầu và sau 1 năm học của trẻ 4 – 5 tuổi có ảnh hưởng đến quá trình học tập, rèn luyện. Kết quả được trình bày như sau:

Bảng 3.33. So sánh về KNVĐCB ở nhóm TN sau thực nghiệm (n=400)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	6.28	1.09	5.61	1.11	0.67	0.30	.000	< 0.05	11.27
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	6.26	1.14	5.65	1.15	0.61	0.27	.000	< 0.05	10.24
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	6.77	1.07	6.08	1.10	0.69	0.27	.000	< 0.05	10.74
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.92	1.60	14.10	1.60	0.82	0.29	.000	< 0.05	5.65
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	54.48	11.21	64.29	11.65	9.81	3.63	.000	< 0.05	16.52
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	216.39	43.70	237.27	44.54	20.88	21.81	.000	< 0.05	9.21

Nhận xét: Kỹ năng vận động cơ bản ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện thành tích ở cả 6 test đều tăng 0.61 – 20.81 và giá trị Sig. kiểm định t bằng 0.000 < 0.05 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là đều tăng 5.65% – 16.52%. Chứng tỏ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị của KNVĐCB trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian TN.

Bảng 3.34. So sánh về KNVĐCB trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN (n=204)

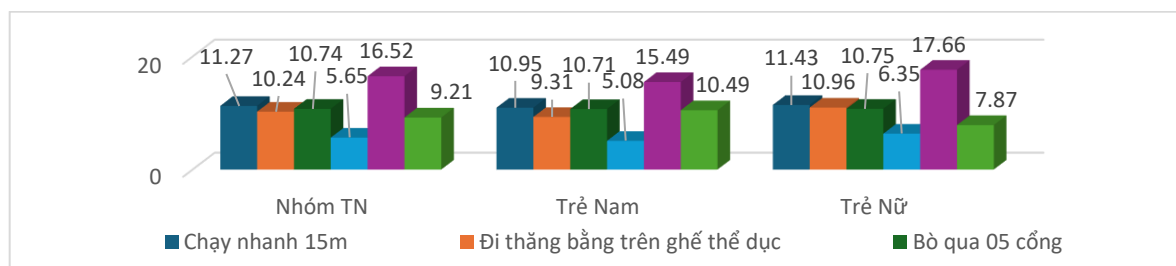
TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	6.26	1.13	5.61	1.14	0.65	0.31	.000	< 0.05	10.95
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	6.07	0.90	5.53	0.92	0.54	0.28	.000	< 0.05	9.31
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	6.69	0.97	6.01	1.00	0.68	0.28	.000	< 0.05	10.71
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.74	1.77	14.01	1.76	0.73	0.27	.000	< 0.05	5.08
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	56.18	11.47	65.61	11.88	9.43	3.47	.000	< 0.05	15.49
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	215.20	45.03	239.02	47.31	23.82	21.73	.000	< 0.05	10.49

Nhận xét: Kỹ năng vận động cơ bản ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện thành tích cả 6 test đều tăng 0.54 – 23.82 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trẻ nam trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là đều tăng 5.08% – 15.49%. Chứng tỏ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị của KNVĐCB trẻ nam 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian TN.

Bảng 3.35. So sánh về KNVĐCB trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN (n=196)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	6.29	1.05	5.61	1.08	0.68	0.29	.000	< 0.05	11.43
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	6.45	1.31	5.78	1.34	0.67	0.25	.000	< 0.05	10.96
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	6.86	1.17	6.16	1.18	0.70	0.26	.000	< 0.05	10.75
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	15.11	1.40	14.18	1.41	0.93	0.28	.000	< 0.05	6.35
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	52.71	10.69	62.92	11.27	10.21	3.76	.000	< 0.05	17.66
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	217.62	42.36	235.45	41.51	17.83	21.52	.000	< 0.05	7.87

Nhận xét: Kỹ năng vận động cơ bản ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện thành tích cả 6 test đều tăng 0.67 – 17.83 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trẻ nữ trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là đều tăng 6.35% – 17.66%. Chứng tỏ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị của KNVĐCB trẻ nữ 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian TN.



Biểu đồ 3.2. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm

Qua các bảng 3.33, 3.34, 3.35 và biểu đồ 3.2 cho thấy sau thực nghiệm 6 test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm đều tăng lên, có sự cải thiện đáng kể thành tích. Điều này chứng tỏ 26 TCVD được lựa chọn thử nghiệm đã chứng minh có tác động đến sự phát triển KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi.

b) Nhóm đối chứng sau TN

Sau 1 năm học tập luyện theo chương trình của trường, KNVĐCB của nhóm đối chứng được thể hiện như sau:

Bảng 3.36. So sánh về KNVĐCB ở nhóm ĐC sau thực nghiệm (n=400)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	6.32	1.24	6.02	1.18	0,30	0.30	.000	< 0.05	4.86
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	6.31	1.17	6.06	1.12	0,25	0.29	.000	< 0.05	4.04
3.	Bò qua 05 công (giây)	6.85	1.09	6.57	1.06	0,28	0.30	.000	< 0.05	4.17
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.79	1.70	14.66	1.71	0,13	0.34	.000	< 0.05	0.88
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	53.95	11.66	56.89	12.09	2,94	2.94	.000	< 0.05	5.30
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	220.28	47.68	228.11	47.53	7,83	7.83	.000	< 0.05	3.49

Nhận xét: Kỹ năng vận động cơ bản ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện thành tích, thay đổi nhẹ cả 6 test tăng 0.13 – 7.62 và giá trị Sig. kiểm định t bằng 0.000 < 0.05 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là tăng nhẹ 0.88% – 5.30%.

Bảng 3.37. So sánh về KNVĐCB trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN (n=206)

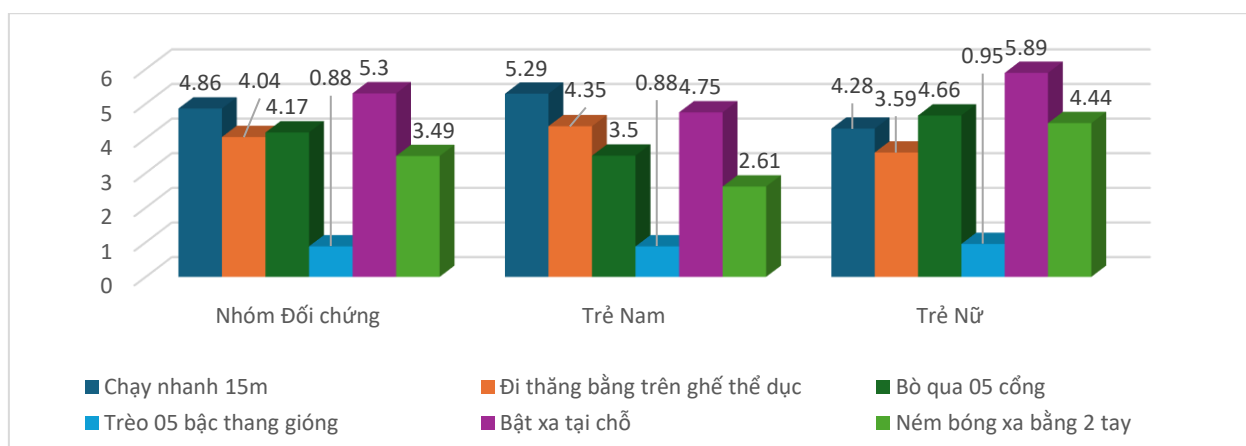
TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	6.21	1.20	5.89	1.17	0,32	0.31	.000	< 0.05	5,29
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	6.11	1.01	5.85	1.02	0,26	0.26	.000	< 0.05	4,35
3.	Bò qua 05 công (giây)	6.68	0.96	6.45	0.95	0,23	0.23	.000	< 0.05	3,50
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.78	1.81	14.65	1.81	0,13	0.13	.000	< 0.05	0,88
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	54.04	12.34	56.67	12.66	2,63	2.63	.000	< 0.05	4,75
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	222.89	46.89	228.79	46.93	5,90	5.90	.000	< 0.05	2,61

Nhận xét: Kỹ năng vận động cơ bản trẻ nam ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện thành tích, thay đổi nhẹ cả 6 test tăng 0.13 – 5.90 và giá trị Sig. kiểm định t bằng 0.000 < 0.05 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là tăng nhẹ 0.88% – 5.29%.

Bảng 3.38. So sánh về KNVĐCB trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN (n=194)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S _d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S _{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S _{STN}					
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	6.44	1.27	6.17	1.18	0,27	0.31	.000	< 0.05	4.28
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	6.52	1.29	6.29	1.19	0,23	0.24	.000	< 0.05	3.59
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	7.03	1.20	6.71	1.15	0,32	0.37	.000	< 0.05	4.66
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.81	1.58	14.67	1.61	0,14	0.46	.000	< 0.05	0.95
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	53.84	10.90	57.11	11.49	-3,27	2.62	.000	< 0.05	5.89
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	217.51	48.46	227.39	48.26	-9,88	12.66	.000	< 0.05	4.44

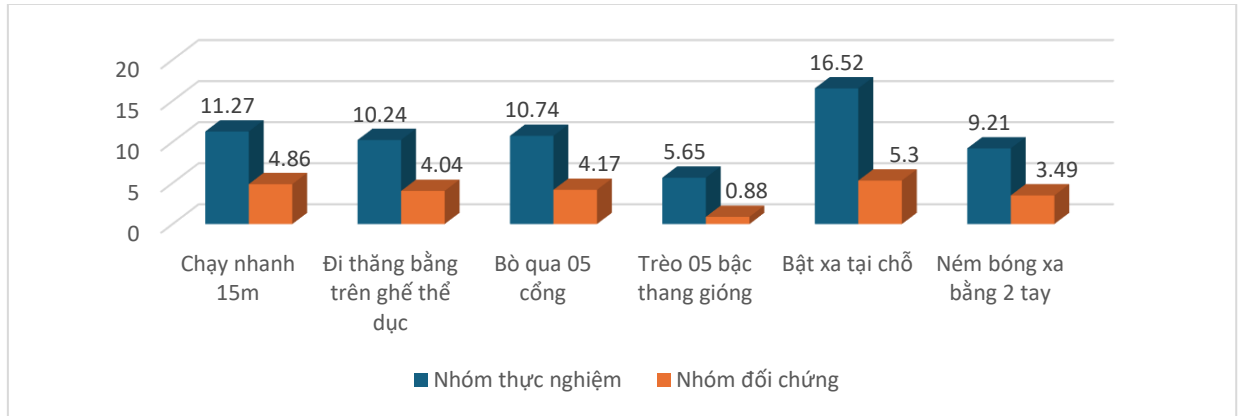
Nhận xét: Kỹ năng vận động cơ bản trẻ nữ ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện thành tích, thay đổi nhẹ cả 6 test tăng 0.14 – 9.88 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là tăng nhẹ 0.95% – 5.89%.

**Biểu đồ 3.3. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi nhóm ĐC sau thực nghiệm**

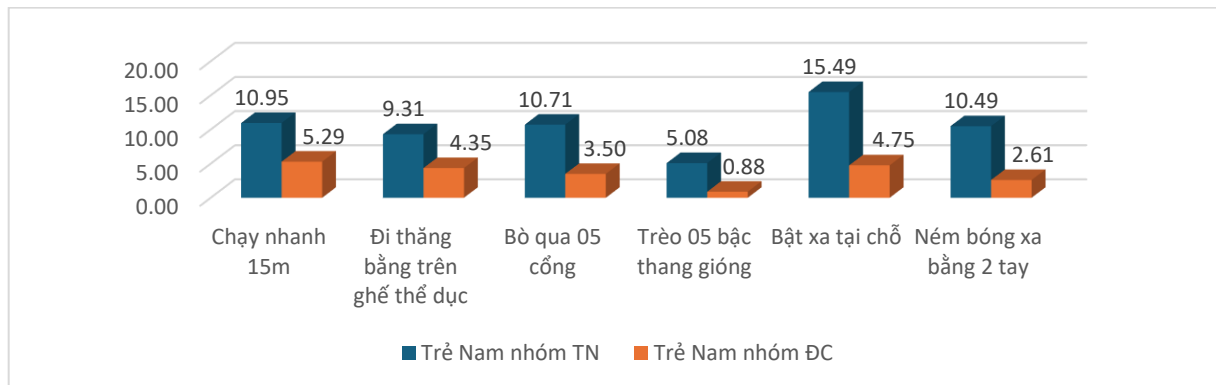
Qua các bảng 3.36, 3.37, 3.38 và biểu đồ 3.3 cho thấy sau thực nghiệm 6 test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm đối chứng có sự tăng tiến nhưng rất ít, sự tăng tiến một cách tự nhiên và trong quá trình học tập theo chương trình của nhà trường trẻ cũng đã tích lũy được kinh nghiệm nhất định.

c) So sánh nhịp tăng trưởng kỹ năng vận động cơ bản của 2 nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau một năm học

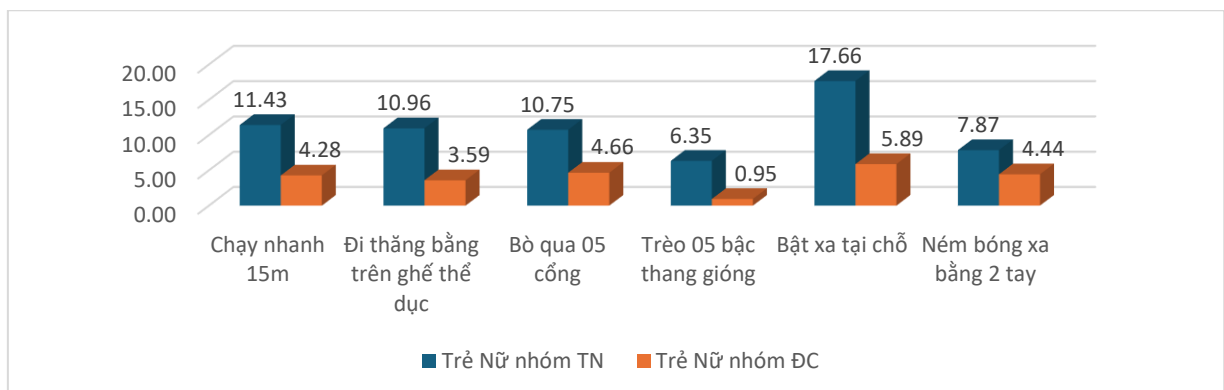
Để khẳng định rõ hơn sự tác động các TCVD đến sự phát triển KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi, luận án so sánh nhịp tăng trưởng các test đánh giá KNVĐCB của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm như sau:



Biểu đồ 3.4. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích KNVĐCB của trẻ 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm



Biểu đồ 3.5. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích KNVĐCB trẻ Nam 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm



Biểu đồ 3.6. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích KNVĐCB trẻ Nữ 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm

Qua các biểu đồ 3.4, 3.5 và 3.6 cho thấy nhịp tăng trưởng thành tích KNVĐCB: Chạy nhanh 15m (giây), Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây), Bò qua 05 cổng (giây), Trèo 05 bậc thang giống (giây), Bật xa tại chỗ (cm) và Ném bóng xa bằng 2 tay (cm) của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng ($W_{TN} > W_{ĐC}$). Như vậy, sau một năm học tập các TCVD luận án đã lựa chọn thì các test đánh giá KNVĐCB của nhóm thực nghiệm tốt hơn nhóm đối chứng.

3.3.4.2. Đánh giá tác động của trò chơi vận động đã lựa chọn đến kỹ năng xã hội của trẻ 4 – 5 tuổi sau thực nghiệm

a) Nhóm thực nghiệm sau TN

Để đánh giá sự tác động các TCVD đã lựa chọn, luận án tiến hành so sánh kết quả các thang đo đánh giá KNXH của khách thể ở lần kiểm tra ban đầu và sau 1 năm học của trẻ 4 – 5 tuổi có ảnh hưởng đến quá trình học tập, rèn luyện. Kết quả được trình bày như sau:

Bảng 3.39. So sánh về KNXH ở nhóm TN sau thực nghiệm (n=400)

TT	Thang đo	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}				
1.	Kỹ năng tương tác xã hội	2.68	0.38	4.05	0.74	1.37	0.84	.000	< 0.05
2.	Kỹ năng tuân theo nội quy	2.72	0.36	3.76	0.64	1.05	0.73	.000	< 0.05
3.	Kỹ năng giao tiếp	2.65	0.31	3.47	0.76	0.81	0.81	.000	< 0.05
4.	Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội	2.64	0.22	3.96	0.69	1.32	0.73	.000	< 0.05
5.	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2.65	0.24	3.18	0.69	0.53	0.74	.000	< 0.05

Nhận xét: Kỹ năng xã hội ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện cả 5 tiêu chí đánh giá tăng từ 0.53 – 1.37 điểm và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Tăng nhiều nhất là Kỹ năng tương tác xã hội từ 2.68 điểm lên 4.05 điểm (tăng 1.37 điểm). Chứng tỏ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị của KNXH trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian thực nghiệm.

Bảng 3.40. So sánh về KNXH của trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN (n=204)

TT	Thang đo	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}				
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	2.81	0.39	4.01	0.72	1.20	0.83	.000	< 0.05
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	2.73	0.35	3.75	0.59	1.02	0.68	.000	< 0.05
3.	Kĩ năng giao tiếp	2.70	0.31	3.52	0.69	0.82	0.73	.000	< 0.05
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	2.66	0.24	3.89	0.76	1.23	0.79	.000	< 0.05
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	2.66	0.24	3.22	0.68	0.56	0.73	.000	< 0.05

Nhận xét: Kĩ năng xã hội của trẻ nam ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện cả 5 tiêu chí đánh giá tăng từ 0.56 – 1.23 điểm và giá trị Sig. kiểm định t bằng 0.000 < 0.05 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Tăng nhiều nhất là Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội từ 2.66 điểm lên 3.89 điểm (tăng 1.23 điểm). Chứng tỏ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị của KNXH trẻ nam 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian thực nghiệm.

Bảng 3.41. So sánh về KNXH của trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN (n=196)

TT	Thang đo	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}				
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	2.68	0.40	4.08	0.75	1.40	0.87	.000	< 0.05
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	2.70	0.37	3.78	0.69	1.08	0.78	.000	< 0.05
3.	Kĩ năng giao tiếp	2.60	0.30	3.41	0.83	0.81	0.88	.000	< 0.05
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	2.61	0.20	4.02	0.60	1.41	0.64	.000	< 0.05
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	2.65	0.24	3.14	0.69	0.49	0.74	.000	< 0.05

Nhận xét: Kĩ năng xã hội của trẻ nữ ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện cả 5 tiêu chí đánh giá tăng từ 0.49 – 1.41 điểm và giá trị Sig. kiểm định t bằng 0.000 < 0.05 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Tăng nhiều nhất là Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội từ 2.61 điểm lên 4.02 điểm (tăng 1.41 điểm). Chứng

tổ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị của KNXH trẻ nữ 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian thực nghiệm.

Qua các bảng 3.39, 3.40 và 3.41 cho thấy sau thực nghiệm 5 tiêu chí đánh giá KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm đều tăng lên. Điều này chứng tỏ 26 TCVD được lựa chọn thử nghiệm đã chứng minh có tác động đến sự phát triển KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi.

b) Nhóm đối chứng sau TN

Sau 1 năm học tập luyện theo chương trình của trường, KNXH của nhóm đối chứng được thể hiện như sau:

Bảng 3.42. So sánh về KNXH ở nhóm ĐC sau thực nghiệm (n=400)

TT	Thang đo	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}				
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	2.69	0.38	2.83	0.34	0.14	0.47	.000	< 0.05
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	2.71	0.34	3.04	0.43	0.33	0.27	.000	< 0.05
3.	Kĩ năng giao tiếp	2.63	0.31	2.91	0.36	0.28	0.48	.000	< 0.05
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	2.63	0.20	2.87	0.38	0.24	0.44	.000	< 0.05
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	2.64	0.24	2.94	0.4	0.30	0.46	.000	< 0.05

Nhận xét: Kĩ năng xã hội ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện, thay đổi nhẹ cả 5 tiêu chí đánh giá tăng 0.14 – 0.33 điểm và giá trị Sig. kiểm định t bằng < 0.05 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$.

Bảng 3.43. So sánh về KNXH của trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN (n=206)

TT	Thang đo	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}				
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	2.75	0.36	2.86	0.33	0.11	0.44	.000	< 0.05
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	2.72	0.34	3.07	0.44	0.35	0.55	.000	< 0.05
3.	Kĩ năng giao tiếp	2.64	0.32	2.95	0.36	0.31	0.48	.000	< 0.05
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	2.63	0.22	2.88	0.37	0.25	0.46	.000	< 0.05
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	2.64	0.26	2.98	0.43	0.34	0.50	.000	< 0.05

Nhận xét: Kĩ năng xã hội của trẻ nam ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện, thay đổi nhẹ cả 5 tiêu chí đánh giá tăng 0.11 – 0.35 điểm và giá trị Sig. kiểm định

t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$.

Bảng 3.44. So sánh về KNXH của trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN (n=194)

TT	Thang đo	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}				
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	2.62	0.39	2.79	0.34	0.17	0.50	.000	< 0.05
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	2.71	0.34	2.99	0.41	0.28	0.52	.000	< 0.05
3.	Kĩ năng giao tiếp	2.62	0.31	2.86	0.35	0.24	0.49	.000	< 0.05
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	2.62	0.19	2.87	0.39	0.25	0.43	.000	< 0.05
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	2.63	0.22	2.90	0.36	0.27	0.41	.000	< 0.05

Nhận xét: Kĩ năng xã hội của trẻ nữ ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện, thay đổi nhẹ cả 5 tiêu chí đánh giá tăng 0.17 – 0.28 điểm và giá trị Sig. kiểm định t bằng < 0.05 có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$.

Qua các bảng 3.42, 3.43 và 3.44 cho thấy sau thực nghiệm 5 tiêu chí đánh giá KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm đối chứng có sự tăng tiến nhưng rất ít, sự tăng tiến một cách tự nhiên và trong quá trình học tập theo chương trình của nhà trường trẻ cũng đã tích lũy được kinh nghiệm nhất định.

3.3.4.3. Đánh giá tác động của trò chơi vận động đã lựa chọn đến thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi sau thực nghiệm

a) Nhóm thực nghiệm sau TN

Để đánh giá sự tác động các TCVD đã lựa chọn, luận án tiến hành so sánh kết quả các test đánh giá thể lực của khách thể ở lần kiểm tra ban đầu và sau một năm học của trẻ 4 – 5 tuổi có ảnh hưởng đến quá trình học tập, rèn luyện. Kết quả được trình bày như sau:

Bảng 3.45. So sánh về thể lực trẻ mầm non 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau TN (n=400)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	4.13	0.42	3.39	0.39	0.74	0.14	.000	< 0.05	19.68
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	54.48	11.21	64.29	11.65	9.81	3.63	.000	< 0.05	16.52
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.23	2.75	23.92	3.08	7.69	1.60	.000	< 0.05	38.31
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.46	0.47	2.73	0.51	0.27	0.12	.000	< 0.05	10.40
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	7.06	1.17	7.82	1.11	0.76	0.40	.000	< 0.05	10.22

Nhận xét: Thành tích của 5 test thể lực ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện đáng kể, các test đều tăng 0.27 – 9.81 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là đều tăng 10.22% – 38.31%. Chứng tỏ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị trung bình của thể lực trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian thực nghiệm.

Bảng 3.46. So sánh về thể lực trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN (n=204)

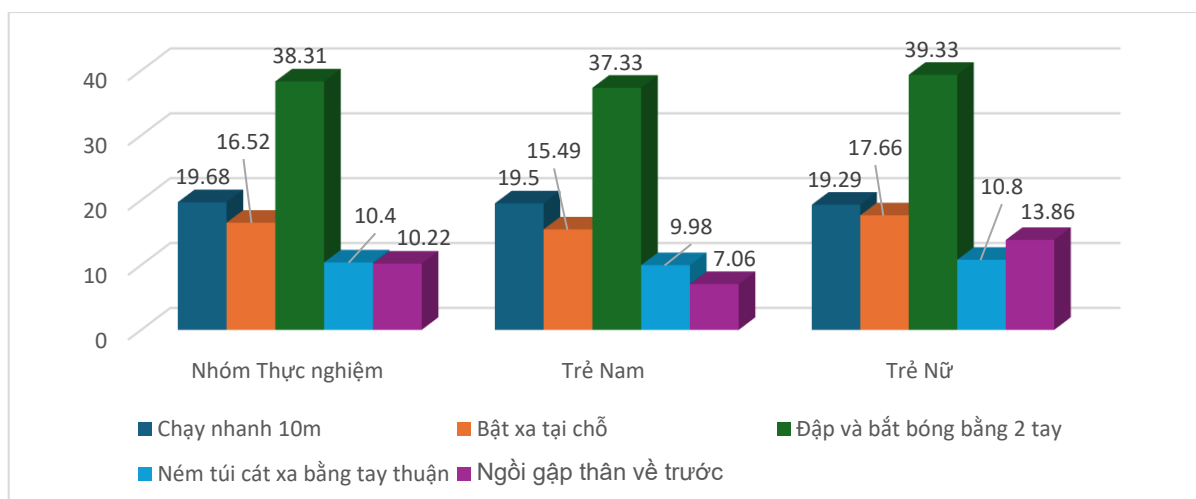
TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	3.94	0.34	3.24	0.35	0.70	0.15	.000	< 0.05	19.50
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	56.18	11.47	65.61	11.88	9.43	3.47	.000	< 0.05	15.49
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.08	3.23	23.46	2.97	7.38	1.61	.000	< 0.05	37.33
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.38	0.50	2.63	0.54	0.25	0.12	.000	< 0.05	9.98
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	7.51	1.01	8.06	0.95	0.55	0.26	.000	< 0.05	7.06

Nhận xét: Thành tích của 5 test thể lực trẻ nam ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện đáng kể, các test đều tăng 0.25 – 9.43 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là đều tăng 9.98% – 37.33%. Chứng tỏ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị trung bình của thể lực trẻ nam 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian thực nghiệm.

Bảng 3.47. So sánh về thể lực trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm TN sau TN (n=196)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	4.32	0.42	3.56	0.36	0.76	0.14	.000	< 0.05	19.29
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	52.71	10.69	62.92	11.27	10.21	3.76	.000	< 0.05	17.66
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.38	2.14	24.40	3.12	8.02	1.53	.000	< 0.05	39.33
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.54	0.42	2.83	0.45	0.29	0.12	.000	< 0.05	10.80
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	6.58	1.13	7.56	1.20	0.98	0.41	.000	< 0.05	13.86

Nhận xét: Thành tích của 5 test thể lực trẻ nữ ở nhóm TN sau thực nghiệm có sự cải thiện đáng kể, các test đều tăng 0.29 – 10.21 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê và có sự tương quan với nhau giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm TN ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là đều tăng 10.80% – 39.33%. Chứng tỏ các TCVD đã có sự tác động làm thay đổi các giá trị trung bình của thể lực trẻ nữ 4 – 5 tuổi ở nhóm TN sau thời gian thực nghiệm.



Biểu đồ 3.7. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích thể lực trẻ mầm non 4-5 tuổi nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm

Qua các bảng 3.45, 3.46, 3.47 và biểu đồ 3.7 cho thấy sau thực nghiệm cả 5 test thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm đều tăng lên, có sự cải thiện đáng kể thành tích. Điều này chứng tỏ 26 TCVD được lựa chọn thử nghiệm đã chứng minh có tác động đến sự phát triển thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi.

b) Nhóm đối chứng sau TN

Sau 1 năm học tập luyện theo chương trình của trường, thể lực của nhóm đối chứng được thể hiện như sau:

Bảng 3.48. So sánh về thể lực ở nhóm ĐC sau thực nghiệm (n=400)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	4.14	0.42	3.83	0.47	0.31	0.15	.000	< 0.05	7.78
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	53.95	11.66	56.89	12.09	2.94	2.94	.000	< 0.05	5.30
3.	Đạp và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.28	2.58	19.35	3.37	3.07	3.16	.000	< 0.05	17.23
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.53	0.49	2.65	0.46	0.12	0.96	.000	< 0.05	4.63
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	6.96	1.16	7.18	1.17	0.22	0.23	.000	< 0.05	3.11

Nhận xét: Thành tích thể lực ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện, thay đổi nhẹ, tăng 0.12 – 3.07 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là tăng nhẹ 3.11% – 17.23%.

Bảng 3.49. So sánh về thể lực trẻ nam 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau TN (n=206)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	3.95	0.30	3.62	0.29	0.33	0.09	.000	< 0.05	8.72
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	54.04	12.36	56.67	12.66	2.63	3.18	.000	< 0.05	4.75
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.31	2.50	19.28	3.07	2.97	1.05	.000	< 0.05	16.69
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.46	0.53	2.60	0.48	0.14	0.10	.000	< 0.05	5.53
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	7.35	1.06	7.59	1.03	0.24	0.25	.000	< 0.05	3.21

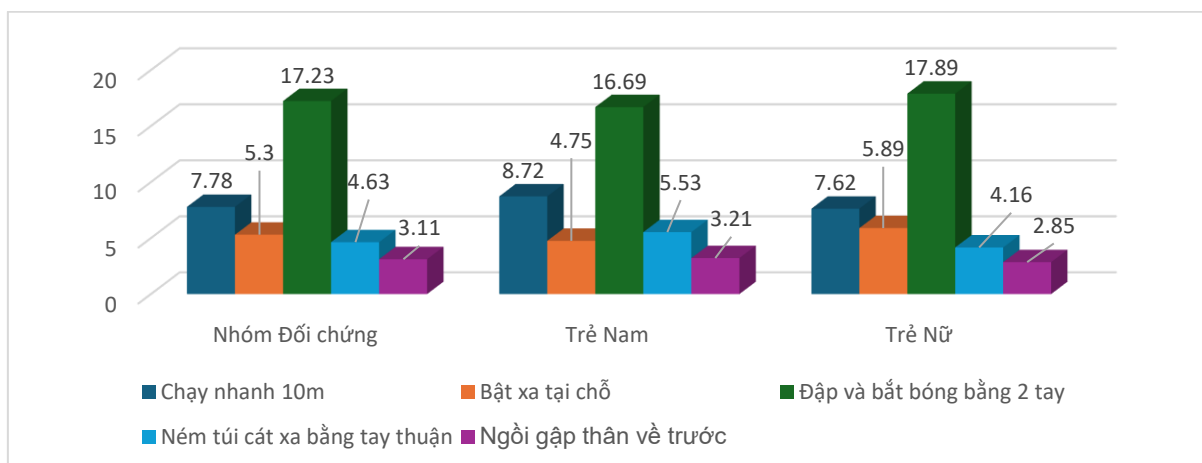
Nhận xét: Thành tích thể lực trẻ nam ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện, thay đổi nhẹ, tăng 0.14 – 2.97 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là tăng nhẹ 3.21% – 16.69%.

Bảng 3.50. So sánh về thể lực trẻ nữ 4-5 tuổi ở nhóm ĐC sau thực nghiệm (n=194)

TT	Test	Trước TN		Sau TN		d	S_d	Sig.	P	W
		$\bar{X}_{TTN}$	S_{TTN}	$\bar{X}_{STN}$	S_{STN}					
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	4.36	0.42	4.04	0.53	0.32	0.19	.000	< 0.05	7.62
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	53.84	10.90	57.11	11.49	3.37	2.62	.000	< 0.05	5.89
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	16.24	2.66	19.43	3.66	3.19	4.41	.000	< 0.05	17.89
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.59	0.44	2.70	0.44	0.11	0.08	.000	< 0.05	4.16
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	6.56	1.13	6.75	1.17	0.19	0.21	.000	< 0.05	2.85

Nhận xét: Thành tích thể lực trẻ nữ ở nhóm ĐC sau thực nghiệm có sự cải thiện, thay đổi nhẹ cả 6 tiêu chí đánh giá tăng 0.08 – 4.41 và giá trị Sig. kiểm định t bằng $0.000 < 0.05$ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa trước thực nghiệm và sau thực

nghiệm của nhóm ĐC ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Nhịp tăng trưởng là tăng nhẹ 2.85% – 17.89%.

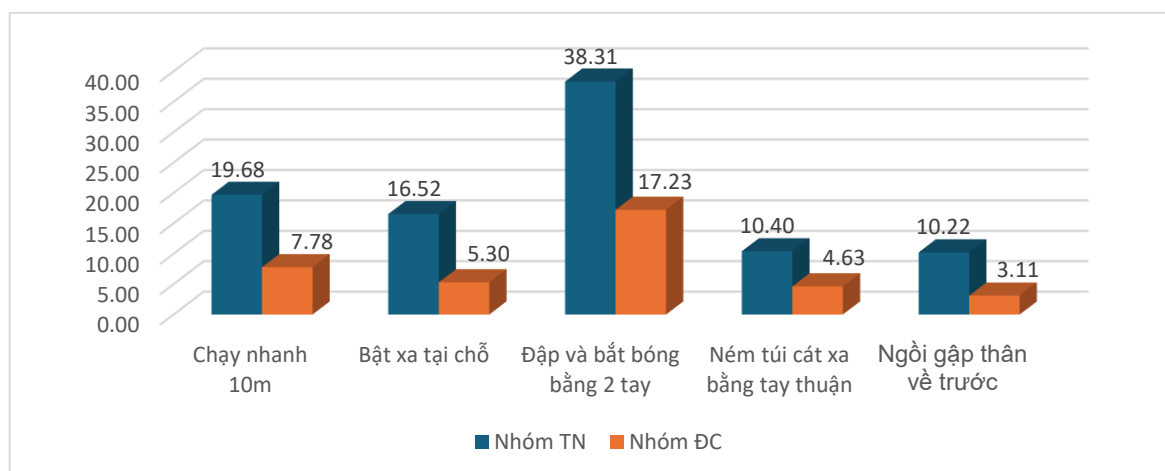


Biểu đồ 3.8. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích thể lực trẻ 4-5 tuổi nhóm đối chứng sau thực nghiệm

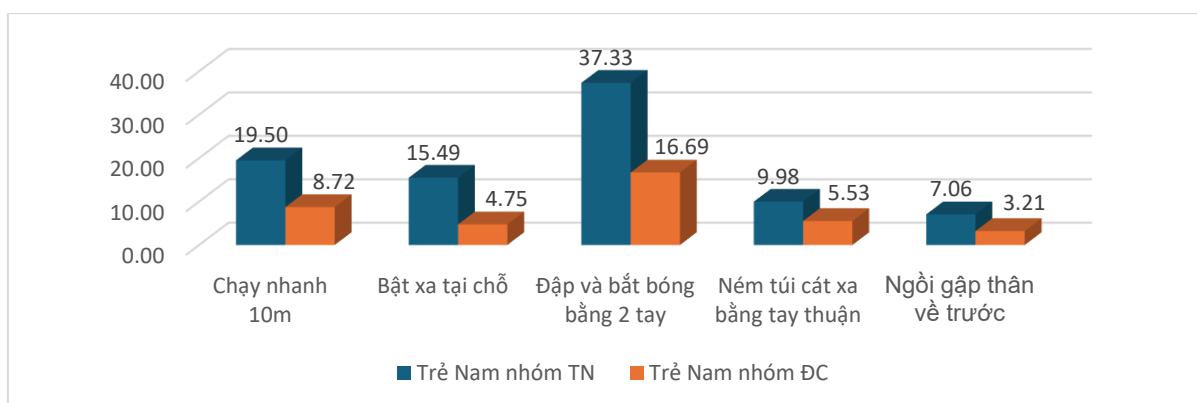
Qua các bảng 3.48, 3.49, 3.50 và biểu đồ 3.8 cho thấy sau thực nghiệm trình độ thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm đối chứng có sự tăng tiến nhưng rất ít, sự tăng tiến một cách tự nhiên và trong quá trình học tập theo chương trình của nhà trường, trẻ cũng đã tích lũy được kinh nghiệm nhất định.

c) So sánh nhịp tăng trưởng thể lực của 2 nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau một năm học

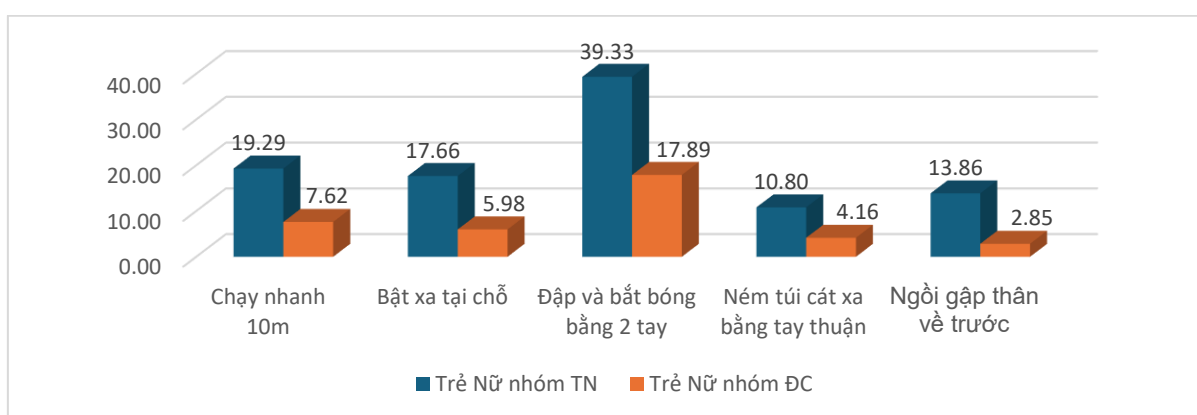
Để khẳng định rõ hơn sự tác động các TCVD đến sự phát triển thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi, luận án so sánh nhịp độ tăng trưởng các test đánh giá thể lực của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm như sau:



Biểu đồ 3.9. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích thể lực giữa trẻ 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm



Biểu đồ 3.10. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích thể lực giữa trẻ Nam 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm



Biểu đồ 3.11. So sánh nhịp tăng trưởng thành tích thể lực giữa trẻ Nữ 4-5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm

Qua các biểu đồ 3.9, 3.10 và 3.11 cho thấy nhịp tăng trưởng thể lực: Chạy nhanh 10m (giây), Bật xa tại chỗ (cm), Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút), Ném túi cát xa bằng tay thuận (m) và Ngồi gập thân về trước (cm) của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng ($W_{TN} > W_{ĐC}$). Như vậy, sau một năm học tập các TCVD luận án đã lựa chọn thì thể lực của nhóm thực nghiệm tốt hơn nhóm đối chứng.

3.3.5. So sánh và phân tích kết quả và rút ra kết luận

3.3.5.1. Kiểm định hiệu quả của trò chơi vận động đã lựa chọn đến kỹ năng vận động cơ bản của trẻ 4 – 5 tuổi sau thực nghiệm

Để chứng minh hiệu quả các TCVD đã được lựa chọn trong việc phát triển KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh sau thực nghiệm. Luận án tiến hành kiểm định giá trị trung bình các test đánh giá KNVĐCB ở nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm. Kết quả thể hiện như sau:

Bảng 3.51. So sánh giá trị trung bình KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm

Nhóm (n=800)								
TT	Test	Nhóm TN (n=400)		Nhóm ĐC (n=400)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	5.61	1.11	6.02	1.18	0.236	.000	< 0.05
2.	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây)	5.65	1.15	6.06	1.12	0.833	.000	< 0.05
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	6.08	1.1	6.57	1.06	0.302	.000	< 0.05
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.1	1.6	14.66	1.71	0.007	.000	< 0.05
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	64.29	11.65	56.89	12.09	0.576	.000	< 0.05
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	237.27	44.54	228.11	47.53	0.331	.005	< 0.05
Trẻ nam (n=410)								
TT	Test	Nhóm TN (n=204)		Nhóm ĐC (n=206)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	5.61	1.14	5.89	1.17	0.868	.014	< 0.05
2.	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây)	5.53	0.92	5.85	1.02	0.094	.001	< 0.05
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	6.01	1.00	6.45	0.95	0.185	.009	< 0.05
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.01	1.76	14.65	1.81	0.630	.000	< 0.05
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	65.61	11.88	56.67	12.66	0.734	.000	< 0.05
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	239.02	47.31	228.79	46.93	0.496	.028	< 0.05
Trẻ nữ (n=390)								
TT	Test	Nhóm TN (n=196)		Nhóm ĐC (n=194)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	5.61	1.08	6.17	1.18	0.071	.000	< 0.05
2.	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (giây)	5.78	1.34	6.29	1.19	0.124	.000	< 0.05
3.	Bò qua 05 cổng (giây)	6.16	1.18	6.71	1.15	0.798	.000	< 0.05
4.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	14.18	1.41	14.67	1.61	0.000	.001	< 0.05
5.	Bật xa tại chỗ (cm)	62.92	11.27	57.11	11.49	0.729	.000	< 0.05
6.	Ném bóng xa bằng 2 tay (cm)	235.45	41.51	227.39	48.26	0.029	.078	> 0.05

Nhận xét: Bảng 3.51 cho thấy, giá trị trung bình các test đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng như sau:

- Test Chạy nhanh 15m (giây): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F > 0.05 không có sự khác biệt về phương sai giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Test Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch,, với Sig. F > 0.05 không có sự khác biệt về phương sai giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Với Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Test Bò qua 05 cổng (giây): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F > 0.05 điều đó chứng tỏ: không có sự khác biệt về phương sai giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Với Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Test Trèo 05 bậc thang giống (giây): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, trong đó có sự khác biệt về phương sai giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng (Sig. F = 0.007 < 0.05), giữa trẻ nữ nhóm TN và nhóm ĐC (Sig. F = 0.000 < 0.05); mặt khác không có sự khác biệt về phương sai giữa trẻ nam nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng (Sig. F = 0.630 > 0.05). Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Test Bật xa tại chỗ (cm): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F > 0.05 điều đó chứng tỏ: không có sự khác biệt về phương sai giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Với Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Test Ném bóng xa bằng 2 tay (cm): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F > 0.05 điều đó chứng tỏ: không có sự khác biệt về phương sai giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng; Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05. Riêng Sig. t > 0.05 không có ý

nghĩa thống kê, không có sự khác biệt giá trị trung bình giữa trẻ nữ nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất $P > 0.05$.

Tóm lại: Sau 1 năm thực nghiệm giá trị trung bình các KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC, giữa trẻ nam, trẻ nữ ở 2 nhóm sau thực nghiệm có sự khác biệt và có ý nghĩa thống kê Sig. $t < 0.05$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Như vậy 26 TCVĐ ứng dụng trong chương trình thực nghiệm mang lại kết quả thay đổi theo hướng phát triển KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3.5.2. Kiểm định hiệu quả của trò chơi vận động đã lựa chọn đến kỹ năng xã hội của trẻ 4 – 5 tuổi sau thực nghiệm

Để chứng minh hiệu quả các TCVĐ đã được lựa chọn trong việc phát triển KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh sau thực nghiệm. Luận án tiến hành kiểm định giá trị trung bình các thang đo đánh giá KNXH ở nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm.

Bảng 3.52. So sánh giá trị trung bình KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm

Nhóm (n=800)								
TT	Thang đo	Nhóm TN (n=400)		Nhóm ĐC (n=400)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	4.05	0.74	2.83	0.34	.000	.000	< 0.05
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	3.76	0.64	3.04	0.43	.000	.000	< 0.05
3.	Kĩ năng giao tiếp	3.47	0.76	2.91	0.36	.000	.000	< 0.05
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	3.96	0.69	2.87	0.38	.000	.000	< 0.05
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	3.18	0.69	2.94	0.40	.000	.000	< 0.05
Trẻ nam (n=410)								
TT	Thang đo	Nhóm TN (n=204)		Nhóm ĐC (n=206)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	4.02	0.72	2.86	0.33	.000	.000	< 0.05
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	3.75	0.59	3.07	0.44	.004	.000	< 0.05
3.	Kĩ năng giao tiếp	3.52	0.69	2.95	0.36	.000	.000	< 0.05
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	3.89	0.76	2.88	0.37	.000	.000	< 0.05
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	3.22	0.68	2.98	0.43	.000	.003	< 0.05
Trẻ nữ (n=390)								
TT	Thang đo	Nhóm TN (n=196)		Nhóm ĐC (n=194)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	4.08	0.75	2.79	0.34	.000	.000	< 0.05
2.	Kĩ năng tuân theo nội quy	3.78	0.69	2.99	0.41	.000	.000	< 0.05
3.	Kĩ năng giao tiếp	3.41	0.83	2.86	0.35	.000	.000	< 0.05
4.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	4.02	0.60	2.87	0.39	.000	.000	< 0.05
5.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	3.14	0.69	2.90	0.36	.000	.000	< 0.05

Kết quả qua bảng 3.52 cho thấy, giá trị trung bình các tiêu chí đánh giá KNXH của trẻ mầm non 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng như sau:

- Tiêu chí Kỹ năng tương tác xã hội: giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F < 0.05 có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Tiêu chí Kỹ năng tuân theo nội quy: giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F < 0.05 có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Tiêu chí Kỹ năng giao tiếp: giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F < 0.05 có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Tiêu chí Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội: giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F < 0.05 có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Tiêu chí Kỹ năng giải quyết vấn đề: giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F < 0.05 có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

Tóm lại: Sau 1 năm thực nghiệm giá trị trung bình các KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC, giữa trẻ nam, trẻ nữ ở 2 nhóm sau thực nghiệm có sự khác biệt và có ý nghĩa thống kê Sig. t < 0.05 ở ngưỡng xác suất P < 0.05. Như vậy 26 TCVD

ứng dụng trong chương trình thực nghiệm mang lại kết quả thay đổi theo hướng phát triển KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh.

3.3.5.3. Kiểm định hiệu quả của trò chơi vận động đã lựa chọn đến thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi sau thực nghiệm

Để chứng minh hiệu quả các TCVD đã được lựa chọn trong việc phát triển thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh sau thực nghiệm. Luận án tiến hành kiểm định giá trị trung bình các test thể lực ở nhóm TN và nhóm ĐC sau thực nghiệm. Kết quả được trình bày ở bảng 3.53.

Kết quả qua bảng 3.53 cho thấy, giá trị trung bình các test đánh giá thể lực của trẻ nữ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng như sau:

- Thành tích Chạy nhanh 10m (giây): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F < 0.05 có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Thành tích Bật xa tại chỗ (cm): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch,, với Sig. F > 0.05 không có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Thành tích Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút): $\bar{X}_{TN}$, $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch, với Sig. F > 0.05 không có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

- Thành tích Ném túi cát xa bằng tay thuận (m): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch,, với Sig. F > 0.05 không có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05. Nhưng không có sự khác biệt giá trị trung bình giữa trẻ nam nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng (Sig. t = 0.583 > 0.05) ở ngưỡng xác suất P > 0.05.

Bảng 3.53. So sánh giá trị trung bình thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm

Nhóm (n=800)								
TT	Thang đo	Nhóm TN (n=400)		Nhóm ĐC (n=400)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	3.39	0.39	3.83	0.47	.000	.000	< 0.05
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	64.29	11.65	56.89	12.09	.576	.000	< 0.05
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	23.92	3.08	19.35	3.37	.070	.000	< 0.05
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.73	0.51	2.65	0.46	.073	.020	< 0.05
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	7.82	1.11	7.18	1.17	.291	.000	< 0.05
Trẻ nam (n=410)								
TT	Thang đo	Nhóm TN (n=204)		Nhóm ĐC (n=206)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	3.24	0.35	3.62	0.29	.247	.036	< 0.05
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	65.61	11.88	56.67	12.66	.529	.000	< 0.05
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	23.46	2.97	19.28	3.07	.512	.000	< 0.05
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.63	0.54	2.6	0.48	.069	.583	> 0.05
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	8.06	0.95	7.59	1.03	.146	.001	< 0.05
Trẻ nữ (n=390)								
TT	Thang đo	Nhóm TN (n=196)		Nhóm ĐC (n=194)		Sig. F	Sig. t	P
		$\bar{X}_{TN}$	S_{TN}	$\bar{X}_{ĐC}$	$S_{ĐC}$			
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	3.56	0.36	4.04	0.53	.000	.000	< 0.05
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	62.92	11.27	57.11	11.49	.729	.000	< 0.05
3.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	24.4	3.12	19.43	3.66	.056	.000	< 0.05
4.	Ném túi cát xa bằng tay thuận (m)	2.83	0.45	2.7	0.44	.649	.003	< 0.05
5.	Ngồi gập thân về trước (cm)	7.56	1.2	6.75	1.17	.530	.000	< 0.05

- Thành tích Ngồi gập thân về trước (cm): giá trị trung bình $\bar{X}_{TN}$, và $\bar{X}_{ĐC}$, có sự chênh lệch,, với Sig. F > 0.05 không có sự khác biệt về phương sai có ý nghĩa thống kê giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, giữa trẻ nữ của 2 nhóm. Sig. t < 0.05 có ý nghĩa thống kê có sự khác biệt giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở ngưỡng xác suất P < 0.05.

Tóm lại: Sau 1 năm thực nghiệm giá trị trung bình thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC, giữa trẻ nam, trẻ nữ ở 2 nhóm sau thực nghiệm có sự khác biệt và có ý nghĩa thống kê Sig. t < 0.05 ở ngưỡng xác suất P < 0.05. Riêng thành tích Ném xa bằng tay thuận giữa trẻ nam nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng không có sự khác biệt, tương đương nhau.

Như vậy, 26 TCVD ứng dụng trong chương trình thực nghiệm mang lại kết quả thay đổi theo hướng phát triển thể lực (Chạy nhanh 10m, bật xa tại chỗ, đập và bắt bóng bằng 2 tay, ngồi gập thân về trước) của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3.6. Bàn luận về hiệu quả các trò chơi vận động nhằm phát triển một số kỹ năng cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Trước thực nghiệm, luận án đánh giá thực trạng KNVĐCB, KNXH và tổ chất thể lực của trẻ trong hoạt động giáo dục của cả hai nhóm. Kết quả cho thấy các tiêu chí đánh giá KNVĐCB, KNXH và tổ chất thể lực của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng là tương đồng nhau, không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê.

Sau một năm học thực nghiệm, kết quả so sánh giá trị trung bình của tất các tiêu chí đánh giá KNXH giữa 2 nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, giữa trẻ nam, trẻ nữ ở 2 nhóm sau thực nghiệm có sự khác biệt và có ý nghĩa thống kê Sig. t < 0.05 ở ngưỡng xác suất P < 0.05. Như vậy các TCVD đã ứng dụng trong chương trình thử nghiệm mang lại kết quả thay đổi, có tác động hiệu quả đến sự phát triển kỹ năng xã hội của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng tích cực và đạt kết quả kỳ vọng.

So sánh giá trị trung bình các tiêu chí đánh giá KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi nhóm TN và nhóm ĐC, giữa trẻ nam của 2 nhóm sau một năm thực nghiệm thì có sự khác biệt và có ý nghĩa thống kê Sig. t < 0.05 ở ngưỡng xác suất P < 0.05. Như vậy 26 TCVD ứng dụng trong chương trình thực nghiệm mang lại kết quả thay đổi theo hướng phát triển KNVĐCB của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Sau TN kết quả tăng trưởng tốt nhất ở nhóm trẻ thực nghiệm, so với trước thực nghiệm thì cả nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm đều có sự thay đổi về KNVĐCB; trong đó sự thay đổi của nhóm thực nghiệm

được thể hiện qua nhịp độ tăng trưởng với các giá trị có ý nghĩa thống kê, còn nhóm đối chứng với sự thay đổi nhẹ sau một năm học tập. Khi so sánh giữa trẻ nữ 2 nhóm thì không có sự khác biệt giá trị trung bình ở kỹ năng Ném có sự tương đồng nhau không có sự khác biệt giá trị trung bình, có sự tương đồng nhau.

Đối sánh với kết quả nghiên cứu của tác giả Lê Hải (2022) về nhịp tăng trưởng KNVĐCB của trẻ 4 - 5 tuổi, thì KNVĐ chạy của trẻ 4 – 5 trong nghiên cứu luận án (11.27%) tốt hơn so với trong nghiên cứu của tác giả Lê Hải (10.7%); KNVĐ đi trong nghiên cứu luận án (10.24%) có sự chênh lệch khác biệt với nghiên cứu của tác giả Lê Hải (10.12%); KNVĐ bò trong nghiên cứu luận án (10.74%) có sự chênh lệch khác biệt với nghiên cứu của tác giả Lê Hải (7.14%); KNVĐ trèo trong nghiên cứu luận án (5.65%) có sự chênh lệch khác biệt với nghiên cứu của tác giả Lê Hải (4.99%); KNVĐ bật và KNVĐ ném trong nghiên cứu luận án (16.35% và 9.21%) lại thấp so với nghiên cứu của tác giả Lê Hải (35.39% và 13.97%), qua đó chứng tỏ TCVĐ có ảnh hưởng đến sự phát triển KNVĐCB cho trẻ 4 – 5 tuổi, nhất là KNVĐ chạy, đi, bò, trèo.

Kết quả thực nghiệm cũng cho thấy thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh có sự thay đổi tích cực. Sau thực nghiệm kết quả tăng trưởng tốt nhất ở nhóm trẻ thực nghiệm là chạy nhanh 10m, bật xa tại chỗ, đập và bắt bóng bằng 2 tay, ngồi gập thân về trước. So với trước thực nghiệm thì cả nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm đều có sự thay đổi về thể lực; trong đó sự thay đổi của nhóm thực nghiệm được thể hiện qua nhịp độ tăng trưởng với các giá trị có ý nghĩa thống kê, còn nhóm đối chứng với sự thay đổi nhẹ sau một năm học tập. Riêng thành tích “Ném xa bằng tay thuận” giữa trẻ nam nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng không có sự khác biệt, tương đương nhau.

Điều này, cho thấy sau thời gian thực nghiệm một năm học với các TCVĐ đã lựa chọn ứng dụng trong hoạt động giáo dục, cụ thể là giờ hoạt động giáo dục thể chất và giờ hoạt động chơi ngoài trời thì đây là kết quả tác động tích cực bởi các TCVĐ này đã đạt 3 mục tiêu trong việc phát triển kỹ năng vận động cơ bản, kỹ năng xã hội và phát triển thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiểu kết:

Sau một năm học, ứng dụng 26 TCVĐ nhằm phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh kết quả như sau:

- Về kỹ năng xã hội:

Nhóm TN: Sau khi TN thì giá trị trung bình chung của 05 biến quan sát đánh giá KNXH ở trẻ nam, trẻ nữ đều tăng lên đáng kể và có ý nghĩa thống kê.

Nhóm ĐC: Sau khi TN thì giá trị trung bình chung của 05 biến quan sát đánh giá KNXH ở trẻ nam, trẻ nữ có dấu hiệu nâng cao nhưng không đáng kể. Đây là sự tăng tiến một cách tự nhiên trong quá trình tập luyện, học tập của trẻ theo chương trình dạy học của trường mầm non.

- Về kỹ năng vận động cơ bản:

Nhóm TN: Sau khi TN thì giá trị trung bình chung và nhịp tăng trưởng của 06 test đánh giá KNVĐCB ở trẻ nam, trẻ nữ đều tăng lên đáng kể và có ý nghĩa thống kê.

Nhóm ĐC: Sau khi TN thì giá trị trung bình chung và nhịp tăng trưởng của 06 test đánh giá KNVĐCB ở trẻ nam, trẻ nữ có dấu hiệu nâng cao nhưng không đáng kể. Đây là sự tăng tiến một cách tự nhiên trong quá trình tập luyện, học tập của trẻ theo chương trình dạy học của trường mầm non.

- Về thể lực:

Nhóm TN: Sau khi TN thì giá trị trung bình chung và nhịp tăng trưởng của 06 test đánh giá thể lực ở trẻ nam, trẻ nữ đều tăng lên đáng kể và có ý nghĩa thống kê.

Nhóm ĐC: Sau khi TN thì giá trị trung bình chung và nhịp tăng trưởng của 06 test đánh giá thể lực ở trẻ nam, trẻ nữ có dấu hiệu nâng cao nhưng không đáng kể. Đây là sự tăng tiến một cách tự nhiên trong quá trình tập luyện, học tập của trẻ theo chương trình dạy học của trường mầm non.

Tóm lại, với 26 TCVD luận án lựa chọn và ứng dụng thực nghiệm cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh bước đầu đã có hiệu quả rõ rệt trên nhóm thực nghiệm, cụ thể qua các tiêu chí đánh giá KNXH, KNVĐCB và thể lực đặc biệt là trẻ nhóm thực nghiệm tốt hơn trẻ nhóm đối chứng.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. KẾT LUẬN

Thông qua kết quả nghiên cứu, luận án có một số kết luận như sau:

1. Qua nghiên cứu thực trạng, GVMN đều nhận thức được sự cần thiết, quan trọng của ứng dụng TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi. Song nhìn chung GVMN chưa có giải pháp ứng dụng TCVĐ phù hợp vào phát triển kỹ năng cho trẻ nên KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ chủ yếu ở mức độ trung bình và thấp. Thành tích KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4-5 tuổi giữa nội thành và ngoại thành Thành phố Hồ Chí Minh có sự khác biệt nhưng không đáng kể. Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn tới thực trạng trên, một trong những nguyên nhân cơ bản là GVMN chưa được trang bị, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức TCVĐ nói chung và ứng dụng TCVĐ phát triển kỹ năng nói riêng ở trường MN nên hiệu quả giáo dục chưa đạt được kết quả như mong muốn, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Nghiên cứu đã thông qua các bước kiểm định, đánh giá và đã chọn được 06 tiêu chí đánh giá KNVĐCB, 05 tiêu chí đánh giá KNXH gồm 25 biến quan sát và 05 tiêu chí đánh giá thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đủ độ tin cậy.

2. Dựa trên cơ sở lý luận và phân tích, đánh giá thực trạng, luận án đã lựa chọn được 26 TCVĐ phù hợp để phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời lấy ý kiến các chuyên gia để xây dựng chương trình, tiến trình TN và kế hoạch dạy học ứng dụng 26 TCVĐ phát triển KNVĐCB, KNXH trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian TN trong một năm học (33 tuần) được lồng ghép vào giờ hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động vui chơi ngoài trời.

3. Kết quả thực nghiệm cho thấy, mức độ phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm ĐC có thay đổi nhưng không đáng kể. Đây là sự tăng tiến một cách tự nhiên trong quá trình tập luyện, học tập của trẻ theo chương trình dạy học của trường mầm non. Trong khi mức độ phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ 4 – 5 tuổi ở nhóm TN tăng lên khá lớn so với trước TN. Kiểm định giá trị thống kê t về sự khác biệt mức độ phát triển các KNVĐCB, KNXH và thể lực của trẻ nhóm TN sau TN so với trước TN và so với nhóm ĐC cho thấy sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Qua đó, có thể khẳng định 26 TCVĐ phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh do chúng tôi đề xuất là có ảnh hưởng và có tính khả thi.

B. KIẾN NGHỊ

Để góp phần nâng cao hiệu quả ứng dụng TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, luận án có một số kiến nghị như sau:

1. Với các cơ quan quản lý giáo dục: tổ chức biên soạn tài liệu hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Trong đó, làm rõ tầm quan trọng của việc ứng dụng TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ mầm non nói chung, trẻ 4-5 tuổi nói riêng. Chú trọng tổ chức chuyên đề bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ tổ chức TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ mầm non nói chung và trẻ 4 – 5 tuổi nói riêng. Chỉ đạo các cơ sở GDMN nghiên cứu sưu tầm, thiết kế TCVĐ hấp dẫn, phù hợp với trẻ và với điều kiện cơ sở vật chất của đơn vị.

2. Với các trường mầm non: Cần tạo điều kiện cho GVMN tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ mầm non do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các Trường Sư phạm tổ chức. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị (đồ dùng, đồ chơi, sân chơi,...) phù hợp nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ GDMN nói chung; có chính sách khuyến khích GVMN, sưu tầm, thiết kế các TCVĐ phù hợp với phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực cho trẻ 4 – 5 tuổi của đơn vị mình;

3. Với giáo viên mầm non: Cần xác định TCVĐ là một phương tiện lợi thế trong việc phát triển KNVĐCB, KNXH, đồng thời phát triển kỹ năng là nhiệm vụ quan trọng trong GDTC cho trẻ ở trường mầm non. Cần tích cực, tự giác tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức TCVĐ phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ mầm non do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các Trường Sư phạm tổ chức. Có thể tham khảo các TCVĐ mà luận án đã lựa chọn đưa vào xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động giáo dục để phát triển KNVĐCB, KNXH và thể lực cho trẻ 4 – 5 tuổi; Có thể ứng dụng 06 test đánh giá KNVĐCB, 05 tiêu chí đánh giá KNXH và 05 test đánh giá thể lực trẻ 4 – 5 tuổi.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Van Hanh Tran, Thien Suong Luu (2024), Selecting criteria for evaluating Social skills of Preschoolers aged 4-5 in Ho Chi Minh City, *Current Clinical and Medical Education*, ISSN (online): 2942-0792, Vol. 2 No.9, 1-7.
2. Van Hanh Tran, Thien Suong Luu (2024), The Physical fitness status of Preschool children aged 4-5 in Kindergarten in Ho Chi Minh City, *Current Clinical and Medical Education*, ISSN (online): 2942-0792, Vol. 2 No.9, 84-89.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Kế Bình (2021), *Ứng dụng trò chơi vận động để phát triển thể lực và kỹ năng sống cho học sinh lứa tuổi (6 -7) tại một số trường tiểu học nội thành Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT TP. Hồ Chí Minh
2. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2010), *Quy định về bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi* (Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23/7/2010).
3. Bộ giáo dục & đào tạo (2009), *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình giáo dục mầm non, ban hành theo Thông tư số 17/2009* (chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016), NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục mầm non (dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non)*, NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ban hành ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục Mầm non*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Chương trình Giáo dục mầm non (Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016)*, Hà Nội.
8. Bukreeva T.M. (2014), *Hình thành hoạt động giáo dục giao tiếp thông qua làm việc nhóm*, Tạp chí Nhà giáo trực tuyến. Mátxcova.
9. Chính phủ (2015), *Nghị định 11 2015 ND-CP ngày 31 01 2015 Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường*, Hà Nội.
10. Hoàng Thị Bưởi (2005), *Phương pháp GDTC cho trẻ em*, NXB ĐHQG Hà Nội.
11. Hàn Nguyệt Kim Chi và cộng sự (2005), *Nghiên cứu dọc đặc điểm tăng trưởng cơ thể và phát triển tâm lý của trẻ 37 - 72 tháng tuổi*, Đề tài cấp Bộ mã số B2001- 49 - 19.
12. Lương Kim Chung, Đào Duy Thu (1994), *Vun trồng thể lực cho đàn em nhỏ*, NXB Thể dục thể thao.

13. Trần Bá Cừ (2000), *Nhận biết người qua hành vi ứng xử*, NXB Phụ nữ, tr.17, Hà Nội.
14. Côvaliov A.G. (1994), *Tâm lí học cá nhân*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
15. Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Bích Thảo và Nguyễn Thùy Dương (2015), *Các bài tập phát triển vận động và trò chơi vận động*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
16. Nguyễn Hùng Dũng (2021), *Nghiên cứu phát triển thể chất trẻ mẫu giáo 5- 6 tuổi tỉnh Đồng Tháp*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TĐTT.
17. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Thuật ngữ Tâm lý học*, NXB Từ điển Bách Khoa, tr. 239, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Thu Hà (2014), *Tổ chức giáo dục theo cách tiếp cận hợp tác ở trường mầm non*, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, (Số 57, tr. 66-72).
21. Lê Hải (2022), *Một số bài tập phát triển KNVĐCB cho trẻ 3-6 tuổi tại các trường mầm non khu vực TP. Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TĐTT TP. Hồ Chí Minh.
22. Nguyễn Thị Thu Hạnh (2021), *Giáo dục kĩ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua trải nghiệm*, Luận án Tiến sĩ khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
23. Hồ Thị Hạnh (2011), *Giáo trình tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, Trường Đại học Vinh.
24. Phan Thị Mỹ Hoa (2021), *Lựa chọn ứng dụng TCVĐ nâng cao tính tích cực của trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi trong hoạt động GDTC tại TP. Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TĐTT TP. Hồ Chí Minh
25. Nguyễn Thị Hòa (2013), *Giáo trình Giáo dục học Mầm non*, NXB Đại học Sư phạm
26. Lê Thị Liên Hoan và Nguyễn Thị Lan (2007), *Các trò chơi vận động cho trẻ từ 2 đến 6 tuổi*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

27. Ngô Công Hoàn (1995), *Tâm lý học trẻ em (Lứa tuổi từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, 1, 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
28. Trần Bá Hoàn (2001), *Sinh học phát triển của trẻ với vấn đề vị trí của Giáo dục mầm non trong chiến lược phát triển nguồn lực con người*, Thông tin KHGD, số 60, tr 17-22.
29. Lương Quốc Hùng (2019), *Nghiên cứu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học lớp 1, 2, 3 ở Thành phố Cần Thơ tích hợp Chương trình Giáo dục thể chất*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT TP. Hồ Chí Minh.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
31. Đặng Thành Hưng (2000), *Dạy học hiện đại lí luận biện pháp kỹ thuật*, NXB Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
32. Đặng Thành Hưng (2004), *Hệ thống kỹ năng học tập hiện đại*, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 78, tr.25-27, Hà Nội.
33. Đặng Thành Hưng (2010), *Nhận diện và đánh giá kỹ năng*, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 62, tr. 25-28, Hà Nội.
34. Đặng Thành Hưng, Trần Thị Tố Oanh (2014), *Bản chất và đặc điểm của kỹ năng xã hội*, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 100 tháng 1, tr. 9-10,38; và số 101 tháng 2, tr. 17-19,37, Hà Nội.
35. Lê Thu Hương (2008), *Tổ chức hoạt động phát triển vận động cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
36. Lê Thu Hương và các tác giả (2016), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non Mẫu giáo Lớn (5-6 tuổi)*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
37. Phạm Tràng Kha, Lưu Xuân Bình (2019), *Vai trò của trò chơi vận động với sự phát triển của trẻ mẫu giáo lớn*. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ Đô*, 36, 100 – 106.
38. Nguyễn Thành Kinh (2009), *Từ phương pháp dạy học truyền thống đến phương pháp sư phạm hợp tác*, *Tạp chí Giáo dục*, (Số 206, tr. 19-21,12).
39. Kixegof X.I. (1976-1977), *Hình thành kỹ năng, kỹ xảo sư phạm cho sinh viên trong điều kiện của nền giáo dục đại học*, (Bản dịch của Lê Khánh Bằng), *Tổ tư liệu Đại học Sư phạm Hà Nội*.

40. Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2008), *Giáo trình sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non (dành cho hệ Cao đẳng Sư phạm mầm non)*, NXB Giáo dục.
41. Đinh Văn Lẫm, Đào Bá Trì (1999), *Giáo trình trò chơi vận động*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.
42. Trần Đồng Lâm (1980), *Trò chơi vận động (mẫu giáo)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
43. Trần Đồng Lâm và Đinh Mạnh Cường (2005), *Trò chơi vận động*, NXB Đại học Sư phạm.
44. Trần Đồng Lâm, Đinh Mạnh Cường (2007), *Trò chơi vận động (mẫu giáo)*, NXB Đại học Sư phạm.
45. Trần Đồng Lâm, Đinh Mạnh Cường (2014), *Trò chơi vận động*, NXB Đại học Sư phạm.
46. Lê Văn Lẫm, Vũ Đức Thu (2000), *Thực trạng phát triển thể chất học sinh, học sinh trước thềm thế kỷ 21*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.
47. Nguyễn Lân (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội.
48. Nguyễn Thị Yến Linh (2013), *Biện pháp nâng cao tính tích cực vận động trong giờ học thể dục cho trẻ 5 - 6 tuổi*, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
49. Mai Văn Muôn (1992), *Trò chơi xưa và nay*. NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
50. Nguyễn Việt Minh (2007), *Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
51. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1987), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
52. Chu Thị Hồng Nhung (2017), *Nghiên cứu đặc điểm kỹ năng xã hội của trẻ mầm non*, đề tài cấp Bộ, mã số: B2016-VKG-05, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
53. Nguyễn Hợp Pháp (2014), *Trò chơi vận động mẫu giáo*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
54. Hoàng Phê (2016), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
55. Huỳnh Trung Phong (2023), *Tích hợp phát triển kỹ năng thực hành xã hội cho học sinh thông qua tiết học Thể dục tại một số trường trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học TDTT TP. Hồ Chí Minh.
56. Đặng Hồng Phương (2008), *Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non*, Hà Nội: NXB Đại học Sư Phạm.

57. Đặng Hồng Phương (2018), *Phương pháp hình thành kỹ năng vận động cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư Phạm.
58. Đặng Hồng Phương (2021), *Giáo trình Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư Phạm.
59. Lê Quý Phương, Lưu Thiên Sương và Nguyễn Hoàng Minh Thuận (2015), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
60. Quốc hội (2006), *Luật Thể dục Thể thao*, Hà Nội.
61. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Nhập môn kỹ năng sống*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
62. Lưu Ngọc Sơn (2023), *Sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển tố chất thể lực cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non*, Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
63. Nguyễn Thị Thanh (2013), *Dạy học theo hướng phát triển kỹ năng học tập hợp tác cho sinh viên Đại học Sư phạm*, Đại học Thái Nguyên.
64. Tạ Thị Ngọc Thanh (2010), Bàn về việc dạy kỹ năng xã hội cho học sinh tiểu học, *Tạp chí Giáo dục* số 238, tr.29-31.
65. Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn (2015), *Tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Sư phạm.
66. Nguyễn Văn Thành (2017), *Ứng dụng phương pháp trò chơi trong giảng dạy môn thể dục cho học sinh tiểu học Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học TDTT TP. Hồ Chí Minh.
67. Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm (1997), *Lịch sử giáo dục thể giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
68. Đặng Đức Thao (2014), *Dạy thể dục cho trẻ mẫu giáo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
69. Đoàn Quang Thọ (2007), *Giáo trình triết học*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
70. Phạm Vĩnh Thông (2013), *Trò chơi vận động rèn luyện của trẻ*, NXB Văn hoá dân tộc.
71. Lê Anh Thơ (1995), *Nghiên cứu sử dụng một số TCVD dân gian trong giáo dục thể chất cho trẻ mẫu giáo 4- 5 tuổi*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học Sư phạm - Tâm lý, Tổng cục Thể dục thể thao, Viện Khoa học Thể dục thể thao.
72. Lê Anh Thơ (2014), *Trò chơi vận động cơ bản Mầm non*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.

73. Phan Thị Thu (2000), *Đánh giá khả năng tâm VĐ của trẻ MG 3 – 4 tuổi*, Luận văn Thạc sĩ khoa học Giáo dục.
74. Phan Thị Thu (2006), *Giáo trình Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
75. Đàm Thị Kim Thu (2021), *Phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ 5 – 6 tuổi có rối loạn phổ tự kỷ*, Luận án Tiến sĩ khoa học Giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.
76. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 về phê duyệt Đề án “Phát triển GDMN giai đoạn 2006 – 2015”*, Hà Nội.
77. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1076 QĐ-TTg ngày 17/6/2016 về việc phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025*, Hà Nội.
78. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định 641/QĐ-TTg ngày 28/04/2011, về việc phê duyệt đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030*, Hà Nội
79. Nguyễn Xuân Thức (2006), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.
80. Lâm Thị Tuyết Thúy (2008), *Phát triển thể lực của trẻ em mẫu giáo ở một số tỉnh miền Trung*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TĐTT.
81. Trần Trọng Thủy (1987), *Tâm lý học lao động*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
82. Nguyễn Tiên Tiến, Trần Hồng Quang, Nguyễn Hoàng Minh Thuận và Nguyễn Khánh Duy (2016), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao*, NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.
83. Nguyễn Toán (2012), *Trò chơi vận động cho trẻ trước tuổi đi học và cấp 1*, NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
84. Tổng cục TĐTT (1991), *Một số vấn đề về TĐTT quần chúng và thể thao dân tộc*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.
85. Đồng Văn Triệu (2000), *Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất trong trường học*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.
86. Thái Duy Tuyên (2007), *Triết học giáo dục Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm.
87. Nguyễn Ánh Tuyết và cộng sự (1997), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

88. Nguyễn Ánh Tuyết (1998), *Chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi vào lớp 1*. NXB Giáo dục Việt Nam.
89. Nguyễn Ánh Tuyết (2000), *Trò chơi của trẻ em*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
90. Nguyễn Ánh Tuyết và Nguyễn Thị Như Mai (2011), *Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
91. Nguyễn Ánh Tuyết (2004), *Tâm lý học lứa tuổi mầm non*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
92. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2004), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.
93. Nguyễn Quang Uẩn (2010), *Tuyển tập nghiên cứu về Tâm lý - Giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.
94. Nguyễn Quang Uẩn (2001), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
95. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Về việc phân chia cụm, khối thi đua thuộc Thành phố Hồ Chí Minh* (Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)
96. UBND Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Về việc tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ sau Tết Nguyên đán 2022* (Công văn số 268/UBND-VX ngày 24/01/2022).
97. UBND Thành phố Hồ Chí Minh và UNICEF (2017), *Phân tích tình hình trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam năm 2017*.
98. UNESCO (1968), *Hội nghị tích hợp về việc giảng dạy các khoa học*, Varna (Bungari).
99. UNICEF Khu vực Đông Á Thái Bình Dương (EAPRO) (2017), *Hướng dẫn giáo trình khu vực Châu Á Thái Bình Dương (thuộc dự án Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội nhằm thúc đẩy gắn kết xã hội những năm đầu đời 3-5 tuổi*, Bangkok, Thái Lan.
100. V.A. Xukhômliński (1988), *Trái tim tôi hiến dâng cho trẻ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
101. Đinh Văn Vang (2012), *Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm.
102. Bùi Thị Việt (2000), *Củng cố kỹ năng vận động cho trẻ 3 – 4 tuổi thông qua trò chơi vận động*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
103. Bùi Thị Việt (2020), *Tuyển tập trò chơi vận động cho trẻ 4 – 5 tuổi*, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh.

104. Đỗ Vĩnh (2013), Xây dựng bộ công cụ đo lường thể lực của trẻ 3 – 4 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học và đào tạo TDTT*, số 1–2013, tr 27-30.

B. Tài liệu tiếng Anh

105. Achenbach, T. M (2000), *Manual for the ASEBA School-Age Forms & Profiles*. Burlington, VT: University of Vermont, Research Center for Children, Youth, & Families.
106. Caldarella, P., & Merrell, K. W. (1997). Common dimensions of social skills of children and adolescents: A taxonomy of positive behaviors. *School Psychology Review*, 26, 264-278.
107. Cristobal, et al. (2007), *Perceived e-service quality (peSQ): Measurement validation and effects on consumer satisfaction and website loyalty*.
108. Elliott and Busse (1991), Social Skills Training, *School Psychology International*, Vol. 12, P 63-83.
109. Eileen Kennedy-Moore, Mark S. Lowenthal (2011), *Smart Parenting for Smart Kids*, Psychology today health pros.com, Posted Aug 18.
110. Florence Nwankwo (2015), Play materials and pupils development of social skills in pre - primary schools in Abia state Nigeria, *International Journal of Arts & Sciences*, CD-ROM. ISSN: 1944- 6934: 08(08): 387-402 (2015)
111. Gordon Slethaug (1995), *Game Theory and Play freeplay theories*, President's Council on Physical Fitness and Sports.
112. Gresham F.M. & Elliott, S.N. (1990), *Manual for the Social Skills Rating System*. Circle.pine MN. American Guidance Service.Inc.
113. Hair, et al. (2010), *Multivariate Data Analysis*, New Jersey: Prentice Hall.
114. Hair, et al. (2016), A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM), California: Sage Publications.
115. Hu & Bentler (1999), *Cutoff criteria for fit indenxes in covariance structure analysis: Conventional criteria new alternatives*, Structural Equation Modeling.
116. Jean Piaget (1977), *Equilibration of cognitive structures*. New York: Viking kress.
117. Johnny.L. Maston (ed.) (2009), *Social Behavior and Skills in Children*, ISBN 978-1-4419-0233-7 e-ISBN k978-1-4419-0234-4, Springer New York Dordrecht Heidelberg London.
118. Karen Stagnitti (1998), *Learn to Play, Co-ordinates Occupational Therapy Service*.
119. Laura Candler, *Teaching Social skills*, <http://www.Laura Candler.com/centens.htm>.

120. Margaret McMillan (2009), *The benefits of outdoor play for young children*, Barnarados.
121. Matt C. Howard (2015), *A Review of Exploratory Factor Analysis Decisions and Overview of Current Practices: What We Are Doing and How Can We Improve?*. International Journal of Human-Computer Interaction.
122. McFall R. M (1982), A review and reformulation of the concept of social skills, *Behavioral Assessment*, 4, 1-33.
123. McClelland, M. M.; Morrison, F. J (2003), *The emergence of learning related social skills in preschool children*. *Childhood Research Quarterly*, 18, 206-224.
124. Oxford (2003), *The Oxford Dictionary of Computing*, 5th ed, Oxford University Press.
125. Piaget Jean (1977), *Equilibration of cognitive structures*. New York: Viking press
126. Vitaly L. Skitnevskiy, Yulia S. Krasilnikova, Elena L. Grigoryeva, Ivan A. Sedov, Valentina F. Balashova, Sergey A. Smirnov, (2020), *Developing agility through physical gaming activity with adolescent kids during lessons of physical training*. Have Scientific of the University of Cienfuegos, pages 38-44, volume 12, number 4, July – August.
127. Walker H.M. (1983), *The Walker social skills curriculum*, Pro -Ed Publishing, Virginia University.
128. Yamane, Taro. (1967). *Statistics: An Introductory Analysis*, 2nd Edition, New York: Harper and Row.

Phụ lục 1

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

PHIẾU PHÒNG VẤN

(dành cho nhà khoa học, chuyên gia)

Để góp phần xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng cho trẻ mầm non 4-5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi mong được sự giúp đỡ của các thầy (cô) qua việc trả lời các câu hỏi sau bằng cách đánh dấu “X” vào ô “□” lựa chọn. Ý kiến của thầy (cô) chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Câu 1: Thầy/Cô vui lòng cho biết suy nghĩ và sự lựa chọn phù hợp cho các tiêu chí đánh giá kỹ năng vận động cơ bản cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Tiêu chí		Mức độ				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Trườn qua 03 cổng (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Bò qua 05 cổng (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Bật xa tại chỗ (cm)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Ném xa bằng 2 tay (cm)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 2. Thầy/Cô vui lòng cho biết suy nghĩ và sự lựa chọn phù hợp cho các tiêu chí đánh giá kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Các kỹ năng xã hội		Mức độ				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1. Kỹ năng tương tác xã hội						
1.1	Chào hỏi thầy cô, bạn bè	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.2	Chủ động chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

1.3	Hợp tác với bạn trong hoạt động Trẻ biết hỗ trợ, giúp đỡ nhau để thực hiện hoạt động)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.4	Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.5	Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.6	Tập trung và duy trì chú ý khi chơi với cô, bạn bè	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.7	Chơi thường xuyên với nhóm bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.8	Làm quen với bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.9	Chủ động giao tiếp với bạn và cô	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.10	Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.11	Tiếp cận có chọn lựa với người khác để khởi xướng sự tương tác	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2. Kỹ năng tuân theo nội quy						
2.1	Biết xin phép cô giáo để ra/vào lớp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.2	Thực hiện các mệnh lệnh của cô	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.3	Không tự do di chuyển khỏi chỗ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.4	Ngồi đúng vị trí	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.5	Giơ tay khi muốn trả lời	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.6	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.7	Không nói tự do, không gây ồn ào	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.8	Chơi đúng góc	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.9	Biết cất đồ chơi sau khi chơi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.10	Đi vệ sinh, vứt rác đúng nội quy định	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3. Kỹ năng giao tiếp						
3.1	Lắng nghe ý kiến của người khác	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.2	Nhìn vào đối tượng giao tiếp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.3	Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

3.4	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.5	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.6	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.7	Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.8	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4. Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội						
4.1	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.2	Mượn đồ dùng của bạn và biết trả lại	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.3	Làm theo chỉ dẫn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.4	Chấp nhận lời từ chối	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.5	Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.6	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.7	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.8	Kiểm chế được hành vi nóng giận khi gặp một vấn đề mới/sự thay đổi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5. Kỹ năng giải quyết vấn đề						
5.1	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.2	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác (cô giáo, bạn bè) khi cần thiết	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.3	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.4	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.5	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 3. Thầy/Cô cho biết mức độ phù hợp của các trò chơi vận động dưới đây trong việc phát triển kĩ năng vận động cơ bản và kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Trò chơi vận động		Mức độ				
		Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Rất không phù hợp
1.	Tặng quà	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Chạy cùng bóng lăn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Chú bộ đội hành quân	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Vận chuyển dưa hấu	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Chú thỏ tinh khôn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Tìm mùa theo lá cây	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Tìm kho báu	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
8.	Phi ngựa	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
9.	Bóng tìm bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
10.	Ai làm nổ bóng nhiều hơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
11.	Vượt chướng ngại vật	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
12.	Chân ai khéo hơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
13.	Làm xiếc đi trên dây	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
14.	Cướp cờ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
15.	Ai bật nhanh hơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
16.	Quả bóng tìm bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
17.	Chú chuột tinh nhanh	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
18.	Vòng tròn thông minh	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
19.	Ai đập bắt bóng giỏi hơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
20.	Tìm hạt dẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
21.	Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
22.	Ếch nhảy qua ao	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
23.	Nhảy ô tiếp sức	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
24.	Gấu con hái quả	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1



25.	Về đúng nhà	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
26.	Chạy tiếp cò	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
27.	Thỏ tìm chuồng	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
28.	Lùa vịt về chuồng	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
29.	Rửa tay	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
30.	Xếp cái giường	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
31.	Mèo đuổi chuột	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
32.	Bắt cá	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
33.	Thỏ Cóc thi tài	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
34.	Đồng đội	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
35.	Vượt Trường Sơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
36.	Rắn bò	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
37.	Bắt cua	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
38.	Bé là vận động viên	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
39.	Đập niêu	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
40.	Rồng rắn lên mây	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
41.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
42.	Tìm bạn thân	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
43.	Sáo Sậu sang sông	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
44.	Chim Sẻ và thợ săn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
45.	Chú ong chăm chỉ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
46.	Nhanh lên bạn ơi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
47.	Cầu thủ bóng rổ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
48.	Bật chụm, tách chân qua các vòng	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
49.	Chuyền bóng qua đầu	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
50.	Thỏ con nghe lời mẹ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 4: Thầy/Cô vui lòng cho biết suy nghĩ và sự lựa chọn phù hợp cho các tiêu chí đánh giá thể lực cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Tiêu chí		Mức độ				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Lực bóp tay thuận (kg)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Ném xa bằng tay thuận (m)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Ngồi gập thân về trước (cm)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Thăng bằng trên 1 chân (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Trình độ chuyên môn

☐ Đại học

☐ Thạc sĩ

☐ Tiến sĩ

2. Thâm niên công tác

☐ 1 - 5 năm

☐ 5 - 10 năm

☐ Trên 10 năm

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý thầy (cô)!

Phụ lục 2

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

PHIẾU KHẢO SÁT

(dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non)

Để góp phần xác định các tiêu chí đánh giá kỹ năng cho trẻ mầm non 4-5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi mong được sự giúp đỡ của các thầy (cô) qua việc trả lời các câu hỏi sau bằng cách đánh dấu “X” vào ô “☐” lựa chọn. Ý kiến của thầy (cô) chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Câu 1: Thầy/Cô vui lòng cho biết suy nghĩ và sự lựa chọn phù hợp cho các tiêu chí đánh giá kỹ năng vận động cơ bản cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Tiêu chí		Mức độ				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1.	Chạy nhanh 15m (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Trườn qua 03 cổng (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Bò qua 05 cổng (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Trèo 05 bậc thang giống (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Bật xa tại chỗ (cm)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Ném xa bằng 2 tay (cm)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 2. Thầy/Cô vui lòng cho biết suy nghĩ và sự lựa chọn phù hợp cho các tiêu chí đánh giá kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Các kỹ năng xã hội		Mức độ				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1. Kỹ năng tương tác xã hội						
1.1	Chào hỏi thầy cô, bạn bè	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.2	Chủ động chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

1.3	Hợp tác với bạn trong hoạt động Trẻ biết hỗ trợ, giúp đỡ nhau để thực hiện hoạt động)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.4	Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.5	Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.6	Tập trung và duy trì chú ý khi chơi với cô, bạn bè	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.7	Chơi thường xuyên với nhóm bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.8	Làm quen với bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.9	Chủ động giao tiếp với bạn và cô	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.10	Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
1.11	Tiếp cận có chọn lựa với người khác để khởi xướng sự tương tác	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2. Kỹ năng tuân theo nội quy						
2.1	Biết xin phép cô giáo để ra/vào lớp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.2	Thực hiện các mệnh lệnh của cô	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.3	Không tự do di chuyển khỏi chỗ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.4	Ngồi đúng vị trí	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.5	Giơ tay khi muốn trả lời	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.6	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.7	Không nói tự do, không gây ồn ào	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.8	Chơi đúng góc	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.9	Biết cất đồ chơi sau khi chơi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.10	Đi vệ sinh, vứt rác đúng nội quy định	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3. Kỹ năng giao tiếp						
3.1	Lắng nghe ý kiến của người khác	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.2	Nhìn vào đối tượng giao tiếp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.3	Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

3.4	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.5	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.6	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.7	Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.8	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4. Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội						
4.1	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.2	Mượn đồ dùng của bạn và biết trả lại	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.3	Làm theo chỉ dẫn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.4	Chấp nhận lời từ chối	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.5	Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.6	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.7	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.8	Kiểm chế được hành vi nóng giận khi gặp một vấn đề mới/sự thay đổi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5. Kỹ năng giải quyết vấn đề						
5.1	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.2	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác (cô giáo, bạn bè) khi cần thiết	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.3	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.4	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.5	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 3. Thầy/Cô cho biết mức độ phù hợp của các trò chơi vận động dưới đây trong việc phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Trò chơi vận động		Mức độ				
		Rất phù hợp	Phù hợp	Bình thường	Không phù hợp	Rất không phù hợp
1.	Tặng quà	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Chạy cùng bóng lăn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Chú bộ đội hành quân	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Vận chuyển dưa hấu	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Chú thỏ tinh khôn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Tìm mùa theo lá cây	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Tìm kho báu	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
8.	Phi ngựa	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
9.	Bóng tìm bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
10.	Ai làm nổ bóng nhiều hơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
11.	Vượt chướng ngại vật	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
12.	Chân ai khéo hơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
13.	Làm xiếc đi trên dây	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
14.	Cướp cờ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
15.	Ai bật nhanh hơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
16.	Quả bóng tìm bạn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
17.	Chú chuột tinh nhanh	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
18.	Vòng tròn thông minh	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
19.	Ai đập bắt bóng giỏi hơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
20.	Tìm hạt dẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
21.	Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
22.	Ếch nhảy qua ao	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
23.	Nhảy ô tiếp sức	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Quét mã QR xem
nội dung TCVD



24.	Gấu con hái quả	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
25.	Về đúng nhà	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
26.	Chạy tiếp cờ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
27.	Thỏ tìm chuồng	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
28.	Lùa vịt về chuồng	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
29.	Rửa tay	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
30.	Xếp cái giường	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
31.	Mèo đuổi chuột	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
32.	Bắt cá	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
33.	Thỏ Cóc thi tài	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
34.	Đồng đội	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
35.	Vượt Trường Sơn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
36.	Rắn bò	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
37.	Bắt cua	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
38.	Bé là vận động viên	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
39.	Đập niêu	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
40.	Rồng rắn lên mây	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
41.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
42.	Tìm bạn thân	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
43.	Sáo Sậu sang sông	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
44.	Chim Sẻ và thợ săn	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
45.	Chú ong chăm chỉ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
46.	Nhanh lên bạn ơi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
47.	Cầu thủ bóng rổ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
48.	Bật chụm, tách chân qua các vòng	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
49.	Chuyền bóng qua đầu	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
50.	Thỏ con nghe lời mẹ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 4: Thầy/Cô vui lòng cho biết suy nghĩ và sự lựa chọn phù hợp cho các tiêu chí đánh giá thể lực cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Tiêu chí		Mức độ				
		Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
1.	Chạy nhanh 10m (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Bật xa tại chỗ (cm)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Lực bóp tay thuận (kg)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Đập và bắt bóng bằng 2 tay (lần/phút)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Ném xa bằng tay thuận (m)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Ngồi gập thân về trước (cm)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Thăng bằng trên 1 chân (giây)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Trình độ chuyên môn

☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Sau đại học

2. Loại hình trường đang công tác

☐ Công lập ☐ Ngoài công lập ☐ Nhóm trẻ gia đình

3. Thâm niên công tác

☐ 1 - 5 năm ☐ 5 - 10 năm ☐ Trên 10 năm

4. Chức vụ

☐ GVMN ☐ Tổ trưởng chuyên môn ☐ Ban Giám hiệu

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý thầy (cô)!

Phụ lục 3

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC
THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KHẢO SÁT

(dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non)

Để góp phần nâng cao hiệu quả phát triển một số kỹ năng qua việc ứng dụng trò chơi vận động cho trẻ mầm non 4-5 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi mong được sự giúp đỡ của các thầy (cô) qua việc trả lời các câu hỏi sau bằng cách đánh dấu “X” vào ô “□” lựa chọn. Ý kiến của thầy (cô) chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Câu 1. Thầy/Cô cho biết về sự cần thiết của trò chơi vận động đối với trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

☐ Rất cần thiết ☐ Cần thiết ☐ Bình thường ☐ Ít cần thiết ☐ Không cần thiết

Câu 2. Thầy/cô cho biết về mức độ ứng dụng trò chơi vận động cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi ở trường mầm non hiện nay?

☐ Rất thường xuyên ☐ Thường xuyên ☐ Thỉnh thoảng ☐ Ít khi ☐ Không bao giờ

Câu 3. Thầy/Cô ứng dụng trò chơi vận động cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi nhằm mục đích?

Mục đích		Mức độ				
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Ít quan trọng	Không quan trọng
1.	Phát triển kỹ năng vận động cơ bản cho trẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Tạo hứng thú vận động cho trẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Phát triển các tổ chất thể lực cho trẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Hình thành kiến thức, kỹ năng vận động mới cho trẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Phát triển kỹ năng xã hội cho trẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Giáo dục tình cảm cho trẻ trong mối quan hệ bạn bè khi tham gia trò chơi	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Đa dạng hóa hình thức giáo dục	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 4. Theo Thầy/Cô vai trò của trò chơi vận động đối với sự phát triển kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội của trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

☐ Rất quan trọng ☐ Quan trọng ☐ Bình thường ☐ Ít quan trọng ☐ Không quan trọng

Câu 5. Thầy/Cô ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển kĩ năng vận động cơ bản và kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi vào thời điểm nào trong các hoạt động giáo dục tại trường mầm non?

Hoạt động giáo dục		Tần suất				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít khi	Không bao giờ
1.	Thể dục buổi sáng	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Hoạt động góc	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Hoạt động Giáo dục thể chất	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Chơi chuyển giờ học	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Hoạt động buổi chiều	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Trò chơi vận động (chuyên biệt)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Hoạt động ngoài trời	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 6. Thầy/Cô cho biết mức độ đáp ứng và chất lượng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của trường phục vụ cho tổ chức trò chơi vận động hiện nay?

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học		Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Thấp	Rất thấp
1.	Phòng giáo dục thể chất (phòng đa năng)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Sân chơi, khu vực chơi ngoài trời (tối thiểu 3m ² /trẻ)	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Sách, tài liệu, học liệu tham khảo về trò chơi vận động	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Các dụng cụ tập luyện hiện đại, tiên tiến	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục thể chất, trò chơi vận động	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 7. Thầy/Cô gặp khó khăn gì khi tổ chức trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi?

Khó khăn		Mức độ		
		Rất khó khăn	Khó khăn	Không khó khăn
1.	Trẻ chưa chủ động trong quá trình chơi	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Sự chênh lệch về nhận thức, kỹ năng và kinh nghiệm của trẻ ảnh hưởng đến quá trình chơi	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Số lượng trẻ trong lớp đông	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	GV chịu áp lực của các hoạt động giáo dục và chăm sóc trẻ tại trường MN	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Lựa chọn, thiết kế trò chơi vận động phù hợp	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Thời gian tổ chức trò chơi vận động còn hạn chế	☐ 3	☐ 2	☐ 1

Câu 8. Thầy/Cô cho biết để ứng dụng trò chơi vận động có hiệu quả hơn trong việc phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi cần có những điều kiện gì?

Điều kiện		Mức độ				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Ít cần thiết	Không cần thiết
1.	Đổi mới hình thức tổ chức trò chơi vận động phù hợp với trẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
2.	Lựa chọn, thiết kế trò chơi vận động phù hợp với trẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
3.	Điều chỉnh, bổ sung và phân loại trò chơi vận động	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
4.	Có tiêu chí đánh giá cụ thể	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
5.	Có tài liệu hướng dẫn sử dụng trò chơi vận động	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
6.	Có kế hoạch ứng dụng trò chơi vận động nhằm phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ hợp lý	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
7.	Có môi trường chơi phù hợp	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1
8.	Đồ dùng, đồ chơi phong phú hấp dẫn trẻ	☐ 5	☐ 4	☐ 3	☐ 2	☐ 1

THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Trình độ chuyên môn

☐ Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Sau đại học

2. Loại hình trường đang công tác

☐ Công lập ☐ Ngoài công lập ☐ Nhóm trẻ gia đình

3. Thâm niên công tác

☐ 1 - 5 năm ☐ 5 - 10 năm ☐ Trên 10 năm

4. Chức vụ

☐ GVMN ☐ Tổ trưởng chuyên môn ☐ Ban Giám hiệu

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý thầy (cô)!

Phụ lục 4

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

PHIẾU QUAN SÁT

(Xây dựng thang đo chính thức để đánh giá KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi)

Người quan sát:

Trường:

Họ tên trẻ:

Lớp: Mẫu giáo 4 – 5 tuổi

Đánh dấu “X” vào ô phù hợp với mức độ thực hiện thường xuyên với tiêu chí trong bảng sau:

Mức 5: Trẻ thường xuyên, chủ động thực hiện, không cần giúp đỡ

Mức 4: Trẻ thường xuyên thực hiện, thỉnh thoảng cần giúp đỡ

Mức 3: Trẻ thỉnh thoảng thực hiện, cần có sự giúp đỡ

Mức 2: Trẻ hiếm khi thực hiện, cần nhiều sự giúp đỡ

Mức 1: Trẻ không bao giờ thực hiện

Các kỹ năng xã hội		Mức độ				
		5	4	3	2	1
1. Kỹ năng tương tác xã hội						
1.1	Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn					
1.2	Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè					
1.3	Tập trung và duy trì chú ý khi chơi với cô, bạn bè					
1.4	Chơi thường xuyên với nhóm bạn					
1.5	Làm quen với bạn					
1.6	Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình					
1.7	Tiếp cận có chọn lựa với người khác để khởi xướng sự tương tác					
2. Kỹ năng tuân theo nội quy						
2.1	Không tự do di chuyển khỏi chỗ					
2.2	Ngồi đúng vị trí					
2.3	Giơ tay khi muốn trả lời					

5. Kỹ năng giải quyết vấn đề						
5.1	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác					
5.2	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác (cô giáo, bạn bè) khi cần thiết					
5.3	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn					
5.4	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm					
5.5	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường					

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC

THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Đánh giá KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi)

Họ tên trẻ:

Đánh dấu “X” vào ô phù hợp với mức độ thực hiện thường xuyên với tiêu chí trong sau:

Mức 4: Trẻ thường xuyên thực hiện, thỉnh thoảng cần giúp đỡ

Mức 2: Trẻ hiếm khi thực hiện, cần nhiều sự giúp đỡ

Mức 1: Trẻ không bao giờ thực hiện

Các kĩ năng xã hội		Mức độ đánh giá				
		5	4	3	2	1
1. Kĩ năng tương tác xã hội						
1.1	Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn					
1.2	Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè					
1.3	Tập trung và duy trì chú ý khi chơi với cô, bạn bè					
1.4	Chơi thường xuyên với nhóm bạn					
1.5	Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình					
2. Kĩ năng tuân theo nội quy						
2.1	Không nói tự do, không gây ồn ào					
2.2	Chơi đúng góc					
2.3	Biết cất đồ chơi sau khi chơi					
2.4	Đi vệ sinh, vứt rác đúng nội quy định					
3. Kĩ năng giao tiếp						
3.1	Nhìn vào đối tượng giao tiếp					

3.2	Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp					
3.3	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối					
3.4	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi					
3.5	Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp					
4. Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội						
4.1	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác					
4.2	Mượn đồ dùng của bạn và biết trả lại					
4.3	Làm theo chỉ dẫn					
4.4	Chấp nhận lời từ chối					
4.5	Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn					
4.6	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh					
5. Kỹ năng giải quyết vấn đề						
5.1	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác					
5.2	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác (cô giáo, bạn bè) khi cần thiết					
5.3	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn					
5.4	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm					
5.5	Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường					

Phụ lục 6

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC
THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TIÊU CHÍ VÀ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG XÃ HỘI CHO TRẺ MẦM NON 4 – 5 TUỔI

Các KNXH	Mức độ				
	1	2	3	4	5
Kĩ năng tương tác xã hội	Trẻ không thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tương tác xã hội kể cả khi trẻ được hỗ trợ tích cực.	Trẻ có thể thực hiện được một vài chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tương tác xã hội; Trẻ cần sự hỗ trợ tích cực để thực hiện các yêu cầu; Trẻ thường xuyên không đáp ứng lại yêu cầu.	Trẻ có thể thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tương tác xã hội; Nhưng trẻ cần có sự hỗ trợ hoặc nhắc nhở; Đôi khi trẻ không thực hiện.	Trẻ thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tương tác xã hội; Thỉnh thoảng trẻ cần được nhắc nhở hoặc hỗ trợ để thực hiện.	Trẻ thực hiện được tất cả các chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tương tác xã hội mà không cần có sự giúp đỡ như: chào hỏi, hợp tác, chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với cô và bạn.
Kĩ năng tuân theo nội quy	Trẻ không thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tuân theo nội quy kể cả khi trẻ được hỗ trợ tích cực.	Trẻ có thể thực hiện được một vài chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tuân theo nội quy; Trẻ cần sự hỗ trợ tích cực để thực hiện các yêu cầu; Trẻ thường xuyên không đáp ứng lại yêu cầu	Trẻ có thể thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tuân theo nội quy; Nhưng trẻ cần có sự hỗ trợ hoặc nhắc nhở; Đôi khi trẻ không thực hiện	Trẻ thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tuân theo nội quy; Thỉnh thoảng trẻ cần được nhắc nhở hoặc hỗ trợ để thực hiện.	Trẻ thực hiện được tất cả các chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng tuân theo nội quy mà không cần có sự giúp đỡ như: biết xin phép khi ra vào lớp, ngồi đúng vị trí, giao tay khi muốn trả lời, ...

Kỹ năng giao tiếp	Trẻ không thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng giao tiếp kể cả khi trẻ được hỗ trợ tích cực.	Trẻ có thể thực hiện được một vài chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng giao tiếp; Trẻ cần sự hỗ trợ tích cực để thực hiện các yêu cầu; Trẻ thường xuyên không đáp ứng lại yêu cầu.	Trẻ có thể thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng giao tiếp; Nhưng trẻ cần có sự hỗ trợ hoặc nhắc nhở; Đôi khi trẻ không thực hiện.	Trẻ thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng giao tiếp; Thỉnh thoảng trẻ cần được nhắc nhở hoặc hỗ trợ để thực hiện các kỹ năng.	Trẻ thực hiện được tất cả các chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng giao tiếp mà không cần có sự giúp đỡ như: biết lắng nghe ý kiến của người khác; nhìn, tập trung vào đối tượng giao tiếp; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp khi giao tiếp; biết cách khởi xướng giao tiếp.
Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội	Trẻ không thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội kể cả khi trẻ được hỗ trợ tích cực.	Trẻ có thể thực hiện được một vài chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội; Trẻ cần sự hỗ trợ tích cực để thực hiện các yêu cầu; Trẻ thường xuyên không đáp ứng lại yêu cầu.	Trẻ có thể thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội; Nhưng trẻ cần có sự hỗ trợ hoặc nhắc nhở; Đôi khi trẻ không thực hiện.	Trẻ thực hiện được các chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội; Thỉnh thoảng trẻ cần được nhắc nhở hoặc hỗ trợ để thực hiện.	Trẻ thực hiện được tất cả các chỉ dẫn trong nhóm kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội mà không cần có sự giúp đỡ như: biết mượn và trả đồ dùng cho cô và bạn; biết làm theo chỉ dẫn; chấp nhận sự phân công của cô và bạn; kiềm chế được hành vi nóng giận...
Kỹ năng giải quyết vấn đề	Trẻ không thực hiện được các chỉ	Trẻ có thể thực hiện được một vài	Trẻ có thể thực hiện được các chỉ	Trẻ thực hiện được các chỉ dẫn trong	Trẻ thực hiện được tất cả các chỉ dẫn trong

	dẫn trong nhóm kĩ năng giải quyết vấn đề liên cá nhân kể cả khi trẻ được hỗ trợ tích cực.	chỉ dẫn trong nhóm kĩ năng giải quyết vấn đề liên cá nhân; Trẻ cần sự hỗ trợ tích cực để thực hiện các yêu cầu; Trẻ thường xuyên không đáp ứng lại yêu cầu.	dẫn trong nhóm kĩ năng giải quyết vấn đề liên cá nhân; Nhưng trẻ cần có sự hỗ trợ hoặc nhắc nhở; Đôi khi trẻ không thực hiện.	nhóm kĩ năng giải quyết vấn đề liên cá nhân; Thỉnh thoảng trẻ cần được nhắc nhở hoặc hỗ trợ để thực hiện.	nhóm kĩ năng giải quyết vấn đề liên cá nhân mà không cần có sự giúp đỡ.
--	--	--	--	--	--

Phụ lục 7

Ma trận mục tiêu phát triển kỹ năng theo trò chơi vận động cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

Mục tiêu	Tiêu chí đánh giá	Tên trò chơi vận động
Phát triển KNVĐCB	Vận động đi, chạy, giữ thăng bằng	- Mèo đuổi chuột - Cầu thủ bóng rổ - Sáo sậu sang sông - Bật chụm, tách chân qua các vòng - Tặng quà - Chú bộ đội hành quân - Phi ngựa - Chân ai khéo léo - Vòng tròn thông minh - Các chú lính cứu hỏa dũng cảm - Thỏ tìm chuồng
	Vận động bò, trườn, trèo	- Vượt Trường Sơn - Rắn bò - Chú bộ đội hành quân - Tìm kho báu - Chú chuột tinh nhanh - Lùa vịt về chuồng
	Vận động tung, ném, bắt	- Vượt Trường Sơn - Bé là vận động viên - Quả bóng tìm bạn - Chạy tiếp cờ - Mèo đuổi chuột - Cầu thủ bóng rổ
	Vận động bật, nhảy	- Thỏ cóc thi tài - Chạy theo tín hiệu đèn giao thông - Chú ong chăm chỉ - Cầu thủ bóng rổ - Bật chụm, tách chân qua các vòng - Chạy cùng bóng lăn - Phi ngựa - Ai làm nổ nhiều nhất - Ai bật nhanh hơn -Ếch nhảy qua ao - Lùa vịt về chuồng

Phát triển KNXH	Kĩ năng tương tác xã hội	- Mèo đuổi chuột - Rắn bò - Bé là vận động viên - Cầu thủ bóng rổ - Sáo sậu sang sông - Tặng quà - Ai làm nổ bóng nhiều hơn - Quả bóng tìm bạn - Vòng tròn thông minh - Chạy tiếp cờ
	Kĩ năng tuân thủ nội quy	- Thỏ cóc thi tài - Bé là vận động viên - Chú ong chăm chỉ - Sáo sậu sang sông - Bật chụm, tách chân qua các vòng - Chú bộ đội hành quân - Ai bật nhanh hơn - Quả bóng tìm bạn -Ếch nhảy qua ao
	Kĩ năng giao tiếp	- Mèo đuổi chuột - Bé là vận động viên - Cầu thủ bóng rổ - Sáo sậu sang sông - Chú bộ đội hành quân - Phi ngựa - Chân ai khéo hơn - Chú chuột tinh nhanh - Vòng tròn thông minh -Ếch nhảy qua ao - Lùa vịt về chuồng
	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	- Chạy theo đèn tín hiệu giao thông - Bé là vận động viên - Chú ong chăm chỉ - Tặng quà - Tìm kho báu - Ai làm nổ bóng nhiều hơn - Chân ai khéo hơn

		- Chú chuột tinh nhanh - Các chú lính cứu hỏa dũng cảm
	Kĩ năng giải quyết vấn đề	- Thỏ cóc thi tài - Vượt Trường Sơn - Rắn bò - Sáo sậu sang sông - Chạy cùng bóng lẩn - Ai làm nổ bóng nhiều hơn - Chân ai khéo hơn - Ai bật nhanh hơn - Chạy tiếp cờ - Chú chuột tinh nhanh - Các chú lính cứu hỏa dũng cảm - Thỏ tìm chuông - Lùa vịt về chuồng

Phụ lục 8

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO & DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH THỰC NGHIỆM

Thời gian: từ 9/2022 đến tháng 05/2023 năm học 2022-2023

Thời gian	Tuần	Thứ				
		Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
3 tuần 12/9/2022 - 30/9/2022	1	Trò chơi Chạy tiếp cò	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Phi ngựa
	2	Trò chơi Éch nhảy qua ao	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Lùa vịt về chuồng	Trò chơi Chú bộ đội hành quân
	3	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh
4 tuần 3/10/2022 - 28/10/2022	4	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Chân ai khéo hơn
	5	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Sáo sâu sang sông	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Mèo đuổi chuột
	6	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Chạy tiếp cò	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Éch nhảy qua ao
	7	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Lùa vịt về chuồng
4 tuần 31/10/2022	8	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Éch nhảy qua ao	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn

- 25/11/2022	9	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh	Trò chơi Lúa vịt về chuồng	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông
	10	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Vòng tròn thông minh
	11	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Chạy tiếp cò
5 tuần 28/11/2022 - 30/12/2022	12	Trò chơiẾch nhảy qua ao	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh
	13	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Sáo sậu sang sông	Trò chơi Lúa vịt về chuồng
	14	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơiẾch nhảy qua ao
	15	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Quả bóng tìm bạn
2 tuần 03/01/2023 -13/01/2023	16	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng
	17	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Lúa vịt về chuồng	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Phi ngựa
4 tuần 30/01/2023 - 24/02/2023	18	Trò chơi Sáo sậu sang sông	Trò chơi Chạy tiếp cò	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Vượt Trường Sơn
	19	Trò chơiẾch nhảy qua ao	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	Trò chơi Tìm kho báu

	20	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Tặng quà
	21	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Vượt Trường Sơn	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng
5 tuần 27/02/2023 - 31/3/2023	22	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Sáo sâu sang sông
	23	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Lùa vịt về chuồng
	24	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Mèo đuổi chuột	Trò chơi Ai bật nhanh hơn	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng
	25	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Vòng tròn thông minh	Trò chơi Sáo sâu sang sông	Trò chơi Quả bóng tìm bạn	Trò chơi Vượt Trường Sơn
	26	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Mèo đuổi chuột	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	Trò chơi Tìm kho báu
4 tuần 03/4/2023 - 28/4/2023	27	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông
	28	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Chú bộ đội hành quân	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn
	29	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Chân ai khéo hơn	Trò chơi Chạy tiếp cò	Trò chơi Éch nhảy qua ao	Trò chơi Mèo đuổi chuột
	30	Trò chơi Sáo sâu sang sông	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn	Trò chơi Tặng quà	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm

3 tuần 03/5/2023 - 19/5/2023	31	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Thỏ tìm chuồng	Trò chơi Tìm kho báu	Trò chơi Mèo đuổi chuột
	32	Trò chơi Rắn bò	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài	Trò chơi Chú ong chăm chỉ	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng	Trò chơi Ai bật nhanh hơn
	33	Trò chơi Mèo đuổi chuột	Trò chơi Lùa vịt về chuồng	Trò chơi Phi ngựa	Trò chơi Bé là vận động viên	Trò chơi Chạy tiếp cò

Phụ lục 9

**TIẾN TRÌNH THỰC NGHIỆM CÁC TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẦM NON 4 – 5 TUỔI Ở
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

[illegible]

22.	Sáo sậu sang sông							x								
23.	Thỏ Cóc thi tài								x							
24.	Bé là vận động viên									x						
25.	Mèo đuổi chuột										x					
26.	Chú ong chăm chỉ											x				

TT	TCVĐ	Tháng tuần thứ	Tháng 10/2022					Tháng 11/2022									
			4					1					2				
			Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
1.	Chạy tiếp cò																
2.	Thỏ tìm chuồng	x															
3.	Tìm kho báu																
4.	Chân ai khéo hơn												x				
5.	Phi ngựa																
6.	Ếch nhảy qua ao								x								
7.	Vòng tròn thông minh			x													
8.	Ai làm nổ bóng nhiều hơn							x									
9.	Lùa vịt về chuồng						x								x		
10.	Chú bộ đội hành quân										x						
11.	Các chú lính cứu hỏa dũng cảm		x														
12.	Ai bật nhanh hơn				x												
13.	Quả bóng tìm bạn									x							
14.	Chạy cùng bóng lăn											x					
15.	Chú chuột tinh nhanh													x			

[illegible][illegible]

[illegible]

16.	Tặng quà											x				
17.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông				x											
18.	Vượt Trường Sơn													x		
19.	Rắn bò												x			
20.	Chân ai khéo hơn															
21.	Bật chụm, tách chân qua các vòng															x
22.	Sáo sậu sang sông															
23.	Thỏ Cóc thi tài															
24.	Bé là vận động viên															
25.	Mèo đuổi chuột															
26.	Chú ong chăm chỉ															

TT	Tháng tuần thứ TCVĐ	Tháng 03/2023														
		1					2					3				
		Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
1.	Chạy tiếp cờ															
2.	Thỏ tìm chuồng				x											
3.	Tìm kho báu							x								
4.	Chân ai khéo hơn															
5.	Phi ngựa															
6.	Ếch nhảy qua ao															
7.	Vòng tròn thông minh															
8.	Ai làm nổ bóng nhiều hơn															
9.	Lùa vịt về chuồng										x					

10.	Chú bộ đội hành quân	x														
11.	Các chú lính cứu hỏa dừng cảm															
12.	Ai bật nhanh hơn													x		
13.	Quả bóng tìm bạn															
14.	Chạy cùng bóng lăn						x									
15.	Chú chuột tinh nhanh			x												
16.	Tặng quà															
17.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông		x													
18.	Vượt Trường Sơn															
19.	Rắn bò															
20.	Chân ai khéo hơn											x				
21.	Bật chụm, tách chân qua các vòng															x
22.	Sáo sậu sang sông					x										
23.	Thỏ Cóc thi tài								x							
24.	Bé là vận động viên									x						
25.	Mèo đuổi chuột												x			
26.	Chú ong chăm chỉ														x	

TT	Tháng tuần thứ TCVĐ	Tháng 03/2023										Tháng 04/2023				
		4					5					1				
		Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
1.	Chạy tiếp cờ															
2.	Thỏ tìm chuông															
3.	Tìm kho báu										x					

[illegible]

16.	Tặng quà															
17.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông															
18.	Vượt Trường Sơn															
19.	Rắn bò						X									
20.	Chân ai khéo hơn															
21.	Bật chụm, tách chân qua các vòng									X						
22.	Sáo sậu sang sông															
23.	Thỏ Cóc thi tài							X								
24.	Bé là vận động viên		X												X	
25.	Mèo đuổi chuột					X						X				
26.	Chú ong chăm chỉ								X							

Phụ lục 10

MÔ TẢ NỘI DUNG 26 TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG VẬN ĐỘNG CƠ BẢN VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI CHO TRẺ MẦM NON 4 – 5 TUỔI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TT	NỘI DUNG TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG
1.	Trò chơi Mèo đuổi chuột a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện kỹ năng vận động chạy và phát triển các tố chất vận động: nhanh nhẹn, khéo léo. - Rèn luyện trí nhớ của trẻ b. Chuẩn bị: - Không gian rộng để trẻ có thể chạy nhảy tự do. c. Cách chơi: - Trẻ nắm tay nhau đứng thành vòng tròn, chọn ra hai trẻ đóng vai “mèo” và “chuột” đứng quay lưng vào nhau ở giữa vòng tròn. Tất cả cùng hát bài đồng dao: Mời bạn ra đây Ta nắm chặt tay Đứng thành vòng rộng Chuột luôn lỗ hổng Mèo chạy đằng sau Chạy vội, chạy mau Chạy đâu cho thoát? Thế rồi chàng chuột Lại đóng vai mèo Co cẳng chạy theo Bác mèo hóa chuột. - Khi hát đến câu cuối: “chuột” bắt đầu chạy, “mèo” đuổi theo sau. Chuột phải nhanh nhẹn lượn qua các kẽ hở giữa các bạn để trốn “mèo”. “mèo” thắng khi bắt được “chuột”. Hai trẻ lại đổi vai cho nhau hoặc thay bằng hai trẻ khác để tiếp tục trò chơi.

2.	Trò chơi Thỏ Cóc thi tài a. Mục đích: - Củng cố vận động bật chụm chân liên tục qua các dấu chân. - Rèn luyện sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, phát triển sự khéo léo của đôi tay. - Giáo dục trẻ tích cực, vui vẻ, hào hứng phối hợp vận động nhịp nhàng với bạn. b. Chuẩn bị: - Sân chơi rộng rãi, sạch sẽ, thoáng mát không có vật nguy hiểm. - Vẽ hoặc dán trên miếng bìa các dấu chân (hình vẽ). - Mô hình cây ăn quả, thang, sào treo đồ, 2 rổ đựng nhiều quả ròi (số lượng như nhau) để dưới gốc cây. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia lớp thành 2 đội Thỏ, Cóc. - Trong khu vườn có tổ chức cuộc thi “Con vật nhanh nhẹn”. - Cuộc thi bắt đầu. - Hai trẻ đầu hàng của 2 đội Thỏ, Cóc bật chụm chân liên tục theo dấu chân; - Đi đến cây chọn quả (theo yêu cầu) để treo lên cây. - Đội nào gắn quả xong trước sẽ chiến thắng. - Các lượt chơi tiếp theo sẽ đổi vai chơi cho nhau. - Không được chạm chân vào vạch xuất phát, đi đúng đường. Nếu không sẽ không được chơi tiếp.
3.	Trò chơi Vượt Trường Sơn a. Mục đích: - Củng cố vận động chạy qua các chướng ngại vật, phối hợp các kỹ năng vận động bò, nhảy, ném nhịp nhàng. - Phát triển sức mạnh, khéo léo, dẻo dai, nhanh nhẹn. quan sát và định hướng trong không gian cho trẻ. - Giáo dục trẻ vui vẻ, tích cực tham gia hoạt động vui chơi cùng bạn bè. b. Chuẩn bị: - Hamm chui (hoặc thùng carton). - Phấn vạch - Dây treo vòng

	- Chai nhựa có cổ chai hình cổ vịt (hoặc hình khác). c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành các nhóm (mỗi nhóm tối đa 5 trẻ). - Cho trẻ xếp hàng dọc sau vạch xuất phát. Khi nghe hiệu lệnh của cô, trẻ chạy lên bật (chụm 2 chân) qua “suối”, chạy, bò chui qua đường hầm, chạy đến dây treo vòng, nhảy lên cao lấy vòng bằng 2 tay sau đó đứng lại tại chỗ ném vòng vào cổ chai, chạy về xếp cuối hàng. * Yêu cầu: - Trẻ trước chạy đến hầm, bò chui qua hầm thì trẻ sau bắt đầu chạy từ điểm xuất phát không chờ hiệu lệnh của cô. - Trẻ chơi liên tục trong phòng 15 phút, không hạn chế số lần chơi của trẻ.
4.	Trò chơi Rắn bò a. Mục đích: - Rèn luyện vận động bò bằng bàn tay và bàn chân dích dắc qua các chướng ngại vật, phối hợp các bộ phận trên cơ thể để trườn về phía trước. - Phát triển sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, khả năng định hướng trong không gian. - Mở rộng vốn hiểu biết về thế giới xung quanh, tăng cường trí tưởng tượng. b. Chuẩn bị: - Cho trẻ tập ở phòng lớp, phòng thể dục hoặc sảnh thể rộng rãi, sạch sẽ. - Kẻ 2 vạch song song cách nhau 6 - 8 m, dài 2 – 3 m. - Một số chướng ngại vật. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành từng nhóm (mỗi nhóm tối đa 5 trẻ) đứng thành hàng dọc sau vạch xuất phát. - Khi có hiệu lệnh của cô, trẻ đầu tiên nằm xuống, ngực vươn cao, mắt nhìn về phía trước, bụng và chân áp sát đất, dùng 2 tay duỗi về phía trước, sau đó co tay lại để kéo lết thân người theo. Trườn đến vạch đích trẻ đứng lên chạy trở về xếp cuối hàng chờ đến lượt sau.

	- Lần đầu cho trẻ trườn thẳng, khi trẻ thành thạo có thể đặt một số chướng ngại vật (con ki, đồ chơi, khối gỗ ...) để trẻ trườn người quanh co qua các chướng ngại vật (giống như rắn bò). * Yêu cầu: - Trẻ trước trườn được nửa đường thì trẻ sau bắt đầu xuất phát, không chờ hiệu lệnh của cô. - Cho trẻ chơi liên tục trong khoảng thời gian 10 phút, không hạn chế số lần chơi của trẻ.
5.	Trò chơi Bé là vận động viên a. Mục đích: - Trẻ biết dùng sức của tay để ném xa. - Khi chạy biết nhấc cao chân, xác định được hướng chạy. - Trẻ biết phối hợp chân - tay, thực hiện chính xác các vận động. - Rèn luyện khả năng nhanh nhẹn, khéo léo, khả năng tập trung, chú ý ở trẻ. - Giáo dục trẻ có tinh thần tập thể, kỉ luật trong luyện tập. - Hăng hái, đoàn kết tham gia tích cực cùng các bạn. b. Chuẩn bị: - 20 – 30 túi cát, cờ để ở đích. - Địa điểm : Tổ chức ngoài trời. Sân tập thoáng mát, sạch sẽ, bằng phẳng. c. Cách chơi – luật chơi: - Đứng chân trước, chân sau, tay phải cầm túi cát đưa từ trước ra sau, lên trên đầu, thân người trên hơi ngả ra sau. Cánh tay thẳng, dùng sức của tay, vai và thân người ném mạnh về phía trước, sau đó chạy nhanh về phía đích rồi chạy về cuối hàng. - Từng nhóm trẻ lần lượt lên thực hiện - Trẻ ném mạnh tay, chạy thẳng hướng.
6.	Trò chơi Chạy theo đèn tín hiệu giao thông a. Mục đích: - Trẻ nắm được các tư thế bật liên tục qua 4-5 vòng - Trẻ hiểu được luật của trò chơi - Bật đúng tư thế, không chạm vào vòng - Rèn luyện sự khéo léo, nhanh nhẹn của trẻ thông qua trò chơi

	- Giáo dục trẻ tinh thần đoàn kết, tham gia tích cực vào hoạt động b. Chuẩn bị: - 8-10 cái vòng có đường kính 10cm - Đèn tín hiệu giao thông - Mô hình bến xe c. Cách chơi – luật chơi: - Cô chia trẻ thành hai đội, mỗi đội đứng ngay vạch xuất phát của đội mình. - Khi cô bật nhạc, lần lượt từng trẻ sẽ làm thao tác tay như lái xe di chuyển qua các vật cản trên đường. (đi vòng dích dắc qua lon nước, nhảy bật liên tục vào các vòng, đi theo đường kẻ thẳng) - Khi cô giơ tín hiệu vàng trẻ đi chậm lại, tín hiệu xanh trẻ đi nhanh và tín hiệu đỏ trẻ sẽ dừng lại. - Trẻ sẽ di chuyển đến khi về bến xe, đội nào có tất cả các thành viên về bến nhanh nhất là đội chiến thắng. - Khi trẻ đầu tiên về bến xe, trẻ thứ 2 mới được tiếp tục đi chuyển, lần lượt đến hết. - Phải bật nhảy đúng tư thế vào các vòng.
7.	Trò chơi Chú ong chăm chỉ a. Mục đích: - Cùng cố vận động bật liên tục hai chân về phía trước. - Rèn luyện sự khéo léo, nhanh nhẹn, mạnh mẽ, bền bỉ cho trẻ. - Giáo dục sự yêu thích lao động, chăm chỉ làm việc như bác nông dân, như các chú ong, sẵn sàng giúp đỡ người khác. b. Chuẩn bị: - Mũ ong, cánh ong, bình tưới nước, giỏ, mô hình cây hoa. - Xô nhựa đựng nước, gáo múc nước (nếu chơi đổ nước vào xô). c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành 2 đội. - Cho trẻ đội mũ và đeo cánh ong để hóa thân thành chú ong giúp bác nông dân chăm sóc vườn hoa. - Khi nghe hiệu lệnh của cô, hai trẻ đầu tiên của mỗi đội sẽ bật bằng hai chân vào các lá hoa bên trái.

	- Bật qua hết các ô, trẻ lấy bình tưới nước cho hoa mau lớn (hoặc mức nước đổ vào bình). Sau đó nhảy lò cò trở về trên các lá hoa bên phải. - Bạn tiếp theo tiếp tục. - Bật nhẹ nhàng bằng hai chân vào các lá hoa. - Đội nào mức hết nước (tưới hết nước cho hoa) hoặc chuyển nước vào bình được nhiều hơn là chiến thắng.
8.	Trò chơi Cầu thủ bóng rổ a. Mục đích: - Củng cố vận động chạy dích dắc cho trẻ, phối hợp kỹ năng vận động bật nhảy. - Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo, sức bền cho trẻ. - Giáo dục trẻ chơi chơi vui vẻ, đoàn kết với bạn bè b. Chuẩn bị: - Rổ đựng bóng. - Lưới bóng rổ, bóng nhựa hoặc cao su. - Chướng ngại vật (lon sữa, khối gỗ (nhựa), con ki...) - Gậy thể dục hoặc phấn vạch. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành các nhóm (mỗi nhóm tối đa 5 trẻ). - Cho trẻ xếp hàng dọc sau vạch xuất phát. Khi nghe hiệu lệnh của cô, trẻ chạy lên bật xa qua 3 đường vạch song song, chạy đến rổ bóng, lấy bóng để dưới 2 chân chạy lùa bóng theo đường lượn vòng dích dắc qua các chướng ngại vật. Sau đó trẻ ôm bóng chạy đến lưới bóng rổ nhảy cao lên ném bóng vào rổ, chạy nhanh về xếp cuối hàng. * Yêu cầu: - Trẻ trước bắt đầu chạy lượn vòng dích dắc thì trẻ sau có thể xuất phát, không chờ hiệu lệnh của cô. - Trẻ chơi liên tục trong phòng 15 phút, không hạn chế số lần chơi của trẻ.
9.	Trò chơi Sáo sậu sang sông a. Mục đích: - Rèn luyện trẻ chạy nhanh, cố gắng chạy về tổ. - Phát triển sự chú ý, tốc độ phản ứng với tín hiệu.

	- Giáo dục trẻ biết thỏa thuận, hợp tác với bạn, vui vẻ, đoàn kết. b. Chuẩn bị: - Các loại mũ hoá trang: 3 - 4 mũ sáo sậu, 5 – 6 mũ điều hâu. - Vẽ 3 vòng tròn bằng phấn ở sân chơi (vòng tròn to là hồ cá, 2 vòng nhỏ là tổ của sáo sậu và điều hâu). c. Cách chơi – luật chơi: - 5-6 trẻ xung phong làm cá bơi trong hồ, 3 – 4 trẻ làm sáo sậu, 2 trẻ làm điều hâu. - Khi nghe hiệu lệnh “bắt đầu”, các con Sáo Sậu vừa đọc thơ vừa chạy nhanh ra hồ bắt Cá đem về tổ: Sáo sậu sang sông Bắt cá lòng tong Đem ra chợ bán Chợ sáng chợ chiều Gặp phải con điều Cong đuôi mà chạy - Khi Sáo Sậu đọc đến câu cuối cùng của bài thơ thì Điều Hâu sẽ bay đến bắt những con Sáo Sậu nào chưa kịp bay về tổ Sáo Sậu mang về tổ Điều Hâu. * Yêu cầu : - Điều Hâu chỉ bắt Sáo Sậu, không được bắt Cá, Cá sẽ tự chạy về ao khi Sáo Sậu bị Điều Hâu bắt. - Sau vài lượt chơi, cô cho trẻ đổi vai chơi. - Cho trẻ chơi liên tục trong khoảng 15 phút, không hạn chế số lần chơi của trẻ.
10.	Trò chơi Bật chụm, tách chân qua các vòng a. Mục đích: - Trẻ biết cách bật chụm chân, tách chân - Trẻ có kỹ năng thực hiện các vận động: đi, chạy theo hiệu lệnh. - Trẻ chơi có ý thức kỷ luật, tập trung chú ý trong hoạt động, chơi đúng luật chơi. - Phát triển kỹ năng hoạt động theo nhóm b. Chuẩn bị: - Vòng thể dục - Vẽ 2 đường thẳng

	c. Cách chơi – luật chơi: - Cô chia trẻ thành 2 đội - Mỗi đội khi nghe khẩu lệnh của cô lần lượt từng bạn thực hiện nhiệm vụ: Chạy thẳng theo đường kẻ, đến vòng TD sẽ bật chụm chân hoặc tách chân theo vòng cô sắp xếp. - Khi thực hiện xong chạy về đập tay bạn kế tiếp và thực hiện tiếp tục - Trẻ thực hiện đúng kỹ năng bật chụm và tách chân.
11.	Trò chơi Tặng quà a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện kỹ năng vận động cơ bản : chạy đích dắc theo vật chuẩn. - Trẻ rèn kỹ năng định hướng trước – sau, trên – dưới. b. Chuẩn bị: - Một số quà tặng : ba lô, mũ, giày, dép... c. Cách chơi – luật chơi: - Cho một nhóm khoảng 5 – 6 trẻ lên đứng ở các hướng khác nhau làm người nhận quà. - Cho một nhóm trẻ khác có số lượng tương ứng làm người tặng quà. Trẻ tặng quà sẽ chọn một món quà bất kì, sau đó chạy theo đường đích dắc để mang quà đến tặng một bạn nào đó và phải đặt món quà ở đúng vị trí của nó. - Ví dụ : Mũ phải để ở trên đầu của bạn. Ba lô phải để ở sau lưng của bạn... - Khi trẻ đã chơi xong, giáo viên có thể hỏi trẻ: “Con đã tặng quà gì cho bạn ? Con đặt quà đó ở đâu? Đặt ở vị trí đó đã phù hợp chưa? Nếu chưa thì sửa như thế nào?
12.	Trò chơi Chạy cùng bóng lăn a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện kỹ năng vận động cơ bản: bật tách, khép chân. - Tạo không khí chơi sôi nổi cho trẻ. b. Chuẩn bị: - Bóng, sọt đựng bóng. - Phấn vẽ ô trên sân. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành các nhóm (mỗi nhóm tối đa năm trẻ

	- Cho mỗi nhóm trẻ xếp thành hàng dọc, đứng trước vạch xuất phát. Khi nghe hiệu lệnh của giáo viên, trẻ sẽ bật tách, khép chân qua năm ô. Sau đó, trẻ chạy đến sọt đựng bóng, lấy một quả, cúi xuống lăn mạnh để bóng đi thật xa, trẻ chạy theo nhặt bóng. Tiếp tục lăn mạnh bóng nhưng theo hướng ngược lại và cùng chạy theo bóng. Khi bóng dừng, trẻ nhặt bóng, bỏ vào sọt rồi về xếp cuối hàng. Lưu ý: - Trẻ trước bật được nửa số ô, trẻ sau bắt đầu xuất phát không chờ hiệu lệnh của giáo viên. - Trẻ chơi liên tục trong khoảng 10 – 15 phút, không hạn chế số lần chơi.
13.	Trò chơi Chú bộ đội hành quân a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản: chạy, bò, chui, trèo. b. Chuẩn bị: - Chơi ngoài sân trường (có chỗ để trẻ chạy). - Cầu trượt có sẵn trong sân trường. - Vòng chui cao 60 cm (3 – 5 cái dùng để làm “hầm”) hoặc thay bằng thùng giấy đường kính 60 cm. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành 3 nhóm (mỗi nhóm 3 – 5 trẻ) - Cho trẻ xếp hàng dọc sau vạch xuất phát. Khi nghe hiệu lệnh của giáo viên, trẻ bò chui qua “hầm” (vòng chui), leo “đồi” (cầu trượt), chạy về vạch xuất phát, xếp cuối hàng chờ đến lượt sau. Lưu ý: - Khi trẻ số một bò hết đường “hầm” thì trẻ số hai bắt đầu bò. Khi trẻ số một leo “đồi” thì trẻ số ba bắt đầu bò vào được “hầm”. - Sân trường có bao nhiêu cầu trượt thì cho từng dãy trẻ chạy cùng lúc. Giáo viên làm số “hầm” bằng số cầu trượt.
14.	Trò chơi Tìm kho báu a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản: trèo lên, xuống thang và đi. - Rèn luyện sự nhanh nhẹn, khéo léo và khả năng phối hợp, tính tự tin ở trẻ.

	b. Chuẩn bị: - Thang leo. - Thùng giấy lớn. - Hồ phao lớn. - Vòng thẻ dục. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành các nhóm (mỗi nhóm tối đa năm trẻ). Khi nghe hiệu lệnh của giáo viên, trẻ đi đến thang, trèo lên, xuống thang (trèo đèo); tiếp tục đi đến gần hồ phao, lấy phao bơi (vòng thẻ dục), đeo vào người, lội qua hồ phao (lội suối) bỏ phao bơi ra, đi đến kho báu (các thùng giấy), ôm báu vật chạy về nơi đặt kho báu của nhóm mình rồi về xếp vào cuối hàng. Lưu ý: - Trẻ trước đến hồ phao thì trẻ sau bắt đầu xuất phát, không cần chờ hiệu lệnh của giáo viên. - Giáo viên luôn có mặt bên thang leo để giúp đỡ và bảo vệ trẻ.
15.	Trò chơi Phi ngựa a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản: đi khuyu gối và bật. - Rèn luyện sự nhanh nhẹn, khéo léo cho trẻ. b. Chuẩn bị: - Sân bãi bằng phẳng, rộng rãi, an toàn. - Một số chương ngại vật (vòng, bao cát, dây...) đặt trên sàn. - Gậy nhỏ (hoặc que) làm roi ngựa. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành các nhóm (mỗi nhóm 10-12 trẻ) - Cho trẻ đứng chụm hai chân, gối hơi khuyu như đang ngồi trên lưng ngựa. Một tay trẻ cầm que nhỏ giơ cao, tay kia đưa thẳng trước mặt như đang cầm cương ngựa. - Khi nghe hiệu lệnh giáo viên, trẻ đi khuyu gối lên phía trước. Gập rãnh nước, trẻ nhảy qua, gập các phiếm đá (vòng thẻ dục), trẻ nhảy (bật) qua liên tục, rồi vòng về đi đích đặc qua các cây cối trong rừng...theo lời nhạc bài hát “cưỡi ngựa tre”:

	Thú quá này vui ghê Bé cưỡi ngựa bằng que tre Quất mây roi Nó cũng phi Quanh vòng quanh ngựa phi vòng quanh Quanh vòng quanh ngựa phi thật nhanh Băng qua những cánh đồng và băng qua những xóm làng...
16.	Trò chơi Ai làm nổ bóng nhiều hơn a. Mục đích: - Củng cố vận động bật cao tại chỗ. - Rèn luyện sự nhanh nhẹn, khéo léo của đôi tay, phối hợp vận động. - Giáo dục trẻ tự tin, đánh giá được khả năng của mình, biết kiềm chế cảm xúc, hiếu thắng, phối hợp với bạn vì thành công của tổ. b. Chuẩn bị: - Có thể chơi trong lớp hoặc ngoài trời, chơi cả lớp. - Thanh ngang hay lon có khoen để buộc dây bóng bay, treo thành 2 -3 lớp, quả bóng cao cách đầu trẻ 50-60 cm. - Nhiều que tăm, dây để buộc bóng cho các đội. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành 2-3 tổ, xếp hàng dọc sau vạch xuất phát. - Mỗi trẻ lấy sẵn một que tăm. - Khi có hiệu lệnh “Bắt đầu”, những trẻ đầu hàng của mỗi tổ chạy lên, nhún bật thật cao, giơ tăm chọc vào quả bóng trên đầu mình, khi quả bóng nổ thì chạy về đứng cuối tổ mình. * Nâng cao yêu cầu: - Trẻ phải bật lên chạm bóng nổ nhưng không được làm đổ các lon đựng bóng. - Khi nghe dứt hiệu lệnh, các trẻ đứng đầu hàng mới thực hiện. - Trẻ phải bật cao lên để chích vào một quả bóng - Tổ nào có nhiều bạn bật cao, chạm được nhiều bóng nổ ở hàng cao hơn là tổ thắng.

	- Nếu tự thấy không thể bật cao chích cho bóng nổ thì phải chạy về hàng cho bạn tiếp theo chạy lên, không chờ hiệu lệnh của cô.
17.	Trò chơi Chân ai khéo hơn a. Mục đích: - Củng cố kĩ năng dùng chân đẩy bóng qua các chướng ngại vật theo đường đích dắc. - Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo của đôi chân, khả năng định hướng trong không gian. - Giáo dục trẻ bình tĩnh, tự tin, kiên nhẫn, cố gắng, ý chí khắc phục khó khăn, vui vẻ, hòa đồng với bạn bè. b. Chuẩn bị: - Sân chơi rộng, bằng phẳng. - Các đồ vật, đồ chơi nhỏ để tạo thành các chướng ngại vật c. Cách chơi – luật chơi: - Cô sắp xếp những chướng ngại vật từ dễ đến khó qua các lượt chơi. - Trẻ dùng chân đẩy bóng qua các chướng ngại vật theo đường đích dắc rồi tiếp tục dẫn bóng về vị trí xuất phát. - Trẻ về vị trí xuất phát thì trẻ khác tiếp tục lên chơi. Cho tới khi nào hết số lượng trẻ. - Chỉ dùng chân lăn bóng. - Nếu dùng tay hay bộ phận khác sẽ không được chơi tiếp.
18.	Trò chơi Ai bật nhanh hơn a. Mục đích: - Củng cố vận động bật chụm chân liên tục qua các chiếc lá - Rèn luyện sự mạnh mẽ, nhanh nhẹn, khéo léo, khả năng phối hợp vận động. - Giáo dục trẻ trật tự, chú ý, nghe và làm theo đúng hiệu lệnh, luôn cố gắng, tự tin vui vẻ chơi cùng bạn b. Chuẩn bị: - Các chiếc lá sắp xếp theo từng đôi đặt liên tiếp cách nhau 40 cm, các đồ chơi nhỏ đặt đích dắc cách nhau 15cm.

	- Tranh nhà lắp ghép và các miếng ghép rời bằng vải ni có dính băng dán ở mặt sau. c. Cách chơi – luật chơi: - Cho trẻ xếp hàng sau vạch xuất phát. - Khi nghe hiệu lệnh, trẻ đầu hàng bật chụm 2 chân liên tục vào các cặp lá. - Tiếp tục nhảy lò cò dích dắc qua các chướng ngại vật. - Chạy đến bàn lấy một mảnh ghép, ghép vào tranh ngôi nhà của đội mình trên bảng. - Chạy về xếp cuối hàng. - Phải bật chụm chân liên tục, nhẹ nhàng. - Ghép mảnh ghép đúng hình.
19.	Trò chơi Quả bóng tìm bạn a. Mục đích: - Rèn luyện vận động chuyển bóng sang bên phải, bên trái. - Phát triển sự nhanh nhẹn, bền bỉ, khéo léo, định hướng trong không gian. - Giáo dục trẻ ý thức tuân thủ luật chơi, tập trung chú ý, phối hợp tốt với bạn. b. Chuẩn bị: - 2 - 4 quả bóng to c. Cách chơi – luật chơi: - Trẻ đứng thành vòng tròn, dang rộng cánh tay. - Hai trẻ đứng trong vòng tròn đối diện nhau trong tay cầm bóng. - Khi có tín hiệu, cả hai trẻ bắt đầu chuyển bóng cho bạn bên cạnh theo cùng một hướng. - Các bạn trong vòng tròn nhận và chuyển bóng cho bạn càng nhanh càng tốt sao cho quả bóng nọ bắt kịp quả bóng kia. Khi một trẻ nào đó có hai quả bóng, trò chơi bắt đầu lại từ đầu. - Chuyển bóng khoảng 4-5 phút, sau đó những trẻ bắt bóng khéo, chuyển bóng nhanh được khen ngợi. - Bóng phải được chuyển cho bạn đứng cạnh mình, không được chuyển nhảy cóc. - Trẻ nào làm rơi bóng phải nhặt bóng lên, trở về vị trí đứng của mình và chuyển bóng cho bạn bên cạnh.

	* Nâng cao yêu cầu: - Sử dụng bóng có trọng lượng khác nhau. - Sử dụng bóng có kích cỡ khác nhau. - Tăng số lượng bóng nhiều hơn 2 quả trong vòng tròn.
20.	Trò chơi Chú chuột tinh nhanh a. Mục đích: - Củng cố vận động bò bằng bàn tay và cẳng chân, kết hợp với chạy nhanh. - Phát triển sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo, khả năng định hướng trong không gian, phối hợp nhịp nhàng chân - tay – mắt. - Giáo dục trẻ ý thức tổ chức kỉ luật, tính kiên nhẫn, tích cực, vui vẻ, hứa đồng thân thiện với bạn khi chơi. b. Chuẩn bị: - Sân chơi hoặc lớp học rộng rãi, thoáng mát, bằng phẳng, có trái simli hoặc thảm. - 10 – 12 ghế ngồi của trẻ, 3- 4 sợi dây dài 1,5 m. - Buộc nối 3-4 ghế với nhau (cao 50 cm), không buộc sát ghế lại với nhau mà có khoảng cách 30 – 40 cm làm hang chuột. c. Cách chơi - luật chơi: - Đặt những chiếc ghế đã được buộc nối với nhau thành 3, 4 cụm vòng quanh sân. Chuột ở sau những chiếc ghế đó. - Cách đó không xa là nhà của mèo (ghế hoặc ghế thể dục). - Khi nghe giáo viên nói: “Con mèo đang ngủ !” - Chuột con bò chui ra khỏi hang và bò chơi quanh phòng. - Giáo viên nhắc nhở trẻ: Những con chuột hãy im lặng, bò chơi nhẹ nhàng, gây ồn ào làm mèo thức dậy ! - Trẻ bò nhẹ nhàng, lặng lẽ. Sau khoảng 20-25 giây, cô giáo kêu lên: "Con mèo tỉnh dậy!". Con mèo kêu to: "Meo ! Meo !" và chạy đuổi theo những con chuột. Chuột chạy nhanh vào hàng của chúng. - Trò chơi được lặp lại. Thay đổi vai chơi, chuột nào bị mèo đụng vào người có như bị mèo bắt, phải đổi vai cho mèo. - Trẻ bò bằng bàn tay và cẳng chân đi chơi.

	- Khi bị mèo đuổi chuột phải chạy về hang qua những chỗ không có rào chắn (không có ghế). - Chuột nào bị mèo đụng vào người coi như bị mèo bắt, phải đổi vai cho mèo.
21.	Trò chơi Vòng tròn thông minh a. Mục đích: - Cùng cố vận động đi và chạy với tốc độ nhanh, chậm khác nhau theo vòng tròn. - Phát triển khả năng di chuyển theo vòng tròn theo chiều kim đồng hồ và theo hướng ngược lại, phối hợp vận động khéo léo, nhịp nhàng với bạn. - Giáo dục trẻ chơi vui vẻ, đoàn kết, phối hợp nhịp nhàng, tích cực tham gia chơi cùng bạn. b. Chuẩn bị: - Sợi dây dài 4-5 m. c. Cách chơi – luật chơi: - Trẻ đứng thành một vòng tròn, nắm tay nhau và bước đi từ từ, sau đó đi nhanh hơn, chuyển sang chạy, tăng tốc độ từ từ, chạy nhanh dần. - Sau khi trẻ chạy 2-3 vòng, giáo viên cho trẻ chạy từ từ, dừng lại và đưa ra tín hiệu để thay đổi hướng chuyển động. Trẻ quay lại, tiếp tục đi và chạy với các tốc độ khác nhau. - Trẻ đi chậm, dừng lại và chạy tự do khắp sân. - Lần sau có thể chia trẻ thành 2-3 vòng tròn xem vòng tròn nào đi, chạy đúng mà vẫn giữ được vòng tròn đẹp. - Nắm chặt tay nhau, không được thả tay khi chạy. Nếu nhóm nào có trẻ thả tay là thua cuộc. - Thay đổi vận động và hướng di chuyển theo đúng hiệu lệnh.
22.	Trò chơi Các chú lính cứu hỏa dũng cảm a. Mục đích: - Cùng cố vận động chạy đích dắc qua các chai nhựa, phối hợp chân tay nhịp nhàng. - Phát triển sức mạnh, khéo léo, dẻo dai, nhanh nhẹn, quan sát và định hướng trong không gian cho trẻ. - Giáo dục trẻ vui vẻ, tích cực tham gia vui chơi cùng bạn, đoàn kết thực hiện đúng yêu cầu, luật của trò chơi.

	b. Chuẩn bị: - Đồ dùng, dụng cụ đủ cho các đội chơi gồm: Bình cứu hỏa (bằng nhựa), trang phục cứu hỏa như quần áo, mũ, giày (nếu có), chuông báo cháy. - 5-6 đồ chơi, lon sữa chai nước làm chướng ngại vật c. Cách chơi – luật chơi: - Cô chia trẻ làm 2-3 đội, các trẻ đầu hàng của mỗi đội đứng vào vạch xuất phát. - Khi nghe hiệu lệnh thì những trẻ đầu tiên của từng đội sẽ chạy nhanh lên lấy bình xịt dập tắt đám cháy rồi chạy về chạm tay bạn kế tiếp. - Các bạn tiếp theo lần lượt thực hiện đến hết. Đội nào chạy nhanh nhất sẽ chiến thắng. - Chạy theo đúng yêu cầu, không làm ngã các chướng ngại vật. - Đội nào nhanh hơn thì chiến thắng.
23.	Trò chơi Éch nhảy qua ao a. Mục đích: - củng cố vận động bật về phía trước. - Rèn luyện sự nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khả năng phối hợp trong vận động khéo léo, nhịp nhàng. - Giáo dục trẻ vui vẻ, hào hứng chơi cùng bạn, ý thức tổ chức kỉ luật, tuân thủ luật. b. Chuẩn bị: - 2 cái sọt, 20 chiếc lá có cuống dài, 20 lá ghép thành 1 cặp lá. - Vẽ vạch bật, nhạc, sân chơi sạch sẽ, thoáng mát. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia lớp thành 2 đội, đứng sau vạch mức, mỗi bạn sẽ đội mũ éch. - Khi có hiệu lệnh, trẻ nhảy lò cò 1 chân liên tục vào các ô màu xanh hoặc đỏ. - Bật chụm chân liên tục vào các cặp lá, đến cặp lá cuối cùng thì nhảy ra ngoài. - Lấy một lá che lên đầu, chạy về bỏ vào rổ của đội mình - Đập vai bạn kế tiếp để bạn bật nhảy lên. - Những lần chơi sau có thể đổi bật chụm hai chân sang vào các số, sau đó nhảy lò cò qua các cặp lá. - Không được bật nhảy cóc, phải bật qua hết tất cả các vòng tròn số và các cặp lá. - Không được làm rơi lá, nếu bị rơi thì chiếc lá đó không được tính.

	- Khi nhạc kết thúc đội nào có nhiều lá trong sọt hơn sẽ thắng.
24.	Trò chơi Chạy tiếp cờ a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện kỹ năng chạy theo hướng thẳng, chạy theo đường đích dắc. - Phát triển cơ bắp, rèn luyện sự nhanh nhẹn, khéo léo cho trẻ. b. Chuẩn bị: - Hai lá cờ, ghế học sinh. - Sân chơi rộng rãi, an toàn. c. Cách chơi – luật chơi: - Chia trẻ thành hai nhóm bằng nhau. - Trẻ xếp thành hàng dọc. Hai trẻ ở đầu hàng cầm cờ. Đặt ghế theo đường đích dắc cách chỗ trẻ đứng 2 m. - Khi giáo viên hô: “hai, ba”, trẻ phải chạy theo hướng thẳng lên ghế, chạy đích dắc theo ghế rồi về chỗ đưa cờ cho bạn thứ ba. Cứ như vậy, nhóm nào hết lượt trước là thắng cuộc. Trẻ nào không chạy theo đường đích dắc qua các ghế hoặc chưa có cờ đã chạy thì phải quay trở lại chạy từ đầu.
25.	Trò chơi Thỏ tìm chuông a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện kỹ năng vận động cơ bản: chạy. - Trẻ được rèn tố chất vận động: nhanh nhẹn, khéo léo, rèn kỹ năng quan sát. b. Chuẩn bị: - Còi nhựa. - Vòng tròn tượng trưng làm chuông thỏ. - Mũ thỏ, tai thỏ hoặc đồ chơi gắn liền với thỏ. c. Cách chơi – luật chơi: - Khi có hiệu lệnh của giáo viên (có thể dùng hiệu lệnh như: còi, vỗ tay...); tất cả “thỏ”, phải đổi chuông – nghĩa là phải chạy từ chuông này sang chuông khác. - Trong lúc này, những chú “thỏ” chưa có chuông phải nhanh chóng tìm lấy một chuông để vào. “Thỏ” nào chậm không có chuông, nghĩa là phải đứng ngoài, thì sẽ tiếp tục tìm chuông mới trong lần chơi sau. Trò chơi cứ thế tiếp tục. - Qua một thời gian, đổi những trẻ làm “chuông” thành “thỏ” và ngược lại.

	Lưu ý: - Khi có lệnh, bắt đầu các chú “thỏ” phải rời chuồng cũ để chuẩn bị tìm chuồng mới. - Giáo viên có thể chia trẻ thành các nhóm ba người. Hai trong số ba trẻ nắm tay lại thành một vòng tròn. Mỗi vòng tròn tượng trưng cho một chuồng thỏ. - Trẻ còn lại của mỗi nhóm sẽ làm “thỏ”. Chọn 1 – 2 trẻ đứng ngoài làm “thỏ” không có chuồng. - Trẻ đứng làm chuồng không được gây khó khăn trong lúc “thỏ” đi tìm chuồng.
26.	Trò chơi Lùa vịt về chuồng a. Mục đích: - Trẻ được tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản: trườn, nhảy lò cò. - Phát triển khả năng quan sát ở trẻ, khả năng phối hợp với bạn trong nhóm chơi. b. Chuẩn bị: - Bóng - Ba sọt đựng bóng và ba sọt không có bóng - Phấn để vẽ đường hẹp, các ô trên sàn - Vòng thể dục, gậy c. Cách chơi: - Chia trẻ thành ba nhóm - Cho trẻ xếp thành hàng dọc trước vạch xuất phát. Khi nghe hiệu lệnh của giáo viên, trẻ sẽ trườn sấp trong đường hẹp, đến cuối đường đứng dậy rồi nhảy lò cò qua các ô (vòng thể dục). Sau đó, chạy đến lấy bóng trong sọt đựng bóng, để bóng dưới đất giữa hai chân, vừa chạy vừa lùa bóng sao cho về đến đích, nhặt bóng lên bỏ vào sọt đựng bóng, chạy về xếp vào cuối hàng. Lưu ý: - Trẻ trước chạy đến các vòng thể dục nhảy lò cò thì trẻ sau bắt đầu xuất phát, không chờ hiệu lệnh của giáo viên. - Trẻ chơi liên tục trong vòng 15 phút, không hạn chế số lần chơi của trẻ.

Phụ lục 11
SỐ LƯỢNG CHUYÊN GIA, CBQL VÀ GVMN THAM GIA PHÒNG VẤN

TT	Đơn vị	Số lượng	
		Lựa chọn tiêu chí đánh giá KN	Khảo sát thực trạng
1.	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	10	
2.	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh	20	
3.	Trường MN 19/5, Quận 10	12	31
4.	Trường MN Phường 15A, Quận 10	9	22
5.	Trường MN Măng non II, Quận 10	11	23
6.	Trường MN 26, Quận Bình Thạnh	11	36
7.	Trường MN 3, Quận Bình Thạnh	12	20
8.	Trường MN 7B, Quận Bình Thạnh	11	18
9.	Trường MN Rạng Đông 7, Quận 6	12	32
10.	Trường MN Bông Sen, Quận Tân Phú	10	23
11.	Trường MN Rạng Đông 11, Quận 6	10	30
12.	Trường MN Hiệp Phú, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	10	28
13.	Trường MN Phong Phú, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	12	14
14.	Trường MN Phước Bình, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	10	18
15.	Trường MN Hoa Lan, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	11	18
16.	Trường MN Tuổi Ngọc, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	9	26
17.	Trường MN Hoa Sen, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	9	29
18.	Trường MN Tuổi Hoa, Huyện Nhà Bè	11	26

Phụ lục 12
SỐ LƯỢNG TRẺ THAM GIA NGHIÊN CỨU TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TT	Khu vực	Trường mầm non	Số lượng trẻ	
			Nam	Nữ
Khảo sát thực trạng			205	195
1	Nội thành	Trường MN Phường 6, Quận 10	12	13
2		Trường MN Phường 15A, Quận 10	13	10
3		Trường MN Măng non II, Quận 10	12	11
4		Trường MN 26, Quận Bình Thạnh	12	13
5		Trường MN 3, Quận Bình Thạnh	10	11
6		Trường MN 7B, Quận Bình Thạnh	13	9
7		Trường MN Rạng Đông 7, Quận 6	8	10
8		Trường MN Bông Sen, Quận Tân Phú	13	10
9		Trường MN Rạng Đông 11, Quận 6	9	11
		Tổng cộng	102	98
10	Ngoại thành	Trường MN Hiệp Phú, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	14	11
11		Trường MN Phong Phú, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	17	13
12		Trường MN Phước Bình, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	15	11
13		Trường MN Hoa Lan, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	13	16
14		Trường MN Tuổi Ngọc, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	15	14
15		Trường MN Hoa Sen, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	16	17
16		Trường MN Tuổi Hoa, Huyện Nhà Bè	13	15
		Tổng cộng	103	97
Thực nghiệm			204	196
1	Nội thành	Trường MN Phường 15A, Quận 10	19	18
2		Trường MN Măng non II, Quận 10	21	18
3		Trường MN 26, Quận Bình Thạnh	21	20
4		Trường MN Bông Sen, Quận Tân Phú	21	21
5		Trường MN Rạng Đông 7, Quận 6	21	20
		Tổng cộng	103	97
6	Ngoại thành	Trường MN Tuổi Hoa, Huyện Nhà Bè	19	19
7		Trường MN Hoa Sen, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	20	18

8		Trường MN Tuổi Ngọc, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	20	21
9		Trường MN Hiệp Phú, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	21	21
10		Trường MN Phước Bình, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	21	20
		Tổng cộng	101	99
Đối chứng			206	194
1	Nội thành	Trường MN Phường 15A, Quận 10	20	17
2		Trường MN Măng non II, Quận 10	21	18
3		Trường MN 26, Quận Bình Thạnh	22	20
4		Trường MN Bông Sen, Quận Tân Phú	21	20
5		Trường MN Rạng Đông 7, Quận 6	21	20
		Tổng cộng	105	95
6	Ngoại thành	Trường MN Tuổi Hoa, Huyện Nhà Bè	20	19
7		Trường MN Hoa Sen, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	20	19
8		Trường MN Tuổi Ngọc, Quận Thủ Đức (TP. Thủ Đức)	21	20
9		Trường MN Hiệp Phú, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	19	21
10		Trường MN Phước Bình, Quận 9 (TP. Thủ Đức)	21	20
		Tổng cộng	101	99

Phụ lục 13

GIÁO ÁN HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Vận động cơ bản: Bật xa 40cm

Trò chơi vận động: Cầu thủ bóng rổ

Chủ đề: Nghề nghiệp

Đối tượng: Trẻ 4 – 5 tuổi lớp Chồi

Thời gian: 30 – 35 phút

I. Mục đích, yêu cầu

1. Kiến thức

- Trẻ biết tên vận động bật xa 40cm, bật xa 40cm là chân đứng tự nhiên, đầu gối hơi khụy, đưa tay từ trước ra sau, dùng sức của chân bật mạnh về phía trước.
- Trẻ biết cách chơi và luật chơi và biết vận dụng kỹ năng tay, chân, phản xạ tốt khi chơi trò chơi “Cầu thủ bóng rổ”

2. Kỹ năng

- Trẻ bật xa 40cm đúng kỹ thuật động tác: Chân đứng tự nhiên, đầu gối hơi khụy, đưa tay từ trước ra sau, dùng sức của chân bật mạnh về phía trước, chạm đất nhẹ nhàng bằng 2 chân (từ mũi chân đến cả bàn chân), tay đưa ra trước để giữ thăng bằng.
- Trẻ tập đúng các động tác của bài tập phát triển chung theo hiệu lệnh.
- Trẻ chuyển đội hình tập theo hiệu lệnh của cô
- Củng cố vận động chạy đích dốc cho trẻ, phối hợp kỹ năng vận động bật nhảy. Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo, sức bền cho trẻ khi chơi trò chơi vận động “Cầu thủ bóng rổ”

3. Thái độ

- Trẻ hứng thú tập luyện và chơi trò chơi.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và biết hợp tác, đoàn kết với các bạn trong các hoạt động.
- Thực hiện các yêu cầu của cô giáo.

II. Chuẩn bị

- Sân tập sạch sẽ, bằng phẳng.

1. Địa điểm tổ chức, đội hình dạy trẻ

- Sân tập sạch sẽ, bằng phẳng.
- Đội hình dạy trẻ: Hình tròn, 3 hàng ngang, 2 hàng dọc tùy theo vận động.

2. Xây dựng môi trường học tập:

Sắp xếp bố trí góc vận động đầy đủ đồ dùng, dụng cụ giáo dục thể chất, dễ lấy, cất gọn gàng.

3. Đồ dùng đồ chơi của cô và trẻ.

* Đồ dùng của cô: Trang phục, giày thể thao.

- Rổ đựng bóng, lưới bóng rổ, bóng nhựa hoặc cao su, chướng ngại vật (lon sữa, khối gỗ hoặc nhựa,...), gậy thể dục hoặc phấn vạch.

- Máy tính có bài hát: “chú bộ đội”, “Cháu thương chú bộ đội” để trẻ khởi động và tập bài tập phát triển chung.

* Đồ dùng của trẻ: Bóng nhựa hoặc bóng cao su để chơi trò chơi.

III. Cách tiến hành

Hoạt động của giáo viên	Thời gian	Hoạt động của trẻ
1. Ổn định, tổ chức. * Cho trẻ quan sát hình ảnh chú bộ đội, trò chuyện với trẻ về chú bộ đội: - Các cháu biết đây là ai không ? - Công việc của chú bộ đội như thế nào? - Cho trẻ xem hình ảnh về công việc của các chú bộ đội. - Cháu nào có ước mơ sau này làm chú bộ đội ? - Chúng mình cùng tập làm chú bộ đội nhé!	3-4 phút	- Chú bộ đội. - Rất vất vả - Trẻ trả lời theo ý hiểu.
2. Nội dung chính Hoạt động 1: Khởi động - Cho trẻ đi vòng tròn vừa đi vừa hát theo nhạc bài: “Chú bộ đội” và kết hợp các kiểu đi theo hiệu lệnh: + Đi thường - Đi kiễng gót - Đi thường + Đi bằng gót chân - Đi thường - Đi khom lưng	25–28 phút	- Trẻ khởi động - Trẻ thực hiện các kiểu đi, chạy.

- Vừa rồi các chú bộ đội tí hon đã luyện tập rất giỏi cô thấy chúng ta đủ sức khoẻ để sau này trở thành chú bộ đội rồi đấy! - Bây giờ xin mời các con hãy cùng đến bài tập mang tên “Bật xa 40cm” - Để làm tốt phần thi này các bé hãy chú cô làm mẫu nhé! - Cô làm mẫu lần 1: (Không giải thích) - Lần 2: Cô làm mẫu và giải thích: Cô đi từ đầu hàng đến vạch xuất phát chân đứng tự nhiên khi có hiệu lệnh <i>chuẩn bị</i>, đầu gối hơi khuỵu. Khi có hiệu lệnh “Bật” Cô đưa tay từ trước ra sau, dùng sức của chân bật mạnh qua vạch về phía trước chạm đất nhẹ nhàng bằng 2 chân (từ mũi chân đến cả bàn chân), tay đưa ra trước để giữ thăng bằng. Bật xong, cô đi về cuối hàng. - Cô làm mẫu lần 3 hướng sự chú ý của trẻ vào kĩ thuật bật xa. - Cô mời một trẻ lên thực hiện, trẻ quan sát. Cô sửa sai cho trẻ. - Trẻ thực hiện: - Lần 1: Cô cho lần lượt mời từng trẻ ở từng hàng lên thực hiện vận động mỗi lần 2 trẻ. Cô luôn động viên, khuyến khích, sửa sai kịp thời cho trẻ. - Lần 2: Cho trẻ thực hiện dưới hình thức nhóm tập. - Lần 3: Cho trẻ thực hiện dưới hình thức thi đua theo đội xem ai giỏi nhất. (Thi đua		- Trẻ cất cờ kết hợp chuyển đội hình 2 hàng ngang quay mặt vào nhau. - Trẻ quan sát cô làm mẫu - Trẻ lắng nghe cô phân tích các động tác - Trẻ quan sát. - Trẻ nhận xét bạn tập. - Trẻ thực hiện vận động
---	--	--

2 đội). Đội nào các bạn bật xa nhất là đội đó thắng.

- Cùng cô: Cô hỏi lại trẻ tên bài tập, mời một trẻ khá lên tập, khen ngợi động viên trẻ.

c. Trò chơi vận động “Cầu thủ bóng rổ”

- **Cách chơi – luật chơi:** Chia trẻ thành các nhóm (mỗi nhóm tối đa 5 trẻ).

- Cho trẻ xếp hàng dọc sau vạch xuất phát. Khi nghe hiệu lệnh của cô, trẻ chạy lên bật xa qua 3 đường vạch song song, chạy đến rổ bóng, lấy bóng để dưới 2 chân chạy lừa bóng theo đường lượn vòng dích dắc qua các chướng ngại vật. Sau đó trẻ ôm bóng chạy đến lưới bóng rổ nhảy cao lên ném bóng vào rổ, chạy nhanh về xếp cuối hàng.

** Yêu cầu:*

- Trẻ trước bắt đầu chạy lượn vòng dích dắc thì trẻ sau có thể xuất phát, không chờ hiệu lệnh của cô.

- Trẻ chơi liên tục trong phòng 15 phút, không hạn chế số lần chơi của trẻ.

- Cô tổ chức cho trẻ chơi 1 – 2 lần

- Nhận xét trò chơi.

Hoạt động 3: Hồi tĩnh

- Hôm nay các con đã tập làm chú bộ đội rất giỏi, tập luyện bài tập “Bật xa 40cm” và trò chơi “Cầu thủ bóng rổ” Cô khen tất cả các con.

- Bây giờ các độ chơi hãy cùng cô hít thở sâu đi lại nhẹ nhàng nhé!

- Trẻ lên thực hiện vận động

- Trẻ chơi trò chơi vận động.

3. Kết thúc - Cô nhận xét hoạt động cho trẻ cất đồ dùng, dụng cụ, vệ sinh, rửa tay sạch sẽ. Cho trẻ chuyển hoạt động	2-3 phút	- Trẻ đi lại hít thở nhẹ nhàng nhẹ nhàng
--	-----------------	---

Phụ lục 14

GIÁO ÁN HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI NGOÀI TRỜI

Quan sát: Vườn hoa của bé

Trò chơi vận động: Chân ai khéo hơn

Chơi tự do: Chơi với sỏi, nước; chơi với lá cây; sâu vòng; in màu; xếp nắp chai; đồ chơi ngoài trời; ...

Chủ đề: Thực vật

Đối tượng: Trẻ 4 – 5 tuổi lớp Chồi

Thời gian: 40 - 45 Phút

I. Mục đích, yêu cầu

1. Kiến thức

- Thỏa mãn nhu cầu chơi của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ được hoạt động trong môi trường không khí trong lành, thoáng mát.
- Trẻ biết được một số đặc điểm của cây hoa phong lan: Thân, lá, hoa... biết lợi ích của cây đối với đời sống của trẻ.
- Khơi gợi trí tò mò và lòng ham hiểu biết của trẻ.
- Trẻ biết cách chơi và luật chơi và biết vận dụng kỹ năng tay, chân, phản xạ tốt khi chơi trò chơi “Chân ai khéo hơn”

2. Kỹ năng

- Phát triển vận động, phát triển xúc cảm tình cảm, khả năng cảm thụ cái đẹp, phát triển ngôn ngữ.
- Trẻ có kỹ năng phát triển các năng lực hoạt động nhóm, chơi hợp tác theo nhóm.
- Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo của đôi chân, khả năng định hướng trong không gian.

3. Thái độ:

- Trẻ hứng thú khi tham gia hoạt động ngoài trời
- Trẻ biết đoàn kết, hòa thuận với bạn trong khi chơi
- Biết giữ gìn vệ sinh chung
- Trẻ biết chăm sóc và bảo vệ cây

II. Chuẩn bị

1. Địa điểm

- Khu vui chơi của trường, các đồ chơi, phương tiện cho trẻ chơi các trò chơi phù hợp với nội dung đã lựa chọn.

- Các đồ vật, đồ chơi nhỏ để tạo thành các chướng ngại vật

2. Đối với cô và trẻ

- Trang phục gọn gàng, phù hợp, các khu vực chơi, đồ dùng cho trẻ chơi.

III. Cách tiến hành

Hoạt động của giáo viên	Thời gian	Hoạt động của trẻ
1. Ổn định, tổ chức - Cô tập trung trẻ, kiểm tra sĩ số, sức khỏe của trẻ, trang phục, quần áo, giày dép. (Nếu trẻ nào mệt cô có thể cho trẻ ngồi xem và quan sát các bạn chơi). - Cho trẻ cảm nhận về thời tiết, khí hậu	3-4 phút	- Trẻ điểm danh, trả lời về sức khỏe của bản thân. - Trẻ cảm nhận và nhận xét về thời tiết thực tế của buổi hoạt động.
2. Nội dung chính Hoạt động 1: Quan sát vườn hoa của bé - Các con ơi! Để có một bầu không khí trong lành thì trường của chúng mình cần phải làm gì? - Hôm nay cô và chúng mình sẽ cùng tìm hiểu về một loài hoa rất đặc biệt đấy! Chúng mình hãy cùng đi với cô nào! - Chúng mình có biết đây là cây hoa gì không? - Các con hãy cùng quan sát xem cây hoa phong lan có những đặc điểm gì? - Hoa lan hồ điệp có những màu gì? - Ngoài màu tím và màu trắng hoa lan hồ điệp còn có rất nhiều màu như: màu cam, màu vàng, màu hồng nữa đấy các con ạ!	38-40 phút	- 2-3 trẻ trả lời - Trẻ quan sát và nêu ý kiến - Trẻ nói về đặc điểm của từng loài hoa phong lan: lá, cành, hoa, rễ..... - 2-3 trẻ trả lời (màu trắng, ...)

- Các con có biết cây hoa phong lan này được trồng như thế nào không? - Các con ạ! Cây hoa phong lan thường mọc ở trên những thân cây mục, khi chúng ta lấy về trồng ta có thể chọn mùn cưa cùng với đất cho vào chậu và trồng hoa. - Đố các con biết cây sống được là nhờ vào phần nào của cây? - Rễ cây có nhiệm vụ gì nhỉ? - Vậy chúng ta trồng cây hoa để làm gì? - Ý kiến của các con rất đúng, ngoài ra cô còn biết cây hoa cũng như cây xanh còn làm sạch không khí, làm cho không khí luôn trong lành, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. - Vậy hàng ngày các con đã làm gì để cây lớn lên và tươi tốt? - Khi đi ra sân trường vui chơi, ngắm cảnh chúng mình phải như thế nào? - Cô biết các con ai cũng đều rất yêu quý cây hoa và cây xanh vậy thì chúng mình hãy cùng hát vang bài hát “Em yêu cây xanh” để thể hiện tình yêu của chúng mình nhé! - Trẻ vừa hát vừa đi vòng tròn. Hoạt động 2: Chơi tự do - Hôm nay cô thấy các con học rất ngoan cô đã chuẩn bị rất nhiều đồ chơi các con có muốn chơi không? - Cô cho trẻ đi thăm quan các nhóm chơi.		- 2-3 trẻ nêu ý kiến (thân cây, than củi, ...) - 2-3 trẻ nêu ý kiến (rễ cây) - 2-3 trẻ nêu ý kiến - 2-3 trẻ nêu ý kiến - Trẻ lắng nghe - Phải chăm sóc và bảo vệ cây xanh không được ngắt lá bẻ cành vứt rác đúng nơi quy định - Trẻ nêu ý kiến
--	--	---

- Tập trung trẻ hỏi trẻ con đi tham quan ở các nhóm chơi con thấy những gì? thích chơi ở nhóm nào? Con chơi trò chơi gì? - Đề buổi chơi thành công chúng mình phải chơi như thế nào? => Giáo dục trẻ. - Cô cho trẻ về nhóm chơi theo ý thích của trẻ. (Cô bao quát, đến các nhóm gọi mở, giúp đỡ trẻ làm theo ý tưởng của trẻ) Sau khi trẻ chơi, cô tập trung trẻ, cho trẻ nói lên những sản phẩm mà trẻ đã tạo được trong khi chơi Cô động viên, khen ngợi, tuyên dương trẻ - Khi trẻ chơi cô quan sát, hướng dẫn, theo dõi để đảm bảo an toàn cho trẻ - Cho trẻ chơi các trò chơi theo hứng thú của trẻ - Khi trẻ chơi cô bao quát, theo dõi quá trình chơi, chơi cùng trẻ để đảm bảo an toàn cho trẻ - Gần hết giờ cô đến các nhóm bao quát và nhận xét nhóm chơi của trẻ nhắc nhở trẻ thu dọn, cất đồ chơi chỗ mình vừa tham gia chơi. - Giáo dục trẻ: cất đồ chơi đúng nơi quy định, giữ gìn vệ sinh cá nhân và môi trường <i>Hoạt động 3: Trò chơi vận động “Chân ai khéo hơn”</i> - Cách chơi – luật chơi: + Cô sắp xếp những chướng ngại vật từ dễ đến khó qua các lượt chơi.		- Trẻ đi thăm quan các nhóm chơi cùng cô 3,4 bạn trả lời cô - Chơi đoàn kết, nhẹ nhàng không tranh giành đồ chơi của nhau ạ - Trẻ lắng nghe - Trẻ về nhóm chơi + Nhóm 1: In đồ bằng lá cây, xếp hình ngôi nhà đồ dùng gia đình. + Nhóm 2: Làm con vật tự tạo bằng lá cây, làm vòng. + Nhóm 3: Chơi với sỏi, nước.... + Nhóm 4: Chơi đan tết. + Nhóm 5: Chơi đồ chơi ngoài trời - Trẻ thực hiện chơi tạo các sản phẩm theo ý thích - Trẻ nói lên những sản phẩm mà trẻ đã tạo được trong khi chơi - Trẻ hứng thú tham gia vào trò chơi
---	--	--

+ Trẻ dùng chân đẩy bóng qua các chướng ngại vật theo đường đích dốc rồi tiếp tục dẫn bóng về vị trí xuất phát. + Trẻ về vị trí xuất phát thì trẻ khác tiếp tục lên chơi. Cho tới khi nào hết số lượng trẻ. + Chỉ dùng chân lăn bóng. + Nếu dùng tay hay bộ phận khác sẽ không được chơi tiếp. - Cô tổ chức cho trẻ chơi 1 – 2 lần - Nhận xét trò chơi.		- Trẻ lắng nghe, trả lời và quan sát - Trẻ lắng nghe - Trẻ lắng nghe cô giới thiệu trò chơi - Trẻ tham gia trò chơi
3. Kết thúc - Cô nhận xét hoạt động cho trẻ cất đồ dùng, dụng cụ, vệ sinh, rửa tay sạch sẽ. Cho trẻ chuyển hoạt động	2-3 phút	- Trẻ đi lại hít thở nhẹ nhàng nhẹ nhàng

Phụ lục 15

Kết quả phân tích EFA lần thứ nhất về tính phù hợp của nhân tố

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	.622
Approx. Chi-Square	174.768
Bartlett's Test of Sphericity df	21
Sig.	.000

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	1.794	25.631	25.631	1.794	25.631	25.631	1.789	25.558	25.558
2	1.144	16.344	41.976	1.144	16.344	41.976	1.132	16.176	41.734
3	1.067	15.237	57.213	1.067	15.237	57.213	1.084	15.479	57.213
4	.908	12.974	70.187						
5	.809	11.564	81.751						
6	.731	10.437	92.188						
7	.547	7.812	100.000						

Rotated Component Matrix^a

	Component		
	1	2	3
Chạy nhanh 15m	.766		
Đi thang băng trên ghe the duc	.752		
Bỏ qua 05 công	.622		
Treo 05 bậc thang giống		.778	
Trườn qua 03 công	.471	.499	
Ném bóng xa bằng 2 tay		.319	.777
Bật xa tại chỗ		-.388	.649

Phụ lục 16

Kết quả phân tích EFA lần hai về tính phù hợp của nhân tố

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.593
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	134.101
	df	15
	Sig.	.000

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	1.663	27.722	27.722	1.663	27.722	27.722	1.651	27.521	27.521
2	1.070	17.838	45.560	1.070	17.838	45.560	1.072	17.874	45.395
3	1.047	17.442	63.002	1.047	17.442	63.002	1.056	17.607	63.002
4	.907	15.112	78.114						
5	.752	12.534	90.648						
6	.561	9.352	100.000						

Rotated Component Matrix^a

	Component		
	1	2	3
Chạy nhanh 15m	.812		
Di thang bang tren ghe the duc	.762		
Bo qua 05 cong	.633		
Nem bong xa bang 2 tay		.782	.307
Bat xa tai cho		.670	-.392
Treo 05 bac thang giong			.887

Phụ lục 17

Tổng hợp các tiêu chí đánh giá KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Các KNXH	Tiêu chí	Mã hóa
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	Chào hỏi thầy cô, bạn bè	XH1
2.		Chủ động chia sẻ đồ dùng, đồ chơi với bạn	XH2
3.		Hợp tác với bạn trong hoạt động Trẻ biết hỗ trợ, giúp đỡ nhau để thực hiện hoạt động)	XH3
4.		Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn	XH4
5.		Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè	XH5
6.		Tập trung và duy trì chú ý khi chơi với cô, bạn bè	XH6
7.		Chơi thường xuyên với nhóm bạn	XH7
8.		Làm quen với bạn	XH8
9.		Chủ động giao tiếp với bạn và cô	XH9
10.		Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình	XH10
11.		Tiếp cận có chọn lựa với người khác để khởi xướng sự tương tác	XH11
12.	Kĩ năng tuân theo nội quy	Biết xin phép cô giáo để ra/vào lớp	NQ1
13.		Thực hiện các mệnh lệnh của cô	NQ2
14.		Không tự do di chuyển khỏi chỗ	NQ3
15.		Ngồi đúng vị trí	NQ4
16.		Giơ tay khi muốn trả lời	NQ5
17.		Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	NQ6
18.		Không nói tự do, không gây ồn ào	NQ7
19.		Chơi đúng góc	NQ8
20.		Biết cất đồ chơi sau khi chơi	NQ9
21.		Đi vệ sinh, vứt rác đúng nội quy định	NQ10
22.	Kĩ năng giao tiếp	Lắng nghe ý kiến của người khác	GT1
23.		Nhìn vào đối tượng giao tiếp	GT2
24.		Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp	GT3
25.		Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối	GT4
26.		Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi	GT5
27.		Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp	GT6
28.		Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày	GT7
29.		Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện	GT8
30.		Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	UX1

31.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	Mượn đồ dùng của bạn và biết trả lại	UX2
32.		Làm theo chỉ dẫn	UX3
33.		Chấp nhận lời từ chối	UX4
34.		Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	UX5
35.		Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	UX6
36.		Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	UX7
37.		Kiểm chế được hành vi nóng giận khi gặp một vấn đề mới/sự thay đổi	UX8
38.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	GQ1
39.		Đề nghị sự giúp đỡ của người khác (cô giáo, bạn bè) khi cần thiết	GQ2
40.		Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	GQ3
41.		Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	GQ4
42.		Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	GQ5

Phụ lục 18

Kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha thang đo KNXH của trẻ 4 – 5 tuổi

1. Thang đo đánh giá kĩ năng tương tác xã hội

Lần 1

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.758	11

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
XH1	35.47	27.557	.051	.774
XH2	35.49	27.306	.086	.771
XH3	35.42	27.510	.060	.773
XH4	35.04	22.973	.510	.726
XH5	35.63	22.385	.605	.713
XH6	35.71	21.986	.609	.711
XH7	35.14	23.160	.497	.728
XH8	35.58	22.093	.612	.711
XH9	35.19	25.029	.256	.760
XH10	35.55	22.349	.546	.720
XH11	36.28	22.271	.503	.726

Lần 2

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.854	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
XH4	20.41	18.795	.552	.843
XH5	20.99	18.055	.680	.825
XH6	21.08	17.577	.697	.822
XH7	20.51	18.673	.580	.839
XH8	20.95	18.048	.648	.829
XH10	20.92	18.068	.608	.835
XH11	21.64	17.970	.563	.843

2. Thang đo đánh giá kĩ năng tuân theo nội quy

Lần 1

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.719	10

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
NQ1	32.50	24.412	.067	.757
NQ2	31.53	25.617	.010	.752
NQ3	31.36	21.389	.488	.679
NQ4	31.89	21.455	.472	.681
NQ5	31.93	21.307	.506	.676
NQ6	31.41	22.384	.391	.695
NQ7	31.98	21.301	.557	.670

NQ8	31.35	22.220	.384	.696
NQ9	31.95	21.671	.524	.676
NQ10	32.80	20.570	.533	.669

Lần 2

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.802	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
NQ3	24.57	18.668	.509	.781
NQ4	25.10	18.679	.499	.783
NQ5	25.14	18.553	.532	.777
NQ6	24.62	19.655	.405	.796
NQ7	25.19	18.466	.598	.768
NQ8	24.56	19.212	.434	.792
NQ9	25.16	18.899	.553	.775
NQ10	26.01	17.658	.584	.769

3. Thang đo đánh giá kĩ năng giao tiếp

Lần 1

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.815	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GT1	27.69	20.569	.224	.837
GT2	26.12	16.719	.664	.772
GT3	26.12	17.272	.655	.775
GT4	26.28	18.012	.644	.779
GT5	26.34	16.797	.705	.766
GT6	26.42	19.641	.494	.800
GT7	26.26	17.208	.648	.776
GT8	26.43	20.879	.250	.828

Lần 2

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.860	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GT2	19.77	12.060	.705	.826
GT3	19.77	12.693	.671	.833
GT4	19.93	13.376	.655	.836
GT5	19.98	12.341	.712	.825
GT6	20.06	14.871	.490	.862
GT7	19.91	12.559	.678	.831

4. Thang đo đánh giá kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.788	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
UX1	26.42	15.039	.488	.766
UX2	27.02	15.457	.493	.765
UX3	26.34	15.219	.500	.764
UX4	26.78	16.665	.424	.775
UX5	26.60	15.629	.441	.773
UX6	27.03	15.356	.494	.764
UX7	26.95	15.334	.536	.758
UX8	27.04	14.918	.575	.751

5. Thang đo đánh giá kĩ năng giải quyết vấn đề

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.748	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GQ1	14.89	7.013	.374	.767
GQ2	15.03	6.783	.544	.691
GQ3	14.19	7.102	.599	.676
GQ4	13.56	7.132	.548	.692
GQ5	13.49	7.135	.550	.691

Phụ lục 19

Tổng hợp các tiêu chí đánh giá KNXH sau kiểm định độ tin cậy

TT	Các KNXH	Biến quan sát	Mã hóa
1.	Kĩ năng tương tác xã hội	Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn bè gặp khó khăn	XH4
2.		Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè	XH5
3.		Tập trung và duy trì chú ý khi chơi với cô, bạn bè	XH6
4.		Chơi thường xuyên với nhóm bạn	XH7
5.		Làm quen với bạn	XH8
6.		Chú ý nghe khi cô, bạn nói với mình	XH10
7.		Tiếp cận có chọn lựa với người khác để khởi xướng sự tương tác	XH11
8.	Kĩ năng tuân theo nội quy	Không tự do di chuyển khỏi chỗ	NQ3
9.		Ngồi đúng vị trí	NQ4
10.		Giơ tay khi muốn trả lời	NQ5
11.		Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	NQ6
12.		Không nói tự do, không gây ồn ào	NQ7
13.		Chơi đúng góc	NQ8
14.		Biết cất đồ chơi sau khi chơi	NQ9
15.		Đi vệ sinh, vứt rác đúng nội quy định	NQ10
16.	Kĩ năng giao tiếp	Nhìn vào đối tượng giao tiếp	GT2
17.		Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp	GT3
18.		Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối	GT4
19.		Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi	GT5
20.		Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp	GT6
21.		Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày	GT7
22.	Kĩ năng hành vi và ứng xử xã hội	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	UX1
23.		Mượn đồ dùng của bạn và biết trả lại	UX2
24.		Làm theo chỉ dẫn	UX3
25.		Chấp nhận lời từ chối	UX4
26.		Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	UX5
27.		Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	UX6
28.		Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	UX7
29.		Kiểm chế được hành vi nóng giận khi gặp một vấn đề mới/sự thay đổi	UX8
30.		Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	GQ1

31.	Kĩ năng giải quyết vấn đề	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác (cô giáo, bạn bè) khi cần thiết	GQ2
32.		Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	GQ3
33.		Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	GQ4
34.		Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	GQ5

Phụ lục 20

Kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha thang đo KNXH trực tiếp với khách thể nghiên cứu

1. Thang đo Kỹ năng tương tác xã hội

Lần 1

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.840	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
XH4	23.21	15.005	.677	.805
XH5	23.19	15.355	.681	.804
XH6	23.35	15.844	.672	.806
XH7	23.41	15.291	.691	.802
XH8	23.43	17.775	.546	.827
XH10	23.34	15.339	.677	.805
XH11	23.60	18.957	.236	.867

Lần 2

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.867	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
XH4	19.55	12.820	.683	.842
XH5	19.54	13.136	.689	.841
XH6	19.70	13.580	.683	.842
XH7	19.76	13.116	.693	.840
XH8	19.78	15.303	.574	.861
XH10	19.69	13.129	.683	.842

2. Thang đo Kỹ năng tuân theo nội quy

Lần 1

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.618	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
NQ3	26.24	10.620	.293	.593
NQ4	26.81	10.925	.287	.594
NQ5	26.18	10.891	.262	.602
NQ6	26.63	11.061	.410	.568
NQ7	27.63	10.528	.300	.591
NQ8	26.84	10.808	.331	.581
NQ9	26.16	10.563	.361	.573
NQ10	26.18	10.703	.310	.587

Lần 2**Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
.681	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
NQ6	14.72	7.341	.048	.757
NQ7	15.72	4.786	.534	.583
NQ8	14.93	5.155	.554	.578
NQ9	14.25	5.157	.526	.589
NQ10	14.27	5.059	.519	.591

Lần 3**Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
.757	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
NQ7	11.97	4.260	.543	.708
NQ8	11.17	4.599	.569	.693
NQ9	10.50	4.516	.568	.693
NQ10	10.51	4.481	.541	.707

3. Thang đo Kỹ năng giao tiếp

Lần 1

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.781	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GT2	17.43	10.130	.598	.732
GT3	17.92	9.746	.668	.714
GT4	17.87	9.988	.653	.720
GT5	17.94	9.643	.702	.706
GT6	18.64	8.974	.650	.715
GT7	17.43	13.479	.000	.861

Lần 2

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.861	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GT2	13.42	9.401	.614	.847
GT3	13.91	8.996	.692	.828
GT4	13.86	9.177	.689	.830
GT5	13.92	8.879	.731	.819
GT6	14.62	8.181	.685	.834

4. Thang đo Kỹ năng hành vi và ứng xử xã hội

Lần 1

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.783	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
UX1	26.88	15.245	.654	.728
UX2	26.89	15.324	.673	.726
UX3	27.05	15.940	.663	.730

UX4	27.12	15.444	.669	.727
UX5	27.17	17.943	.493	.761
UX6	27.05	15.612	.655	.730
UX7	27.26	18.776	.256	.794
UX8	27.35	21.425	-.088	.842

Lần 2

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.866	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
UX1	19.56	12.759	.672	.842
UX2	19.56	12.803	.697	.837
UX3	19.72	13.358	.691	.839
UX4	19.79	12.857	.703	.836
UX5	19.84	15.069	.551	.862
UX6	19.72	13.123	.670	.842

5. Thang đo Kỹ năng giải quyết vấn đề

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.837	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
GQ1	12.61	9.032	.668	.797
GQ2	11.94	9.249	.539	.831
GQ3	12.59	8.895	.653	.800
GQ4	13.41	8.232	.675	.794
GQ5	13.46	8.524	.669	.795

Phụ lục 21

Kết quả phân tích nhân tố EFA lần đầu thang đo 26 tiêu chí đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.862
Approx. Chi-Square		4394.308
Bartlett's Test of Sphericity	df	325
	Sig.	.000

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	5.297	20.372	20.372	5.297	20.372	20.372	3.635	13.982	13.982
2	3.626	13.945	34.318	3.626	13.945	34.318	3.511	13.504	27.486
3	3.164	12.171	46.488	3.164	12.171	46.488	3.342	12.854	40.340
4	2.321	8.927	55.416	2.321	8.927	55.416	3.274	12.594	52.934
5	1.713	6.588	62.004	1.713	6.588	62.004	2.358	9.070	62.004
6	.784	3.014	65.017						
7	.757	2.913	67.930						
8	.666	2.563	70.493						
9	.641	2.464	72.958						
10	.588	2.260	75.217						
11	.569	2.189	77.407						
12	.520	1.999	79.405						
13	.479	1.842	81.247						
14	.461	1.772	83.019						
15	.458	1.762	84.782						
16	.453	1.744	86.526						
17	.417	1.602	88.128						
18	.401	1.541	89.668						
19	.392	1.507	91.176						
20	.371	1.426	92.601						
21	.355	1.366	93.968						
22	.343	1.318	95.286						
23	.332	1.277	96.563						
24	.308	1.183	97.746						
25	.306	1.176	98.922						
26	.280	1.078	100.000						

Rotated Component Matrix^a

	Component				
	1	2	3	4	5
UX2	.805				
UX4	.803				
UX3	.794				
UX6	.781				
UX1	.778				
UX5	.678				
XH7		.808			
XH4		.763			
XH5		.760			
XH6		.758			
XH10		.755			
XH8		.572	.519		
GQ4			.799		
GQ1			.785		
GQ3			.784		
GQ5			.779		
GQ2			.674		
GT5				.822	
GT3				.802	
GT4				.794	
GT6				.791	
GT2				.735	
NQ8					.770
NQ9					.766
NQ7					.752
NQ10					.748

Phụ lục 22

Kết quả phân tích nhân tố EFA lần thứ hai thang đo 26 tiêu chí đánh giá KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	.855
Approx. Chi-Square	4108.921
Bartlett's Test of Sphericity df	300
Sig.	.000

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	4.895	19.579	19.579	4.895	19.579	19.579	3.635	14.538	14.538
2	3.609	14.438	34.016	3.609	14.438	34.016	3.268	13.072	27.610
3	3.057	12.226	46.243	3.057	12.226	46.243	3.215	12.858	40.468
4	2.321	9.284	55.527	2.321	9.284	55.527	3.109	12.435	52.903
5	1.701	6.803	62.330	1.701	6.803	62.330	2.357	9.427	62.330
6	.783	3.133	65.463						
7	.756	3.024	68.487						
8	.666	2.664	71.151						
9	.618	2.471	73.622						
10	.587	2.347	75.970						
11	.525	2.100	78.069						
12	.504	2.015	80.084						
13	.477	1.909	81.993						
14	.461	1.843	83.836						
15	.457	1.828	85.663						
16	.421	1.684	87.347						
17	.403	1.612	88.959						
18	.398	1.590	90.549						
19	.387	1.547	92.096						
20	.370	1.478	93.574						
21	.348	1.394	94.968						
22	.332	1.329	96.297						
23	.327	1.309	97.606						
24	.307	1.226	98.832						
25	.292	1.168	100.000						

Rotated Component Matrix^a

	Component				
	1	2	3	4	5
UX2	.806				
UX4	.803				
UX3	.794				
UX6	.781				
UX1	.779				
UX5	.678				
GT5		.821			
GT3		.802			
GT4		.795			
GT6		.790			
GT2		.735			
XH7			.815		
XH4			.777		
XH6			.760		
XH10			.760		
XH5			.751		
GQ4				.806	
GQ5				.789	
GQ1				.788	
GQ3				.782	
GQ2				.672	
NQ8					.771
NQ9					.766
NQ7					.752
NQ10					.748

Phụ lục 23

Kết quả hệ số hồi quy đánh giá chất lượng biến quan sát KNXH cho trẻ 4 – 5 tuổi trong CFA

			Estimate	S.E.	C.R.	P	Label
UX2	<---	Ungxu	1.000				
UX4	<---	Ungxu	1.008	.068	14.769	***	
UX3	<---	Ungxu	.912	.063	14.448	***	
UX6	<---	Ungxu	.941	.067	13.947	***	
UX1	<---	Ungxu	1.014	.072	14.141	***	
UX5	<---	Ungxu	.584	.051	11.368	***	
GT5	<---	Giaotiep	1.000				
GT3	<---	Giaotiep	.956	.061	15.554	***	
GT4	<---	Giaotiep	.916	.059	15.494	***	
GT6	<---	Giaotiep	1.133	.074	15.398	***	
GT2	<---	Giaotiep	.835	.062	13.502	***	
XH7	<---	Xahoi	1.000				
XH4	<---	Xahoi	1.089	.074	14.677	***	
XH6	<---	Xahoi	.915	.065	14.110	***	
XH10	<---	Xahoi	1.004	.070	14.273	***	
XH5	<---	Xahoi	.964	.070	13.802	***	
GQ4	<---	Giaiquyet	1.000				
GQ5	<---	Giaiquyet	.925	.067	13.859	***	
GQ1	<---	Giaiquyet	.834	.060	14.014	***	
GQ3	<---	Giaiquyet	.854	.062	13.695	***	
GQ2	<---	Giaiquyet	.723	.065	11.095	***	
NQ8	<---	Noiquy	1.000				
NQ9	<---	Noiquy	1.041	.103	10.076	***	
NQ7	<---	Noiquy	1.099	.112	9.772	***	
NQ10	<---	Noiquy	1.025	.105	9.774	***	

Phụ lục 24

**Kết quả hệ số hồi quy chuẩn hóa đánh giá chất lượng biến quan sát KNXH cho
trẻ 4 – 5 tuổi trong CFA**

	Estimate
UX2 <--- Ungxu	.750
UX4 <--- Ungxu	.768
UX3 <--- Ungxu	.751
UX6 <--- Ungxu	.726
UX1 <--- Ungxu	.736
UX5 <--- Ungxu	.596
GT5 <--- Giaotiep	.802
GT3 <--- Giaotiep	.758
GT4 <--- Giaotiep	.755
GT6 <--- Giaotiep	.751
GT2 <--- Giaotiep	.670
XH7 <--- Xahoi	.749
XH4 <--- Xahoi	.768
XH6 <--- Xahoi	.738
XH10 <--- Xahoi	.747
XH5 <--- Xahoi	.722
GQ4 <--- Giaiquest	.757
GQ5 <--- Giaiquest	.740
GQ1 <--- Giaiquest	.749
GQ3 <--- Giaiquest	.731
GQ2 <--- Giaiquest	.593
NQ8 <--- Noiquy	.677
NQ9 <--- Noiquy	.684
NQ7 <--- Noiquy	.646
NQ10 <--- Noiquy	.647

Phụ lục 25

Tổng hợp các TCVD nhằm phát triển KNVĐCB và KNXH cho trẻ mầm non 4 – 5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tên trò chơi	TT	Tên trò chơi
1.	Tặng quà	2.	Chạy tiếp cờ
3.	Chạy cùng bóng lăn	4.	Thỏ tìm chuồng
5.	Chú bộ đội hành quân	6.	Lùa vịt về chuồng
7.	Vận chuyển dưa hấu	8.	Rửa tay
9.	Chú thỏ tinh khôn	10.	Xếp cái giường
11.	Tìm mùa theo lá cây	12.	Mèo đuổi chuột
13.	Tìm kho báu	14.	Bắt cá
15.	Phi ngựa	16.	Thỏ Cóc thi tài
17.	Bóng tìm bạn	18.	Đồng đội
19.	Ai làm nổ bóng nhiều hơn	20.	Vượt Trường Sơn
21.	Vượt chướng ngại vật	22.	Rắn bò
23.	Chân ai khéo hơn	24.	Bắt cua
25.	Làm xiếc đi trên dây	26.	Bé là vận động viên
27.	Cướp cờ	28.	Đập niêu
29.	Ai bật nhanh hơn	30.	Rồng rắn lên mây
31.	Quả bóng tìm bạn	32.	Chạy theo đèn tín hiệu giao thông
33.	Chú chuột tinh nhanh	34.	Tìm bạn thân
35.	Vòng tròn thông minh	36.	Sáo Sậu sang sông
37.	Ai đập bắt bóng giỏi hơn	38.	Chim Sẻ và thợ săn
39.	Tìm hạt dẻ	40.	Chú ong chăm chỉ
41.	Các chú lính cứu hỏa dũng cảm	42.	Nhanh lên bạn ơi
43.	Ếch nhảy qua ao	44.	Cầu thủ bóng rổ
45.	Nhảy ô tiếp sức	46.	Gắp hạt bỏ giỏ
47.	Gấu con hái quả	48.	Chuyền bóng qua đầu
49.	Về đúng nhà	50.	Thỏ con nghe lời mẹ

Phụ lục 26**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 - 2023****LỚP MẪU GIÁO 4-5 TUỔI**

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động		
MT1	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	Hoạt động học: - VĐCB: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m + TCVD: Bong bóng xà phòng - VĐCB: Đi thăng bằng trên ghế thể dục + TCVD: Lộn cầu vòng (Kéo cưa lừa sẻ)
MT2	Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	- VĐCB: Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn + TCVD: Chuyển bóng qua đầu qua chân - VĐCB: Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn (đổi hướng ít nhất 3 lần) + TCVD: Bắt bóng.
MT3	Tung bắt bóng với người đối diện (cô, bạn): bắt được 3 lần liên tiếp không rơi bóng (khoảng cách 3m) - Ném trúng đích đứng (xa 1,2m-cao 1,5m) - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Đi, đập và bắt bóng được bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- VĐCB: Đi bằng gót chân + TCVD: Lộn cầu vòng - VĐCB: Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt zíc zắc). + TCVD: Bong bóng xà phòng - VĐCB: Ném trúng đích nằm ngang + TCVD: Đá bóng - VĐCB: Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + TCVD: Đập và bắt bóng

MT4	Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Bò trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35-40cm - Bật-nhảy từ trên cao xuống (cao 30- 35cm) - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15cm - Nhảy lò cò 3m.	- VĐCB: Ném xa bằng 1 tay + TCVĐ: Đuổi bóng - VĐCB: Tung bắt bóng với người đối diện khoảng cách 3m + TCVĐ: Nhảy bao bố - VĐCB: Chuyển bóng qua đầu qua chân + TCVĐ: Chuyển quả - VĐCB: Tung bóng lên cao và bắt bóng - VĐCB: Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng hai tay + TCVĐ: Nu na nu nống - VĐCB: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. + TCVĐ: Đá bóng vào gôn - VĐCB: Bò bằng bàn tay bàn chân 3- 4m. + TCVĐ: Tung bóng - VĐCB: + Bò đích dắc qua 5 điểm cách nhau 2m - VĐCB: Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + TCVĐ: Lăn bóng - VĐCB: Bò thấp chui qua ống dài + TCVĐ: Tung bóng - VĐCB: Bò trong đường ngoằn ngoèo (3m -4m) + TCVĐ: Đập bóng theo hiệu lệnh - VĐCB: Chạy theo bóng và bắt bóng. + TCVĐ: đá bóng vào gôn - VĐCB: Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35cm). + TCVĐ: Lộn cầu vồng - VĐCB: Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + TCVĐ: Tung bóng - VĐCB: Trườn theo hướng thẳng + TCVĐ: Ném bowling - VĐCB: Trèo lên xuống 5 giống thang + TCVĐ: Ai nhanh hơn - VĐCB: Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm + TCVĐ: Chuyển bóng qua đầu qua chân - VĐCB: Nhảy lò cò 3m + TCVĐ: Kéo co
-----	--	---

Phụ lục 28

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tập huấn, bồi dưỡng hướng dẫn thực hiện chương trình thực nghiệm “Ứng dụng trò chơi vận động phát triển kỹ năng cho trẻ mầm non 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh”

Thực hiện Kế hoạch nghiên cứu luận án tiến sĩ giáo dục học “Nghiên cứu ứng dụng trò chơi vận động phát triển kỹ năng cho trẻ mầm non 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh;

Đề tài nghiên cứu tiến hành xây dựng kế hoạch Tập huấn, bồi dưỡng hướng dẫn thực hiện chương trình thực nghiệm 26 trò chơi vận động phát triển kỹ năng vận động cơ bản và kỹ năng xã hội cho trẻ 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường năng lực cho GVMN trong việc tổ chức thực hiện chương trình thực nghiệm các trò chơi vận động.
- Tập huấn, bồi dưỡng GVMN ứng dụng trò chơi vận động lồng ghép vào hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động vui chơi ngoài trời.

2. Yêu cầu:

Công tác tổ chức bồi dưỡng, tập huấn bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả, thiết thực, phù hợp với đội ngũ giáo viên, được cung cấp đầy đủ các thông tin, nội dung, kiến thức phục vụ cho công tác tổ chức thực nghiệm tại đơn vị.

II. NỘI DUNG.

- Những kiến thức cơ bản về trò chơi vận động phát triển KNVĐCB và KNXH.
- Thống nhất quan điểm mục tiêu, nội dung chương trình, tiến trình thực nghiệm.
- Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình thực nghiệm lồng ghép vào kế hoạch dạy học hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động vui chơi ngoài trời.
- Hướng dẫn quan sát, sử dụng công cụ đánh giá KNVĐCB và KNXH.

III. CHUẨN BỊ

** Đối với báo cáo viên*

- Máy chiếu;
- Máy tính;

** Đối với giáo viên mầm non*

- Tài liệu tuyển tập 26 trò chơi vận động;
- Chương trình thực nghiệm;
- Phương tiện hỗ trợ khác.

IV. PHƯƠNG THỨC TIẾN HÀNH

1. Thời gian:

- 02 ngày: Từ ngày 21-22/8/2022;

+ Buổi sáng từ: 08g00 – 11g30;

+ Buổi chiều từ: 14g00-16g30.

2. Thành phần:

- 100% GVMN lớp mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi) các trường: Trường Mầm non Phường 15A – Quận 10; Mầm non Măng non II – Quận 10; Mầm non 26 – Quận Bình Thạnh; Mầm non Bông Sen – Quận Tân Phú; Mầm non Tuổi Hoa – Nhà Bè; Mầm non Rạng Đông 7 – Quận 6; Mầm non Phước Bình – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Hoa Sen – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Tuổi Ngọc – Quận Thủ Đức (Thành phố Thủ Đức); Mầm non Hiệp Phú – Quận 9 (Thành phố Thủ Đức).

3. Địa điểm:

- Hội trường E6, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, 182 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Báo cáo viên: ThS. NCS. Trần Văn Hạnh

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu các trường Mầm non

- Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên mầm non tham gia bồi dưỡng đạt kết quả, đảm bảo nội dung, thời gian quy định.

- Thông báo lịch bồi dưỡng tới 100% giáo viên mầm non của đơn vị.

2. Giáo viên mầm non tham gia tập huấn

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

- Thực hiện nội quy, quy định lớp tập huấn.

VI. KINH PHÍ

- Chi theo dự trù kinh phí thực hiện đề tài luận án.

Trên đây là kế hoạch Tập huấn, bồi dưỡng hướng dẫn thực hiện chương trình thực nghiệm “Ứng dụng trò chơi vận động phát triển kỹ năng cho trẻ mầm non 4-5 tuổi ở Thành phố Hồ Chí Minh”./.

Phụ lục 29

DANH SÁCH NHÀ KHOA HỌC, CHUYÊN GIA

TT	Họ và tên	Đơn vị
1	TS. Lê Hải	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
2	TS. Phan Thị Thu Hiền	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
3	TS. Nguyễn Thị Hằng Nga	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
4	ThS. Phạm Hoài Thảo Ngân	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
5	ThS. Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
6	ThS. Trần Thị Thanh Tuyền	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
7	ThS. Ân Thị Hảo	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
8	ThS. Mai Lê Quế Anh	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
9	ThS. Đỗ Chiêu Hạnh	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
10	ThS. Hoàng Thị Phương	Khoa GDMN, Trường ĐHSP TP.HCM
11	ThS. Hồ Thị Tường Vân	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
12	TS. Phạm Thu Hương	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
13	ThS. Vù Thị Lụa	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
14	ThS. Phan Thị Minh Hà	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
15	ThS. Trương Thị Mỹ Chi	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
16	ThS. Nguyễn Thị Phương Anh	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
17	ThS. Phạm Thảo Thùy Trân	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
18	ThS. Nguyễn Thị Yến Linh	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
19	ThS. Phạm Thị Nguyên Chi	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
20	ThS. Nguyễn Thị Thanh Trúc	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
21	ThS. Hứa Thị Lan Anh	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
22	ThS. Hoàng Thị Thu Thảo	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
23	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
24	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hà	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
25	ThS. Mạc Thùy Linh	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
26	ThS. Huỳnh Sương	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
27	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
28	ThS. Nguyễn Như Trúc	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
29	ThS. Vương Thị Cẩm Vân	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM
30	ThS. Ngô Võ Linh Nguyễn	Khoa GDMN, Trường CĐSPTW TP.HCM

MỘT SỐ HÌNH ẢNH THỰC NGHIỆM







